NĂM THỨ MƯỜI BA • # 151 • NOVEMBER 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

MÙA THU TRONG ĐƯỜNG THI
LÊ ĐÌNH THÔNG

ĐỨA CON TRẦN MỘNG TÚ

ĐÁNH TRẢ KHỦNG BỐ

NHƯ Ý CÁ 8 MÓN

Trước ở: Edinger & Goldenwest

Nay dời về: 10830 Warner Ave., Fountain Valley, CA 92708

(giữa Ward & Euclid) đối diện Mile Square Park

Web: www.nhuycorp.com

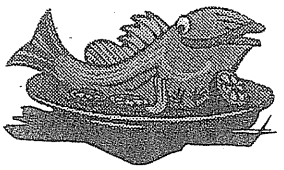

(714) 963-1700

BEER & WINE BAR RƯỢU

ĐẶC BIỆT: CÁ 8 MÓN

CÁ ĐỨT LÒ, HẢI SÂM CƠM CHÁY: NGON ĐỘC ĐÁO

- Gỏi Cá
- Cá Chiên Dòn Sốt Mắm Me
- Gỏi Cuốn Cá
- Chả Giò Cá
- Cá Mỡ Chài
- Cá Lá Lốt
- Cá Nướng Vĩ
- Cháo Cá

ĐẶC BIỆT: BÁNH KHỌT, BÁNH XÈO HỦ TÍU NAM VANG BÁNH MÌ XÍU MẠI CUA

MỘT PHẦN 1 NGƯỜI $12.99

MỜI TĂNG CƯỜNG LỒ BÁNH CUỐN NÓNG TRANG TAY TẠI CHỖ
30% DISCOUNT
10:30AM - 5PM mỗi ngày
Discount giá trị từ 8/18/01 đến 9/30/01

NHẬN ĐẶT TIỆC:
- HỌP MẶT
- SINH NHẬT v.v...

Ngoài ra nhà hàng còn có trên 100 món khác: Các loại bún, các loại phở, các loại cơm và cơm tấm, các loại lẩu như lẩu Thái, Lẩu lươn, Lẩu tôm càng...

Các món nhậu độc đáo như:
- *Ngầu Pín tiềm thuốc Bắc*
- *Dê tiềm thuốc Bắc*
- *Lươn xào lăn*
- *Nghêu bằm xúc bánh tráng.*

HAPPY HOUR
Bia nội: $1.50 / chai
Bia ngoại: $2.00 / chai
10 AM - 5 PM
từ Thứ Hai tới thứ Năm

Nhà hàng sang trọng, lịch sự, nằm trên một ngọn đồi cỏ, nhìn qua Mile Square Park rất thơ mộng và tình tứ.

Có nhạc sống mỗi ngày từ 7 giờ chiều đến 12 giờ đêm

Mở cửa 7 ngày: từ 10 AM - 12 GIỜ ĐÊM

NHẬN MỞ CHI NHÁNH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC MỸ
Liên lạc Bà NHƯ Ý

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***

- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*

- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

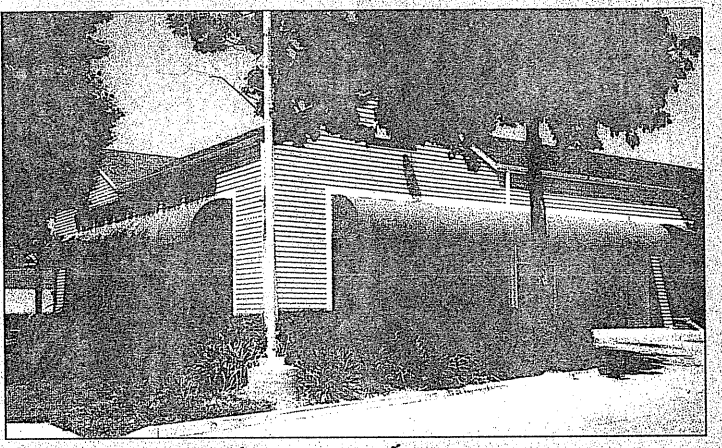

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẦU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

trung tâm Hoàng Nam Records xin hân hạnh giới thiệu

CD mới phát hành

"Chiều Nhớ Thương Ai"

những tác phẩm CD đã phát hành

"Yêu Một Chiều Nắng Phai"

Hoàng Nam Records, Inc.

P.O. Box 384
Westminster, CA 92684
Tel: (714) 744-4328
Email: fanclub@hoangnam.com

Quý vị có thể mua CD trên website

www.hoangnam.com

Thúy Nga TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

MỘT CHƯƠNG TRÌNH VIDEO CA, VŨ, NHẠC, KỊCH HÀI HƯỚC
MANG LẠI CHO CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM NHỮNG NỤ CƯỜI THOẢI MÁI,
LÀM DỊU CUỘC SỐNG ĐANG CĂNG THẲNG, QUA NHỮNG CHUYỆN VUI
DO NGUYỄN NGỌC NGẠN VÀ NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN GÓP NHẶT
VÀ CÁC CA SĨ DUYÊN DÁNG DIỄN TẢ

VIDEO Paris by Night 61

SÂN KHẤU CUỘC ĐỜI

PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU THÁNG 11 - 2001

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt của:

KHÁNH HÀ - NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM - BẢO HÂN
LƯU BÍCH - PHI NHUNG - LOAN CHÂU
PHƯƠNG DIỄM HẠNH - HOÀNG LAN - TRÚC LINH
TRÚC LAM - LYNDA TRANG ĐÀI - PHƯƠNG NGUYÊN
CHÂU NGỌC - NGỌC ÁNH
NGUYỄN HƯNG - TRƯỜNG VŨ - MẠNH ĐÌNH
LAY MINH - DON HỒ - MẠNH QUỲNH - THẾ SƠN
TOMMY NGÔ - LƯƠNG TÙNG QUANG
PHẠM KHẢI TUẤN - TRẦN THÁI HÒA

Hai vở hài kịch đặc sắc: CÕI GIANG HỒ & TÁI NGỘ TUYỆT TÌNH CỐC
do Nhóm Kịch Thúy Nga trình diễn gồm:
Trang Thanh Lan, Chí Tài, Kiều Linh, Quang Minh, Hồng Đào, Loan Châu, Bé Mập,
Nguyễn Thành, Quốc Tuấn, Hoàng Lê, Lê Quang, Nguyễn Hải, Andy Vũ, Amy Vũ.

Trọn bộ 3 cuốn giá $30 luôn cước phí.

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Thế Kỷ 21 GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT 30% Từ 16/9/2001-16/12/2001 *(Theo dấu Bưu Điện)*

PHIẾU MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Để tặng bạn bè, thân hữu

*** Để Đặt Mua Báo dài Hạn *(Độc Giả Mới)***
.Để Gia Hạn Mua báo Theo Giá Đặc Biệt *(Độc Giả Cũ)*
***** Không áp dụng giá biểu đặc biệt này cho số tiền đã trả trước đây.***

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )*..... *Sở Làm:( )*.....

Đặt mua THẾ KỶ 21 THEO GIÁ cổ động: ***(Xin vui lòng dùng mẫu này để được giảm giá)***

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	Tên Quốc Gia
-30%	US$ 18.00	US$23.00	US$ 35.00	US$48.00	US$ 63.00	US$84.00	Hoa Kỳ-Canada
GiáThường	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	
-30%		US$34.00	US$	US$63.00		US$119.00	*Pháp, Đức, Bỉ, Hoà Lan Anh, Ý. Và Tây Âu.*
GiáThường		*US$48.00*	*US$*	*US$90.00*		*US$170.00*	
-30%		US$25.00	US$	US$46.00		US$79.00	Nga, Tiệp Khắc, Ba Lan, Hungari, Bulgari...
GiáThường		*US$35.00*	*US$*	*US$65.00*		*US$112.00*	
-30%		US$39.00	US$	US$74.00		US$137.00	*Úc,Nhật,Singapore,Việt Nam, Thailan, Hồng Kông Đài Loan, Nam Hàn*
GiáThường		*US$55.00*	*US$*	*US$106.00*		*US$196.00*	

Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu, thẻ tín dụng để mua báo Thế Kỷ 21 theo ba cách:

. BƯU ĐIỆN: Chi phiếu, ngân phiếu (money order) **xin ghi trả cho Thế Kỷ 21** và gửi về địa chỉ sau:

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA.92840. USA.

Liên lạc Ban trị sự: Phone: (714) 534-9432 (12am-7pm PCT) Fax=714-534-9433 (24/24)

. ĐIỆN THƯ:Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu này và FAX về số (714) 534-9433.

. ĐIỆN THOẠI: Gọi Điện Thoại số (714) 839 - 8746 để cung cấp đầy đủ chi tiết ghi trong phiếu.

Họ Tên Người Mua /trả tiền (nếu để tặng hay mua giùm) .. ..

Địa Chỉ:.....Thành Phố:..... Tỉnh..... Zip:.....

Quốc Gia:.....Điện Thoại: *Nhà:( )*..... *Sở Làm:( )*.....

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

TÙY BÚT, TẠP BÚT & THẦN THOẠI HY LẠP

của BÙI GIÁNG

Một tác phẩm mà độc giả người Việt hải ngoại chưa từng đọc

Tình yêu ngang trái, tình yêu bị chế nhạo, thiên cổ lụy của tài tình cô độc, của hào hoa, đó là bao nhiêu ý nghĩa đoạn trường - hoặc thơ mộng của những tùy bút, tạp bút và thần thoại trong tập sách với giọng văn đong đầy chất thơ của một thi sĩ từng làm hao tốn rất nhiều giấy mực của người đời nay.

Sách đang in và có thể đặt mua từ 01/09/2001 tại:

Mưa Nguồn (Chi phiếu trả cho Vinh Bùi)
8171 E. Marblehead Way
Anaheim, CA 92808
Điện thoại: (714) 281-2934
200 trang. Giá 10 Mỹ kim

Kính thưa quý độc giả thân mến của Bùi Giáng,

Xin đề nghị quý độc giả nên đặt mua nhiều hơn là một cuốn để tặng thân nhân hoặc bạn bè. Chúng tôi xin mạo muội thưa rằng: quý độc giả sẽ không hối tiếc về việc làm có ý nghĩa này. Sách thích hợp với mọi người, trong mọi tôn giáo, mọi lứa tuổi. Với một số câu chuyện thần thoại, sách cũng thích hợp với cả trẻ con nữa.

Xin trân trọng đa tạ.

Nhà Xuất Bản

Mùa Giáng Sinh và Năm Mới đang tới

Hãy tặng nhau:

TÌNH KHÚC TỪ CÔNG PHỤNG

TRÊN NGỌN TÌNH SẦU

GIỮ ĐỜI CHO NHAU

MỘT GÓC TRỜI PHÔI PHA

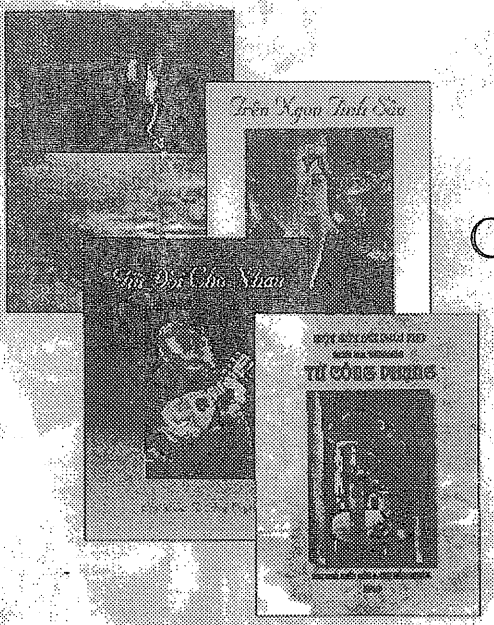

Mọi chi tiết xin liên lạc:

3145 SE. Hawthorne Blvd.
Portland, OR 97214 - USA.
Tel. 503-239-4857

Sau hai năm thu thập, tuyển chọn, sắp xếp, đã in xong:

TUYỂN TẬP LÊ ĐÌNH ĐIỂU

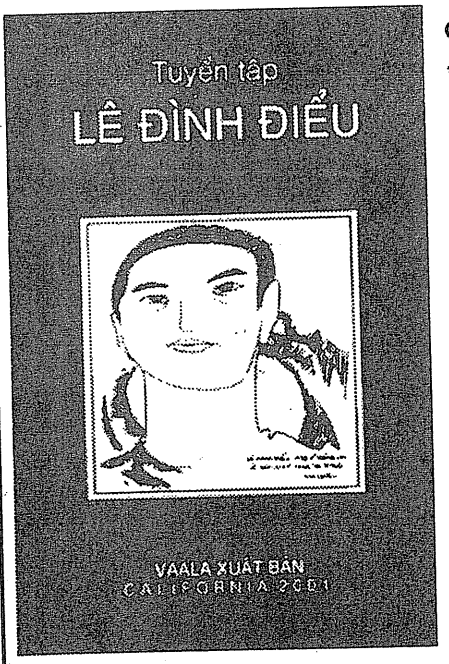

Gồm:

* Thơ Y Dịch (bút hiệu của Lê Đình Điểu)
  Tuyển chọn các bài viết trong suốt cuộc đời làm báo của ông
* Viết về Lê Đình Điểu:
  Lê Tất Điều, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Bùi Bích Hà, Nhã Ca, Trần Mộng Tú, Thụy Khuê, Vũ Ánh, Phạm Đức Khoan, Thụy Lữ, Phạm Phú Minh, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Trọng Thụy, Y-Sa...
* *Bìa:* tranh Mai Chửng, Trịnh Cung trình bày
* *Bốn phụ bản màu* với các họa phẩm của Thái Tuấn, Hồ Hữu Thủ, Đỗ Quang Em và Trịnh Cung
  Nhạc phẩm của Vũ Thành An, Phạm Anh Dũng, Thụy Lữ, Diễm Ly
* Hình ảnh kỷ niệm

Sách dày gần 500 trang, giá $25, phát hành vào trung tuần tháng 11 năm 2001.

Liên lạc:
cô Phan Mỹ Sương
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove, CA 92840
USA
Tel: (714) 537-7686

Ra mắt vào lúc 3 giờ chiều ngày 17 tháng 11, 2001 tại phòng Sinh Hoạt báo Người Việt.
Tiền bán sách sẽ sung vào quỹ VAALA để hỗ trợ các hoạt động văn học nghệ thuật.

PHIẾU ĐẶT MUA "TUYỂN TẬP LÊ ĐÌNH ĐIỂU"

Yêu cầu gửi cho tôi: .....cuốn với giá US $25.00 một cuốn.
Cước phí: US $3.00 cho mỗi cuốn (trong nước Mỹ); US $7.00 cho mỗi cuốn (ngoài nước Mỹ).
Tôi gửi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền: US $ .....
Chi/lệnh phiếu USD đề VAALA và gửi về Hội: VAALA, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92840.

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....
Fax: .....
E-mail: .....

Toàn bộ số tiền bán sách, sau khi trừ chi phí, sẽ được sung vào quỹ của VAALA cho các sinh hoạt văn học nghệ thuật.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

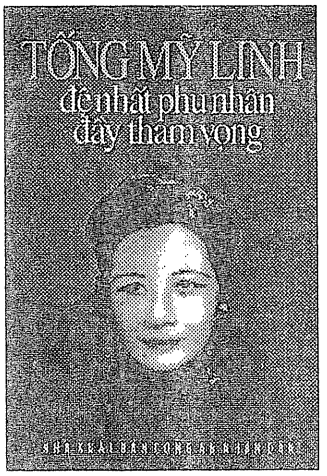

TỐNG MỸ LINH
ĐỆ NHẤT PHU NHÂN
ĐẦY THAM VỌNG
(Mật Sử Tống Mỹ Linh)
LƯU TIÊN BÌNH chủ biên
ĐINH VĂN CƠ dịch
Giá 12 mỹ kim

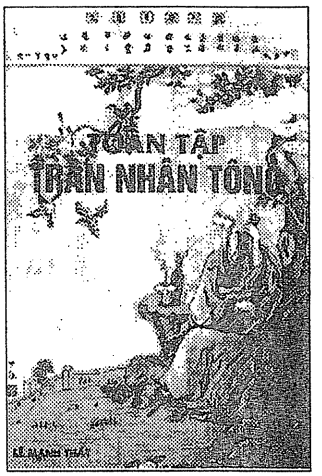

TOÀN TẬP
TRẦN NHÂN TÔNG
LÊ MẠNH THÁT
Nghiên cứu đầy đủ nhất
về vua Trần Nhân Tông
trên các phương diện chính trị,
quân sự, tư tưởng...với phần nguyên bản
chữ hán Thơ, Phú, Ngữ lục, Văn xuôi,
Văn thư ngoại giao. **Giá 18 mỹ kim**

SUỐI NGUỒN TƯƠI TRẺ
(The Fountain of Youth)
PETER KELDER
LÊ THÀNH dịch
Năm thức tập đơn giản của
Tây Tạng sẽ mãi mãi
làm thay đổi đời sống của bạn
Giá 7 mỹ kim

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

- Hiệp Kỷ Biện Phương Thư (Mai Cốc Khánh) 2 tập $45
  Sách nói lên thực chất của thuật trạch cát, không đến nỗi quá tin mà thành mê tín dị đoan
- Kinh Dịch Diễn Giải (Trần Trọng Sâm) 2 tập $28
  Khảo cứu về đạo lý mưu cầu tồn tại và phát triển
- Tiếu Lâm Trung Quốc (Lê Văn Đình tuyển dịch) , 2 tập $16
- Gia Cát Khổng Minh Dự Đoán (Bùi Hạnh Cẩn dịch) $12
  Dự trắc học phương Đông mang giá trị thực tiễn và ý nghĩa triết học không thể phủ nhận.
  Đề tài quan tâm của nhiều thế hệ xưa và nay
- Trạch Cát Thần Bí (Lưu Đạo Siêu) $14
- Quyền Mưu Thần Bí (Triệu Quốc Hoa) $14
- Bí Ẩn Của Phong Thủy (Vương Ngọc Đức) $15
- Văn Xuôi Lãng Mạn Việt Nam (1930 45) 2 tập $59
- Tuyển Tập Vũ Bằng (3 tập, 3450 trang) $69
- Tìm Hiểu Đạo Phật (chơn Thiện dịch) $10
- Tam Quốc Bình Giảng (Nguyễn Trí Quang) 2 tập $20- -
- Bí Ẩn Giấc Mơ (Pierre Real & De Caliostro, Lê Hoàng phân tích và giải mã giấc mơ $11
- Chiến Sử Quân Lực VNCH (Phạm Phong Dinh) $20
  Dựng lại thiên anh hùng ca và bức tranh chiến đấu hoành tráng, vinh danh quân lực VNCH
- Thông Thơ Đồ Hình (Hà Tấn Phát) $7
  Sách coi tuổi nam nữ hòa hợp hay khắc kỵ
- Việt Nam và Chiến Lược Domino 1940- 2000 (Bạch Long) $28
- Thăng Long Tình Qua Sử Việt (Hoàng Hữu Quỳnh) $20

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com * WWW.TULUC.NET

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoằng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: *Suối thu* của Tôn Nữ Thu Nga
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thá i Hò a, Đinh Cườ ng, Etcetera
Hí họa: Babui, Etcetera
Ảnh: Anh Thành, tư liệu

MỤC LỤC

Số 151 . Tháng Mười Một 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ
13 New York, New York một tháng sau - **Ngô Nhân Dụng**
17 Bao giờ nên đầu tư? - TS. **Phạm Đỗ Chí**
20 Chiến dịch Enduring Freedom ở Afghanistan - **Hà Tường Cát**
25 Các hình thái khủng bố sinh hóa - **St Tuấn**
27 Dư luận báo chí thế giới về vụ khủng bố 9.11 - **NPBT sưu tầm và dịch thuật**

NHÂN VẬT
31 Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, quân nhân thành chính khách - **Vũ Thụy Hoàng**
35 Giải Nobel Sinh lý / Y học năm 2001 - **Nguyễn Văn Tuấn**
40 Giải Nobel Văn chương - **Nguyễn Hùng Vũ**

LỊCH SỬ - VĂN HÓA
42 Tìm hiểu sơ lược đạo Hồi Islam - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
65 Mùa thu trong Đường thi - **Lê Đình Thông**
72 Tại sao vụ án 1960 - **Trần Gia Phụng**
87 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**
91 Cội nguồn bất an: khủng bố hay xung đột văn hóa - **Nguyễn Duy Khiêm**
95 Sự thật trong vụ Pháp giúp Nguyễn Ánh - **Võ Thu Tịnh**

ĐỌC SÁCH
109 Án tích Cộng sản Việt Nam của Trần Gia Phụng - **Nguyễn Phi Khanh**
113 Cái tâm trong thơ thiền tính Du Tử Lê - **Nguyên Khôi**

VĂN
70 Đứa con - **Trần Mộng Tú**
79 Chuyến đi không hẹn - **Song Thao**
84 Chị - **Lê Đại Lãng**
101 Ta là ai? Ta là mi! - **Khổng-Có-Chi**

THƠ
67. Chuyện tình - **Chu Vương Miện. 81.** Nghe mưa - **Luân Hoán. 86.** Mười một tháng Chín - **Khánh Hà. 93.** Dĩ vãng - **Mạc Phương Đình. 105.** Tắm đạn ở quán Văn - **Hoàng Xuân Sơn. 111.** Tỉnh mộng - **Phan Xuân Sinh. 114.** Tháng Mười hoa cúc - **Trần Mộng Tú**

MỤC THƯỜNG LỆ
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
12 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
46 Sổ tay
52 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Bình Trọng**
115 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Trần Quán Niệm, Thủy Tiên**
119 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

Hai lần Phật ngồi giữa, một lần Phật ngồi bên

Trên tờ San Francisco Chronicle, Chủ nhật 10-14-01, trang B5, ký giả Don Lattin trong bài "*Buddhist teachers with Berkeley ties counsel pacifism*" nhân nói về chuyện phản chiến thời 1960 và bây giờ ở Berkeley và hai cuốn sách mới ra của Pema Chodron (*The Places That Scare You: A Guide to Fearlessness in Difficult Times*) và của TT Nhất Hạnh (Anger: *Wisdom for Cooling the Flames*), ký giả Don Lattin đã đặt câu hỏi : vậy thì Phật tử làm gì đối với cuộc chiến chống khủng bố ở Afghanistan (*what should Buddhists do about the war in Afghanistan*?), và tự tìm câu trả lời (*clue*) qua sự tích Đức Phật đối với chiến tranh: Bộ tộc của chính Đức Phật từng bị xâm lăng ba lần thời Ngài tại thế, hai lần đầu Đức Phật ngồi giữa chiến trường, hai phe lâm trận khâm phục và giảng hòa. Lần thứ ba, biết chiến tranh không thể tránh được, Ngài ngồi sang một bên, nhìn chúng sinh thương xót. (...*The first two times, the story goes, Buddha sat on the battlefield between the two warring factions. The two sides were so moved that they ceased their hostilities. The third time, however, he saw that war was inevitable. So he just sat on the sidelines, watching in sorrow).*

Trời Phật vốn có mắt phân biệt Ma Quỷ Súc Sinh, cổng Chùa cổng Đền có ông Thiện ông Ác, lại có ông Hộ pháp xua đuổi ác đạo tà ma... pháp uyển chuyển theo mỗi quốc độ và mỗi mức độ nhân tâm, tuy đều dẫn về nẻo thiện nhưng không thể nói chuyện hòa bình phá chấp với loài rắn loài ma và loài người như nhau được. Người Mỹ không bao giờ phá chùa, Taliban thì đập cả tượng Phật, ở Mỹ thì được tự do chống Mỹ, sang xứ Cộng Sản thì khó cản máu đổ Thiên An Môn... Có lẽ con người Ngã mạn cao quá nên trái núi Ego dễ che mất chính kiến hay như Nguyễn Du viết "*Si tâm qui Phật, Phật sinh ma*" chăng?

Lưu Văn Vịnh
(Napa, CA)

Lịch sử lại tái diễn

Đợt khủng bố vừa qua tại NewYork với cảnh hàng ngàn người vô tội bị chết cháy, nhiều người từ tầng cao lao mình qua cửa sổ, chấp nhận một cái chết "mát mẻ" hơn ! Thật là thương tâm! Cho nên nếu chính phủ Mỹ động viên quân lực, đi trừng phạt bọn khủng bố tại Afghanistan, thì cũng là chuyện dễ hiểu, hợp lý.

Cho đến nay, chưa ai thấy hình ảnh nào về cuộc hành quân này . Vậy mà mấy ngày gần đây, đã nổi lên những lời "phản đối ," những cuộc biểu tình "chống chiến tranh, đòi hòa bình" (!) ngay tại Washington DC, và tại Âu Châu . Trong các cuộc biểu tình, đôi khi thấp thoáng có cờ "búa liềm" CS ! Và một nhà tu hành nọ, nổi tiếng về "phản chiến" thời chiến tranh VN (nhưng chưa hề có một lời tố cáo VC), vừa qua lại lên tiếng kêu gọi Mỹ "xóa bỏ hận thù" trước tội ác! Với cái đà này, chắc sẽ dần dần biến thành phong trào "chống Mỹ xâm lược." Mỹ sẽ trở thành" kẻ ác," và bọn khủng bố ở Afghanistan sẽ trở thành... "nạn nhân"!

Hiện tượng khôi hài, mỉa mai trên đây, đem lại cái cảm giác "déjà vu," quen quen, đã thấy trong chiến tranh VN. Không ai nhìn thấy VC pháo kích trường học, ám sát, thủ tiêu . Nhưng mọi người đều phản đối "Mỹ ném bom"! Mọi người đều "phản chiến," nhưng không cần tìm hiểu nguyên nhân, vì sao, ai khởi sự gây chiến tranh!

Hiện nay Hoa Kỳ là cường quốc số 1, với ảnh hưởng, liên hệ, ràng buộc khắp thế giới, đó là điều không thể tránh được. Một học giả Pháp đã có nhận xét rất thâm thúy, là không phải Hoa Kỳ "tự ý" muốn trở thành cường quốc số 1, mà là vì các quốc gia khác... suy đồi, yếu kém đi ! Mặt khác, cũng không ai phủ nhận sự kiện là chính sách đối ngoại của Mỹ chẳng phải luôn luôn tốt đẹp, mẫu mực gì. Tuy nhiên có nơi Mỹ bị phản đối là " xen vào nội bộ "nước khác, có nơi Mỹ lại bị chỉ trích "không chịu can thiệp đúng mức"! Thành thử mang danh "sen đầm quốc tế" cũng khổ tâm lắm!

Dầu vậy , trong sự nhận xét về quốc gia Hoa Kỳ, cần phân biệt một mặt là những lời phê bình đúng đắn, xác thực, mặt khác là cách lập luận ác ý, nông cạn, tiêu biểu cho thái độ mà người Âu châu gọi là "Chống Mỹ một cách sơ đẳng" (anti-americanisme primaire) , rất phổ biến ở Âu châu này. Khá nhiều người ngụy biện rằng Mỹ gặp nạn khủng bố vừa qua là vì..."quả báo" (!), vì Mỹ gây "tội ác" khắp nơi, vì Mỹ cấm vận làm "hàng trăm ngàn người Irak bị chết" ,v.v...! Thậm chí một tờ báo lớn tại Paris vừa qua còn chơi trò xuyên tạc tiểu xảo bằng cách đăng lại hình bé Kim Phúc bị phỏng bom napalm trong chiến tranh VN, để so sánh với vụ khủng bố tại New York!

Thành thử Lịch sử vẫn cứ lập đi lập lại , chẳng qua chỉ vì sự ngu xuẩn (hay ác ý ?) của con người .

Nguyễn Gia Tiến
Thụy Sĩ, đầu tháng 10, 2001

Sự thực và cường điệu

Là một người Việt Nam, có thể không cần là một Phật tử, tôi cảm thấy tự hào có một người đồng hương như thiền sư Nhất Hạnh. Lý do tự hào thì chắc mọi người đều biết, ông là một nhà tu nổi tiếng

khắp thế giới vì đã chỉ ra một cách tu tập thiết thực, mang lại lợi ích cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, văn hóa hay tôn giáo.

Nhưng với tư cách là một người từng chiến đấu để giữ gìn Việt Nam Cộng Hòa trước sự xâm lấn của cộng sản thì chưa bao giờ tôi thấy gần gũi với ông. Điều này cũng dễ hiểu, vì xét về mặt chính trị, chưa bao giờ ông bênh vực chúng tôi trong cuộc chiến ấy. Đó là chưa kể ông thường lên án bom đạn của Mỹ vãi lên đất nước Việt Nam để hỗ trợ công cuộc tự vệ của miền Nam. Với tâm trạng của một người chiến đấu – và cuộc chiến ấy có mang một lý tưởng rõ rệt, ngày nay càng rõ rệt, chứ không phải là 'tay sai' như người thắng trận thường rêu rao – tôi dễ có khuynh hướng nghĩ rằng ai tấn công bạn ta thì ắt không phải là người có thể thân thiết với ta. Trong cuộc chiến một mất một còn, cái tam đoạn luận đơn sơ ấy tôi nghĩ có thể chấp nhận được.

Cuộc chiến tàn, thiền sư Nhất Hạnh tiếp tục sống ở nước ngoài và ngày càng nổi tiếng về phương diện tôn giáo, chúng tôi cũng dần quên cái hận chiến tranh và nhìn thiền sư một cách thán phục và kính cẩn. Những buổi thuyết giảng khắp nơi trên thế giới của ông rõ ràng có đem lại an lạc cho nhiều người, công đức ấy làm sao có thể phủ nhận được.

Nhưng cái vụ 300,000 người Bến Tre trong bài thơ của ông xuất hiện gần đây ở New York thì nhất định là không đem lại an lạc cho đám cựu binh Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi. Chuyện cũ ba mươi năm tưởng yên lại tái diễn. Dĩ nhiên vừa rồi ông thuyết pháp cho người Mỹ chứ không cho đám di dân tị nạn chúng tôi, nhưng rõ ràng ông không cần biết gì đến nỗi đau của chúng tôi, cũng ở ngay trên đất Mỹ này chứ chẳng xa xôi gì.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cũng được gọi là phản chiến, nhưng ngay từ thời xưa còn cầm súng đánh nhau chúng tôi đón nhận sáng tác của ông một cách thiện cảm. Có lẽ vì ông có cái trung thực nghệ sĩ thuần túy. Đám lính chúng tôi nghe, và thậm chí hát nữa, những câu như *hàng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng* không thắc mắc, vì còn ai biết rõ điều ấy hơn lính chiến chúng tôi! Đó chỉ là sự thực được nói ra một cách nghệ thuật. Hoặc những sự thực khác trong tết Mậu Thân ở Huế *tôi đã thấy tôi đã thấy những hố hầm đã chôn vùi thân xác anh em*: tội ác Việt Cộng đấy. Không cần cường điệu, không cần đẩy tình huống đến chỗ quá đáng xa với sự thực, chỉ cần trung thực, mọi mặt bi thảm của chiến tranh vẫn đi, và mới đi được, vào lòng người.

Sự trung thực, ấy chính là cái người ta yêu mến và kính phục, sẽ tồn tại lâu dài.

Thái Lư
(Santa Ana, CA)

Góp ý với ông Đoàn Văn Lý

Tôi có đọc đoạn thư "Thế nào là giết một mạng sống" của ông Đoàn Văn Lý trên mục Bạn Đọc Viết, Thế Kỷ 21 số tháng Mười vừa rồi, trong đó ông chỉ trích câu viết của tôi cũng trên mục này, số báo tháng Chín. Câu bị mang ra chỉ trích là: "Suy cho cùng vì không ngừa thai được thì phải giết (trẻ sơ sinh) thôi – về bản chất hai việc đó không khác gì nhau."

Ông cho rằng hai việc đó rất khác nhau, giết trẻ sơ sinh là giết một mạng sống đã thành, trong khi ngừa thai là hành động không cho sự sống cấu thành, thì đâu có giết chóc gì?

Trên bình diện hiểu biết thông thường thì tôi đồng ý với ông Đoàn Văn Lý, chuyện đó rõ quá. Nhưng về bản chất của hai sự việc, tôi thấy nó khá gần gũi nhau: một đằng là giết, tức là làm chấm dứt sự sống của một sinh vật, một đằng (ngừa thai) là cố tình không cho sinh vật ấy được có đời sống trong các điều kiện có thể tạo ra sự sống được (làm tình) – trong một chừng mực nào đấy theo tôi cũng có thể coi là "giết". Ý muốn tối hậu của tạo hóa trong việc làm tình của các loài là gì? – là để có con. Sự khoái lạc trong việc làm tình chính là một cái bẫy để động vật lao vào, và nhờ thế mới có con cái nối dõi. Chỉ có loài người khi văn minh mới thường đẩy việc làm tình thành một thú vui độc lập mà không nhằm cái kết quả tối hậu, chứ các động vật khác thì nó làm việc đó theo mùa, trong một giới hạn đủ để gây giống thôi. Con cái động đực vào đúng thời điểm nó có thể thụ thai, và kêu gọi con đực tới để gieo tinh trùng vào cho nó. Trong nhiều giống, khi con đực hoàn tất nhiệm vụ thì nó không còn lý do để sống nữa, và bị con cái ăn thịt. Nhiều giống khác, những con đực phải tranh đấu với nhau để được làm tình với con cái, và ý nghĩa của sự tranh đấu ấy thì rất rõ: chỉ những con mạnh thắng trận mới xứng đáng được gieo giống, để nòi giống được tồn tại cường tráng.

Tất cả những quan sát ấy nói lên một điều: nguyên thủy trong thiên nhiên *làm tình là để tạo nên con cái*. Đó là một nhiệm vụ, nói theo kiểu loài người, "thiêng liêng." Và không phải kém phần nguy hiểm, nhiều khi phải hy sinh mạng sống. Nhưng loài vật thực hiện việc ấy dĩ nhiên theo bản năng, chỉ có con người là có ý thức. Khi anh (và chị nữa chứ!) đã ý thức việc đó là để tạo nên một sự sống mới mà anh chị cố tình không cho sự sống ấy xuất hiện, bằng cách áp dụng một số biện pháp để ngăn ngừa sự thụ thai, thì bản chất của việc ấy là gì, có tương đương với việc giết một đứa bé sau khi ra đời không?

Đời sống văn hóa của con người đã biến nhiều chuyện thành quá phức tạp, biến dạng quá xa cái ý nghĩa ban đầu. Nhưng khổ

nỗi, không đi xa tình trạng sơ khai thì làm gì có văn hóa, văn minh? Mà đã văn minh thì phải biến dạng đi chứ, biến dạng vô bờ bến. Đó có phải là một định mệnh không cưỡng lại được? Chỉ một việc ngừa thai với phá thai mà đã làm khổ các vị chủ chăn của Vatican suốt bao năm trời, và chắc là còn dài dài trong tương lai. Dưới lăng kính của ĐẠO, quý vị mới thấy thật rõ ý muốn tối hậu của Thượng Đế trong mọi sự việc, và ra sức dẫn dắt tín đồ đi theo mục đích đó. Và chắc cũng vì thế mà việc ngừa thai bị cấm, cấm vì nó ác, nó *giết* một cách có ý thức sự sống ngay từ trong trứng nước!

Diet Duc *(Internet)*

Bao nhiêu "đêm tạm trú" trong một đời người?

Đêm Tạm Trú ở Halifax (trang 84, Thế Kỷ 21 số 150) là một tình cờ cảm động. Đối với một người Việt Nam sự kiện "tạm trú", hay gọi là tị nạn cũng được, của tác giả Phạm Thăng Long trong bài trên gợi rất nhiều kỷ niệm từ hơn nửa thế kỷ qua. Người Âu, và nhất là người Mỹ không thể có kinh nghiệm ấy. Đó là kinh nghiệm chạy loạn, tản cư, di tản, tạm trú, trại tị nạn..., nói chung là đủ thứ "bấp bênh phận người."

Đang đi trên một chuyến máy bay tiện nghi sang trọng từ một thành phố vào bậc nhất của Âu châu là Paris để đến một thành phố bậc nhất của Mỹ châu là New York, không ai có thể ngờ được tối đó phải nằm đất mà ngủ trong một trung tâm du lịch bỏ trống tại hòn đảo vắng vẻ ánh đèn tù mù Halifax! Tác giả đã cảm cảnh tình huống ấy mà viết thành câu chuyện hai lần tị nạn. Hai lần là ít đấy. Một người ngoài sáu mươi như tôi mà gặp cảnh đó thì hoài niệm sẽ miên man, từ những ngày cuối năm 1946 theo gia đình "chạy tây" đêm đầu tiên ngủ trong một ngôi đình, rồi lang thang không biết bao ngày tháng phiêu giạt trên bước đường tản cư, rồi đến ngày di cư từ Bắc vào Nam ở trong những lều trại tạm bợ một thời gian khá lâu, rồi thì 1975... Không biết từ đây đến cuối đời tôi còn hân hạnh nào như ông Phạm Thăng Long được ôm túi ngủ đi vào ngôi nhà trống hoang lạnh giá để cám cảnh cho thân phận chuyên môn "tị nạn" của con người Việt Nam hay không.

Nhưng ngẫm lại tôi thấy người mình cũng còn may mắn lắm. Nhìn những trại tị nạn của người Afghanistan hiện nay, hay hoàn cảnh lưu đày ngay trên đất nước mình của người Palestine, thật ngán ngẫm! Vì không biết bao giờ họ mới thoát ra khỏi cảnh đáng thương đó.

Nguyễn Đức Tín
(Santa Clara, CA)

Hai quê hương

Hàng năm cứ vào cuối thu..., chắc các bạn lại theo thói quen đọc tiếp *lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc...* Hổng phải đâu, tôi muốn nói về việc khác chứ không phải cảm tưởng về ngày khai trường thủa chúng ta còn thơ ấu. Tôi nói lại nhé: hàng năm cứ vào cuối thu, tin tức về lụt lội ở Việt Nam lại bay sang với người Việt hải ngoại. Chuyện lụt ở nước ta thì năm nào mà chẳng có, lụt đến nỗi phải thành truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh, phải đi vào văn vào thơ (*lụt lội năm nay bác ở đâu*), phải đắp đê hai bên sông Hồng như một công việc sinh tử... vậy lụt đâu có gì đâu là lạ.

Nhưng các bạn có để ý không, thời gian mươi năm trở lại đây, lụt thường phải đi đôi với công tác cứu trợ, nghĩa là năm nào cũng lụt lớn gây thiệt hại đáng kể về sinh mạng và của cải. Và cũng mấy năm gần đây, công việc lạc quyên cứu trợ nạn lụt của các cộng đồng Việt Nam hải ngoại, nhất là ở nước Mỹ, gần như thành một định chế bất thành văn. Thoạt đầu thì người tị nạn rất ngại ngùng trong việc cứu giúp Việt Nam công khai ra ngoài phạm vi gia đình, nhưng bây giờ thì dễ dàng rồi, cứ "hàng năm cứ vào cuối thu..." là y như là đến mùa cứu trợ.

Nhưng năm nay lụt ở Việt Nam cũng lớn đang gây nhiều thiệt hại mà không thấy ai tổ chức quyên góp cứu trợ. Lý do thì rõ rồi, năm nay người Việt hải ngoại bận lo cứu trợ nạn nhân khủng bố ở New York. Đây là lần đầu tiên chúng ta lo cho quê hương thứ nhì của chúng ta vậy. Có xảy ra những vụ động trời như thế này chúng ta mới đo lường được sự liên hệ của ta đối với nước Mỹ sâu cạn đến mức nào!

Dương Thị Hồng
(Garden Grove CA)

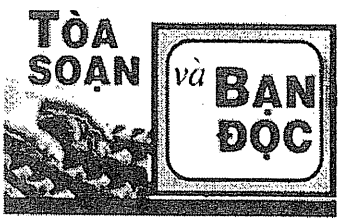

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Đinh Văn Triển, Phạm Cây Trâm, Nguyễn Văn Cường, Phạm Nguyên Lương, Lê Mạnh Hùng, Trần Mộng Tú, Lưu Văn Vịnh, Trần Yên Hòa, Chu Vương Miện, Võ Doãn Nhẫn, Lê Đại Lãng, Lệ Hằng, Nguyễn Phúc Bửu Tập.

Kính thưa quý độc giả và quý văn hữu,

Cuộc khủng bố 9.11 đang ít nhiều làm thay đổi nếp sống của chúng ta, tại Mỹ cũng như nhiều nơi khác trên thế giới. Xáo trộn gần gũi nhất đối với độc giả báo Thế Kỷ 21 là việc số báo tháng Mười đến tay độc giả rất chậm,

trong nội địa Mỹ cũng như tại nhiều nước khác. Vào hạ tuần tháng Mười, chúng tôi liên tiếp nhận được điện thoại và e-mail than phiền không thấy báo đến như thường lệ. Tất cả chúng ta đều hiểu nguyên do, ngay sau biến động, mọi hệ thống vận chuyển, an ninh v.v... đều có những biện pháp đổi mới, và nhất thời chúng ta không tránh được ảnh hưởng. Rất mong quý độc giả thông cảm với tình hình mới này, xem những bất tiện chúng ta đang gặp như là những chia sẻ với các khó khăn chung do khủng bố gây ra. Phần Tòa báo, chúng tôi sẽ gắng làm hết sức mình để mọi hoạt động sớm đạt được mực độ đều đặn bình thường.

Một công tác bình thường vẫn lặp đi lặp lại hàng năm nhưng không bao giờ cũ, là số báo Xuân vào dịp Tết âm lịch. Ngày tháng của năm 2001 đang vơi dần, và năm âm lịch cũng vơi theo, thời điểm làm báo Xuân đã thấp thoáng đàng kia. Tiếng vó câu và bóng dáng của Con Ngựa đang rõ dần. Cùng nhau chuẩn bị cho số báo Xuân Nhâm Ngọ 2002, chúng tôi xin quý vị ngay từ bây giờ đóng góp bài vở và ý kiến để báo của chúng ta được đặc sắc.

Thế giới đang đương đầu – và điên đầu – với nạn khủng bố. Đầu thập niên 50 của thế kỷ trước Phạm Duy viết trong bản Tình Ca rằng *khóc cười theo vận nước nổi trôi*, bây giờ đã có thể đổi câu đó thành *khóc cười theo vận thế giới nổi trôi*... Cả thế giới ngày nay như là một ngôi làng, nhà đầu làng bị ăn cướp nhà cuối làng cũng bị ảnh hưởng. New York bị khủng bố trung tuần tháng trước, các nước Âu châu chờ mãi đến cuối tháng sau vẫn chưa thấy bóng dáng tờ báo Thế Kỷ 21 mà thông thường xuất hiện ngay vào thượng tuần mỗi tháng. Ngôi làng thế giới rồi sẽ còn xáo trộn nhiều bởi khủng bố rồi đánh trả khủng bố, rồi có thể là xung đột giữa các nền văn hóa - tôn giáo như nhiều người đã tiên đoán. Tờ báo của chúng ta rồi cũng sẽ "nổi trôi" theo trong tình hình đó, nhưng chúng ta trước sau vẫn là một khối cố hữu giữa Tòa soạn, văn hữu và độc giả như đã thành hình từ 13 năm qua, chúng ta sẽ cùng nhau khóc cười trong những tình huống không lường trước được của thế giới ngày nay, trong đó có nước Việt Nam yêu mến của chúng ta, và đặc biệt có tình người Việt Nam dù ở khắp năm châu bốn biển vẫn riêng dành cho nhau. Nghĩ như thế, thấy an tâm hơn giữa những viễn tượng bất an.

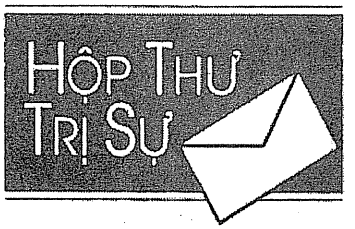

Độc giả mới

Tran Thien Do (Seal Beach CA), Pham Duc Chu (Springfield VA), Dung Dam (Westminster CA, Nghia H.Luu (North Hills CA), Nguyen Duy Ai (Westminster CA), Lana Tran (Phoenis AZ), Hai Dong Luu (Newhall CA), Hoang Tho Luu (Denver CO), Lam Van Yen (Union City CA), VH: Tran Ngoc Tuan (CZECH REPUBLIC), Quang Hung (CANADA), Nguyen Van Tru (Gilbert AZ), Agnes Buu Hoan (Mc Lean VA), Exxpress Smog & Tune (Henderson NV), Huan Le (Rosemead CA).

Độc giả gia hạn

Pham Van Hung (Clearwater FL), Hoa Nguyen (Garden Grove CA), Nguyen Van Dai (Beaverton OR), Chinh Dinh Nguyen (Grand Rapids MI), Huynh Hoang Cuong (Buffalo NY), Nguyen Viet Thanh (Monterey Park CA), Le Van Tu (Madison WI), Tran D. Quang (Lowell MA), Nguyen Huu Thong (San Jose CA), Do Cuong (Sacramento CA), An Nguyen (San Jose CA), Hoang Mai Dat (Westminster CA), Nguyen Van Luan (Garden Grove CA), Pham Le Huong (Modesto CA), Tran Duc Ai (Irvine CA), Tran Trung Hoa (DENMARK), Ta Anh Tuyet (Miami FL), Nguyen Doan Vuong (San Jose CA), Pham Do Thanh (Cape Coral FL), Lam N. Nguyen (Elgin IL), Rev. Tue V. Pham (Marrero LA), Nguyet Nguyen (Panama City FL), Dinh Vo (Hatfield PA), Nguyen Dennis (West Hill CA), Tran Loi (Thousand Oak CA), Thuy-Kim P.Le (Phoenix AZ), Leon Nguyen (Phoenix OH), Nguyen Ngoc Lien (Jersey City NJ), Nguyen Hoang Hai (San Jose CA), Luu Cam Ngan Ha (Alaymont DE), Hoang K.Le (Plano TX), Le H.Thuan (Adelphi MD), Minh Ha (Stock CA), Tu Xuan (Torrington CT), Truong Thanh (Elk Grove CA), Dinh Nguyen (Orange CA), Thien Huong & Genes Sens (Seattle WA), Huynh Xuan (Salem OR), Bui Ha (Mclean VA), Nguyen Cao Hoang (Pasadena CA), Le Dinh Khoi (Santee CA), Nguyen Tuong Van (College Park MD), Bui Thi Ngoc Loan (GERMANY), Nguyen Ngoc Thuy (Newark CA), Le Tuong Loan (Houston TX), Tran M. Huy (Dove Canyon CA), Hoang Tuy An (Irvine CA), DR. Bui Ngoc To (San Jose CA), Ngô Thanh Tâm (Skesmokorset NORWAY).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Thien Huong & Genes Sens (Seattle WA), Pham Minh Triet (Walton KY). /.

NEW YORK, NEW YORK, MỘT THÁNG SAU

NGÔ NHÂN DỤNG

Khi nghe nói tôi đi thăm thành phố New York, một tháng sau trận không tặc khủng bố, ai cũng hỏi: "Có tới tận nơi không?" Đến tận nơi tức là đến di tích của khu World Trade Center (Trung tâm thương mại Thế giới) cũ. Tôi không đến tận nơi. Một lý do là vì chung quanh khu đó kẹt xe, và cảnh sát hạn chế số người được phép đến gần. Hôm đó ngày 11 tháng Mười ai muốn đến gần có thể mượn cớ tới đó cầu nguyện, tụng kinh cho các nạn nhân. Sáng hôm đó ông thị trưởng New York đã làm một buổi lễ kỷ niệm, nhiều ngươi đã tự động tới. Trong những ngày trước đó, các vị sư người Tây Tạng đã đến tận nơi tụng niệm. Cảnh sát không ngăn cản. Ai cũng muốn giúp những người quá vãng được siêu sinh giải thoát, đi qua bất cứ ngưỡng cửa huyền bí nào của tâm linh chung nhân loại. Các vị cảnh sát viên rất lễ độ, chắc họ sẽ cho mình đi bộ đến gần.

Tôi không tới tận"ground zero"một phần vì tôi không chuẩn bị để nói dối các ông cảnh sát. Nhưng tự trong lòng tôi thấy không nỡ đi nhìn một cảnh tượng như vậy chỉ vì óc tò mò, như một nhà báo, hay một du khách. Như vậy là bất kính đối với những người quá cố. Đứng từ xa, ngậm ngùi nghĩ đến họ. Hít thở mùi khói khét còn phảng phất trong không khí cả vùng từ cách xa mấy cây số. Đứng từ xa nhìn tới, để bày tỏ thái độ kính trọng những người đã qua đời. Từ nhỏ đi Hướng đạo tôi đã được dạy là gặp đám tang thì phải dừng chân, ngả mũ, cúi đầu. Thói cung kính đó không bỏ được.

Bồ tát vào địa ngục

Nhưng nếu không đến tận thành phố này thì thật tình không cảm thấy được vết thương trong lòng dân chúng ở đây. Cả thành phố giống như một nhà có đại tang. Trong lúc vừa lo việc ma chay , vẫn lo phải có người đi nấu cơm ăn. Dù nhà có tang thì đến bữa mọi người vẫn phải ăn. Khi hỏi nhau, có ai đi chợ mua thức ăn chưa, hoặc nhắc nhở ai chưa ăn cơm hãy đi ăn kẻo đói, chính những lúc đó người ta mới cảm thấy sự chết và sự sống đan lẫn vào nhau, sống và chết ở chung với nhau trong cuộc đời. Và nguôi bớt nỗi khổ đau vì tang tóc.

Thành phố vẫn còn đang chuẩn bị làm đám tang. Người ta thu hốt đám tro than lượm được, cử hành nghi lễ khi gom góp chúng lại để chung vô những cái quan tài giả, đặt trên mặt mấy cái bàn phủ khăn đen, trên lầu thứ hai của trụ sở cảnh sát khu vực Nam Manhattan. Cuối tháng, đám tro đó sẽ được sẻ ra, bỏ vào bốn ngàn cái bình bằng gỗ quí đã đặt làm, mỗi bình chỉ khắc một hàng chữ ghi ngày "9-11-01". Để tặng cho gia đình các nạn nhân đem về "thờ", nếu muốn. Mỗi gia đình có thể coi nắm tro than vô danh đó là di cốt của thân nhân mình. Có hơn năm ngàn gia đình như vậy. Hơn năm ngàn người bị thiêu sống. Có những người nhìn thấy cơn lũ lửa đang trào tới, nhảy ra khỏi tòa nhà, chọn chết theo cách không phải chết cháy, rớt từ trăm tầng lầu xuống đất. Nhiều người chắc nhìn thấy cái máy bay lao về phía mình, chưa kịp suy nghĩ thì nó đã đẩy mình đi qua mấy bức tường, nghiến nát và đốt cháy mình trong nháy mắt. Chưa kịp hiểu chuyện gì đã tan thành tro bụi.

Trong nhiều năm tới, New York sẽ còn là nơi hành hương cho nhiều người khắp thế giới đến đây để suy nghiệm về cái chết, về tội ác, về sự tha thứ và đức bao dung. Tôi ước mong nơi này sẽ dựng lên một tượng đài ca ngợi đức bao dung. Rất nhiều người tới đây đã khóc, và mai sau sẽ còn người bật khóc. Nếu tôi có nghẹn ngào cũng không cảm thấy xấu hổ. Tôi tự hỏi, những vị tu hành đắc đạo như đức Giáo hoàng hay đức Đạt Lai Lạt Ma, nếu tới thăm khu mộ tập thể này, quý vị đó có bật khóc hay không?

Tôi chắc các nhà tu hành cũng khóc khi chứng kiến nỗi khổ chung quanh mình. Các tôn giáo đều xây dựng trên tấm lòng từ mẫn sẵn có trong lòng người, nếu không thể khóc khi nhìn nỗi khổ của người khác thì chúng ta làm sao biết cách biểu lộ tình thương? Các nhà tu hành nghĩ đến tội ác của thế gian chắc cũng phải có lúc nổi giận. Nếu không có lúc nổi giận thì làm sao biết nỗi khổ địa ngục, và biết dạy người phương pháp thoát khổ, giúp cho cơn giận dữ nguôi ngoai?

Trong kinh Phật nói có vị Bồ tát nguyện không về cõi niết bàn, nguyện ở lại thế gian, sống qua nhiều kiếp để giúp đời giải thoát. Nếu ở lại thế gian mà chỉ sống như một người ngoại cuộc, dửng dưng khi quan sát cảnh khổ, niềm đau, cơn giận của loài người mà

trong lòng không rung động, thì Bồ tát đâu đã sống giữa nhân gian? Kinh Phật nói đức Bồ tát Địa Tạng đã xuống thăm địa ngục để giúp các sinh linh tự giải thoát. Trong Phật giáo, Địa ngục biểu hiện bằng những cơn giận dữ. Như vậy chắc ngài Địa Tạng, trong lúc sống với đời, cũng phải trải qua những cơn giận dữ như kẻ thường tình. Khi chứng kiến tội ác chắc máu ngài cũng phải sôi lên. Có vào địa ngục đó, ngài mới hiểu một cách sâu xa nỗi khổ của cảnh địa ngục như thế nào.

Các vị thánh nhân chia sẻ với chúng ta những yếu đuối của kiếp người mong manh. Kinh Thánh cho biết chúa Giê su xuống cõi đời, làm người để chuộc tội cho thế gian. Ở thế gian Ngài cũng sống như một con người, không phải chỉ đóng vai con Trời, thì Ngài mới có thể chuộc tội cho nhân loại. Nghĩa là cũng trải qua những nỗi sợ hãi, cơn khổ đau, giận dữ, thất vọng như các con người khác. Hồi đi học có hôm tôi hỏi linh mục Đỗ Minh Vọng (Alexis Crass) rằng các nhà tu hành có niềm tin như cha có trải qua những nỗi xao xuyến siêu hình, như bài về triết học hiện sinh cha giảng hay không. Hôm đó trong lớp Siêu hình học chúng tôi đọc Heideger. Cha Crass trả lời: Có chứ. Chúa Giê su cũng có lúc xao xuyến. Và cha đọc cho tôi nghe câu "Eli, Eli, lama sa bát tani" (Lạy Cha, lạy Cha, sao cha bỏ rơi con thế này? Matt 27 - 46.) Đó là lời chúa Giê su thốt ra trên giảo đài chữ thập, trước khi trút hơi thở. Hình ảnh đó vẫn làm rung động một trái tim suốt cả đời.

Dòng đời vẫn chảy

Trong Union Square Park, tại một đầu công viên người ta dựng bàn thờ tưởng niệm các nạn nhân của khủng bố; đầu kia vẫn họp chợ. Dân New York vừa

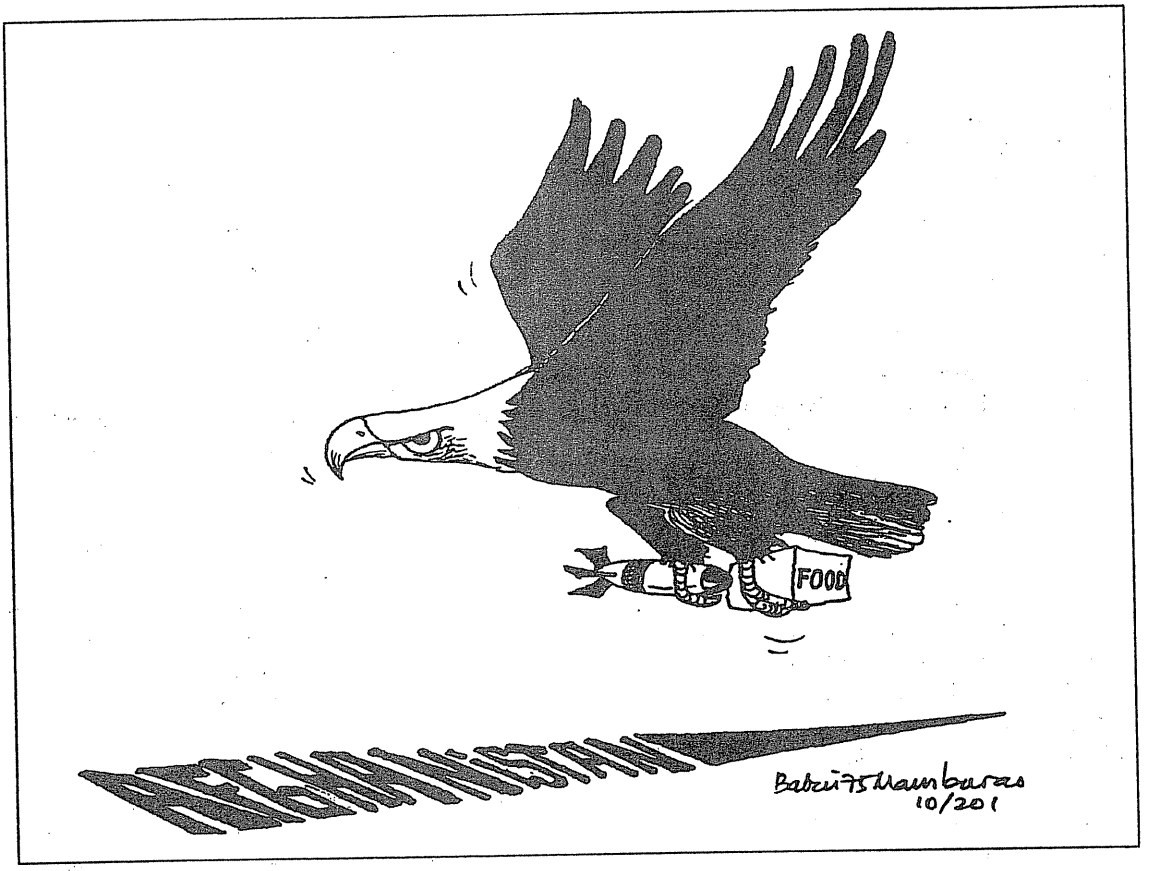

làm đám tang vừa lo nấu cơm. Khu phố Tàu vắng khách du lịch, nhưng người ta vẫn mở cửa hàng, làm ăn như thường lệ. Trong Central Park đàn vịt vẫn bơi lội giữa những thuyền dạo chơi trên mặt nước. Vẫn có du khách đi xe ngựa, và những người chạy bộ trên các con đường mòn. Những chiếc taxi màu vàng nổi tiếng vẫn chạy đầy đường, nhưng chen vào đó có những chiếc xe lôi do người đạp, chạy len lỏi giữa dòng xe hơi. Ngay trong khu tài chánh Wall Steet của New York những chiếc xe lôi này đã chuyển thư từ, tài liệu, đôi khi cũng chở khách, các viên chức chính phủ hay các giám đốc ngân hàng đi từ tòa nhà này sang ngã tư khác. Một công ty tài chánh mất trụ sở cũ trong World Trade Center, nhiều chuyên gia, nhà môi giới phải làm việc ở ngoài đường. Có người đã dùng điện thoại công cộng, gọi đó gọi đây, hoàn tất những vụ thương lượng đầu tư trị giá 500 triệu mỹ kim. Đời sống vẫn tiếp diễn, bên cạnh sự

tàn phá, chết chóc.

Mười triệu dân New York, họ có một sức sống mạnh mẽ đáng nể. Lần đầu tiên tới thành phố đó hơn 20 năm trước, gọi ly cà phê ngồi uống và quan sát, tôi tự nhủ mình không thể nào kiếm được việc làm ở thành phố này. Từ cô hầu bàn bưng nước đến ông ngồi két thâu tiền, họ làm việc thoăn thoắt không nghỉ. Họ nhanh quá. Người qua đường đi bộ đi cũng nhanh. Họ làm việc gấp đôi, gấp ba mình. Ai cũng vội vã.

Một buổi chiều cách đây mười năm, tôi đưa cô cháu gái đi New York xin visa nhập cảnh tại tòa lãnh sự Canada ở New York, sáng đi, chiều về. Lúc má con cháu vào trong ngôi nhà cao chót vót, tôi ngồi trong xe chờ đợi ngay ở đại lộ số Năm, trên lề đường và dưới lòng đường dân New York di chuyển không ngừng. Đủ các mầu da, y phục, đủ mọi lớp tuổi. Trong hai tiếng đồng hồ tôi được chứng kiến cảnh những người sách bao đi lượm rác. Một người đàn ông tới trước xe tôi, mắt nghiêng nhìn vô cái thùng rác lớn bên đường, thò tay rút ra mấy cái lon nước ngọt rỗng. Ông ta bỏ lon vô cái túi ni lông mầu đen, rồi khoác túi lên vai, đi tìm cái thùng rác khác ở góc đường kia. Một lát sau, lại thấy người nữa, cũng khoác cái túi ni lông đen, tới bên, ngó xuống cái thùng rác bên cột đèn, lại rút lên được mấy cái lon rỗng khác, lon coca cola, pepsi cola hay nước cam, nước bưởi, vứt vào trong cái túi, rồi đi. Cứ như vậy, gần hai tiếng đồng hồ bao nhiêu người ghé đó lượm rác, và lúc nào cũng có mấy cái lon mới nằm trong đó.

Vài chục cái lon như thế đem đổi được một đô la. Nghe nói trên thế giới hiện nay có hàng tỷ người sống với lợi tức dưới một đô la mỗi ngày. Trong đó có nhiều người ở Việt Nam.

Ở thành phố New York, từ người môi giới chứng khoán, nhân viên ngân hàng, cho đến ca sĩ, người bán hàng rong và người đi lượm rác, ai cũng làm việc nhanh. Và nhiều người làm việc rất giỏi. Nhân tài cả thế giới kéo về đây từ mấy thế kỷ nay, "tìm một chỗ đứng". Bạn tôi là một họa sĩ sống ở New York từ năm 1975, hai vợ chồng và một đứa con ở trong một căn phòng của sinh viên. Sau mười năm anh cặm cụi lấy hai cái bằng tiến sĩ ở Đại học Columbia, anh có tranh được Viện bảo tàng

Gugenheim mua. Lần đầu tôi đến thăm, anh đưa đi coi Viện Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại, có lúc anh tâm sự với tôi rằng: "Ở cái thành phố này ấy mà, những họa sĩ tài giỏi cỡ như 'moa', chắc có độ 100 ngàn thằng!" Ông này viết văn vốn chọn chữ dùng rất kỹ, ông chưa kể đến số nữ họa sĩ ở New York.

Bớt tiếng còi xe

Tuần trước ở thành phố New York có người gọi cho một chương trình phát thanh, tả một cảnh tượng lạ lùng ông ta mới chứng kiến trong đường xe điện ngầm hôm đó. Trong toa xe điện chật đầy, bỗng có một phụ nữ sụt sịt khóc. Cứ như mọi khi thì ở đây không ai có thời giờ hỏi bà ta một câu nào. Vả lại người lịch sự không tò mò chuyện đời tư kẻ khác. Thế mà hôm đó trong xe điện ngầm thấy người đàn bà khóc sụt sùi, có đến hai người tới gần hỏi: Bà có sao không? Are you OK? Ở New York, đây thật làmột chuyện lạ lùng, amazing! Người dân ở New York đồng ý, chính họ đã thay đổi sau cái tang 5000 người bị thiêu sống. Họ cảm thấy gần nhau hơn. Săn sóc đến nhau nhiều hơn. Chúng ta không dám xâm phạm nỗi riêng tư của những người hàng xóm, nhưng không thể dửng dưng không thăm hỏi nỗi niềm riêng của một người thân yêu. Người dân ở đây sống tử tế với nhau hơn. Nice.

Sau khi lái xe hơn hai giờ bên trong bán đảo Manhattan, New York, đúng một tháng kỷ niệm ngày thành phố bị khủng bố, tôi cũng hơi ngạc nhiên vì nghe rất ít tiếng còi xe. Hồi xưa ở đây tài xế họ rất hay bóp còi, ngày đêm lúc nào đường phố cũng inh ỏi. Một lần tôi ngụ ở khách sạn trên lầu cao hơn 20 từng trên đại lộ số 6 gần Central Park, suốt đêm nghe tiếng còi xe và còi hụ của xe cứu thương. Sao bây giờ họ thay đổi hẳn như thế nhỉ?

Nhiều nhà báo ở đây cũng nhận thấy dân New York sau vụ khủng bố đã "nice" hơn trước, cư xử với nhau dễ thương hơn. Họ đã chia sẻ với nhau những kỷ niệm kinh hoàng. Người ngoài khó lòng thông cảm được. Nhìn qua vô tuyến truyền hình không thể cảm thấy được. Khi lái xe đi về phía Nam đến khoảng đường số 40, tôi nghe lời nhắc: "Bố mở cửa kính thử coi." Bấm cửa kính hạ xuống, tôi hiểu tại sao. "Bố ngửi thấy gì không?" Trong không khí vẫn còn mùi khói, mở cửa ra ngửi thấy liền! Kính vừa kéo xuống, cảm thấy như mình mới bước vào căn phòng của một người ghiền thuốc nặng. Trên tường, trên cửa, trên mọi vật trong phòng đều đượm mùi khét, cháy. Khu nam Manhattan giống như vậy. Một tháng sau không khí còn mùi khét. Làm sao người ta quên được?

Một nhà báo ở New York viết rằng nếu ở đây mọi người cứ đối xử với nhau "nice" như vầy thì thành phố của họ sẽ biến thành Seattle mất. Nghĩa là: khi bạn lái xe "cướp đường" của ai thì người ta sẽ nhường bạn mà không bóp còi; các cửa hàng ở khu trung tâm sẵn sàng đổi tiền lẻ cho bạn mà bạn không cần mua gì cả; các tiệm ăn cho phép khách qua đường vào dùng nhà vệ sinh. Vân vân. Đại khái, ở nhiều nơi trên trái đất loài người sống rất dễ thương. Người ta sẵn sàng tử tế với nhau, dù cả đời chỉ gặp nhau một lần. Sống trong hoàn cảnh như vậy, thật dễ chịu.

Tín nhiệm

Có lẽ đó cũng là cách sống có lợi nhất, lợi hiểu theo nghĩa giản dị như trong kinh tế học. Đến một nơi mà mọi người được tiếng là tử tế, chính mình cũng tự nhiên ăn ở tốt hơn. Khi nhiều người đều nghe nói mình là kẻ tử tế thì họ cũng muốn đối xử tốt với mình. Lòng tử tế không thể mua được, nhưng chúng ta có thể giúp nhau tạo ra được.Như vậy chẳng phải là "đôi bên cùng có lợi" hay sao?

Người kinh doanh biết như vậy. Một thứ đầu tư có lợi lâu dài là tạo tình thân và lòng tín nhiệm. Có cửa tiệm bán đồ sắt trong khu bị đóng cửa vì đám cháy ở World Trade Center đã gọi lối xóm tới, ai cần gì thì lấy. Chắc ông chủ tiệm đã xúc động vì nỗi phù du của cuộc đời. Nhưng sau 25 ngày cửa hàng ông mở cửa lại, chắc sẽ thêm nhiều khách trung thành. Ở cách tòa tháp đôi World Trade Center mấy góc đường có cửa tiệm cho thuê hộp thư của ông Joe Wightman, tất nhiên sau vụ khủng bố tiệm phải đóng cửa. Trong số 360 khách hàng của ông ta nhiều người chắc đã tử nạn trong hai cái lò thiêu sống ngày 11 tháng 9. Nhưng các người còn sống thì họ vẫn trông cậy vào những hộp thư trong cửa tiệm của ông để giao dịch làm ăn, làm sao bây giờ? Ông Wightman muốn vào trong cửa tiệm của mình cũng khó, phải có cảnh sát đi kèm, được đi hai chuyến mỗi lần 15 phút. Họ dọa: Ông ở quá 15 phút là tụi tôi sẽ còng tay kéo đi! Không thể bỏ rơi các thân chủ đã trông cậy nơi mình, ông Wightman đi thuê một cửa hàng trống gần đó, mới khách hàng cũ trở lại. Mỗi ngày ông lái xe tới Bưu điện lấy thư của khách đem về tiệm. Đến quãng đường dài mười ngã tư bị cấm không cho xe đi thì ông đi bộ. Ông đẩy mấy cái thùng giấy đi trên cái cần có bánh xe, cứ như thế mỗi ngày, nhất định phục vụ khách hàng! Cả tháng nay ông không có đồng tiền lời nào cả, nhưng "Phải cố giữ lấy khách." Một cửa hàng chuyên bán và sửa bút máy nằm gần World Trade Center, tên là Pen Hospital sau một tháng vẫn phải đóng cửa, nhưng họ tiếp tục làm việc qua internet và gửi qua bưu điện. Tuy số công việc chỉ còn một nửa nhưng không nhân viên nào bị đuổi cả.

Không biết kẻ trộm có tử tế hay không. Ngay trong đêm sau buổi sáng bị khủng bố ông thợ giầy Sal Iacono thấy cửa hàng của mình trong khu đổ vỡ đã bị kẻ trộm đục tường vào lấy đồ. Chúng lấy giầy dép đủ thứ, nhưng vẫn để lại tờ giấy bạc 10 đô la "lấy hên" gắn trên tường, kỷ niệm ngày ông mở cửa hàng cách đây 23 năm. Chắc bọn ăn trộm cũng tôn trọng các kỷ niệm. Hoặc họ muốn chúc ông khi mở cửa lại vẫn còn hên và làm ăn phát tài (để họ có dịp thăm viếng nữa!)

Chắc loài người ăn ở tử tế với nhau mãi được, và nền luân lý nào cũng khuyên mọi người ăn ở lương thiện, vì đó là cách ăn ở thích hợp nhất theo luật tiến hóa, để chủng loại được trường tồn. Nhiều môn khoa học đã cho thấy bằng cớ rằng cứ để yên mà sống thì khi mọi người biết cộng tác với nhau, cuối cùng tập thể sẽ sống lâu bền và tiến bộ hơn. Nhiều bộ lạc hoặc chủng tộc không giữ thói quen cộng tác đã bị tiêu diệt. Có người giải thích lịch sử nhân loại như là những cố gắng liên tục của đa số mọi người để biến các cuộc trao đổi giữa mọi người trở thành có lợi cho tất cả, chứ không phải có người lợi thì phải có người thiệt. Đời sống không phải là một "zero sum game". Một cuốn sách, *Nguồn gốc của Đức Hạnh* (The origins of Virtue) của một nhà sinh vật học người Anh đã trình bày hàng trăm cuộc nghiên cứu tỉ mỉ cho thấy lối sống cộng tác, tử tế với nhau vẫn là cách sống chung có lợi nhất, trong xã hội loài vật cũng như loài người. Cuốn *Luật Tiến hóa của Cộng tác, The Evolution of Cooperation* của Robert Axelrod chứng minh bằng các trò chơi dùng máy vi tính, cho thấy "chiến lược" cộng tác thường thắng, còn gian dối lừa đảo thì có ít người thắng trong một thời gian ngắn nhưng cả chủng loại có thể bị tiêu diệt.

Sau vụ khủng bố 11 tháng 9, thành phố New York đã thay đổi. Điều dễ chịu nhất, sau lần tôi đến đây hồi Tháng Năm vừa qua, là bây giờ cảm thấy dân New York hiền lành tử tế với nhau hơn, tử tế thật sự. Mấy ông cảnh sát lo gác, ngăn không cho mình đến gần di tích vụ khủng bố, họ cũng vui vẻ chỉ cho mình con đường để tới gần nhất. Có lúc kẹt đường quá, tôi quay đại chữ U, cũng không ai bóp còi, cảnh sát đầy cả đó cũng không thổi phạt. Chỉ nhìn từ xa thấy giữa các tòa nhà cao vắng bóng hai cao ốc tháp đôi, cũng tự nhiên đau nhói trong lòng. Sự vắng mặt cũng có tác dụng. Hơn 5,000 người tự nhiên vắng mặt trên trái đất này, hoàn toàn thành tro bụi. Chỉ còn để lại trong không gian một mùi khói cháy. Càng đến gần, càng thông cảm hơn với nỗi đau đớn của họ. Càng thương xót. Ai tới gần đó cũng muốn cầu nguyện cho họ theo tôn giáo của mình. Người không tín ngưỡng cũng muốn cầu nguyện với một vị Thần linh vô danh nào đó, như nhân vật Barabas nói, trước khi trút hơi thở sau cùng. Không thể nào cầm được lòng, không ngần ngại gì mà không rớt nước mắt.

Biết năm ngàn người đó đã chết trong đau đớn sợ hãi như thế nào, chúng ta càng thấy mình phải sống bình an, như vậy mới cầu được cho vong hồn họ được bình an, giải thoát khỏi cơn sợ, cơn đau đớn cuối cùng của một đời người. Ước mong sau này chúng ta tới đó sẽ thấy một đài kỉ niệm kêu gọi loài người bao dung và tha thứ lẫn nhau. Như ở nơi đã có những lò thiêu người thời Đại chiến thứ hai. Chúng ta sẽ tới đó, cầu xin được tha thứ về tội lỗi của anh em mình, xin mọi người từ nay sống thương yêu./.

NHÌN LẠI CUỘC KHỦNG BỐ VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN WALL STREET: BAO GIỜ NÊN ĐẦU TƯ ?

TS. PHẠM ĐỖ CHÍ
Giáo sư kinh tế và tài chính,
American University (Washington, D.C.)
Quan điểm của Kẻ Đầu Tư Ngược Đời ("Contrarian Investor")

Trong bài báo vào tháng trước trên *Thế Kỷ 21*, chúng tôi đã bàn về ảnh hưởng tai hại của cuộc khủng bố ngày 11/9 tại New York và Washington D.C. làm lu mờ viễn tượng kinh tế toàn cầu cũng như làm sụt giá khủng khiếp các chỉ số của thị trường chứng khoán Mỹ. Nhưng chúng tôi cũng đưa ra lập luận ở phần cuối bài là nếu theo lý luận trái ngược của kẻ **đầu tư ngược đời ("contrarian investor")**, thời điểm bấy giờ (ngày thứ sáu 21/9) sẽ là lúc tốt nhất để MUA VÀO vì các cổ phiếu đã xuống giá quá thấp. Kể từ thứ hai 17-9 (lúc các thị trường mở cửa trở lại sau biến cố) đến thứ sáu 21/9, Trị giá Trung bình Dow Jones [chỉ số giá trung bình những chứng khoán kỹ nghệ, vận tải và điện nước] đã mất lối 14% xuống mức 8400 và chỉ số NASDAQ mất hơn 16% xuống mức 1400. Lý do chính do ảnh hưởng tâm lý mất tin tưởng vào sự an ninh của xứ Mỹ và suy đoán tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu gần như chắc chắn hơn, và cũng do có nhiều tin tức về thua lỗ của các công ty doanh thương. Viễn tượng thua lỗ này cộng với tình trạng thất nghiệp mỗi ngày một trầm trọng đã khiến cho giá chứng khoán xuống dốc nhanh từ đầu năm, tiếp tục đà xuống giá đã bắt đầu từ tháng Ba năm ngoái do sự sụp đổ phũ phàng của các cổ phiếu hi-tech.

Quan niệm ngược đời nêu trên cũng có thể dựa trên một lý luận căn bản hơn với một lô những biện pháp kích thích kinh tế hiện nay gồm các chính sách tài chính cũng như tiền tệ kích cầu rất mạnh nhằm chống suy thoái kinh tế – giảm thuế và tăng chi tiêu vô những công tác trùng tu và hoạt động quân sự, đi đôi với sự giảm lãi suất mạnh mẽ mới đây của Ngân hàng Trung ương HK (9 lần giảm lãi suất từ đầu năm) – tạo hy vọng là nền kinh tế Mỹ cũng như toàn cầu sẽ cải thiện trong vòng 6-9 tháng sắp tới. Lý luận chính là: không nên chỉ để ý tới những lời bàn tán này nọ của giới phân tích thị trường chứng khoán trong ngắn hạn vì họ hay bị ảnh hưởng của cảm xúc hơn là lý luận hợp lý lâu dài, mà nên quan sát những yếu tố cơ bản của thị trường trong trung và dài hạn. Mà thị trường chứng khoán thì xưa nay vẫn nổi tiếng là sẽ chú ý và phản ánh những yếu tố này rất nhanh, đi trước phản ứng e dè của vài cá nhân tham dự trong thị trường. Vậy thì, trong khi giá chứng khoán đang ở mức thấp như hiện nay, chúng ta có thể bắt chước theo chiến lược của Kẻ Đầu Tư Ngược Đời là: MUA! (Xem bài "ảnh hưởng kinh tế và tài chính thế giới do các cuộc khủng bố ngày 11/9/2001 ở Hoa kỳ," *Thế Kỷ 21*, số tháng 10 / 2001, trang 34-36).

Cho đến nay, hơn một tháng sau ngày khủng bố xảy ra, các thị trường chứng khoán Mỹ đã lên giá trở lại, vượt hơn mức của ngày sau cùng trước "biến cố." Trong bài ngắn này, chúng ta thử nhanh chóng duyệt lại biến động của thị trường trong vài tuần qua, so sánh với tác động của các biến cố lịch sử trọng đại từ năm1940 lên thị trường chứng khoán Mỹ, và xem thử quan điểm của Kẻ Đầu Tư Ngược Đời ("Contrarian Investor") có chỗ đứng hay không, để rút ra vài kinh nghiệm đầu tư hữu ích có ảnh hưởng đến đời sống cá nhân và gia đình của chúng ta. Sau đó nếu quyết định có thể bắt đầu "mua vào", câu hỏi lớn thứ hai là nên mua những cổ phiếu nào bây giờ tương đối tốt nhất?

Trong vòng bốn tuần qua cho tới ngày bài này được viết (22/10/2001), các chỉ số chứng khoán đã quay ngược trở lại và lên giá đáng kể: Dow Jones đã lên gần 1000 điểm (12%) ở mức 9377 và Nasdaq tăng 300 điểm (21%) trở lại mức 1708. Tuy vẫn là lỗ nặng so với mức đầu năm (xem bảng dưới đây), sự phục hồi của các chỉ số so với mức trước biến cố 11/9 cũng gây niềm hy vọng cho giới đầu tư là mặc dù kinh tế Mỹ và thế giới vẫn suy yếu và bất chấp nỗi bất trắc do vụ khủng bố gây ra, đã bắt đầu có khuynh hướng mua vào vì giá cổ phiếu thấp đang thành hấp dẫn, nhất là của các hãng hi-tech. Ngoài ra có dữ kiện thống kê khá thú vị là nhìn lại các biến cố lớn từ năm 1940 đến 1998 (xem các bảng dưới đây) có

ảnh hưởng làm sụt giá thị trường chứng khoán, chúng ta thấy trung bình giá chứng khóan sụt nặng khoảng 7.1% vào ngày đầu sau biến cố, nhưng sau 22 ngày thì chỉ số chứng khoán lại tăng trung bình 3.8%, sau 63 ngày tăng 6.8%, và sau 126 ngày tăng 12.5 %.

Các biến cố lịch sử 1940-1963

* Nước Pháp bị chiếm đóng
* Trận Trân Châu Cảng
* Thắng cử bất ngờ của Truman
* Chiến tranh Nam-Bắc Hàn
* Eisenhower bị đau tim
* Nga sô phóng Sputnik
* Khủng hoảng Cuba
* JF Kennedy bị ám sát

Các biến cố lịch sử 1964-1986

- Mỹ oanh tạc Căm bốt
- Vụ bắn vào sinh viên ở Kent State University
- Vụ phong tỏa nhiên liệu cũa khối ả Rập
- Nixon từ chức
- Nga tiến quân vào Afghanistan
- Vụ đầu cơ bạc năm 1981
- Chiến tranh ở Falkland Islands
- Mỹ tiến chiếm Grenada
- Mỹ ném bom Libya

Các biến cố lịch sử 1987-98

- Tiến quân vào Panama
- Chiến tranh vùng Vịnh
- Gorbachev Coup
- Khủng hoảng đồng pound
- Vụ đặt bom ở World Trade Center
- Khủng hoảng tài chính Mexico và của Orange County
- Vụ đặt bom ở Oklahoma City
- Khủng hoảng tài chính á Châu
- Vụ đạt bom ở các toà đại sứ Mỹ ở Phi Châu
- Khủng hoảng kinh tế Nga

Thị trường chứng khoán Mỹ phản ứng ra sao sau các biến cố trên (1940-98)?

Phản ứng trung bình sau 1 ngày:	-7.1 %
Phản ứng trung bình sau 22 ngày:	3.8 %
Phản ứng trung bình sau 63 ngày:	6.8 %
Phản ứng trung bình sau 126 ngày:	12.5 %

(Nguồn: dựa vào tài liệu trên Internet)

Đem so sánh các số thống kê trên với các con số do ảnh hưởng của biến cố 11/9/2001 cũng thấy có nhiều trùng hợp lý thú: chỉ số Dow Jones cũng thụt xuống nặng 7.3 % vào ngày 17/9 là ngày đầu tiên Wall Street mở cửa sau biến cố, nhưng cũng phục hồi được vào mức 6% trong 3 tuần vừa rồi (xem bảng chỉ số đính kèm). Câu hỏi nhức đầu lúc này là: quan niệm đầu tư ngược đời như trên đã có chỗ đứng vững chắc chưa?

Khó ai có thể trả lời một cách quả quyết vì cuộc chiến tranh chống khủng bố đang đi vào giai đoạn quyết liệt nhất và nhiều biến cố khác sẽ xảy ra có ảnh hưởng lớn đến thị trường tài chính. Nhưng đứng trên quan điểm đầu tư trung và dài hạn, việc mua cổ phiếu vào lúc này một cách cẩn thận cũng có thể được xét đến.

Chỉ số chủ yếu của thị trường chứng khoán Mỹ (22/10/2001)

	Chỉ số	Giá trị khi đóng cửa	% thay đổi trong ngày	% thay đổi kể từ đầu tháng	% thay đổi kể từ đầu năm	Nhận xét thêm
Giao dịch chứng khoán						
Dow Jones	9377	173	1.9	6	-13	
Nasdaq	1708	37	2.2	14	-31	Công ty nhỏ
S&P 500	1090	16	1.5	5	-17	
Nasdaq 100	34	1	2.7	19	-41	Hi tech
S&P 400	84	2	2.0	6	-11	
Treasury Bonds	4.60%	0.0	0.0	+3bp	-51 bp	
10-year	(1bp: 1 basis point, 0.01 của lãi suất)					

Các cổ phiếu nào hấp dẫn nhất ?

Tất nhiên ai cũng muốn tìm câu trả lời này. Phần lớn các cố vấn đầu tư đều khuyên nên tránh các hãng hàng không, du lịch và giải trí, vì mức doanh thương của các hãng này sẽ bị ảnh hưởng nặng nề của biến cố 11/9, ai cũng ngại đi chơi xa lúc này nhất là nếu phải di chuyển bằng máy bay. Một số lớn khuyên nên mua các hãng dính líu đến chi tiêu quốc phòng đang tăng mạnh vì cuộc chiến chống khủng bố, hay vài hãng thuốc như Bayer bào chế thuốc Cipro trị bệnh than (Anthrax). Tuy nhiên các hãng hi-tech đang gây sự chú ý nhiều nhất vì đã xuống giá quá nhiều trước biến cố 11/9 và xuống nặng thêm trong tuần lễ đầu sau biến cố (17/9-21/9). Chỉ số Nasdaq gồm phần lớn các hãng về công nghệ, máy tính và viễn thông đã phục hồi nhanh chóng hơn cả, vượt qua mức "cản" (resistance point) 1669 —theo lối phân tích kỹ thuật bằng họa đồ (technical analysis) của giới đầu tư chuyên môn — và với khối lượng mua bán cao trên 2.5 tỉ cổ phiếu.

Tuy các hãng công nghệ hi-tech sẽ cần thời gian lâu để phục hồi mức doanh thương với lợi nhuận cao — điều kiện tất yếu để giá cổ phiếu lên cao một cách bền vững—những ai muốn đầu tư lâu dài với khoảng thời gian 3-5 năm có thể nghĩ khác những người chơi ngắn hạn (như kiểu *day traders*) và có thể bắt đầu mua các *mutual funds* chuyên về các công ty này hay một số công ty lớn có uy tín như: Microsoft (MSFT), Intel (INTC), EMC Corp (EMC), Sun Microsystems (SUNW), Oracle (ORCL), Texas Instruments (TXN), DELL để giữ trong thời gian lâu dài hy vọng giá sẽ chắc chắn lên trở lại và cao hơn mức bây giờ nhiều. Một số công ty khác nhỏ hơn (xem trong bảng dưới đây) nhưng có tính cách "hấp dẫn" vì giá đã xuống khá thấp từ tháng 3/2000 và còn bị giá sụp nhiều hơn trong kỳ biến cố 11/9, cũng có thể được nghiên cứu nhưng phải được hiểu là mang nhiều rủi ro hơn các công ty lớn. Tất nhiên các rủi ro của cả thị trường còn rất lớn với tình hình chính trị và quân sự hiện nay của Mỹ và thế giới, nhưng các quyết định sinh lợi nhuận cao trong thị trường chứng khoán thường phải lấy vào các lúc bất trắc này. Những ai bảo thủ hơn có thể mua vào từ từ, mua một ít lúc này và mua thêm lúc tình hình đầu tư sáng sủa hơn. Khó biết được những gì sẽ xảy ra ở phố Wall ngay cả vào tuần tới, nhưng cần một kế hoạch đầu tư lâu dài trong nhiều năm và chấp nhận phần rủi ro có tính toán./.

Vài hãng công nghệ thông tin khác nổi tiếng

Computer Systems & Peripherals: Compact (CPQ), EMC Corp (EMC)
Networking: Brocade Communications (BRCD), Enterasys (ETS)
Internet: Akamai Tech (AKAM), DoubleClick (DCLK), Interwoven (IWOV), Networks Associates (NETA), RSA Security (RSAS), Yahoo (YHOO)
Semiconductor: Altera (ALTR)
Semi Equipment: Cree (CREE)
Software: Black Box (BBOX), i2 Technologies (ITWO), Oracle (ORCL)
Telecom Equipment: Converse Tech (CMTV), Juniper Networks (JNPR), JDS Uniphase (JDSU), Sycamore (SCMR), Nokia (NOK), Nortel Networks (NT), Qualcomm (QCOM), Redback Networks (RBAK)
Other small price issues: CMGI, ICGE, SFE, SCNT, MCLD, XOXO, ADSX

Tìm đọc

ĐÁNH THỨC CON RỒNG NGỦ QUÊN

Kinh Tế Việt Nam Đi Vào Thế Kỷ 21

Tuyển tập của
24 chuyên viên kinh tế:
16 ngoài nước và 8 trong nước
Chủ biên: **TS Phạm Đỗ Chí**
(Giáo sư Kinh Tế, American University, Washington D.C.)
và **TS. Trần Nam Bình**
(Giáo sư Kinh Tế, University of New South Wales, Sydney)

Sách dày 600 trang
Phát hành tháng 8-2001
Giá US $25; Can $36; Pháp 230 F.F.
(kể cả cước phí)
Xin liên lạc và gửi ngân phiếu
mua tại Mỹ: **K. Pham**
1629 Cody Avenue,
Simi Valley, CA 93063 - USA
Hay liên lạc tại Pháp qua:
GS Nguyễn Ngọc Danh
Email: nndanh@filnet.fr

Hoa Kỳ mở cuộc chiến chống khủng bố:

CHIẾN DỊCHENDURING FREEDOM Ở AFGHANISTAN

HÀ TƯỜNG CÁT

Ba tuần lễ sau khi Hoa Kỳ mở đầu cuộc oanh tạc Afghanistan ngày 7 tháng 10 năm 2001, dư luận vẫn còn nhiều thắc mắc về những giai đoạn và mục tiêu tối hậu của chiến dịch này. Lời giải thích chính thức là lùng bắt Osama bin Laden và tiêu diệt căn cứ của tổ chức khủng bố al-Qaeda. Nhưng điều này không phải là đơn giản ở một xứ sở với địa hình hiểm trở, có một chính quyền cực đoan che chở và nhất là những yếu tố phức tạp đối với thế giới Hồi Giáo.

Ngay từ đầu, Tổng thống hoa Kỳ George W. Bush đã nói rằng cuộc chiến chống khủng bố hoàn toàn không giống như bất cứ một cuộc chiến tranh nào từ xưa đến nay và có thể kéo dài hàng năm hay hơn. Có những dự đoán trước đây cho rằng cuộc chiến phải chấm dứt trước mùa đông vì điều kiện khắc nghiệt của xứ sở Afghanistan. Nhưng đến nay hầu hết đều tin rằng chiến tranh sẽ tiếp diễn qua mùa đông và bộ Quốc phòng Hoa Kỳ cũng đã nói là sẽ không có ngừng nghỉ trong thời gian lễ Ramadan, một lễ quan trọng kéo dài nhiều tuần từ giữa tháng 11 của người Hồi Giáo.

Yếu tố quan trọng nhất trong trận chiến này là tin tức tình báo. Để thực hiện việc này, Hoa Kỳ sử dụng tất cả các phương tiện kỹ thuật tân tiến và bí mật nhất, từ vệ tinh do thám cho đến máy bay có và không người lái, những phương tiện do thám điện tử... Song song với những hoạt động ấy là công tác của CIA phối hợp với các cơ quan tình báo Anh, Nga, Pháp, Pakistan. Mặc dầu chưa bao giờ chính thức nhìn nhận, người ta đều hiểu là đã có những nhân viên CIA và những toán biệt kích được đưa vào Afghanistan, hoạt động bí mật hợp tác với quân kháng chiến chống Taliban.

Cuộc hành quân đột nhập Afghanistan trong mấy tiếng đồng hồ đêm 19/10/2001 của trên 100 biệt kích Hoa Kỳ chưa phải là mở đầu cho giai đoạn chiến đấu trên bộ như người ta vẫn chờ đợi. Đó chỉ là một cuộc hành quân có tính cách thăm dò, với sứ mạng có thể bắt giữ các nhà lãnh đạo Taliban hay một số tù binh, thâu thập tình báo và phá hủy một vài cơ sở. Mục tiêu cũng như kết quả chính thức của trận đánh này không được giải thích rõ chi tiết.

Ngay từ đầu, Hoa Kỳ tỏ rõ không có ý định mở một trận chiến toàn diện ở Afghanistan. Ngoài máy bay và chiến hạm, những đơn vị bộ chiến được điều động đến vùng này không quá 50,000 và đều là quân đội thuộc bộ Tư lệnh Lực lượng Hành quân Đặc biệt (USSOCOM), đặt dưới quyền điều động của CenCom – bộ Tư lệnh Chiến trường Trung Đông – tổng hành dinh tại căn cứ Không quân McDill, Florida. Theo dự trù sẽ chỉ có những cuộc hành quân giới hạn của quân đội Hoa Kỳ với sự hỗ trợ của Lực lượng Đặc biệt Anh, Australia, hoặc thêm Canada và Pháp.

Sau ba tuần lễ chịu những trận oanh tạc dữ dội, phía Taliban không mau chóng tan rã như các quan sát viên đã hy vọng, trái lại dường như lực lượng chiến đấu của họ còn được củng cố tăng cường thêm với một số tình nguyện từ các quốc gia Hồi Giáo khác tới. Quân đội Taliban tổng cộng khoảng 45,000 trong đó 8,000 chí nguyện quân Ả Rập và Pakistan. Lữ đoàn 55, đơn vị ưu tú nhất, được đào tạo qua những căn cứ của mạng lưới khủng bố al-Qaeda, bao gồm dân Ai Cập, Saudi Arabia, Yemen và Sudan. Hàng ngàn dân Hồi Giáo quá khích mới đây đã từ Pakistan vượt biên giới vào Afghanistan để tham gia cái mà họ gọi là cuộc Thánh Chiến chống Hoa Kỳ.

Trong chiến lược của Hoa Kỳ, quân kháng chiến chống Taliban có một vai trò quan trọng. Ngoài Liên Minh Phương Bắc với khoảng 10,000 đến 15,000 quân do những chỉ huy dày dạn kinh nghiệm chiến trường Afghanistan, còn một số những đơn vị du kích thuộc những phe nhóm khác. Nhưng hầu hết số quân đội này không có đủ vũ khí hoặc hãy còn là vũ khí lỗi thời tuy gần đây đã được Nga cung cấp thêm. Một nhược điểm khác là thế liên minh của những toán quân này cũng không chặt chẽ qua một thời gian nội chiến đã kéo dài quá lâu.

Liên Minh Phương Bắc chiếm giữ một vùng lãnh thổ tây bắc Afghanistan và chiến tuyến giữa họ với

Một lính Liên Minh Phương Bắc ngồi canh gác trên mái bằng của một ngôi nhà tại tỉnh Qalai Dasht, miền bắc Afghanistan.

Taliban chỉ cách thủ đô Kabul từ 18 đến 25 dặm hầu như không có chuyển biến từ mấy năm gần đây. Với việc oanh tạc của Hoa Kỳ, phía Taliban có suy kém nhưng chưa đủ để Bắc Quân mở cuộc tấn công quyết định. Mãi tới sau hơn hai tuần lễ oanh tạc, máy bay Hoa Kỳ mới bắt đầu trực tiếp đánh vào tuyến phòng thủ của quân Taliban và Bắc Quân có vẻ vẫn đang còn chờ đợi hiệu quả nên chưa có chuyển động. Thêm một phức tạp khác về chính trị là quân Liên Minh Phương Bắc thuộc chủng tộc thiểu số Tajik trong khi đa số dân Afghanistan là chủng tộc Pashtun. Dường như yếu tố này đã khiến Hoa Kỳ chưa muốn hỗ trợ hoàn toàn cho họ chiến thắng và tiến chiếm Kabul.

Tờ *Irish Independent* phát hành tại Dublin, Ireland, vào đầu tuần lễ thứ tư của chiến dịch Enduring Freedom, đưa ra nhận định rằng các chiến lược gia Anh Mỹ trước sức đề kháng mạnh mẽ hơn trù liệu của Taliban, hiện nay đang duyệt xét lại kế hoạch. Do đó thay vì đưa bộ binh vào trận chiến ngay lúc này, các cuộc oanh kích không quân vẫn còn được tiếp tục dù cho rõ ràng là chỉ oanh tạc sẽ không thể nào đạt đến mục tiêu giải quyết vấn đề chống khủng bố.

Tờ *Pravda* tại Moscow nói rằng nhiều tướng lãnh Nga muốn gởi quân đến Afghanistan để trợ lực cho đồng minh người Tajik và Hoa Kỳ thì ủng hộ dân Uzbek trong Liên Minh Phương Bắc. Chính quyền dân Tajik đã bị Taliban lật đổ năm 1996. Pakistan thì hoàn toàn chống lại việc Liên Minh Phương Bắc chiếm giữ chính quyền ở Afghanistan và Hoa Kỳ cần sự ủng hộ của chính quyền Pakistan trong cuộc chiến chống khủng bố dù rằng rất nhiều dân Hồi Giáo Pakistan chống Hoa Kỳ oanh tạc Afghanistan.

Tờ *Turkish Daily News* ở Ankara, Thổ Nhĩ Kỳ, đăng tải những tin tức về sự kình chống nhau giữa các phe phái chống Taliban. Phe kháng chiến dân Pashtun muốn Hoa Kỳ chấm dứt oanh tạc vì cho rằng việc này chỉ có lợi cho Liên Minh Phương Bắc và dân Pashtun sẽ ủng hộ Taliban nhiều hơn.

Trong tình hình chính trị phức tạp như vậy ở Afghanistan thì về phía Trung Quốc, nhà cầm quyền Bắc Kinh tỏ lộ một vị trí khá trung lập đối với việc Hoa Kỳ đánh Afghanistan. Ngoài việc đưa ra một lời kêu gọi có tính nguyên tắc rằng Hoa Kỳ cần thận trọng tránh gây tổn thất cho thường dân và nên sớm chấm dứt chiến tranh, Trung Quốc dứt khoát đứng về phía các quốc gia chống khủng bố. Tờ *Nhân Dân Nhật Báo,* cơ quan ngôn luận chính thức của đảng Cộng Sản Trung Quốc loan báo những tin tức cả của CNN thông tấn xã Afghanistan AIP.

Thủ tướng Anh Tony Blair, hôm Chủ Nhật 28/10, một lần nữa xác định rằng cuộc chiến chống khủng bố là một trận chiến lâu dài và kêu gọi dân chúng Anh đừng nao núng. Lời tuyên bố này được đưa ra vào thời điểm mà quân Anh đang chuẩn bị tham gia chiến đấu trên bộ ở Afghanistan. Phát biểu tại Islamabad, thủ đô Pakistan, Thủ tướng Đức Gerhard Schroeder nói rằng những tổn thất về phía thường dân trong chiến dịch oanh tạc của Hoa Kỳ là điều bất hạnh, nhưng ông dứt khoát bác bỏ chủ trương ngừng chiến tranh trước khi loại trừ phe Taliban khỏi chính quyền ở Afghanistan.

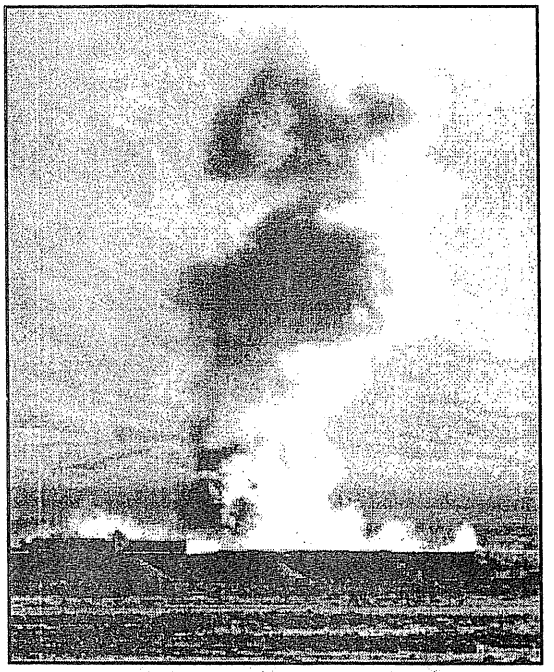

Bom nổ trên chiến tuyến của quân Taliban ở phía bắc thủ đô Kabul.

Một số đơn vị và phương tiện được dùng trong các trận đánh

Lực Lượng Đặc biệt

Được coi là thành phần tinh nhuệ nhất trong quân đội Hoa Kỳ và là chủ lực trong trận chiến chống khủng bố, có sứ mạng thực hiện những cuộc hành quân đột kích trên bộ với quy mô từ nhỏ đến trung

bình, chưa tới mức độ một trận chiến toàn diện. Tổng số quân các Lực lượng Đặc biệt của Hoa Kỳ khoảng 46,000. Đêm 20/10/2001 một toán hỗn hợp khoảng trên 100 binh sĩ thuộc các đơn vị trong lực lượng này - phần lớn là biệt động (rangers) - đã hành quân không vận vào Afghanistan, nhảy xuống bằng dù và rút đi bằng trực thăng mấy giờ sau.

U.S. Army Rangers

Trung đoàn 75 Biệt động thuộc Lục quân là đơn vị chính trong các lực lượng hành quân đặc biệt của Hoa Kỳ. Đặt căn cứ tại Fort Benning, Georgia, Biệt động quân nhảy dù có thể hành quân ở cấp đơn vị lớn, sẵn sàng đến bất cứ nơi nào trên thế giới trong vòng 18 giờ. Ba tiểu đoàn thuộc trung đoàn có khả năng chuyên biệt cho từng loại công tác: tóm bắt tù binh, cứu con tin và phá hoại hậu phương địch. Khi đảm nhận những sứ mạng này, Biệt động quân thường hoạt động thành từng toán nhỏ cũng như khi phụ trách mở đường, thám sát thâu thập tin tình báo, đặt đầu cầu cho đại đơn vị.

Delta Force

Hoạt động từng đơn vị nhỏ với những nhiệm vụ tương tự như Rangers, nhưng được huấn luyện chuyên biệt với trình độ cao hơn cho những công tác mật bao gồm cả ám sát. Delta Force được thành lập khoảng năm 1977 theo kiểu SAS (Đặc vụ Không vận của Anh), đặt căn cứ tại Fort Bragg, North Carolina. Nội dung huấn luyện và sử dụng đơn vị biệt kích này thuộc bí mật quốc phòng. Tổng số quân của Delta Force khoảng 800.

Green Berets

Lực lượng Đặc biệt được biết với tên gọi là Green Berets, "Lính Mũ Nồi Xanh", tổ chức thành từng toán cấp tiểu đội. Các biệt kích không vận này đã quen thuộc trong chiến tranh Việt Nam. Nhiệm vụ chính của họ là những hoạt động mật, hỗ trợ cho các quân đội đồng minh với Hoa Kỳ, đặc biệt là trong vai trò cố vấn, huấn luyện viên chống du kích.

Biệt kích SEALS tập dượt vác xuống đổ bộ.

SEALS

Biệt kích của Hải quân Hoa Kỳ, xuất xứ từ những toán người nhái làm nhiệm vụ phá hoại dưới nước hay dọn bãi đổ bộ trong Thế Chiến II. Trong thập niên 1960, Hải quân thành lập những đơn vị SEAL đầu tiên để tiến hành những công tác bí mật, đột kích vào hậu cứ địch bằng những toán nhỏ khoảng trên dưới 10 người. Hiện nay có 6 đơn vị SEALS và một đơn vị chống khủng bố gọi tên là NSWDG (Nhóm Phát triển Chiến tranh Đặc biệt của Hải quân).

MEU

Thủy quân Lục chiến Viễn chinh (MEU) không hoạt động kiểu biệt kích mà là những đơn vị cấp lữ đoàn hay trung đoàn - quân số khoảng 2,200 - có khả năng triển khai nhanh và chiến đấu trong 60 ngày không cần tiếp tế. Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ có ba đơn vị MEU thường trực và một trừ bị. Hai trong số này thường xuyên đặt căn cứ hành quân ngay trên các chiến hạm lênh đênh ngoài biển, các đơn vị đặc nhiệm này bao gồm tàu tác chiến chở trực thăng chuyển quân, tàu đổ bộ và cơ giới thủy bộ, với sự trợ lực trực tiếp bởi không quân của Thủy quân Lục chiến và Hải quân.

Hàng không mẫu hạm

Trận chiến ở Afghanistan một lần nữa chứng tỏ vai trò quan trọng của các hàng không mẫu hạm. Với không lực xuất phát từ hàng không mẫu hạm, Hoa Kỳ tránh được phức tạp chính trị và ngoại giao khi phải sử dụng các căn cứ trên đất liền, phần lớn là ở các quốc gia Hồi Giáo tại Trung Đông.

Mỗi hàng không mẫu hạm và những chiến hạm trợ lực tạo thành một lực lượng đặc nhiệm, thông thường bao gồm cả một đơn vị thủy quân lục chiến cấp lữ đoàn, phụ trách một vùng biển trên khắp thế giới và là lực lượng viễn chinh có mặt nhanh chóng tại những nơi xảy ra khủng hoảng. Máy bay trên mẫu hạm có thể thực hiện những phi vụ oanh tạc hoặc không trợ trực tiếp cho những cuộc hành quân bộ chiến.

Trong chiến dịch Enduring Freedom, bốn hàng không mẫu hạm đang có mặt hoạt động trên biển Ả Rập, ba hàng không mẫu hạm nguyên tử trên có các phi đội máy bay chiến đấu oanh tạc và một hàng không mẫu hạm dùng làm sân xuất phát cho các máy bay trực thăng chở quân đổ bộ.

USS Enterprise CVN-65, hàng không mẫu hạm nguyên tử đầu tiên trên thế giới, hạ thủy năm 1960 và đã từng tham dự chiến tranh Việt Nam. Chiều dài 335.64 mét. Chiều rộng sân bay 75.60 mét. Trọng tải 91,037 tấn. Vận tốc tối đa 30 hải lý/giờ. Thủy thủ đoàn 3,350. Nhân viên thuộc phi đoàn 2,480. Số máy bay các loại: 85.

USS Carl Vinson CVN-70 và ***USS Theodore***

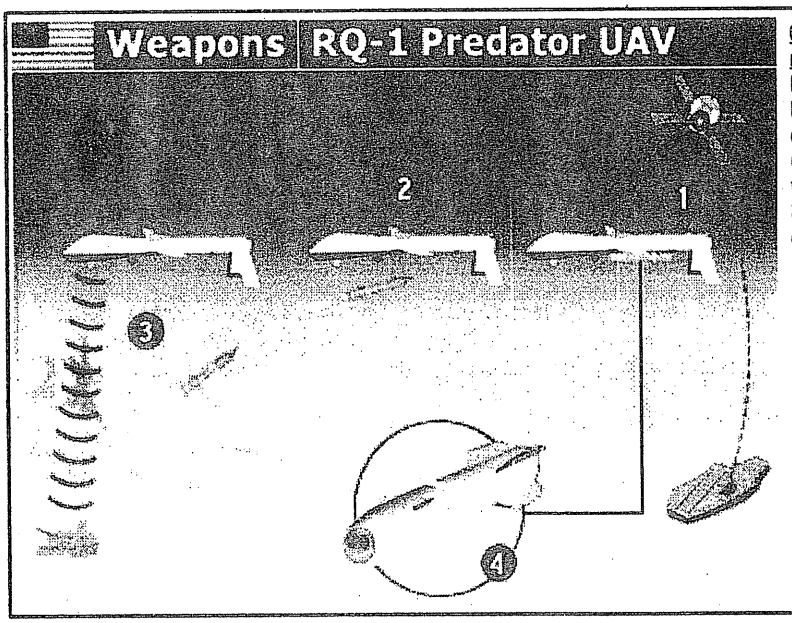

Oanh kích bằng máy bay không người lái

Lần đầu tiên máy bay không người lái được sử dụng để oanh kích trên chiến trường Afghanistan

(1) Predator phóng đi từ một phi trường hay mẫu hạm, được điều khiển từ xa qua vệ tinh và người điều khiển ở căn cứ có thể nhìn rõ mặt đất qua máy truyền hình và bộ phận thu tia hồng ngoại gắn trên máy bay

(2) Khi xác định rõ mục tiêu, điều khiển viên báo cho Predator phóng ra một trong những hỏa tiễn Hellfire

(3) Hỏa tiễn Hellfire tự động điều chỉnh đường bay hướng tới mục tiêu Hỏa tiễn Hellfire, nặng 100 pounds, nguyên thủy dùng gắn trên trực thăng võ trang, bay với vận tốc 950 dặm/giờ lâu trong vòng 5 phút với đầu đạn xuyên phá trước khi phát nổ

Roosevelt CVN-71 đều là những hàng không mẫu hạm nguyên tử được đóng sau chiến tranh Việt Nam, hạ thủy đầu thập kỷ 1980, trị giá mỗi chiếc khoảng 4.5 tỷ dollars. Chiều dài 332.85 mét. Sân bay rộng 76.80 mét. Trọng tải 98,586 tấn. Vận tốc 30 hải lý/giờ. Thủy thủ đoàn 3,200. Nhân viên thuộc phi đoàn 2,480. Số máy bay các loại: 85.

USS Kitty Hawk CV-63, vận hành bằng động cơ thường, thuộc thế hệ các hàng không mẫu hạm đóng trong thập kỷ 1950, đã tham chiến nhiều lần tại Việt Nam và thực hiện các phi vụ oanh tạc Bắc Việt cũng như yểm trợ chiến trường Nam Việt Nam. Chiều dài 323.8 mét. Sân bay rộng 76.8 mét. Trọng tải 72,720 tấn. Vận tốc 30 hải lý/giờ. Thủy thủ đoàn 3,150. nhân viên thuộc phi đoàn 2,480. Chở 85 máy bay các loại. Riêng lần này khi được điều động từ căn cứ ở Nhật Bản đến biển Ả Rập, Kitty Hawk không mang theo các máy bay chiến đấu và chỉ dùng để làm sân xuất phát cho trực thăng.

Không lực Hoa Kỳ trong chiến dịch Enduring Freedom

Gồm các máy bay của Không Quân đặt căn cứ trên đất liền và máy bay Hải Quân từ các hàng không mẫu hạm. Cho đến nay vì lý do chính trị, ngoại giao, những máy bay chiến đấu đặt căn cứ tại các nước Hồi Giáo như Thổ Nhĩ Kỳ, Saudi Arabia, Oman, Kuwait, UAE,... ít tham dự vào cuộc oanh tạc Afghanistan. Không quân sử dụng máy bay oanh tạc tầm xa, bay từ đảo Diego Garcia trong Ấn Độ Dương hoặc đến thẳng từ Hoa Kỳ.

Ba loại máy bay oanh tạc đang dùng ở chiến trường Afghanistan là:

B-2 Spirit, máy bay oanh tạc có hình dáng rất đặc biệt với khả năng tàng hình (Stealth Bomber) nghĩa là tránh được sự phát hiện của radar địch. Đây là máy bay đắt tiền nhất trên thế giới, trị giá mỗi chiếc khoảng 1.3 tỷ dollars và Không quân Hoa Kỳ chỉ có 21 chiếc loại này, tất cả đều đặt căn cứ trong nội địa Mỹ. B-2 bay lần đầu tiên năm 1988 và tới 1993 mới chính thức được đưa vào hoạt động, đóng tại căn cứ Không quân Whiteman, Missouri.

Đặc điểm: dài 69 feet, sải cánh 172 feet, cao 17 feet, 4 động cơ phản lực, vận tốc dưới tốc độ âm thanh, trần bay cao 50,000 feet, trọng lượng tối đa khi cất cánh 336,500 pounds trong đó mang theo bom đạn loại quy ước hoặc nguyên tử 40,000 pounds. Phi đoàn hai người. B2 có thể bay xa 6,000 hải lý và nếu được tiếp nhiên liệu trên không thì bay không nghỉ đến được bất cứ nơi nào trên thế giới và trở về. Trong phi vụ oanh tạc Afghanistan, hầu hết các máy bay B-2 đã bay liên tục gần 50 tiếng đồng hồ từ Whiteman AFB đến mục tiêu rồi trở về, chỉ có một số phi vụ đáp xuống Diego Garcia để nghỉ trong ít giờ.

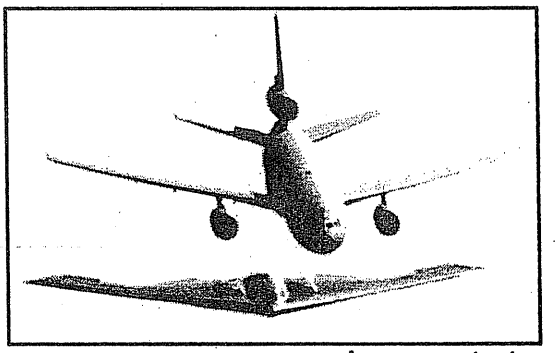

Một oanh tạc cơ tàng hình B-2 chuẩn bị nhận tiếp tế nhiên liệu từ một máy bay KC-10A.

B-1 Lancer

Máy bay oanh tạc chiến lược tầm xa, có khả năng bay liên lục địa không cần tiếp tế nhiên liệu. Loại máy bay này được nghiên cứu chế tạo từ thập kỷ 1960, thoạt tiên với mục đích mang bom nguyên tử. Đây cũng là loại máy bay đã gây nhiều tranh luận nhất trước cũng như sau khi bộ Quốc Phòng đã được cấp ngân sách sản xuất. Hiện nay Không quân Hoa Kỳ có khoảng máy bay loại này đang hoạt động với giá trên triệu dollars một chiếc.

Đặc điểm: dài 146 feet, sải cánh 137 feet lúc cất cánh và đáp, 79 feet khi bay nhanh xếp lại, cao 34 feet, 4 động cơ phản lực, vận tốc 900 dặm/giờ – 1.2 lần tốc độ âm thanh, trần bay cao 30,000 feet, trọng lượng tối đa khi cất cánh 477,000 pounds (máy bay không có nhiên liệu và bom: 199,000 pounds) . Phi hành đoàn bốn người. Mang được 84 bom quy ước Mark 82 mỗi trái 500 pounds và 30 bom CBU - 87/ 89/ 97. Trong chiến dịch Enduring Freedom, các máy bay B- 1B đặt căn cứ ở Diego Garcia trên Ấn Độ Dương.

B- 52H Stratofortress

Oanh tạc cơ khổng lồ và lâu đời nhất còn được sử dụng, có khả năng chở bom nguyên tử hoặc bom quy ước và hỏa tiễn bình phi Tomahawk. Sản xuất sau chiến tranh Triều Tiên và được sử dụng đầu tiên trên chiến trường Việt Nam, sau đó trong chiến tranh vùng Vịnh.

Đặc điểm: dài 159 feet, sải cánh 185 feet, cao 40 feet, 8 động cơ phản lực, vận tốc dưới tốc độ âm thanh, trần bay cao 50,000 feet; trọng lượng 185,000 pounds không có nhiên liệu và bom. Trọng lượng tối đa khi cất cánh 488,000 pounds. Trọng lượng bom đạn: 70,000 pounds. Bay xa 8,800 dặm không cần tiếp nhiên liệu. Phi hành đoàn 5 người. Trị giá mỗi chiếc 74 triệu. Hiện Không quân Hoa Kỳ còn sử dụng 85 chiếc.

NHỮNG CƠN MƯA THỰC PHẨM

Song song với những cuộc oanh tạc bom, đạn, hỏa tiễn của các chiến đấu cơ Hoa Kỳ xuống trận địa Afghanistan, trong các vùng do phe Taliban kiểm soát, các phi cơ vận tại Mỹ đã có những chiến bay nhân đạo, thả những trận mưa thực phẩm xuống cho dân chúng A Phú Hãn.

Cho tới nay vận tải cơ khổng lồ C17 của Không Quân Mỹ đã thả xuống cho dân chúng A Phú Hãn 800,000 bịch thực phẩm C ration, một loại lương khô mà quân đội Mỹ đã từng sử dụng trong chiến tranh Việt Nam. Trong ngày Thứ Ba 23/10 vừa qua, tới phiên làng Khoja Bahauddin được hưởng những cơn mưa móc từ trời cao này.

Thoạt nghe tiếng máy bay gầm rú lại gần, dân làng hoảng sợ, từ các căn lều vách đất chạy túa ra

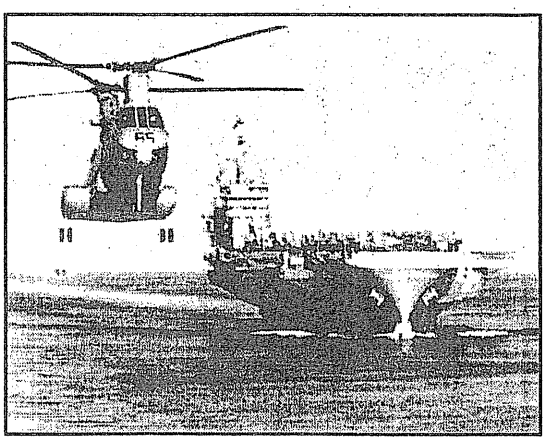

Trực thăng CH-46 bay bên cạnh hàng không mẫu hạm Carl Vinson làm nhiệm vụ cấp cứu khi có máy bay cất cánh hay hạ cánh.

ngoài tìm chỗ nấp, vì họ nghe có những tiếng động rớt trên mái nhà của họ. Họ tưởng là máy bay đến thả bom. Sharaf Ullah, một người dân làng này cho biết, chúng tôi đã tỉnh dậy từ lúc hai giờ sáng, vì tin là đã bị thả bom, nhưng khi nhìn kỹ chung quanh, thì chỉ thấy những bịch lương khô. Ullah tìm thấy năm bịch trong sân sau nhà. Anh cho biết, vợ anh chạy ra ngoài, bỗng nhiên một bịch khác rớt cách chị chưa đầy một thước, làm cho chị sợ phát bịnh luôn tới giờ này.

Với Sharaf Ullah, một người khó có thể tìm được một công việc nào trong một đất nước đang có chiến tranh, những túi lương khô rớt xuống từ trên trời, chỉ có nghĩa giản dị là các con anh có thực phẩm lót lòng. Bọn trẻ được ăn nho khô, bơ đậu phụng, cùng các loại bánh trong túi lương khô này, là những món ăn hiếm hoi, xa xỉ cho vùng đất nghèo đói, khô cằn và có nạn đói trong liên tiếp trong vài năm nay.

Lương khô hàng ngày đã được các chuyên viên Mỹ nghiên cứu, phát triển từ khi cứu trợ dân tị nạn Kurdish, thuộc vùng bắc Iraq trong thời chiến tranh vùng vịnh 1991. Nhiều túi lương khô nhà binh có cả hộp thịt heo, một loại thịt dân Hồi Giáo kiêng không ăn. Vì vậy năm 1993 Ngũ Giác Đài đã cho thực hiện một loại lương khô gọi là *"lương khô nhân đạo hàng ngày - Humanitarian daily ration"* mỗi bịch có đủ 2200 ca lo, phù hợp với các vùng đất mà trong đó người dân bị thiếu dinh dưỡng. Các túi lương khô này đều đã được nấu chín, có thể ăn ngay và được bỏ trong các bịch ny lông mầu vàng, khi thả không cần dù.

Vào ngày 4 tháng 10 vừa qua, Tổng Thống Bush đã quyết định cung cấp một ngân khoản 320 triệu đô la viện trợ nhân đạo cho Afghanistan, số tiền này sẽ dùng cho các dịch vụ thuốc men, thực phẩm, chăn màn, quần áo và lều tạm trú vì mùa đông đang tới.

CÁC HÌNH THÁI KHỦNG BỐ SINH HÓA

ST. TUAN

"09-11-01. You can not stop us. We have this anthrax. You die now. Are you afraid? Death to America. Death to Israel. Allah is great." (Tạm dịch: "11-09-01. Các ông không thể ngăn cản được chúng tôi. Chúng tôi có vi trùng antrax. Các ông chết bây giờ. Các ông sợ không? Sự chết đến với nước Mỹ. Sự chết đến với nước Do Thái. Allah thật cao cả.") Đó là nguyên văn lá thư gửi (ngày 17-9-01) đến ông Tom Daschle, lãnh tụ khối Đa số Thượng Viện. Trong thư có chứa một ít bột anthrax loại mạnh (high-grade)

Hai lá thư khác với nội dung tương tự đã gửi đến ký giả Tom Brokaw của NBC News ở New York. Một thư gửi từ Trenton, New Jersey (ngay 18-9-01) có chứa một ít bột màu nâu (brown granular). Thư kia gửi từ St. Petersburg, Florida (ngày 20-9-01) có chứa một ít bột trắng (white powder). Sau khi thử nghiệm, ngày 13-10-01 các giới chức CDC cho biết lá thư gửi từ Trenton chứa bột nâu có vi khuẩn anthrax, Bacillus anthracis. Ngoài ra, một bức thư khác gửi đến chủ bút nhật báo New York Post cũng bao gồm một dụng ý thâm độc tương tự.

Từ khi hiện tượng khủng bố sinh trùng anthrax xảy ra ở các tiểu bang Florida, New Yersey, New York và Washington DC đến nay đã giết hại ba người. Ông Robert Stevens là trường hợp đầu tiên - ("index case", bệnh nhân có dấu hiệu báo động nạn dịch của một chứng bệnh nhiễm trùng).

Người chủ biên hình ảnh Bob Stevens, 63 tuổi, của tạp chí The Sun thuộc công ty American Media Inc. Ở Boca Raton, Florida được bà vợ chở vào bệnh viện JFK Medical Center, Atlantis, FL. lúc 2 giờ sáng ngày 2-10-01, với triệu chứng nóng lạnh, ói mửa, mê sảng. Vào lúc 6 giờ sáng cùng ngày, ông Stevens đã không tự mình hít thở bình thường được nữa. Bác sĩ phải cho ông thở bằng ống khí ventilator. Các bác sĩ tại phòng cấp cứu khám nghiệm và nghi rằng ông bị bệnh sưng màng óc (meningitis). Đồng thời ban y tế nhà thương gọi Bác sĩ Larry Bush, Trưởng ban y tế Bệnh viện JFK đến để tham khảo ý kiến.

Sau sáu giờ đồng hồ khám nghiệm và sau khi xem kết quả từ phòng thí nghiệm siêu vi trùng khoảng trưa ngày 4-10-01, Bác sĩ Bush chứng nhận ông Stevens bị nhiễm vi trùng anthrax bằng đường phổi (phulmonary hay inhalation). Sang ngày hôm sau (5-10-01) ông Stevens qua đời.

Bác sĩ Bush nói rằng, "Từ lâu nay đâu có ai khám nghiệm hoặc nhìn thấy siêu khuẩn anthrax. Hơn nữa, đa số các y sĩ không có kinh nghiệm về chứng bệnh này. Vả lại, từ 100 năm qua chỉ có 18 vụ nhiễm trùng anthrax thể phổi ở Hoa Kỳ. Ngoại trừ ba vụ vừa rồi." Loại này có tỉ lệ tử vong rất cao khoảng 90 phần trăm, vì một khi chẩn được bịnh thì qua trễ rồi. Tuy nhiên nếu kịp thời, bệnh nhân có thể được chữa khỏi bằng các loại trụ sinh ciprofloxacin, penicillin, doxycycline hoặc amoxicillin.

Hai nhân viên sở bưu chính Brentwood vừa bị chết trong tuần qua, cũng vì nhiễm trùng anthrax thể phổi. Ông Joseph P. Curseen, 47 tuổi và ông Thomas L. Morris Jr., 55 tuổi. Cả hai làm việc tại trung tâm phân phát thư cho Quốc Hội Hoa Kỳ và các vùng khác ở Washington. Hai ông cư ngụ ở Maryland.

Các trường hợp điển hình trên đã gây nỗi lo sợ và làm khủng hoảng tinh thần dân chúng khắp nơi trên thế giới. Mặc dầu hằng ngày các giới chức Hoa Kỳ liên tục lên tiếng trấn an quần chúng bằng nhiều hình thức và biện pháp, nhưng theo các chuyên gia chống khủng bố sinh trùng và các thám tử điều tra những nạn dịch thuộc cơ quan Tình báo Dịch truyền nhiễm (Epicdemic Intelligence Service) thì dân chúng cũng nên học hỏi, biết phân biệt và nhận diện để đối phó với các loại vũ khí hóa học (chemical) và sinh trùng (biogerm) độc hại nhất hiện nay như: Anthrax, Smallpox, Bubonic plague, Botulinum toxin, Aflatoxin, Tularemia (Rabbit fever), Ebola (Hemorrhagic fever), Lassa fever, Mustard gas, VX, Sarin, Tabun và Soman.

Dưới đây là bản sơ lược các thể loại, triệu chứng, cách truyền nhiễm, thời kỳ tiềm phục, cách chữa trị khi bị nhiễm hoặc bị tấn công bởi các loại vũ khi sinh trùng và hóa học:

Anthrax (ung độc than) - sinh trùng

Triệu chứng: có triệu chứng ban đầu như cảm cúm, nóng lạnh, ói mửa, mê sảng, khó thở, hệ thống hô hấp ngưng hoạt động, có thể bị sốc rồi chết.

Cách truyền nhiễm: hít thở (inhalation), đường ruột/đồ ăn (ingestion), qua thể da khi đụng chạm với các súc vật mang bệnh (skin infection). Không truyền lây. Thời kỳ phát chứng: từ hai ngày đến sáu tuần sau khi được phát giác.

Cách chữa trị: chủng ngừa 6 liều (dose) trong thời gian 18 tháng, uống trụ sinh kịp thời loại Cipro, ciprofloxacin, penicillin, doxycycline, amoxicillin.

Smallpox (đậu mùa) - sinh trùng

Triệu chứng: nóng lạnh, mệt mỏi, nhức đầu và đau lưng, đôi khi đau bụng và mất thần. Nổi ngứa khắp cơ thể rồi trở thành mụt loét sâu, thường gây tử vong.

Cách truyền nhiễm: qua không khí, rồi từ người sang người hoặc qua khăn dường bị nhiễm uế. Lây khủng khiếp. Thời kỳ phát chứng: 12 đến 14 ngày.

Cách chữa trị: chủng ngừa sớm, hoặc trong vòng bốn ngày khi phát chứng. Hiện nay chỉ có 7 triệu liều thuốc chủng ngừa đậu mùa ở Hoa Kỳ. Chính phủ đang mua thêm 40 triệu liều thuốc nữa. Side effects: một trong 300,000 người được chủng ngừa sẽ bị viêm não.

Bubonic Plague (dịch hạch) - sinh trùng

Triệu chứng: nóng lạnh, ho, đờm có máu, khó thở, hủy diệt sự hoạt động của các cơ quan.

Cách truyền nhiễm: qua không khí tạo nên loại dịch thương hàn gây tử vong, nhiễm trùng cơ phổi. Thời kỳ phát chứng: từ một đến sáu ngày.

Cách chữa trị: chủng ngừa trước khi bị phát chứng, dùng trụ sinh streptomycin hoặc gentamicin.

Tularemia (Rabbit fever) - sinh trùng

Triệu chứng: nóng cao độ, thương hàn rồi nhiễm trùng. Gây tử vong bằng cách cắt đứt hệ thống hô hấp.

Cách truyền nhiễm: qua vết cắn của súc vật hoặc côn trùng, nước và thực phẩm có độc truyền qua đường ruột. Không truyền từ người. Thời kỳ phát chứng: một đến 14 ngày, thông thường từ ba đến năm ngày sau khi phát chứng.

Cách chữa trị: chủng ngừa chỉ giúp một phần uống thuốc kháng sinh do ycycline và ciprofloxacin.

Botulinum Toxin (chứng độc thịt muối) - sinh trùng

Triệu chứng: ban đầu bị mờ mắt, rồi các bắp thịt yếu dần, bị tê liệt, hệt thống hô hấp bất động rồi chết.

Cách truyền nhiễm: thông thường trong thực phẩm, qua màng niêm dịch trong miệng, qua hệ thống tiêu hóa, Botulism là một chất thể độc nhất được biết đến. Không truyền lây. Thời kỳ phát chứng: từ 2 giờ đồng hố đến 8 ngày, thông thường từ 12 đến 72 giờ đồng hồ.

Cách chữa trị: chữa bằng thuốc giải độc, khẩn cấp.

Mustard gas (khí mù tạc) - hóa chất

Triệu chứng: bị nung mủ lỡ loét trên da, mắt. Nếu hít vô sẽ bị lở loét trong cổ họng, phổi, ruột, đường tiêu hóa. Bị tổn thương lâu dài hoặc tử vong.

Cách truyền nhiễm: qua chất lỏng hoặc lớp khí mỏng như mây. Thời kỳ phát chứng: không đau đớn trong 24 giờ đồng hồ, sau khi các tế bào bị thiệt hại.

Cách chữa trị: không có thuốc giải độc, bệnh nhân phải được tẩy uế, mụt loét cần phải chữa.

Nerve agents: VX, Sarin, Tabun, Soman (các độc tố gây ảnh hưởng sự kích động thần kinh) - hóa chất

Triệu chứng: nếu bị liều nhẹ: nhức đầu, mờ mắt, đau ngực, nước bọt trào ra miệng. Bị liều nặng: khó thở, tay chân co quắp, gây tử vong do hệ thống hô hấp ngưng hoạt động.

Cách truyền nhiễm: bằng đường hít thở hoặc nhập nhiễm qua thể da (Sarin nhiễm qua da). Thời kỳ phát chứng: nếu bị liều quá nặng, toàn thân bất toại trong vài phút hoặc bị chết nhanh chóng.

Cách chữa trị: dùng thuốc Atropine càng sớm càng tốt. Phần lớn các độc tố tan đi trong vòng vài ngày, nhưng có loại vẫn lưu lại tại "phạm trường" vài tuần lễ./.

Còn nhiều thư Anthrax trong hệ thống bưu điện Hoa Kỳ
Y khoa tìm ra thuốc có thể trị Anthrax

Có thể còn nhiều thư nhiễm độc Anthrax đã được các tay khủng bố bỏ vào bưu điện hiện đang trên đường đến mục tiêu, theo cảnh giác của ông Andrew Card, Đổng Lý Văn Phòng Bạch Ốc cho biết vào ngày Chủ Nhật 28 tháng Mười vừa qua, cùng lúc với lời kêu gọi của giới chức y tế yêu cầu hàng ngàn nhân viên làm việc trong các phòng thư tại thủ đô Washington nên bắt đầu uống thuốc kháng sinh. Giới bác học từ trong các phòng thí nghiệm cũng cho biết hiện đã có hai khám phá mới có thể giúp các bác sĩ điều trị bệnh nhân hít phải Anthrax, vừa dùng các loại thuốc như Cipro và dùng chính ngay thứ độc chất do vi khuẩn Anthrax tiết ra để loại trừ chúng.

Tuyên bố trên chương trình Fox News Sunday, ông Card cho biết, sở bưu điện cũng như FBI hiện đang nỗ lực hết sức để đối phó, đồng thời kêu gọi mọi người hãy cẩn trọng và tự đề phòng. Bưu điện đã ký một hợp đồng $40 triệu mỹ kim để mua tám máy dùng tia electron nhằm "khử trùng" mọi thư tín và bưu phẩm. Các máy này sẽ được dùng trước hết tại thủ đô, là nơi mối đe dọa Anthrax đã lan rộng từ phòng thư Quốc Hội, tới Bạch Ốc, Tối Cao Pháp Viện, và CIA. Bác Sĩ Anthony Fauci thuộc Viện Y Tế Quốc Gia cho biết hiện đã tìm ra kháng sinh Doxycyline có thể dùng để chữa trị bệnh nhân hít phải Anthrax, thay vì dùng Cipro là thứ thuốc đưa lại nhiều phản ứng phụ (side effect) không tốt.

Khoảng chừng 68 tấn thư từ đã được tải từ thủ đô đến một nhà máy ở Lima, Ohio, để được tẩy trùng bằng tia "electron" là phương pháp trước nay vẫn dùng để tẩy trùng các y cụ trong bệnh viện.

Trong khi đó, từ trường Đại Học Wisconsin-Madison, ông John Young cho biết cùng với các đồng nghiệp tại đây và tại trường Đại Học Y Khoa Harvard, ông đã tìm ra một chất gọi là "hấp thụ Anthrax," gọi tắt là ATR (Anthrax Toxin Receptor). Chất này - có tác dụng ngăn Anthrax giết hại các tế bào khác - có thể được dùng để bảo vệ những người đã hít phải Anthrax. Tuy nhiên, khám phá này vẫn còn chưa được thí nghiệm ngay trên loài vật. Ngoài ra, theo một báo cáo đăng trong báo Nature, các khoa học gia khám phá ra được cấu trúc giết người trong độc chất mà Anthrax tiết ra. Với khám phá này, các khoa học gia có thể chế ra được những phân tử hấp thụ độc chất này và vô hiệu hóa chúng./.

DƯ LUẬN BÁO CHÍ THẾ GIỚI VỀ VỤ KHỦNG BỐ 9.11

NPBT
sưu tầm và dịch thuật

Lời tòa soạn.- *Sau biến cố 9-11, một điều chúng ta cần tìm hiểu rõ là dư luận các nước trên thế giới nghĩ thế nào về biến cố, nỗi khổ đau của người Mỹ và phản ứng của dân tộc Mỹ?*

Bài này gồm trích dịch các bài bình luận của báo chí Hoa Kỳ được xem là tiêu biểu phản ảnh quyết tâm diệt khủng bố của người Mỹ, được giới báo chí châu Âu và châu Á trích, dịch đăng lại trên các tờ báo lớn của mình; phần trích, dịch dư luận quần chúng các nước Ả Rập và Cận Đông phần nhiều thuộc Hồi giáo; và sau cùng dư luận các nước vốn trước đây có khuynh hướng chống chủ nghĩa tư bản Hoa Kỳ, như Nga và Trung Hoa.

*

Trích báo New York Post, bài xã thuyết được trích dịch trên các báo Âu, Á.

Giờ đã điểm để trừng phạt, không cần phân định là ai.

Ngày hôm nay chiến tranh đã đánh vào nước Mỹ. Một cuộc chiến tranh không chút mơ hồ, do dự. Trước ngày thứ Ba (thứ Ba, 11 tháng Chín 2001) quân sát nhân núp trong bóng tối giết người và phá hoại nhằm mục tiêu chính trị, chỉ hoạt động trong một phạm trù nhỏ hẹp. Như tháng Hai năm 1993, tấn công vào tòa nhà Thương mãi Thế giới (World Trade Center, WTC). Như tháng Sáu 1996, tại Saudi Arabia và Bahrain, ám sát một số quân nhân Hoa Kỳ. Như năm vừa qua, tháng Mười 2000, tại Aden, khủng bố chiến hạm USS Cole. Mỗi lần khủng bố, chúng chỉ gây tổn thất nhẹ. Và mỗi lần khủng bố xảy ra, phản ứng (của nước Mỹ) cũng thu gọn trong phạm vi tôn trọng luật pháp quốc tế. Tổng thống Clinton ngày đó cũng đã bàn tới việc nước Mỹ xin bồi hoàn công lý.

Nhưng lần này, sức tàn phá, cảnh máu chảy thịt rơi vượt quá mức khủng khiếp. Và Tổng thống Bush đã lên tiếng xin thực thi công lý. Thế cũng chưa đủ. Dẹp cái lập luận của Clinton, "xin hội đủ bằng chứng để đem trình luật pháp." Vào lúc này *phải đánh, không cần phải suy xét thận trọng, đánh với tất cả sức mạnh của Hoa Kỳ*, tiêu diệt những điểm hữu hình, xác thực ta nhìn thấy ở đối phương. Và như vậy, cũng chỉ là điểm khởi đầu.

Ngày 7 tháng Chạp năm 1941 (Pearl Harbor) là một ngày nhục nhã trong lịch sử Hoa Kỳ. Sáng hôm sau, Tổng thống Hoa Kỳ Franklin Roosevelt, đã tuyên bố trước lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ là nước Mỹ sẽ trả đũa và chiến tranh chỉ chấm dứt lúc nào người Hoa Kỳ thỏa mãn (uất hận).

Ngày hôm nay, WTC tiêu tan thành tro bụi, và Ngũ Giác đài đang bốc cháy. Sáu mươi năm trước, chúng ta chỉ thỏa dạ khi quân thù đầu hàng không điều kiện. Ngày nay cũng phải vậy. Đêm thứ Ba Tổng thống đã tuyên bố là Hoa Kỳ bị gây hấn bởi lẽ Hoa Kỳ là "một ngọn đuốc tự do" trên thế giới. Điều đó hoàn toàn là sự thật. Giờ đã điểm để phản công (tiêu diệt quân khủng bố).

Tóm lược báo **The Wall Street Journal từ New York**

Ký giả Rachel Zimmerman

"Những kẻ chủ trương phản chiến thập niên 60, 70 trở thành **ái quốc tuyệt đối**"

Khi xảy ra chiến tranh Việt Nam và Irak, các nhân vật này được tiếng là "thiên tả," cầm đầu các cuộc biểu tình phản chiến. Nhưng ngày nay *phản chiến trở thành chủ chiến*, giương cao ngọn cờ ái quốc.

Năm 1968 đảng Dân Chủ họp đại hội tại Chicago bầu ứng viên tổng thống. Xuất hiện "Bảy nhân vật Chicago" (seven Chicagoans) mà Lee Weiner là lãnh tụ, suốt ngày biểu tình phản chiến Việt Nam và đi ở tù. Năm nay ông ta 62 tuổi, sống ở Connecticut, cũng làm nghề đấu tranh xã hội (Mặt trận chống Báo chí xuyên tạc). Từ ngày xảy ra biến cố 11 tháng Chín, ông cụ "hippie" này đổi hẳn lập trường chính trị: "Ngày trước chúng tôi chống đối chiến tranh Việt Nam... Tôi nghĩ là cách tranh đấu chống tội ác hữu hiệu nhất là mở cuộc chiến tranh thành thật, dùng phương tiện bạo động."

Weiner không phải là nhân vật tả phái độc nhất thay đổi lập trường. Cả nghìn người Hoa Kỳ được tinh thần ái quốc nung nấu, lần đầu tiên trong đời nghĩ đến việc "tiêu diệt kẻ thù bằng vũ lực." Danny

Kaiser 65 tuổi, giáo sư Đại học Lawrence College, vào thập niên 60 xúi giục sinh viên đào ngũ phản chiến, tuyên bố "Ngày xưa tôi luôn luôn kêu gọi Hoa Kỳ phải lập tức về nước từ Việt Nam, ngày nay tôi kêu gọi phải lập tức xua quân tiêu diệt chúng nó" (quân khủng bố).

Bây giờ ta bình tĩnh lắng tai nghe dư luận các quốc gia Hồi giáo, vừa run sợ vừa vui mừng.

Dư luận của Irak, quốc gia thù nghịch nhất của Hoa Kỳ.

(Tóm lược của *Courrier International*, số ngày 19 tháng Chín) Đài truyền hình Irak, đêm thứ Ba 11 tháng Chín, đã gọi cuộc thảm sát là "cuộc tấn công của thế kỷ," nhấn mạnh là Hoa Kỳ xứng đáng bị trừng phạt như vậy, bởi lẽ đã gây ra "những tội ác đối với nhân loại."

Đài BBC thâu nhận tin tức phát thanh từ Irak: "Các cuộc nổ dữ dội tại các trung tâm quyền lực Hoa Kỳ, đặc biệt tại Ngũ giác đài là một tát tai đau đớn vào mặt chính khách Mỹ buộc chúng phải chấm dứt bá quyền vi pháp trói buộc nhân dân thế giới."

"Các trung tâm quyền lực Hoa Kỳ bị sụp đổ tan hoang chứng minh sự sụp đổ toàn diện của đường lối chính trị Hoa Kỳ đi ngược lại các giá trị nhân bản, yểm trợ đường lối của Do Thái trong tất cả các cuộc đàm phán quốc tế để chúng chà đạp dân tộc Palestine và để thực hiện mục tiêu tối hậu là thiết lập nền trật tự mới của Hoa Kỳ trên hoàn vũ."

Dư luận từ Trung Đông

(qua nhật báo *Al Quds al-Arabi*, của cộng đồng Ả Rập xuất bản tại Luân Đôn)

"... người Hoa Kỳ không làm gì được Bin Laden và đồng chí của ông ta đâu. Năm trước, Hoa Kỳ đã phóng 75 hỏa pháo vào các trung tâm chiến lược của Afghanistan, (và không thâu hoạch chút kết quả nào). Quốc gia Afghanistan đùm bọc Bin Laden đã hoàn toàn bị hủy hoại, nhân dân sống dưới thời đại đồ đá.

Chúng ta tiếc thương mấy chục người đã bỏ mình (nguyên văn: *mấy chục người, dizaines de personnes*) tại Hoa Kỳ và chúng ta chỉ có thể lên án hành động khủng bố đó đã không phục vụ được một chính nghĩa nào, dù hành động sai hay đúng. Nhưng đồng thời, chúng ta thấy bổn phận phải đặt câu hỏi với công dân Hoa Kỳ là vì sao quân khủng bố lại nhắm vào cơ sở các tòa đại sứ, các cao ốc và trụ sở Bộ Quốc phòng của nước Hoa Kỳ (để mà phá hoại).

Chính trị đối ngoại của nước Mỹ chuyên nhìn hoàn vũ qua lăng kính của nước Do Thái đã khiến họ yểm trợ cùng mình các cuộc gây hấn của Do Thái và phong tỏa các quốc gia Ả Rập và Hồi giáo. Như vậy, Hoa Kỳ tự chuốc lấy việc trở thành quốc gia bị thiên hạ ghét hận nhất. Chúng ta ước mong là chính phủ Hoa Kỳ sẽ suy nghĩ nhiều hơn đừng để bị lôi kéo trở thành mục tiêu của những cuộc khủng bố sân hận trả thù (còn xảy ra liên miên)...

Dư luận từ Algeria, Bắc Phi *(như Việt Nam, thuộc địa cũ của Pháp)*

Tuần báo L'*Expression*, xuất bản tại Alger.

Đáng đời chú Sam!

Những người (gọi là quân) khủng bố đã thực hiện được một kỳ công gây sự khâm phục của các dân tộc bao lâu bị ức hiếp trên hoàn vũ, và những người trong bao lâu nay bị chú Sam khinh miệt. Trong cuộc đời này, bất công luôn tạo ra bạo động. Ngày hôm nay Hoa Kỳ phải trả cái giá đã luôn luôn đồng mưu, tán trợ nước Do Thái, và (trong quá khứ) đã yểm trợ các quốc gia thực dân cướp nước, ngự trị, tàn phá bao nhiêu dân tộc chúng đã bóc lột không tiếc thương.

Thử đơn cử ví dụ dân tộc Palestine, hằng ngày bị dân Do Thái tàn sát, ví dụ dân Irak thường xuyên bị người Hoa Kỳ miệt thị, đấy không phải là bằng chứng của bất công hay sao?

Cuộc tấn công ngày 11 tháng Chín loan báo thêm một lời cảnh cáo quan trọng, đủ sức thuyết phục, nếu chúng ta nhớ lại năm 1994 tháng Mười hai, một chuyến bay Airbus của hãng Air France đã bị quân ái quốc Hồi giáo chiếm đoạt, định phóng vào tháp Eiffel! Vậy ta nên hô to: Đáng đời chú Sam, đáng đời các quốc gia Âu châu đang tiếp đón và nuôi dưỡng ngay trên lãnh thổ của chúng những tổ chức (chúng gọi là) khủng bố!

(Ahmed Fattaani, bình luận gia).

Dư luận nước Liban (quốc gia thuộc khối Ả Rập Cận đông, trên bờ Đông Địa Trung Hải, trước là thuộc địa Pháp).

Nhật báo *The Daily Star*, xuất bản tại kinh đô Beyrouth.

Sau biến cố, lập tức người Hoa Kỳ đối chiếu với cuộc tàn sát lịch sử năm 1941 tại Pearl Harbor. Điều quan trọng là người Hoa Kỳ tìm lại được cái tinh thần (thượng võ tốt đẹp), sau Thế Chiến Hai, họ đã xây dựng lại hai quốc gia Đức và Nhật bị tàn phá điêu linh. Dĩ nhiên phải có một phản ứng quân lực mạnh mẽ bây giờ, nhưng mỗi một chúng ta đều mong ước không xảy ra một cuộc chiến tranh toàn diện, sớm tái lập hòa bình... (Người Ả Rập không hiểu người Mỹ), sau biến cố, ta ngạc nhiên thấy đa số người Mỹ vẫn giữ được đầu óc minh mẫn, cởi mở, không hận thù. Nếu những nhà chuyên viên tìm được bằng chứng Bin Laden, hay là một tên vô lại nào cỡ của y, phạm tội, ta cũng mong là nước Mỹ không bị chúng (Bin Laden và đồng bọn) dẫn dắt vào một đường lối chính trị sai lầm, mà người Hoa Kỳ sẽ nhận định rõ để sửa chữa những điều bất công ở

miền Cận đông. Phản ứng lệch lạc sẽ đẩy cả miền Cận đông xuống vực thẳm (mà người Hoa Kỳ phải gánh trách nhiệm).

Dư luận tại Châu Âu

Từ nước Anh, đồng minh thấm thiết của Hoa Kỳ

Trích báo *Guardian*, xuất bản tại Luân Đôn, mỗi ngày 400,000 số, đại diện cho tinh thần dân chủ của báo chí, tả khuynh.

"Xin giữ bình tĩnh, người bạn vàng Hoa Kỳ"

Chúng ta tất cả phải chia xẻ nỗi đau đớn của người Hoa Kỳ. Vì quá đau đớn, phản ứng của người Hoa Kỳ rất nguy hại. Hoa Kỳ bị tổn thương, và tự nhiên sẽ thu mình lại. Trong những tháng sau đây, nhiều lúc Hoa Kỳ đã đứng vào địa thế chênh vênh nguy hiểm trên nhiều vấn đề đối ngoại. Cái mặc cảm người thủ thành bị công hãm (của người Hoa Kỳ) cần phải được chúng ta giải vây bằng mọi giá. Vì đó là một điều chiến thắng của quân khủng bố. Hoa Kỳ cũng phải ước lượng đúng mức hoạt động trả đũa, nhất là về mặt quân sự. Phản ứng tức thời (của người bị đòn oan) là phải trả đũa một người nào gây chuyện. Và tiếp tục trả đũa, trả đũa... Cần bình tĩnh suy nghĩ. Xin bớt nóng giận "Keep cool"!

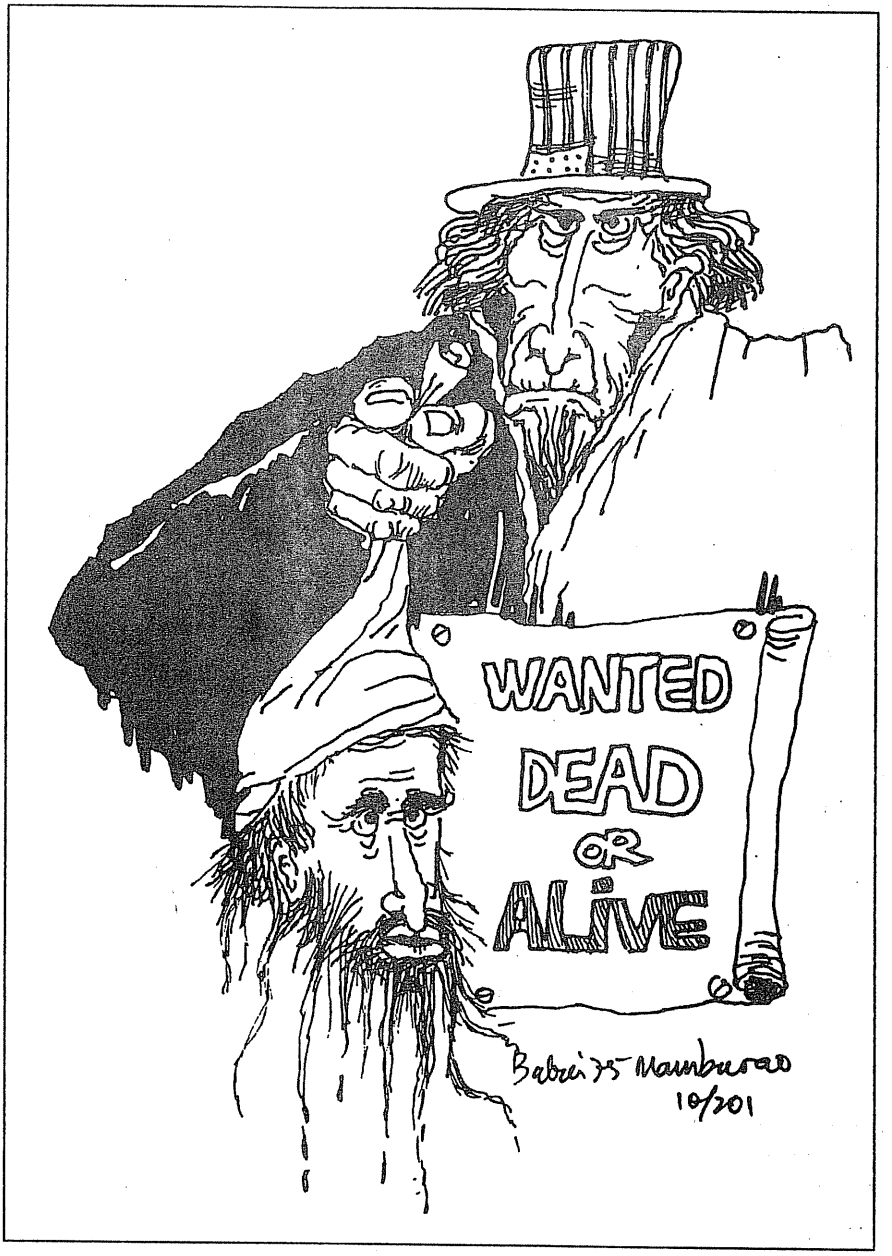

Từ nước Ý Đại Lợi

*Trích báo *La Stampa*, ở Turin:

Biến cố vừa qua không chỉ tổn thương Hoa Kỳ, mà toàn thế giới bị thương tổn. Cả thế giới trên đà toàn cầu hóa bỗng thấy ảo vọng tiêu tan của một cuộc thịnh vượng được nền kinh tế mậu dịch tự do đem lại, ảo vọng tiêu tan của một thế giới không biên giới, di cư không bó buộc, đời sống xã hội vươn lên tân tiến, tất cả sự kiện đó phải để lại sau lưng.

Nước Ý đứng hàng đầu xung phong liên kết với Hoa Kỳ, không còn chi để do dự, không còn lý do như ngày xưa biểu tình chống đối Hoa Kỳ...

*Trích báo *Il Fogilo del Fogli* xuất bản tại Milan:

"Hết thủ đoạn nghi binh chống toàn cầu hóa"

Sau tấn đại bi kịch diễn trên đất Mỹ và tội ác chính trị đối với toàn cầu vừa qua (ít nhất là hai thế hệ sau con cháu của chúng ta còn nhắc lại với kinh hoàng xúc cảm), bắt đầu thấy một cuộc tấn công mới tiến đến thành lập một trật tự hoàn cầu mới

đảm bảo cho đời sống tự do của loài người. Trước biến cố, cho đến năm 1989, trật tự thế giới dựa trên quân bình giữa lực lượng khủng bố, một bên, và sức chịu đựng tập quán vào khủng bố, một bên. Nhưng từ lúc xảy ra biến cố, trật tự thế giới được chứng minh đã thành một lối ra vào không kiểm soát...

Ta phải lớn tiếng cảnh giác một thế giới vô trật tự như thế phải chấm dứt. Không còn một thủ đoạn nghi binh nào đem ra chống đối kế hoạch toàn cầu hóa, để cho các hành động khủng bố như biến cố vừa qua có thể xảy ra. Phải thiết lập ngay một hệ thống an toàn phòng bị về mặt quân sự, dựa trên mối tương quan thân thiện giữa Tây phương và hai nước Nga và Trung Hoa. Trong chiến lược mới này, Âu châu phải mạnh dạn đứng hàng đầu.

Từ nước Nga

*Trích báo *Rossia,* Mạc Tư Khoa:

"Giấc mơ Hoa Kỳ chấm dứt"

Đời đã chơi dân Mỹ một vố quá đau. Những gì hôm qua kẻ đi ngoài phố mồm nhai pop-corns mắt nhìn TV ngày nay đã xảy ra trên sự thật. Có điều là trong phim - mà chắc ngoài đời cũng vậy, người "tốt, good guys" thế nào cũng thắng...

Toàn thế giới đã đổi thay, tiếc là đang đổi thay hướng về tội ác. George Bush *cha* năm xưa tiên đoán thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ nhân văn toàn thắng. George Bush *con* chắc phải chứng minh nhân văn sụp đổ. Khi mà siêu cường độc nhất trên trái đất bị gục ngã, dù chỉ là một phần tinh thần, tất cả những gì kiến tạo từ sau Thế Chiến Hai tan vụn từng mảnh. Và tất cả chúng ta cũng phải chuẩn bị thay đổi như nước Hoa Kỳ.

*Trích từ tuần báo *Vremia MN*, Moscova:

Bình luận gia Dmitri Choucharine

"Văn minh hay man rợ?"

Thành phố bị công phá là nơi đặt trụ sở của Liên Hiệp Quốc, cũng là nơi nhóm Đại hội đồng năm 2001. Biến cố xảy ra là một thách thức đối với nền trật tự gọi là "mới", có vẻ như là chống đối với nước Nga - vì sao? Cái điều nguy hại nhất là trong giờ phút này ta xem những chuyện đã xảy ra không dính líu gì đến nước Nga. Cái tinh thần bài Mỹ sơ đẳng như vậy rất nguy hiểm cho nước Nga.

Đối với Hoa Kỳ cũng như đối với các quốc gia khác trên thế giới, tiếp tục đường lối chủ hòa đối với quân khủng bố là điều nguy hại nhất. Nền văn minh hiện đại đang tự sát nếu các quốc gia văn minh tỏ ra chia rẽ trước quân khủng bố đang hành động không lương tri. Chỉ có hai con đường, văn minh và man rợ, không lựa chọn được một lối đi thứ ba.

Dư luận Pháp

Không biết bao nhiêu lần người Hoa Kỳ đã đổ máu giải phóng nước Pháp và tái thiết nước Pháp, nhưng luôn luôn bất cứ hành động nào của nước Mỹ cũng bị Pháp lang sa... chê. Lần này cũng vậy, trừ những câu an ủi xã giao của Tổng thống Chirac, nước Pháp không những chẳng tích cực hành động như các nước Ý, Úc, Bắc Mỹ, Nam Mỹ... mà lại còn dạy Hoa Kỳ bài học chống khủng bố:

"Một bài học cho Hoa Kỳ chống khủng bố: Chánh sách chống khủng bố của Pháp" đăng trong The *Wall Street Journal Europe*, xuất bản tại Bruxelles.

Tóm lược bình luận gia cho rằng Hoa Kỳ và đồng minh Anh quốc quá chú trọng đến tự do cá nhân của mỗi công dân, bó tay các cơ quan cảnh sát và an ninh. Trái lại nước Pháp có một tổ chức chống khủng bố Division Nationale Antiterroriste có quyền kiểm soát và bắt giam những người tình nghi và nhờ vậy đã bẻ gãy được nhiều chương trình khủng bố do người Ai Cập sống ở Pháp gây ra.

Và sau cùng, từ Trung Hoa

Nhân Dân Nhật báo, cơ quan chính thức của đảng bình luận: "Từ vụ bắt cóc tổng thống nước Panama (tên trùm buôn lậu ma túy Noriega, LND) qua việc can thiệp bằng vũ lực ở Grenada, từ việc yểm trợ vô điều kiện nước Israel đến việc dội bom xuống Liên bang Nam Tư, chính sách can thiệp một chiều của Hoa Kỳ đã trở thành hình thức bạo động khủng bố lớn nhất trên thế giới." Bình luận gia là một đảng viên giáo sư đại học viết tiếp: "Trong nhiều quốc gia nghèo kém, thanh niên chỉ có hai cách lựa chọn: hoặc là phải nhìn theo người Mỹ và bỏ cái quan điểm truyền thống của mình; hoặc là phải đem xương máu ra bảo bọc vinh dự của xứ sở." Bình luận gia cũng diễn tả nỗi thương xót đối với nạn nhân ở Mỹ, nhưng kết luận: "Hoa Kỳ cũng vậy, phải lựa chọn. Hoặc là phải nghiên cứu lại chính sách đối ngoại và trên những vùng nóng bỏng hoàn cầu, lắng tai nghe tiếng nói nhân dân địa phương, áp dụng chính sách hòa hoãn nhân đạo; hoặc vẫn tiếp tục xem hoàn cầu là địa bàn hoạt động của vũ lực nước Mỹ, chỉ dùng tiếng nói của súng đạn mà thôi."

Cũng trong *Nhân Dân Nhật báo*, được dịch qua Anh ngữ trích lại từ *World Press*, Luân Đôn, ta đọc:

"Phương tiện quảng bá truyền thông Trung Hoa đã tường thuật từng sự kiện xảy ra, ngày lại ngày, không chút bình luận khen chê chính phủ Washington. Thái độ như thế (của chính phủ Trung Hoa) rất đứng đắn và toàn thể báo chí Trung Hoa cũng vậy. Nhưng thử hỏi nếu một biến cố tương tự xảy ra tại Bắc Kinh hay Thượng Hải, báo chí truyền thông của quý ngài bên Hoa Kỳ sẽ phản ứng thế nào? Đặc biệt là Tiếng nói Hoa Kỳ hay Đài phát thanh Á Châu Tự Do? Chắc chắn là quý vị đã lớn tiếng công kích chính phủ Trung Hoa, công kích hệ thống cộng sản... Vì sao, sau biến cố 11 tháng Chín, quảng bá truyền thông Hoa Kỳ không nhìn nhận duyên cớ gây ra bạo động gốc tại bá quyền Hoa Kỳ trên thế giới?".

TỔNG THỐNG NGUYỄN VĂN THIỆU QUÂN NHÂN THÀNH CHÍNH KHÁCH

VŨ THỤY HOÀNG

Cựu Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, vị tổng thống cầm quyền lâu nhất và là tiêu biểu của nền Đệ Nhị Cộng Hòa ở miền Nam Việt Nam, đã từ trần ngày 29/9/2001 tại vùng ngoại ô Boston, Hoa Kỳ, hưởng thọ 78 tuổi. Ông qua đời sau hai ngày hôn mê vì tai biến mạch máu não. Tang lễ đã được cử hành ngày 6/10. Thi hài ông được hỏa táng sau đó.

Mười năm ông Thiệu ở cương vị nguyên thủ quốc gia cũng là thời kỳ có nhiều biến cố quan trọng và sôi nổi ở Nam Việt Nam. Mỹ bắt đầu đổ quân tham chiến ở miền Nam, mở rộng cuộc leo thang oanh tạc miền Bắc, chiến tranh lấn sang cả Miên, Lào. Nhiều trận đánh sôi động với cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân, cuộc tấn công "mùa hè đỏ lửa." Nền đệ nhị cộng hòa được thành lập. Hòa ước Paris ra đời. Mỹ rút khỏi Việt Nam. Hòa bình bị phá vỡ bằng vụ Cộng quân tổng tấn công năm 1975, kết thúc số phận miền Nam Việt Nam trong cuộc thôn tính của Bắc Việt.

Ông Thiệu là tổng thống dân cử thứ hai của Việt Nam Cộng Hòa sau Tổng Thống Ngô Đình Diệm của Đệ Nhất Cộng Hòa, và cầm quyền lâu hơn ông Diệm. Từ quân nhân trở thành chính trị gia, ông Thiệu đã ổn định được tình hình, chấm dứt những xáo trộn liên tiếp xảy ra sau vụ lật đổ ông Diệm. Ông đã khéo léo củng cố được địa vị, nhưng cũng bị coi là độc tài, dung túng tham nhũng và bất lực trong chính quyền.

Ông Thiệu không có hấp lực mạnh mẽ để thu hút quần chúng, nhưng được tán trợ vì lập trường chống Cộng quyết liệt, và được khâm phục về khôn ngoan, sáng suốt, bản lãnh chính trị.

Tổng Thống Thiệu có lẽ muốn noi theo đường đi của Phác Chính Hy, vị tổng thống cùng thời với ông ở Đại Hàn Dân Quốc. Phác Chính Hy, dùng bàn tay sắt để nắm giữ quyền bính, đã đưa Nam Hàn từ một nước bị chiến tranh tàn phá trở thành hùng mạnh về kinh tế, trong lúc phải lo đối phó với hiểm họa xâm lăng của Bắc Hàn. Ông Thiệu, trong cuộc phỏng vấn dành cho Peter Jay của báo Washington Post

Cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu

vào dịp bầu cử độc diễn năm 1971, đã tỏ ý ngưỡng mộ quân nhân kiêm chính khách họ Phác và gọi là "superman."

Ông Thiệu được Mỹ ủng hộ, một yếu tố quan trọng để tồn tại trong chính trường Nam Việt Nam. Mỹ cũng cần ông, vì ông giữ được tình trạng ổn định ở trong nước. Nhưng ông đã nhiều lần cưỡng chống lại Mỹ.

Ông đã mạnh mẽ chống đối lập trường của Mỹ trong cuộc hòa đàm Paris. Ông giữ vững chủ trương "bốn không:" không liên hiệp với Cộng sản, không nhường đất cho Cộng sản, không cho Cộng sản hoạt động ở Nam Việt Nam, không trung lập thân Cộng. Ông không chịu cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam họp chung tại cuộc hòa đàm Paris nên kéo dài cả mấy tháng việc bàn cãi hình thức chiếc bàn ngồi họp. Khi Mỹ và Bắc Việt thỏa thuận bản dự thảo hiệp ước vào tháng 10/1972, ông quyết liệt chống đối ba điểm:

- quân Bắc Việt không rút khỏi miền Nam Việt Nam trong lúc quân đội Mỹ ra đi,
- thành lập tại Nam Việt Nam chính phủ ba phe

từ cấp trung ương tới cấp xã,

- Đông Dương chỉ có ba nước Việt, Miên, Lào (ngụ ý Bắc và Nam Việt Nam là một, chứ không phải hai.)

Ông kể lại đã bảo các viên chức Mỹ: "Các ông bán đứng miền Nam Việt Nam cho Cộng sản." Viên chức Mỹ trả lời: "Chúng tôi yêu cầu ông ký vào hiệp định này."

Sự chống đối của ông chỉ kéo dài được ba tháng. Trước áp lực nặng nề của Mỹ, khi Mỹ đã quyết tâm rút chân ra khỏi Việt Nam sau tám năm mệt mỏi vì không thắng được cuộc chiến, ông không còn cách nào khác đành phải đồng ý để thỏa hiệp Paris được ký kết vào tháng 1/1973. Ông chỉ ký sau khi đã cố đòi cho được Mỹ cam kết sẽ phản ứng trực tiếp và mạnh mẽ nếu Bắc Việt mở cuộc xâm lăng. Ông tin rằng hiệp ước Paris không mang lại hòa bình mà chỉ là cuộc ngưng bắn để Bắc Việt mở lại cuộc tấn công về sau. Ông đã nhìn thấy rõ mục tiêu tối hậu của Bắc Việt là tấn chiếm miền Nam để thống nhất xứ sở.

Trong cuộc phỏng vấn dành cho nữ ký giả Oriana Fallaci vào cuối năm 1972, ông ví sự bất đồng Việt, Mỹ "như vợ chồng đánh nhau, nhưng không là kẻ thù của nhau. Có đánh nhau thì đánh trong phòng ngủ, đóng cửa lại, đừng đánh nhau trước mặt con cái."

Ông Thiệu "không hẳn là người bị Mỹ giật giây. Ông thỉnh thoảng không nghe theo trong những vấn đề lớn, nhỏ. Ông là người phức tạp, có tài thao túng người Mỹ ngang với người Mỹ thao túng ông," theo ký giả Thomas Lippman viết trên báo Washington Post ngày 22/4/1975 sau khi ông Thiệu tuyên bố từ chức.

Trong bài diễn văn từ chức, với giọng xúc động và bất bình, giọt lệ lăn trên gò má, ông Thiệu đã kịch liệt công kích Mỹ bội ước, bỏ rơi miền Nam Việt Nam trước cuộc tấn công mãnh liệt của Cộng quân Bắc Việt. Ông nói: "Mỹ đã không tôn trọng lời hứa. Thật là bất công, vô nhân đạo, không đáng tin cậy, vô trách nhiệm." Theo ông, Tổng Thống Nixon đã hứa sẽ "can thiệp trực tiếp và mạnh mẽ bằng quân sự" nếu Cộng quân xâm lấn Nam Việt Nam. Khi Bắc Việt tấn công năm 1975, lần lượt chiếm đoạt các thành phố, ông Thiệu cũng như nhiều giới chức và người dân Việt Nam vẫn tin Mỹ không bỏ rơi Nam Việt Nam, mà sẽ cho phi cơ trở lại oanh tạc Cộng quân để giải cứu đồng minh. Nhưng tình hình ở Mỹ đã thay đổi. Nixon đã từ chức sau vụ Watergate. Nixon, dù có còn tại chức, cũng khó làm được điều đã cam kết vì bị quốc hội và dân Mỹ bó tay. Dân Mỹ đã chán ghét chiến tranh và không muốn trở lại tham chiến nữa.

Ông Thiệu đã bị nhiều người cho là có trách nhiệm về việc miền Nam Việt Nam sụp đổ, vì quyết định triệt thoái Pleiku và Kontum sau khi Ban Mê Thuột thất thủ. Khi tuyên bố từ chức, ông Thiệu đã "nhận hết trách nhiệm về những gì tốt hay xấu" đã xảy ra trong nhiệm kỳ tổng thống của ông. Việc rút bỏ những vùng dân cư thưa thớt để về phòng thủ những khu trù phú, đông dân đã được các giới Việt Mỹ trù liệu trong trường hợp quân viện Mỹ bị cắt giảm. Cuộc triệt thoái đã được thi hành vội vã, lại không được hoạch định chu đáo, đã kéo theo sự gãy đổ tại Quân Khu 2 và Quân Khu 1 rồi đưa đến thảm bại. Dù không bỏ vùng cao nguyên, ông Thiệu, hay bất cứ người nào khác, cũng khó ngăn cản được cuộc tấn kích của Bắc Việt khi Nam Việt Nam không có không lực Mỹ yểm trợ, và phải đối đầu với lực lượng quá chênh lệch của Cộng sản. Cộng quân đã từng đương cự trong nhiều năm với cả hơn một triệu quân của Việt Nam Cộng Hòa và lực lượng 600.000 quân của Mỹ và đồng minh có thêm phi pháo hùng hậu yểm trợ. Nay Mỹ và đồng minh đã rút đi hết, quân lực Cộng Hòa làm sao chống đỡ nổi khi phải đơn thương chiến đấu. Không có Mỹ yểm trợ, Nam Việt Nam không tồn tại được trước hiểm họa Cộng sản.

Liên danh Thiệu-Kỳ

Ngôi sao chính trị của ông Thiệu, cũng như của Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ, bật sáng trên vòm trời chính trị Việt Nam vào năm 1965, khi hai ông ra lãnh đạo đất nước. Nam Việt Nam vừa trải qua những cuộc khủng hoảng chính trị gần như thường xuyên từ sau vụ lật đổ Tổng Thống Diệm. Bên cạnh bốn năm cuộc đảo chánh, phản đảo chánh của quân nhân, còn có những cuộc biểu tình xuống đường của Phật Giáo, Công Giáo và sinh viên. Nội các thay đổi xoành xoạch. Trong thời gian 19 tháng, Nam Việt Nam có tới 10 chính phủ. Quân đội nắm quyền rồi bị phản đối, bèn trao lại cho dân sự. Dân sự tranh chấp nhau, không giải quyết được bất đồng, nên trao trả quyền bính cho quân đội. Hai tướng Kỳ, Thiệu bước ra sân khấu và được nhóm tướng trẻ hậu thuẫn. Tướng Kỳ nhận chức Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, tức thủ tướng. Tướng Thiệu giữ chức Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, tức quốc trưởng. Ông Kỳ nắm giữ thực quyền điều hành quốc sự. Ông Thiệu đóng vai trò có tính cách tượng trưng. Tướng Kỳ được coi là bay bướm, bộc trực, năng động. Tướng Thiệu được kể là nhẫn nại, thận trọng, mưu trí. Ít ai dám nghĩ hai ông tồn tại được lâu trong bối cảnh chính trị quá giao động của miền Nam Việt Nam hồi đó.

Hai tướng Thiệu, Kỳ cầm quyền được chín tháng thì xảy ra vụ biến động Phật Giáo miền Trung, hậu quả của việc cách chức Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh Quân Khu 1. Lúc này quân đội Mỹ đã

có khoảng 200.000 quân tham chiến tại Nam Việt Nam và Mỹ đã quá chán ngán cảnh xáo trộn, sợ ảnh hưởng tới cục diện cuộc chiến. Cuộc biểu tình của Phật Giáo sau đấy bị dẹp yên, nhưng đòi hỏi tổ chức bầu cử được thực hiện. Quốc hội lập hiến được bầu lên. Hiến pháp mới được ban hành. Cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội được xúc tiến vào năm 1967.

Cuộc bầu cử tổng thống bộc lộ rõ sự tranh chấp quyền hành giữa hai Tướng Thiệu, Kỳ. Cả hai đều tuyên bố ra tranh cử và chuẩn bị cuộc chạy đua. Tướng Kỳ lúc đó nắm thế thượng phong, rõ rệt lấn át Tướng Thiệu, và đã đặt được người thân tín vào những địa vị then chốt. Guồng máy tranh cử của Tướng Kỳ đã bắt đầu chạy. Tướng Thiệu, dù bị lép vế, đã nói nhất quyết ra tranh cử dù chỉ được một phiếu của mình và của vợ. Quân đội nhận thấy hai tướng đối địch nhau trong cuộc tranh cử sẽ chia phiếu của nhau, tạo phần thắng cho phe dân sự, nên chỉ muốn có một liên danh quân đội.

Cuộc họp 48 tướng tá của Hội Đồng Quân Lực được triệu tập vào cuối tháng 6/1967 để giải quyết vấn đề. Trong hai ngày đầu, phe thân ông Kỳ đã chỉ trích ông Thiệu "nát nước" đến nỗi một đại tá đi theo ông Thiệu về kể không dám nhìn thẳng vào ông Thiệu lúc đó vì sợ ông Thiệu mắc cỡ. Thế mà đến ngày thứ ba có cuộc bỏ phiếu về đề nghị hai ông đứng chung nhau, tình hình đã thay đổi. Rồi đến kết quả bất ngờ: ông Thiệu là ứng viên tổng thống đứng đầu liên danh, ông Kỳ đứng phó.

Giới thân cận ông Thiệu sau này nói rằng tính "lì" của ông Thiệu và sự ủng hộ của người Mỹ đã giúp ông Thiệu vượt thắng. Ông Thiệu biết nếu không tranh cử thắng, cuộc đời chính trị của ông sẽ tàn lụi.

Được hỏi về vụ này, Tướng Kỳ trong cuộc nói chuyện điện thoại sau khi có tin ông Thiệu qua đời, đã giải thích: "Nói thì không ai tin. Chẳng có ai áp lực được tôi lúc đó, kể cả Mỹ. Tôi hồi đó còn trẻ, coi danh vọng, chức tước không đáng một xu teng. Thấy ông Thiệu thích ra quá, thì tôi nhường, muốn về để bay bổng. Nhưng anh em bảo tôi đã hy sinh thì đi cho trọn con đường, là đứng chung trong một liên danh, chứ không thì ứng cử viên quân đội không thắng nổi với dân sự."

Liên danh Thiệu-Kỳ quả nhiên đắc cử, đoạt được 34.8% số phiếu bầu, trong khi 10 liên danh dân sự khác chia nhau số phiếu còn lại, mỗi liên danh từ 2 đến 17%.

Liên danh Thiệu-Kỳ thắng cử nhờ sự ủng hộ của quân đội và có sẵn chính quyền trong tay. "Guồng máy vận động tranh cử lúc đó nhờ cả vào ông Kỳ, chứ ông Thiệu lúc đó không có gì cả. Không có tiền bạc. Không có đủ người," theo lời ông Nguyễn Văn Ngân, đại diện cho ông Thiệu trong cuộc vận động tranh cử năm 1967 và sau này trở thành phụ tá thân cận của ông Thiệu.

Củng cố quyền hành

Thế mạnh của ông Kỳ còn tồn tại khi ông Thiệu mới lên làm tổng thống. Luật sư Nguyễn Văn Lộc, nhân vật đại diện cho ông Kỳ trong cuộc vận động bầu cử, được chỉ định làm thủ tướng. Người của ông Kỳ vẫn giữ nhiều địa vị quan trọng trong nội các và cơ cấu quân chính.

Nhẫn nại chịu đựng, ông Thiệu dần dần tìm cách giải trừ ảnh hưởng của ông Kỳ và củng cố quyền hành. Thủ Tướng Trần Văn Hương lên thay thế ông Lộc vào mùa hè năm 1968. Hơn một năm sau, thế của ông Thiệu vững mạnh hơn nữa khi ông bổ nhiệm Đại Tướng Trần Thiện Khiêm vào chỗ ông Hương. Đến năm 1971 ông dùng thế mạnh ngăn cản đương kim Phó Tổng Thống Kỳ tham gia cuộc bầu cử tổng thống để nắm chắc phần thắng trong cuộc tranh cử với Đại Tướng Dương Văn Minh. Vì quá mạnh tay không để ứng cử viên thứ ba nào tham dự, ông Thiệu trở thành độc diễn. Ông Minh, biết không thể thắng được trong một cuộc bầu cử có kết quả sắp đặt sẵn, đã rút tên khỏi cuộc chạy đua.

Bước vào nhiệm kỳ hai, ông Thiệu cũng cố địa vị hơn nữa. Vào năm 1972, Bắc Việt mở cuộc tấn công lớn ở cả ba Quân Khu 1, 2 và 3. Trận chiến kéo dài từ mùa xuân qua mùa hè. Quảng Trị bị chiếm gần ba tháng. Kontum bị tấn kích dữ dội. An Lộc bị bao vây ngặt nghèo trên hai tháng. Ông Thiệu đã nhân dịp này yêu cầu Quốc Hội ủy quyền đặc biệt, cho ông được ký sắc lệnh không cần quốc hội thông qua, để đối phó với tình hình trong lãnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế và tài chánh. Việc ủy quyền không khó tại Hạ Viện vì phe thân chính nắm đa số, nhưng tại Thượng Viện phe thân chính hơi yếu thế trước phe chống đối. Dự luật ủy quyền chỉ được thông qua trong một phiên họp bị phe chống đối tẩy chay vì Phủ Tổng Thống phối hợp với phe thân chính tại Thượng Viện, dùng thủ đoạn cô lập và ngăn cản ba nghị sĩ thuộc phe chống đối không tới họp được.

Đến cuối năm 1973 ông Thiệu nắm luôn được cả đa số ở Thượng Viện sau cuộc bầu cử trong đó liên danh của đảng Dân Chủ đắc cử cùng với liên danh được chính quyền yểm trợ. Đảng Dân Chủ, mà ông Thiệu giữ chức chủ tịch, là đảng duy nhất hội đủ điều kiện để hoạt động theo luật đảng phái được ban hành trước kỳ bầu cử.

Nắm vững được đa số ở cả Thượng và Hạ Viện, ông Thiệu nghĩ tới việc tu chính hiến pháp để dọn đường ra tái cử nhiệm kỳ ba trong cuộc bầu cử tổng thống được tổ chức cuối năm 1975. Vì phe thân chính chiếm tới 2/3 quốc hội, việc tu chính hiến pháp được tiến hành không gặp khó khăn. Chưa tới ngày

bầu cử thì miền Nam Việt Nam bị mất.

Con đường sự nghiệp chính trị của ông Thiệu đã thênh thang mở rộng, cũng như ông đã thăng tiến mau lẹ trong đời binh nghiệp. Ngay vào thời kỳ xáo động sau vụ đảo chánh ông Diệm, ông Thiệu vẫn nhẹ nhàng tiến bước mỗi lần có biến cố xảy ra. Ông luôn luôn đứng vào phe thắng. Mỗi lần có thay đổi chính trị là mỗi lần ông lên chức. Tham gia cuộc đảo chánh ông Diệm, ông Thiệu từ đại tá được thăng cấp thiếu tướng và giữ chức tổng thư ký Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng của Tướng Dương Văn Minh. Với vụ chỉnh lý của Tướng Nguyễn Khánh, ông nhập cuộc với nhóm tướng trẻ, rồi sau được thăng lên trung tướng và giữ chức tư lệnh Vùng 4 Chiến Thuật. Tiếp theo ông giữ chức phó thủ tướng trong chính phủ Trần Văn Hương, rồi phó thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng trong chính phủ Phan Huy Quát. Khi ông Quát giao quyền lại cho quân đội vì tranh chấp với Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu, ông cùng Tướng Kỳ bước vào chính trường nắm chức vụ cao chót.

Ông được biết là con người dè dặt, thận trọng, thường bước đi khi biết chắc sẽ thành công. Đại Tướng Minh năm 1971 nói rằng ông Thiệu nhận tham gia cuộc đảo chánh ông Diệm, nhưng chỉ đưa quân của Sư Đoàn 5 tham chiến vào lúc đã biết rõ thế cờ ngã ngũ. Ông Minh ám chỉ rằng, vì Sư Đoàn 5 đến chậm, hai anh em ông Diệm và Nhu mới thoát khỏi dinh Gia Long; chứ nếu quân của ông Thiệu đến sớm, hai ông Diệm, Nhu đã bị bắt và có lẽ không bị chết thảm. Ông Thiệu bèn phản công lại, ngụ ý chính ông Minh là người đã ra lệnh hạ sát hai anh em ông Diệm.

Tốt số

Là con út trong gia đình bảy anh chị em, cậu Tám Thiệu ra chào đời cách đây 78 năm mà những người coi tử vi cho là tốt số vì sinh vào ngày Tý, giờ Tý, năm Tý tức năm 1924, tuy trên giấy tờ chính thức ông sinh ngày 5 tháng 4, 1923. Gia đình ông xác nhận tuổi Tý là đúng. Quê quán ông ở Tri Thủy, một làng nằm ven biển của tỉnh Ninh Thuận thuộc miền Trung. Gia đình ông theo đạo Phật, nhưng ông theo học trường Công giáo Pellerin ở Huế. Ông theo đạo Công giáo năm 1958 dưới thời Tổng Thống Diệm, cùng đạo với vợ ông, bà Nguyễn Thị Mai Anh, mà ông đã kết hôn năm 1951. Hai ông bà Thiệu mới mừng kỷ niệm cưới 50 năm.

Như nhiều thanh niên khác vào năm 1945, ông đã tham gia hàng ngũ Việt Minh trong gần một năm. Rời bỏ Việt Minh, ông vào Sài Gòn theo học ngành hàng hải thương thuyền. Khi thấy được trả lương ít hơn đồng nghiệp người Pháp, ông nhảy sang học khóa 1 trường Sĩ Quan Võ Bị Huế, tiền thân của trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt sau này.

Ra trường, ông được cử đi mặt trận và có dịp gặp gỡ, quen biết các sĩ quan đồng nghiệp Trần Thiện Khiêm và Cao Văn Viên, những người về sau giữ những chức vụ then chốt trong chính quyền của ông. Khi đóng ở Hưng Yên, Bắc Việt, hai ông Thiệu, Viên thuê chung một nhà.

Ông được thăng cấp mau trong quân đội. Vào năm 1954 Thiếu Tá Thiệu được Pháp giao cho chức tiểu khu trưởng ở Ninh Thuận là quê nhà ông. Năm sau ông được cử làm trung đoàn trưởng trung đoàn 11 Bộ Binh ở Sông Cầu, Phú Yên.

Ông đã hai lần đi Hoa Kỳ theo học chỉ huy, tham mưu và vũ khí. Ông đã lần lượt giữ chức chỉ huy trưởng trường Sĩ Quan Đà Lạt, rồi tư lệnh sư đoàn 1 ở Huế trước khi về sư đoàn 5 ở Biên Hòa.

Mấy ngày trước khi Cộng quân tiến vào Sài Gòn, ông Thiệu rời nước trong chuyến bay của CIA Mỹ đi Đài Loan. Cuối năm 1975 ông sang cư ngụ ở Luân Đôn, Anh Quốc. Tới đầu thập niên 1980 ông di cư sang Mỹ để ở gần con gái tại vùng thành phố Boston, Massachussetts. Từ khi mất nước, ông ít liên lạc với bên ngoài, ngại xuất hiện trước công chúng và từ chối những cuộc tiếp xúc với báo chí. Vào đầu thập niên 1990 ông có lên tiếng trong vài buổi nói chuyện chính trị. Thấy có vài phản ứng bất thuận lợi, ông lui về ẩn dật. Hàng xóm thấy ông thỉnh thoảng dắt chó ra ngoài hoặc làm vườn sau nhà. Sức khỏe của ông đã bị suy giảm những năm gần đây. Ông đã qua cuộc giải phẫu vì ba mạch máu ở tim bị nghẽn cách đây năm năm. Tháng 6 năm nay, ông lại phải giải phẫu và đeo máy trợ tim. Ông đã qua đời vì đứt mạch máu não.

Như các nhà cầm quyền khác, nhất là trong một nước chưa có nề nếp dân chủ, cựu Tổng Thống Thiệu đương nhiên có người thương, người ghét.

Được hỏi về ông Thiệu khi nghe tin ông chết, cựu Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ nói: "Khen thì chẳng có gì khen, mà chê trách thì không nên khi ông ấy đã nằm xuống. Ông ấy còn sống, mình có nói gì, ông ấy còn cãi lại được. Khi ông nằm xuống rồi, hãy để cho ông nghỉ yên."

Cựu Tổng Trưởng Dân Vận Hoàng Đức Nhã, anh em họ và là phụ tá thân cận với ông Thiệu, cho rằng người Việt tỵ nạn sau nhiều năm đã nhìn thấy rõ ràng hơn những đóng góp của ông Thiệu cho đất nước.

Nhiều người Việt ở miền Nam, nhất là những người ở lại nước sau năm 1975, thường thích thú nhắc lại câu nói của ông Thiệu: "Đừng nghe những gì Cộng sản nói. Hãy nhìn những gì Cộng sản làm."

Người viết là tác giả hai cuốn sách Sài Gòn Tuyết Trắng: Việt Nam Tháng 4/1975 *và* Quê Hương Thương Ghét: Nỗi Lòng Người Việt Hải Ngoại.

NHÂN GIẢI NOBEL SINH LÝ/Y HỌC NĂM 2001

THỬ NHÌN LẠI MỘT VÀI KHUYNH HƯỚNG VÀ TƯƠNG LAI

NGUYỄN VĂN TUẤN

Giải Nobel năm 2001

Theo thông lệ, tuần đầu tháng 10 năm nay, Hội đồng giải Nobel thuộc Viện Nghiên cứu Y khoa Karolinska ở Stockholm (Karolinska Institute of Stockholm) đã công bố tên và công trình nghiên cứu của các nhà khoa học được trao giải thưởng Nobel. Năm nay, giải Nobel về sinh lí / y học (medicine or physiology) được trao cho ba nhà khoa học: Tiến sĩ Leland Hartwell, Tiến sĩ Paul Nurse, và Tiến sĩ Timothy Hunt, tất cả đều làm trong lĩnh vực nghiên cứu ung thư. Ông Hartwell là giáo sư, 62 tuổi, Chủ tịch và Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Ung thư Fred Hutchinson (Fred Hutchinson Cancer Research Center) tại Seattle (WA); ông Nurse, 52 tuổi, là Tổng giám đốc Hoàng gia Quỹ Nghiên cứu Ung thư (Imperial Cancer Research Fund, hay còn gọi là ICRF) tại Luân Đôn; và ông Hunt, 58 tuổi, là một đồng nghiệp của ông Nurse tại ICRF. Cả hai trung tâm nghiên cứu này đều rất nổi tiếng trong cộng đồng nghiên cứu khoa học trên thế giới.

Để hiểu rõ tầm quan trọng của các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học này, có lẽ ta cần phải xem qua một vài điểm chính về sinh học phân tử. Theo thuyết của sinh học phân tử, cái đơn vị cơ bản nhất của một con người là *tế bào* (cells). Mỗi con người được hình thành bằng chỉ một tế bào. Tế bào này cứ phân chia liên tục và sản sinh ra nhiều tế bào mới để cấu tạo thành một con người "trưởng thành". Cơ thể con người được cấu tạo bằng hàng tỷ tỷ tế bào. Thực ra, theo một ước tính gần đây, mỗi gram mô (tissue) chứa khoảng một tỷ tế bào!

Việc tế bào tự tái tạo đã được biết khoảng 100 năm qua. Nhưng cơ chế của sự tái tạo thì, cho đến cuối thập niên 60s, vẫn còn là một điều bí mật. Đầu thập niên 70s, Tiến sĩ Leland Hartwell là người đi tiên phong trong việc tìm hiểu cơ chế này. Trong một loạt thí nghiệm tiền phong, ông khám phá ra chu kỳ tái tạo của tế bào (mà trong di truyền học gọi là "cell cycle"). Theo đó, chu kỳ tái tạo tế bào là một quá trình vận hành sinh học gồm bốn giai đoạn: (i) trưởng thành (gọi là giai đoạn "Gap 1" hay G1); (ii) hợp thể chất liệu DNA (gọi là synthesis hay giai đoạn S); (iii) chuẩn bị (gọi là giai đoạn "Gap 2" hay G2); và (iv) phân bào (mitosis hay M). Trong giai đoạn G1, tế bào phát triển lớn ra, và trong khi trưởng thành, nó phát tín hiệu để chuẩn bị cho việc tái tạo nhiễm sắc thể và bước vào giai đoạn S. Một khi tế bào đã phát triển đến một kích thước nhất định, DNA bắt đầu hợp với nhau, các chất liệu di truyền được sao chép lại, và mỗi nhiễm sắc thể được hình thành. Trong giai đoạn S (tức là giai đoạn hợp thể DNA), số lượng chất liệu DNA được tăng gấp đôi. Trong giai đoạn G2, tế bào kiểm soát lại xem quá trình hợp thể DNA đã xong hay chưa, và chuẩn bị cho giai đoạn kế tiếp là chia cắt tế bào. Trong giai đoạn kế tiếp (M), các nhiễm sắc thể được phân ra (quá trình này gọi là mitosis hay phân bào), và tế bào được tái tạo thành hai tế bào con, lúc này thì số lượng chất liệu DNA giảm xuống như khởi đầu của chu kỳ tái tạo tế bào. Sau khi hoàn tất bốn giai đoạn, tế bào lại bắt đầu chu kỳ tái tạo từ giai đoạn thứ nhất.

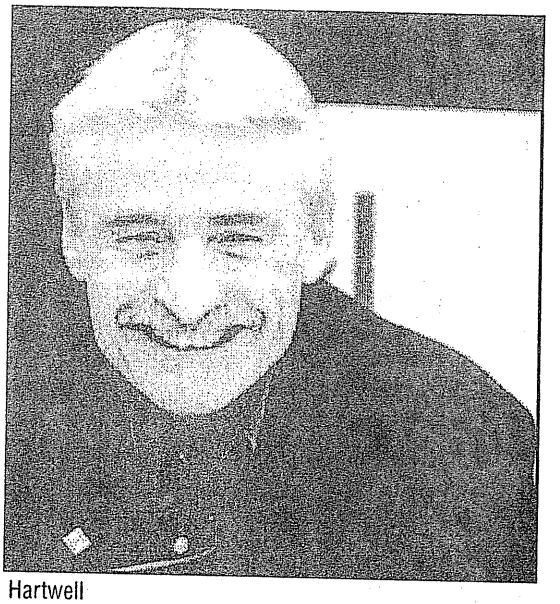

Hartwell

Thí nghiệm của ông Hartwell dựa trên men (yeast) dùng trong các lò sản xuất bánh kẹo. Trong một loạt thí nghiệm khác dựa trên một loại men khác có tên là Schizzosaccharomyces pombe do Tiến sĩ Paul Nurse (Anh Quốc) tiến hành trong giữa thập

niên 70s, ông khám phá ra một gene có tên là CDC2 có chức năng kiểm soát quá trình tái tạo tế bào từ giai đoạn G2 đến giai đoạn M.

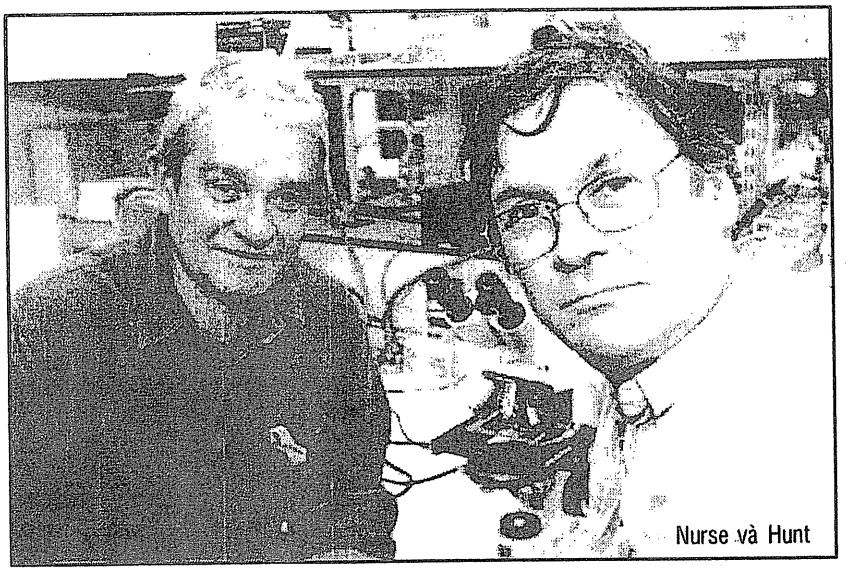
Nurse và Hunt

Quá trình tái tạo tế bào chịu dưới sự chi phối của một số proteins. Trong số các proteins có ảnh hưởng đến quá trình này phải kể đến cyclins. Gọi là "cyclin" vì các proteins này có mức độ tăng/giảm tùy theo mỗi giai đoạn trong chu kỳ tái tạo tế bào. Đầu thập niên 80s, Tiến sĩ Timothy Hunt khám phá một nhóm proteins phụ thuộc vào cyclin có tên là CDK (cyclin-dependent kinases). Cho đến nay, có ít nhất là sáu nhóm proteins có chức năng kiểm soát quá trình tái bào đã được ghi nhận.

Mỗi nhóm tế bào có nhiệm vụ khác nhau. Chẳng hạn như tế bào não có nhiệm vụ giữ gìn trí nhớ và tri thức, tế bào tim làm cho tim ta đập nhịp nhàng, tế bào ruột làm ra chất nhầy (mucus), v.v. Những tế bào này có thời gian tồn tại nhất định. Chẳng hạn như tế bào tinh trùng nam chỉ sống sót khoảng vài tháng, trong khi đó tế bào trứng của phái nữ có thể tồn tại đến 50 năm. Mặc dù khác nhau về chức năng và thời gian sống sót, tất cả các tế bào đều có cấu trúc giống nhau: trong mỗi tế bào đều có một cái *nhân* (nucleus) nằm chính giữa. Cái nhân này có chứa những chất liệu di truyền mà ta thường gọi là DNA (viết tắc từ chữ deoxyribonucleic acid). DNA là một nucleic acid được tạo thành bởi hai chuỗi gồm những đơn vị gọi là nucleotide. Hai chuỗi này xoắn với nhau thành một hình xoắn kép và nối với nhau bằng những "sợi dây" hydrogen. Mỗi nhân thường có khoảng 6 triệu DNA. Một mảng DNA tạo thành một gene (mà có người dịch là "di truyền tố"). Có thể ví mỗi DNA như một chữ; và nhiều chữ tạo thành một câu văn (tức là di truyền tố). Không ai biết được một cách chính xác trong cơ thể ta có bao nhiêu di truyền tố, nhưng theo một ước tính mới đây, trong cơ thể con người có chứa khoảng 30,000 đến 40,000 genes. Genes chức năng gửi các tín hiệu hóa học đi đến tất cả các nơi trong cơ thể. Những tín hiệu này có chứa đầy đủ các thông tin, các chỉ thị cụ thể cho các cơ quan trong cơ thể ta phải hoạt động ra sao.

Thành ra, những công trình và khám phá của các ông Hartwell, Nurse, và Hunt có thể ứng dụng trong hầu như tất cả các bệnh, từ ung thư, loãng xương, tâm thần (như schizophrenia), đến tim. Hiện nay, đã có một vài thử nghiệm lâm sàng trong việc chữa trị ung thư dựa vào việc kiểm soát cơ chế tái tạo tế bào được mô tả trên đây.

Tưởng cần nói thêm là mỗi một tế bào, trung bình, có hàng tỷ protein molecules thuộc nhiều loại khác nhau, và chúng cần phải thay đổi liên tục (thí dụ cụ thể nhất trong xương là tế bào osteoblasts (làm ra xương) vàosteoclasts (phá hủy xương)). "Hãng" sản xuất ra proteins trong tế bào có tên là ribosomes. Việc sản xuất ra proteins và chuyên chở chúng đi đến những địa điểm thích hợp trong tế bào là một vấn đề quan trọng, vì qua đó mà người ta có thể lần mò theo để biết nơi làm việc của chúng. Năm 1999, Giáo sư Blobel được trao giải thưởng Nobel vì đã có công khám phá ra proteins được chuyên chở từ "hãng" ribosomes ra ngoài tế bào như thế nào.

Khuynh hướng nghiên cứu

Có thể nói mỗi giải Nobel về khoa học phản ánh một tiến bộ quan trọng trong khoa học và kỹ thuật. Nhìn qua các công trình khoa học được trao giải này cũng có thể cho người ta một một khái niệm về quá trình văn minh của nhân loại. Nhìn qua những công trình được trao giải thưởng, người ta có thể thấy tiến bộ trong y học trong thế kỷ này quả rất xa. Từ những nghiên cứu có tính lâm sàng (clinical) hay tương đối "sơ sài" (so với trình độ kỹ thuật ngày nay), nghiên cứu y khoa đã tiến sâu vào lĩnh vực cơ bản nhất của con người như di truyền phân tử học (molecular genetics) và sinh học phân tử (molecular biology). Năm 1901, ông Emil Adolf Von Behring (người Đức) đoạt giải này vì đã có các công trình nghiên cứu và chữa trị bệnh bạch hầu (diphtheria). Hàn lâm viện Thụy Điển đánh giá công trình này rất cao, họ viết: "[qua nghiên cứu này], ông đã mở ra một hướng đi mới

trong lĩnh vực y khoa, và bằng cách đó, đã cho các y sĩ một vũ khí hữu hiệu để chinh phục bệnh tật và sự tử vong" (tạm dịch từ "[by which] he has opened a new road in the domain of medical science and thereby placed in the hands of the physician a victorious weapon against illness and deaths.") Năm 1902, giải thưởng được trao cho một nhà khoa học người Anh, ông Ronald Ross (sau này được phong "Sir," tức hiệp sĩ) vì những công trình nghiên cứu liên quan tới bệnh sốt rét (malaria). Những năm sau đó, các khoa học được tặng giải thưởng nhờ vào nghiên cứu liên quan tới bệnh lao (1905; Robert Koch, người Đức), sốt ban (typhus) (1928; Charles Nicolle, người Pháp); phân loại máu (1930; Karl Landsteiner, người Mỹ), bệnh truyền nhiễm (1945; Alexender Fleming, Mỹ; Ernst Boris Chain, Anh; Howard Walter Florey, Úc), sốt vàng (1951; Max Theiler, người Mỹ), chữa trị bệnh lao bằng thuốc streptomycin (1952; Salman Abraham Waksman, Mỹ).

Bắt đầu từ năm 1958, nghiên cứu về di truyền học đã được sự chú ý của Hàn lâm viện Thụy Điển qua việc trao giải thưởng cho ba nhà khoa học người Mỹ, George Wells Beadle, Edward Lawrie Tatum, và Joshua Lederberg, vì đã có công khám phá ra một quy luật quan trọng trong di truyền học (genetic recombinant) trong vi khuẩn.

Các giải Nobel về y khoa và sinh lý học sau này thường được trao cho các công trình nghiên cứu liên quan tới khoa học sinh học phân tử (molecular biology). Năm 1961, giải Nobel về y khoa và sinh lý học được trao cho ba nhà khoa học là Francis Harry Compton Crick (Anh), James Dewey Watson (Mỹ) và Maurice Hugh Frederick Wilkins (Anh) vì đã có khám phá nổi tiếng về DNA, làm tiền đề cho hàng triệu nghiên cứu và tiến bộ về sinh học y khoa sau này. Kể từ đó, giải thưởng nghiên về các công trình mang bản chất sinh học phân tử (molecular biology) và di truyền (genetics).

Năm 1978, Hàn lâm viện Thụy Điển trao giải thưởng cho ba nhà khoa học Werner Arber (Thụy sĩ), Daniel Nathans (Mỹ) và Hamilton O. Smith (Mỹ) do đã có công khám phá ra các enzymes và những ứng dụng vào nghiên cứu di truyền học. Sự tiến bộ trong sinh học phân tử và di truyền học những năm gần đây phần lớn nhờ vào các kỹ thuật PCR (polymerase chain reaction) do hai nhà khoa học Mỹ (Kary Mullis) và Gia Nã Đại (Michael Smith) khám phá, và đã được trao giải thưởng Nobel về hóa học vào năm 1993.

Kể từ năm 1999 cho đến nay thì giải này vẫn được trao tặng cho một công trình mang nặng tính chất sinh học phân tử, nhất là các công trình liên quan đến tế bào học.

Phân phối giải thưởng

Trường đại học hay viện nghiên cứu nào có nhiều nhà khoa học đoạt giải Nobel? Trong ngành sinh lí học và y học, chỉ 15 trường đại học (8 ở Mỹ) chiếm khoảng 42% trong số 173 giải cho ngành này. Dẫn đầu là trường đại học Harvard, với 11 giải, kế tiếp là trường đại học Luân Đôn (chín giải). Các trường khác mỗi trường chiếm năm giải như California Institute of Technology (Mỹ), Max-Planck-Gesellschaft (Đức), University of Oxford (Anh), Massachusetts Institute of Technology (Mỹ), Institut Pasteur Paris (Pháp), Rockefeller Institute for Medical Research (Mỹ). Những trường khác có từ ba giải trở lên là Rockefeller University (Mỹ), Karolinska Institute Stockholm (Thụy Điển), University of Cambridge (Anh), National Institutes of Health (Mỹ), University of Texas at Dallas (Mỹ), University of Wisconsin, Madison (Mỹ) và Washington University, St. Louis (Mỹ).

Trong giới nghiên cứu khoa học nói chung, và y khoa nói riêng, nam giới luôn chiếm địa vị hàng đầu cả về số lượng lẫn chức vụ khoa bảng. Do đó, cũng không ngạc nhiên, trong số 173 nhà khoa học được trao giải này, chỉ có hai vị là phụ nữ: bà Christiane Nusslein-Volhard (Đức), giải Nobel 1995; và bà Gerty Radnitz Cori (Mỹ) được trao giải vào năm 1947.

Tuổi trung bình của những nhà khoa học được trao tặng giải Nobel về y khoa và sinh lí học là 55 tuổi. So với độ tuổi trung bình của các nhà văn và thi sĩ đoạt giải Nobel (khoảng 64 tuổi), thì độ tuổi này tương đối "trẻ". Khoảng 55% có tuổi từ 41 tới 60, chỉ có 10% là dưới 40 tuổi, và 6% là trên 70 tuổi. Người trẻ nhất là ông Frederick Grant Banting, người Canada, sinh năm 1891 lãnh giải Nobel năm 1923, tức lúc mới 32 tuổi! Ông Joshua Lederberg (Mỹ), hiện là chủ tịch Hội New York Academy of Science (Hàn Lâm Viện New York), cũng lãnh giải năm mới 33 tuổi. Trong số trẻ này phải kể đến ông James D Watson (Mỹ; 34 tuổi), Archibald V Hill (người Anh; 36 tuổi) và George J F Koehler (Đức; 37 tuổi). Người lớn tuổi nhất là ông Peyton Rous (Mỹ) lãnh giải năm 1966 lúc ông đã 87 tuổi! Trong nhóm các cụ bát tuần này còn có ông Robert F Furchgott (Mỹ; 82 tuổi, giải thưởng năm 1998), và cụ bà Barbara McClintock (Mỹ; 81 tuổi, 1983). Phân tích độ tuổi theo quốc gia cho thấy những nhà khoa học Mỹ và Pháp có tuổi khá cao (56 tuổi), trong khi đó đồng nghiệp của họ người Anh và Đức thì trẻ hơn (50 tuổi).

Sự thực là phần đông các nhà khoa học được giải Nobel nhờ vào các công trình mà họ đã công bố từ 15 tới 30 năm trước. Chẳng hạn như ông Peter C. Doherty (Úc) được giải Nobel y khoa năm 1996 nhờ

vào các công trình nghiên cứu mà ông làm từ thập niên 70s. Do đó, có thể nói rằng giai đoạn từ 25 tới 35 tuổi là một đỉnh cao thời gian trong sự nghiệp nghiên cứu.

Quốc gia nào được nhiều giải nhất? Kể từ năm 1901 cho đến nay, Hàn lâm viện Thụy Điển đã trao giải thưởng Nobel về sinh lí học / y học cho 173 nhà khoa học trên khắp thế giới. Trong số 173 nhà khoa học này, khoảng 85% nằm trong tay các nhà khoa học thuộc chỉ chín nước (theo thứ tự): Mỹ (79 người), Anh (24), Đức (15), Pháp (9), Thụy Sĩ (6), Thụy Điển (6), Đan Mạch (4), Úc (4), và Bỉ (3). Thực ra, cách đếm này cũng không hẳn chính xác, vì nó căn cứ trên quốc tịch của người được nhận giải, chứ không căn cứ vào nguyên quán của nhà khoa học. Phần đông những người Mỹ được giải có gốc từ Âu châu. Chẳng hạn như ông Blobel (sinh ở Đức), ông Albert Claude (Nobel 1974; sinh ra ở Bỉ), George Emil Palade (1974; Lỗ Ma Ni), v.v. nhưng lại mang quốc tịch Mỹ và do đó được coi như người Mỹ. Do Thái chưa lãnh một giải Nobel y khoa nào, nhưng trong thực tế nhiều người lãnh giải này ở các nước như Mỹ, Đức và Anh có gốc Do Thái.

Nhìn qua các giải Nobel trong thế kỷ này, ai cũng thấy nước Mỹ đã nhảy một bước dài trong khoa học kỹ thuật và trở thành cường quốc số một trên thế giới. Nhưng điều đó đâu phải vì dân Mỹ thông minh hơn người. Có thể nói họ biết thu hút người tài giỏi, bất cứ từ đâu đến. Cuối thập niên 30s, vì không thể sống dưới chế độ phát xít ở Đức, hàng loạt các nhà khoa học lớn trong đó có Einstein, von Neumann, Fermi, v.v. đã bỏ châu Âu sang Mỹ, và chính họ đã là những người có vai trò quyết định trong việc đưa nền khoa học kỹ thuật Mỹ từ chỗ chưa có gì trội nổi đặc biệt lên địa vị hàng đầu sau Thế Chiến thứ hai. Thực vậy, trong những năm trước 1945, chỉ có 16% giải thưởng Nobel sinh lí / y học được trao cho các nhà khoa học quốc tịch Mỹ, tức chỉ tương đương với Đức (16%), Anh Quốc (16%), nhưng cao hơn Pháp (11%). Nhưng kể từ năm 1945 cho đến nay, tỷ lệ này đã tăng vọt lên gần 60%, vượt xa hẳn các cường quốc Âu châu kia. Kể từ năm 1945 đến nay, các nhà khoa học Pháp chỉ chiếm có 3% trong tổng số giải Nobel về y học / sinh lí học, so với Đức (6%), và Anh (12%). Do đó, có thể nói, sự phát triển của Mỹ đi song song với sự suy lụn của Đức và Pháp, và một phần nhỏ là Anh Quốc. Dòng chảy chất xám vào Mỹ từ Âu châu, từ các nước thế giới thứ ba sau chiến tranh, và từ Nga và Đông Âu những năm 70, cho đến giờ vẫn không ngừng được nhà nước Mỹ khuyến khích và thúc đẩy bằng mọi biện pháp. Cho tới nay, tuy đã dẫn đầu thế giới về khoa học kỹ thuật, Mỹ vẫn có chính sách ưu tiên cho nhập cư người có tài từ các nước khác.

Còn các quốc gia Á châu? Ngoại trừ một người Nhật, ông Susumu Tonegawa (giải Nobel năm 1987) thuộc trường MIT, Mỹ, chưa có người Á châu nào được tặng giải Nobel về y khoa / sinh lí học. Điều này cũng đáng ngạc nhiên, vì nói chung, người châu Á, nhất là Trung Quốc và Ấn Độ có mặt hầu như trong mọi bộ môn y khoa. Nhiều người cũng rất xuất sắc, là những nhà khoa học hàng đầu trong chuyên ngành. Ấy thế mà sự hiện diện của người Á châu trong giải Nobel y khoa hầu như không đáng kể. Điều này không có nghĩa là các khoa học gia Á châu không thông minh, hay thiếu sáng tạo, mà có thể phản ánh quá trình chọn lựa và bình bầu người xứng đáng.

Theo quá trình này, hàng năm, cứ đến Tháng Hai, hội đồng giải Nobel (Nobel Committees) gửi thư đến hàng ngàn nhà khoa học, các hàn lâm viện sĩ ở nhiều nước, và yêu cầu họ đề cử người xứng đáng được tặng giải Nobel. Những người được gửi giấy mời đề cử thường là hội viên của Hàn Lâm Viện Hoàng Gia (Royal Academy of Sciences), các nhà khoa học đã từng được tặng giải Nobel, các giáo sư trong các phân khoa y khoa ở các nước Bắc Âu như Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Iceland và Na Uy, và các dân biểu của các nước này. Sau khi đã có một danh sách các nhà khoa học, một hội đồng gồm 12 người sẽ họp và bầu. Đề cử viên nào được nhiều phiếu nhất sẽ được công bố và tặng giải. Trong trường hợp không có đa số phiếu, giải thưởng sẽ không phát cho ai.

Cũng như hầu hết các giải thưởng do bình bầu, giải Nobel cũng đôi khi lộ sự kém công bằng trong đó. Có nhiều người đáng lẽ phải được giải vì có thành tích quan trọng nhưng lại không được bầu hay đề cử; ngược lại, có người kém hơn nhưng lại được đề cử và được trao giải. Cũng như mọi ngành hoạt động khác, sự thành công trong nghiên cứu y khoa nói riêng và khoa học nói chung đôi khi cũng có những yếu tố chính trị (politicking) và móc ngoặc (networking) trong đó. Một nhà khoa học tài ba nhưng không biết tranh thủ hay vận động sự ủng hộ của đồng nghiệp thì xác suất được nhiều người biết đến cũng rất thấp. Chẳng hạn như giải Nobel về DNA được trao cho ba người (Francis H C Crick, James D Watson và Maurice H F Wilkins), nhưng sau này ông Watson lại được nhiều người nhắc đến và giữ chức to hơn hai ông Crick và Wilkins. Có người đã cho rằng phần đông các nhà khoa học Á châu không biết làm chính trị khoa học và "móc ngoặc" nên ít khi nào họ được đề cử vào hội đồng giải Nobel.

Đối với công chúng nói chung, những người được trao giải Nobel thường được xem là những nhà khoa học siêu việt, những con người thông thái nhất của

một quốc gia; nhưng trong thực tế ở các nước có nền khoa học tiến bộ cao như các nước Tây phương thì điều này chỉ đúng một phần. Quả vậy, có rất nhiều nhà khoa học lớn, những người được xếp vào hạng làm khoa học loại "thứ thiệt" (hard-core) không bao giờ được trao giải này. Lí do chính là do thủ tục tiến cử và bình chọn, mà đôi khi cũng để lộ ra vài vấn đề liên quan đến việc thiên vị và bè phái. Như đề cập trên, các nhà khoa học thuộc các nước Bắc Âu là những người chịu trách nhiệm tiến cử và bình bầu; nhưng điều hiển nhiên là các vị này không cách gì có thể hiểu tất cả các lĩnh vực cũng như tầm quan trọng trong mọi ngành nghiên cứu y khoa. Cộng vào đó là các tiêu chuẩn đánh giá tầm quan trọng của một công trình nghiên cứu cũng có khi mập mờ, không rõ ràng. Theo nguyên lí chung, các công trình nghiên cứu xuất sắc, hay có công đem lại phúc lợi lớn nhất cho nhân loại là một tiêu chuẩn hàng đầu để được trao tặng giải Nobel. Song, thế nào là "đem lại phúc lợi lớn nhất cho nhân loại" vẫn là đề tài để mọi người tranh cãi. Chẳng hạn như một công trình y tế công cộng có thể cứu sống hàng triệu người, hay kéo dài tuổi thọ cho nhiều dân số trên thế giới, so với các công trình khoa học cơ bản mà ứng dụng và tác dụng của chúng vẫn còn khá mù mờ. Thế nhưng trong một trăm năm qua, chưa có giải Nobel nào được trao cho một công trình y tế công cộng, hay thậm chí một công trình nghiên cứu lâm sàng. Do đó, có thể nói rằng, các nhà khoa học được trao giải Nobel chỉ là những nhà nghiên cứu trên trung bình, đại diện cho một cộng đồng nhỏ trong nghiên cứu y khoa.

Người Việt Nam và giải Nobel y học

Cho đến nay, chưa có một nhà khoa học Việt Nam nào được trao giải thưởng Nobel về sinh lí hay y học. Nói chung, số lượng người Việt Nam tham gia nghiên cứu y khoa không nhiều, và do đó qui mô cống hiến cho kiến thức y học cũng còn khá khiêm tốn. Trong hoạt động khoa học, số lượng những bài báo đã được công bố trên các tạp chí khoa học thường được xem là một trong những số đo về năng suất nghiên cứu và một thước đo về sự cống hiến cho kiến thức nhân loại. Cho tới nay vẫn chưa có một thống kê chính xác nào về số lượng bài báo khoa học của các nhà khoa học gốc Việt được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế. Tuy nhiên, căn cứ vào các bài báo được lưu trữ trong Thư viện Y khoa Quốc gia (National Library of Medicine, USA), và dựa vào những họ quen thuộc như Nguyễn, Trần, Lê, Đặng, Bùi, Phạm, Phan, Hoàng, Huỳnh, v.v. thì trong vòng 25-30 năm qua, những họ này đã cống hiến khoảng 14,000 bài. Đại đa số những bài báo khoa học này là do người Việt ở các nước phương Tây đóng góp. Con số này cao hơn hai lần so với cả nước Thái Lan, bảy lần Mã Lai Á, hai lần Tân Gia Ba, nhưng thấp hơn Đài Loan.

Sự thành công bước đầu của giới trí thức Việt ở ngoài Việt Nam đã đem lại cho cộng đồng người Việt hải ngoại nhiều tự hào, thậm chí tự mãn, rằng (i) người Việt ta thông minh, hiếu học và học giỏi; (ii) nhân tài Việt Nam lấp lánh khắp năm châu; và (iii) đội ngũ trí thức gốc Việt ở hải ngoại có thể chắp cánh cho Việt Nam bay vào thế kỷ 21, để sánh vai cùng với các nước đang phát triển trong vùng. Song, sự đóng góp của người Việt cho kiến thức y khoa và sinh học thế giới còn quá nhỏ nhoi, nếu không muốn nói là không đáng kể. Trên trường quốc tế, sự hiện diện của các khoa học gia Việt Nam trong các diễn đàn khoa học vẫn còn cực kỳ khiêm tốn.

Câu hỏi cần được đặt ra là trong thế kỷ 21, thường được mệnh danh là thế kỷ của Á châu, người Việt Nam ta có cơ duyên đoạt giải Nobel về y khoa / sinh lý học không? Xác suất thì vẫn có đấy, vì người Việt Nam ta vốn có truyền thống hiếu học và có thể nói là khá thông minh. Nhưng có lẽ ta cần nhiều cố gắng hơn nữa, và nhất là xác định lại mục tiêu của học hành và nghiên cứu. Dường như trong người Việt chúng ta, trong cũng như ngoài nước, vẫn còn cái tâm lý vốn đã có từ bao đời là học để giật được một mảnh bằng, để thành ông bà tú, ông bà cử, ông bà đốc... để khoe hay hơn thua nhau cái danh xưng, để thỏa mãn nhu cầu vật chất trong cuộc sống, chứ chứ ít ai nghĩ đến việc học để đóng góp cho kiến thức, hay mang lại những phúc lợi cho nhân loại. Thành ra, trong khi ta có nhiều học sinh, sinh viên thi gì cũng đứng đầu, thậm chí đứng đầu thế giới, nhưng khi ra đời thì chẳng có gì xuất sắc đặc biệt. Có lẽ vì cái tâm lý hám danh, chuộng bằng cấp đã làm cản trở sự dấn thân của giới trẻ Việt Nam vào nghiên cứu khoa học, và dẫn đến tình trạng hiện nay là ta chưa có mặt đông đảo trên diễn đàn khoa học quốc tế như mong muốn.

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ đáng kể trong nhiều thập niên qua, thế giới y khoa vẫn càng ngày càng rộng mở. Và, người Việt chúng ta vẫn còn nhiều cơ hội để cống hiến. Kinh nghiệm người đi trước cho thấy muốn thành công trên trường khoa học, trước hết, nhà khoa học phải tự mình tạo cho mình một cuộc cách mạng, đổi mới về tư duy học hành và làm việc, phải gột rửa những tri thức nửa mùa, tài tử, vặt vãnh để sẵn sàng sáng tạo hay thu nhận những tri thức đích thực khoa học. Nhà khoa học phải phát triển một tinh thần khoa học, độc lập suy nghĩ, sáng tạo để nhằm đem lại phúc lợi cho cuộc sống con người. Nếu làm được vậy, triển vọng một giải Nobel cho một nhà khoa học gốc Việt Nam chắc không phải là một ảo tưởng./.

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 2001

(Theo tài liệu báo chí)
NGUYỄN HÙNG VŨ *dịch thuật*

Luân Đôn, tháng 10 ngày 11.

Giải thưởng Nobel văn chương do viện hàn lâm Thuỵ Điển trao tặng hàng năm tại Stockholm năm nay được trao tặng cho nhà văn Anh quốc gốc Ấn độ Vidiadhar Surajprasad Naipaul. Ông là một nhà văn có biệt tài dùng hư cấu lẫn sự thật lịch sử để viết về những đề tài như sự đầy ải, kiếp sống lưu vong, những vấn đề thương tâm khó khăn nan giải của những quốc gia chậm tiến hậu thuộc địa thuộc khối đệ tam quốc gia.

Trong phần tuyên bố giải thưởng cho ông — giải thưởng này trị giá 943 ngàn mỹ kim — ông đã được ngợi khen là một nhà văn với một ngòi bút bất khuất và một nhãn quan soi thấu đến những uẩn khúc quá khứ. Những tác phẩm của ông đã bắt người đọc thấy được những sự thật lịch sử bị vùi lấp.

Đối với ông Naipaul, một nhà văn năm nay 69 tuổi, ông chỉ muốn được sống yên thân không bị quấy rầy. Ông cho biết ông đã miễn cưỡng nhận cú điện thoại do chính người chủ tịch viện hàn lâm Thụy Điển gọi đến chúc mừng ông trong việc thắng giải. Vợ ông, bà Nadia, bảo ông, "*Có một ông Thụy Điển rất muốn được nói chuyện với anh*" chỉ lúc đó ông Naipaul mới uể oải nhấc điện thoại tiếp chuyện và mới vỡ lẽ ra là mình là người đoạt giải Nobel văn chương năm nay.

Qua một cuộc điện đàm từ tư gia ông tại thành phố Salisbury, quận Wilshire, ông cho biết ông rất bỡ ngỡ và ngạc nhiên khi thắng giải. Ông nói, "*Đêm hôm qua tôi chán nản lắm, sáng hôm nay tôi mất sức, muốn tìm cách lấy lại sức,*" "*Tôi chỉ muốn mình có được một chút may mắn nào đó trong cuộc sống.*" Ngay trong lúc nói chuyện với nhân viên của hàn lâm viện, ông vẫn còn ngỡ là mình bị đùa giỡn, và ông đã phải hỏi lại cho biết chắc việc được giải thưởng là sự thật chứ không phải chuyện đùa nghịch. Ông nói, "*Ông chủ tịch viện hàn lâm rất vui mừng cho tôi biết đây là lần thứ 100 của giải thưởng Nobel kể từ ngày thành lập và tôi là người thắng một trong những giải đó. Tôi cho ông ta biết tôi không đứng về phe nào hay thuộc về một quốc gia nào cả. Ông ta nhận biết điều đó. Giải thưởng này làm tôi xúc động. Đây quả thật là một món quà quý giá.*"

Ông được biết đến nhiều nhất qua những tác phẩm nói về nước Trinidad, nơi mà ông sinh trưởng, và nước Ấn Độ hiện đại, quốc gia của tổ tiên ông. Ngoài ra, ông còn nổi tiếng qua những tác phẩm trong đó ông lột trần và phơi bày những vấn đề khó khăn, những nghịch cảnh nan giải của những quốc gia tại châu Phi, châu Á, và Nam Mỹ. Những nước này mới thoát ra khỏi chế độ thuộc địa không lâu. Hầu hết tác phẩm của ông có tính cách tự thuật, nội dung chính đề cập nhiều đến những gánh nặng chồng chất của quá khứ và những trở ngại lớn của thời buổi hiện đại đối với người dân và chế độ chính trị.

Trong một vài dịp gặp gỡ nào đó, ông Naipaul đã tuyên bố rằng tiểu thuyết đã chết, thế nhưng tháng vừa qua ông tung ra thị trường cuốn "Half a life" một cuốn sách mới của ông. Về văn phong của ông, phê bình gia Alfred Kazin viết về ông khi điểm cuốn sách "In a free state" như sau, "*Ông là một nhà văn với một kỹ thuật cao độ, trong văn ông, người ta thấy được sự bình dị, khiêm tốn, thân mật, cởi mở chân tình, không giống như văn phong vô tư lạnh nhạt của những tiểu thuyết gia khác.*"

Tuy nhiên, lối viết thẳng thừng và sự hung hãn lẫn chống đối của ngòi bút ông nhiều lúc cũng đã mang lại những hậu quả không đẹp đối với giới phóng viên và những tiểu thuyết gia khác, điển hình nhất là sự chia rẽ giữa ông và một trong những người bạn thân nhất của ông, văn sĩ Paul Theroux. Trong cuốn sách, "Sir Vidia's shadow," nội dung nói về sự tan vỡ của tình bạn giữa hai người, ông Theroux đã lên án ông là đồ rẻ tiền, bề ngoài, phù phiếm, khinh rẻ đàn bà và ghét mọi người nói chung.

Một số độc giả không ưa văn ông gán cho ông là đã có lối viết "ghê tởm người dân da đen" như thi sĩ Derek Walcott, ông này cũng là một người Ấn Độ từng đoạt giải Nobel. Những người khác cho rằng văn ông bi quan quá và ông đã có một cái nhìn phiến diện lệch lạc và lời văn có tính cách khinh rẻ khi viết đến những vấn đề của những quốc gia đệ tam còn trong vòng lạc hậu.

Trong những cuốn tiểu thuyết của ông, như cuốn gần đây có tựa "Beyond belief: Islamic excursions Among the converted peoples," ông đã viết rất trung thực về sự nổi dậy của phe Hồi giáo cực đoan, sau khi ông đã trải qua một số kinh nghiệm cá nhân qua những lần đi thăm viếng những nước không thuộc vùng Ả rập như Indonesia, Iran, Pakistan và Malaysia Trong một buổi đàm thoại về văn chương, ông đã so sánh chính sách bành trướng của khối Hồi giáo cũng giống như là chính sách thuộc địa của các nước Tây phương. Dĩ nhiên, nhiều người đã cho rằng ông

đã có một cái nhìn quá đơn giản và không đúng sự thật.

Viện hàn lâm Thụy Điển thường có khuynh hướng trao tặng giải Nobel văn chương cho những văn gia với những tác phẩm có mầu sắc chính trị rõ rệt. Năm ngoái, 2000, người thắng giải là Cao Hành Kiện, một nhà văn Trung Hoa lưu vong chống chế độ. Nhưng theo ông Horace Engdahl, thư ký vĩnh viễn của viện hàn lâm, thì trong phần cuối cuốn sách "Beyond Belief", dường như ông Naipaul đã không có những kết luận chính trị rõ rệt đậm nét như người đọc thường gán cho nội dung tác phẩm ông. Ông Horace nói thêm "*Ông Naipaul muốn tấn công mạnh vào tệ nạn chính của những quốc gia theo Hồi giáo, đó là chính sách đồng hóa và bài trừ văn hóa của những nước Hồi giáo xâm lăng đó. Những nước ấy cố tình hủy phá và tiêu diệt những nền văn hóa của những nước bị chinh phục.*"

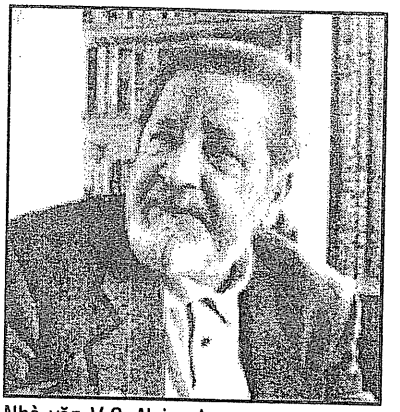
Nhà văn V.S. Naipaul

Sau hai lần lưu lạc, ông Naipaul đã dùng cuộc đời văn nghiệp của mình để suy ngẫm đến thân phận của cá nhân ông trong xã hội. Với một di sản tinh thần tổ tiên Ấn Độ ông mang trong người, ông đã cố gắng dung hòa và duy trì nó với văn hóa của Anh quốc và văn hóa của Trinidad.

Sinh ra đời vào năm 1932 tại Chaguanas, Trinidad, ông là cháu của một di dân người Ấn Độ thuộc giai cấp quý tộc Bà La Môn sang Trinidad làm việc trong một trại sản xuất mía đường. Cha của ông, Seepersad, đã có tham vọng trở thành một tiểu thuyết gia, nhưng ông này đã không đạt được ước mơ đó và chỉ là một nhân viên của tờ báo *Trinidad Guardian.*

Là một thanh niên nghèo nhưng nhiều nhiệt huyết, thêm vào đó, ông Naipaul đã được cha ông tận tình chăm sóc và thúc đẩy trên con đường tiến thân. Năm 18 tuổi, ông được cấp học bổng sang Anh quốc học tại đại học nổi tiếng Oxford. Thời gian đầu ông trải qua nhiều thử thách cá nhân cam go. Ông cảm thấy bị lạc lõng và cô lập nơi xứ người, nhất là sau khi một vài cuốn tiểu thuyết hư cấu đầu tay của ông không gặt hái được thành công. Sau đó, qua một số tiểu thuyết trào phúng khác về những đề tài tại Trinidad, ông đã đạt được nhiều thành quả trong văn nghiệp hơn, trong số đó có cuốn, "The Mystic Masseur"(1957). Tác phẩm thành công đầu tiên của ông là cuốn "A house for Mr. Biswas" -1961- lấy bối cảnh tại Trinidad, trong truyện, ông mượn hình ảnh cha ông để trình bày những thực trạng của xã hội Trinidad dưới chế độ thuộc địa và sự chuyển mình của những nước chậm tiến có khuynh hướng muốn nổi dậy dưới sự thúc đẩy của chủ nghĩa quốc gia.

Một số tác phẩm nổi tiếng khác của ông, trong đó phải kể đến cuốn, "In a free state"(1971), nội dung gay gắt lên án sự lưu đày tại châu Phi được giải thưởng Booker vào năm đó; cuốn "A Bend in the river"(1979), nói về những hỗn loạn chính trị tại châu Phi sau chế độ thuộc địa; cuốn "The Enigma of arrival"(1987), kể chuyện về một nhà quý tộc Anh đau yếu và sự suy tàn của lãnh thổ ông, viết dưới dạng tự thuật.

Ngoài ra, ông còn nổi tiếng qua tác phẩm, "A way in the world"(1994). Trong tác phẩm này, qua ngòi bút phóng khoáng, ông đã sử dụng những đề tài quen thuộc, trong đó những mẩu chuyện thực và hư, những kỷ niệm cá nhân, những sự kiện lịch sử cũng như những chuyện tưởng tượng đã được ông nhào nặn uốn nắn để tạo nên tác phẩm. Phê bình gia Brent Staples đã phê bình cuốn này trong tờ *NewYork Times* như sau, "*Cuốn tiểu thuyết này có thể xem như là một sự đi tìm kiếm những mối tương quan và liên hệ lịch sử giữa cá nhân, quốc gia cũng như thế giới.*"

Năm 1990, ông được nữ hoàng Anh quốc phong tặng tước hiệu "hiệp sĩ" (knighthood).

Đây là một vinh dự cực điểm cho một nhà văn nước ngoài lưu vong. Tuy nhiên, ông không chính thức dùng tước hiệu đó.

Người vợ đầu tiên của ông, bà Patricia Hale, mất năm 1966. Sau đó không lâu, ông tục huyền với một nữ phóng viên người Hồi quốc, cô Nadia Alvi.

Tuy ông đã sống tại Salisbury từ thập niên 70s, nhưng ông không muốn mình bị tùy thuộc vào một ràng buộc lãnh thổ nào. Ông muốn tự xem mình như "một nhà văn của nhân loại," không bị một truyền thống nào ràng buộc và ảnh hưởng. Một lần, trong một bài tiểu luận, ông đã viết như sau, "Tôi nhận thấy rằng những văn gia tên tuổi thường viết nhiều về những xã hội tiền tiến với tổ chức xã hội rõ rệt, tôi thì tôi không thuộc về những xã hội như thế. Tôi không thể nào chia xẻ những quan niệm giá trị xã hội của những nhà văn đó. Thế giới của tôi khác xa họ."

Trong bài diễn văn dành cho ông, hội hàn lâm Thụy Điển đã khen ngợi tính chất đó trong con người văn sĩ của ông như sau, "V.S. Naipaul là một văn gia với một ngòi bút độc đáo vô song trải rộng khắp thế giới."./.

TÌM HIỂU SƠ LƯỢC ĐẠO HỒI ISLAM

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Tổng thống nước Hoa Kỳ George Bush đã khai chiến với tập đoàn Taliban đang bạo trị nước Afghanistan. Loạn quân Taliban chấp nhận thách đố vì tin tưởng vào ba lợi điểm: thứ nhất, chiến tranh du kích trên một địa bàn lý tưởng mà hải, lục, không quân Hoa Kỳ khó khắc phục vì địa thế; thứ hai là sức ủng hộ của dân chúng các nước trong vùng Trung đông, đoàn thể và cá nhân giàu ức triệu nhờ dầu hỏa, tuy hợp tác với Hoa Kỳ để giữ quyền lợi nhưng vẫn sân hận Hoa Kỳ, tự cho là bị bóc lột kinh tế; và thứ ba, điều quan trọng hơn hết, là chiến tranh sẽ tạo thành một cuộc thánh chiến Hồi giáo *jihad* lôi kém đám người đã bị đầu độc vì tín ngưỡng - nhất là đám thanh niên sẵn sàng chết vì đạo - chống với văn minh họ cho là vật chất của phương Tây do Hoa Kỳ lãnh đạo.

Trong phạm vi một tập san, bài này cố gắng trình bày sơ lược đạo Islam Hồi giáo để người đọc hiểu được các biến cố xảy ra hiện nay tại Trung Đông và hầu như trên toàn thế giới. Chúng ta thỏa thuận trước cách dùng một số danh từ tôn giáo trong khi chờ đợi hoàn tất việc pháp điển hóa (codification) ngôn ngữ quốc gia. Trong bài các chuyển ngữ sẽ dựa trên *Đại từ điển tiếng Việt*, Lê Như Ý, Nxb Văn hóa Thông tin, Saigon; *Pháp-Việt Từ điển*, Đào Duy Anh; *Từ điển Pháp Việt* Lê Khả Kế và *Từ điển Anh-Việt*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Hồi giáo dựa trên cá nhân duy nhất sáng lập nên đạo, nên ta phải tìm hiểu trước đấng tiên tri Mohamet. Từ đó ta tìm hiểu các tín điều dựng nên tín ngưỡng của người theo đạo Hồi, chú trọng về học thuyết chủ nghĩa, cách tuân hành giáo lý tạo sức mạnh của đạo Hồi, và phương cách đi vào chánh niệm của tín đồ. Tiếp theo ta sẽ nhìn qua lịch sử phổ cập đạo Hồi tại Âu châu, Trung Đông và miền Nam châu Á, gây nên các cuộc xung đột giữa các tông phái. Cuối cùng ta tìm hiểu Islam hiện đại sẽ đi về đâu trong mối tương quan với thế giới ngày nay.

Trước thế kỷ thứ Bảy miền Trung Đông do dân tộc Ả Rập (Arabians, Arabes) chiếm cứ. Đa số dân thuộc sắc tộc Semites được các nhà học giả dân tộc ghép vào loại người da trắng Caucasians. Hai phân bộ lớn của sắc tộc Semites là người Ả Rập và người Do Thái Jews, sống chung và pha trộn với sắc tộc khác gọi là Sumerians, Babylonians, Assyrians, Phoenicians. Danh từ Semite (Từ điển Việt Nam viết là Xêmit nguyên thủy chỉ chung Ả Rập và Do Thái, nhưng từ công nguyên, chỉ dùng để chỉ Do Thái, ví dụ tĩnh từ "antisemitite" có nghĩa là mặc cảm chống ghét người Do Thái.

Tiểu sử Đấng tiên tri Môhamet

Nhiều thế kỷ trước Môhamet (Môhamet sáng lập đạo Hồi vào thế kỷ Bảy), dân Ả Rập ở miền Bắc tín ngưỡng thần linh và các vì sao đồng hóa với thiên thần; dân Ả Rập miền Nam thờ phụng các vị thần núi, thần sông.

Môhamet (Anh ngữ là Mohammed, còn viết là Muhammad, còn viết là Mahomet) sinh tại thị trấn Mecca ngày nay thuộc miền Tây Saudi Arabia, trên một cánh đồng, núi bọc chung quanh. Mecca ngày nay trở thành nơi hành hương quan trọng, mỗi tín đồ Hồi giáo phải đến chiêm ngưỡng ít nhất là một lần trong đời. Môhamet sinh vào khoảng năm 571 Tây nguyên. Trước khi người lên chín tuổi, cha mẹ, ông bà đều mất. Mồ côi, người ở chăn cừu cho một người chú. Sắc dân Ả Rập ngày đó sống trong hoàn cảnh man rợ, trộm cướp chém giết hằng ngày. Nhưng Môhamet vẫn giữ được nếp sống lương thiện, không tham gia các hoạt động vô luân xảy ra bên mình.

Một số sách sử khác lại chép là Môhamet được ông nội và ông chú là hai nhà lãnh tụ của nhóm đạo giáo Quraysh nuôi dưỡng, sống trong môi trường cực kỳ ngoan đạo. Nhưng, chắc người là một đứa trẻ mồ côi, đời sống đơn độc, nên cách nhìn vào sự việc gia đình và cộng đồng cũng nhuốm sắc thái độc lập, có nhiều nét suy tư riêng, và phải tự lo liệu nên giàu tinh thần trách nhiệm.

Năm 25 tuổi, Môhamet làm công cho một người đàn bà góa chồng rất giàu có, tên là Khadija. Chủ và tớ tin cậy và kính phục nhau, rồi lấy nhau, mặc dù vợ hơn chồng đến 15 năm. Đời sống vợ chồng kéo dài 26 năm và Môhamet không lấy một người đàn bà nào khác khi chung sống với Khadija. Suốt

đời Môhamet nhắc nhở đến người vợ với lời lẽ kính trọng và yêu thương. Khadija đã giúp chồng rất nhiều trong việc sáng lập ra Hồi giáo, và được người theo đạo Hồi nhìn vào bà như tấm gương của người phụ nữ đoan chính biết thờ phụng chồng. Trong một xã hội trọng nguyên tắc đa thê, lại sống giàu có, nhiều nữ tì hầu hạ, Môhamet đã trung thành với bà vợ già lớn hơn mình, rõ ràng đã nêu lên bằng chứng là người không chủ trương đa thê và không phải là người ưa chuộng nữ sắc. Sau khi Khadija mất, Môhamet cưới và chung sống với nhiều người đàn bà khác, nhưng phần đông là các bà góa phụ vợ của các đồng chí đã hy sinh cho công cuộc truyền giáo, chung sống với họ để tránh cho họ khỏi đói rách sa đọa. Sử còn chép Môhamet làm lễ cưới với một người đàn bà da đen Phi châu, để chứng minh là người không kỳ thị sắc tộc màu da. Sống với Khadija, Môhamet sanh được hai người con trai chết trẻ và ba người con gái, nhưng chỉ một nàng Fatima còn sống khi người mất. Người con gái lớn Zainab kết hôn với một đệ tử của Môhamet Ruquyyah Othuran, trở thành lãnh tụ Hồi giáo ngôi thứ ba, gọi là Khalip (caliph/caliphe) kế vị người. Người con gái út Fatima làm vợ của Ali, Khalip người thứ tư trong lịch sử Hồi giáo.

Năm 40 tuổi, Môhamet bị giao động vì tín ngưỡng. Dân Ả Rập ngày đó cũng như dân Do Thái tin tưởng là loài người đang đi tới ngày phán xét cuối cùng, nghĩa là người đã chết hay người đang sống sẽ được Thượng Đế phán xét mọi hành vi trong đời. Môhamet lo sợ, lang thang một mình trên các ngọn đồi ở Mecca để suy tư. Và Môhamet đã được Thượng đế gọi. Truyền thống đạo Hồi ghi lại, Môhamet đi vào núi Hira, đến nằm nghỉ trong một cái động. Giữa đêm, thiên thần Gabriel, sứ giả mang thông điệp của Thượng đế, hình dáng cao bằng hai cây cung chấp lại, đánh thức Môhamet và trao cho ông lời thiên khải. Đoạn này chép trong kinh Koran, gồm 114 chương (gọi là sura); thông điệp thần khải ở chương 96. Môhamet không tin ở điều tai nghe mắt thấy của chính mình. Người suy nghĩ suốt ngày đêm trong vòng mấy tháng, cuối cùng Môhamet nhận chân sự thật mình đã trở thành một đấng tiên tri (chữ Ả Rập là rasul; apostle, Anh; apôtre, Pháp), được thượng đế Allah đặc nhiệm.

Bà Khadija là người đầu tiên thuyết phục Môhamet phải thông tin cho cộng đồng biết sự thật thiên khải. Thế nhưng ngày nào vợ chồng Môhamet phao tin đã gặp thiên thần Gabriel thì cộng đồng chỉ vui cười chế nhạo, nhưng khi Môhamet bảo là từ nay người Ả Rập chỉ có quyền tôn thờ một đấng Thượng đế duy nhất Allah, thì họ bắt đầu phản ứng, bởi lẽ từ trước đã có bao nhiêu người nhận được thiên khải của Thượng đế như Abraham, Moses và Jesus, và các vị lãnh tụ tôn giáo nhỏ hơn... Dân du mục sống trên sa mạc tin tưởng vào tôn giáo riêng từng sắc tộc của họ. Ban đầu phản ứng còn nhẹ, sau Môhamet được một số người tuân theo (lúc này vợ đã chết, và người chú tộc trưởng nhân Hashimites cũng đã qua đời), bị lùng bắt phải trốn vào núi. Nhưng hạt giống đã gieo, nhân dân gần xa, đặc biệt trong đô thị Yathrib cách Mecca ba trăm dặm về phía Bắc đến tiếp đón Môhamet về với họ, đổi tên đô thị là Medina (có nghĩa là thành phố của đấng tiên tri). Tại Medina, Môhamet thiết lập cơ sở thánh đường Hồi giáo mosque đầu tiên và thiết lập các nghi thức hành lễ như cúng tế ngày thứ Sáu, mỗi lần cầu nguyện sụp lạy hướng về Jerusalem (về sau cộng đồng người Do Thái cương chống không theo Môhamet thì tín đồ sụp lạy hướng về Mecca, là nơi đã xảy ra lời gọi thần khải. Một vài giáo luật khác cũng được công bố. Mỗi ngày thứ Sáu trên nóc thánh đường có lời gọi tín đồ đến lễ; về sau gọi lễ hằng ngày, và sau nữa, mỗi ngày năm bận.

Để tín đồ Medina có đủ khí giới tự vệ, và để có đủ lương thực giúp người nghèo khó, Môhamet tổ chức một đoàn caravan vượt sa mạc xuống đô thị Mecca, và toàn thắng lần đầu tiên. Dân Mecca tổ chức đạo quân mười nghìn người công hãm Medina. Môhamet đào hào lũy chung quanh đô thị để chống cự gây nên "trận chiến hào lũy" được ghi lại trong kinh Koran, và sau đó Môhamet phản công toàn thắng Mecca. Môhamet ban hành luật "đại khoan hồng" trừ một số chỉ huy bị bắt giam, ngoài ra không được tàn sát một người nào trong giáo dân phản kháng. Vì lẽ đó cả đô thị Mecca cải đạo tôn vinh Môhamet. Chung quanh đô thị Mecca những người chống đối được dần dần quy phục, xa hơn nữa các vị tộc trưởng và lãnh tụ tôn giáo buộc phải tuyên thệ Cải đạo, quy về tôn giáo mới.

Năm 632, Môhamet sau lần rao giảng cuối cùng tại Mecca, đột nhiên lìa đời. Người phụ tá thường thay thế người thuyết giảng, Abu Bekr thay thế Môhamet làm Khalip thủ lãnh đạo Hồi.

Tín điều của đạo Hồi

Trên thế giới ngày nay, loài người tín ngưỡng theo bốn tôn giáo lớn. Ấn Độ giáo xưa nhất, 4500 năm, gồm 850 triệu tín dồ; Phật giáo xưa từ thế kỷ sáu trước Tây lịch, tín đồ đông nhất nếu kể cả Trung Hoa, hiện nay không tín ngưỡng vì chế độ cộng sản; đạo Cơ đốc già 2000 năm hiện là tôn giáo giàu mạnh nhất, gần một phần tư dân số trái đất (theo Từ điển Bách khoa); và đạo Islam Hồi giáo. Cần phải kể thêm đạo Do Thái Judaism, xưa 4000 năm, tuy tín đồ rất ít, chỉ gồm sắc dân Do Thái, nhưng ảnh hưởng vô cùng quan trọng trên đời sống kinh tế và chính trị thế giới.

Ấn Độ giáo đa thần, Phật giáo không tin thiên

khải, Cơ đốc giáo tin ở chúa Jesus con Thượng đế, cũng như đạo Do Thái tin ở Abraham được Thượng đế phú thác dân tộc Do Thái cho người. Từ đạo Do Thái Judaism phát sinh hai tôn giáo lớn Cơ đốc và Islam.

Đức tin của đạo Hồi dựa hoàn toàn trên lời dạy của Môhamet được chép lại trong thánh kinh Koran (còn viết là Qur'an). Căn bản của đức tin rất đơn giản, tín đồ không cần phải tìm tòi suy nghĩ về những điều thần bí, triết lý, siêu hình trong lời dạy của đấng tiên tri, mà chỉ cần tuân hành giáo luật là được giải thoát. Học giả đạo Hồi phân định tín điều làm ba mục cho người ngoại đạo dễ học hỏi: *iman*, tức học thuyết chủ nghĩa; *ibadat*, phận sự tuân giáo; và *ihsan*, chánh niệm áp dụng vào đời sống.

Iman, học thuyết chủ nghĩa. - Môhamet xóa bỏ tất cả ý niệm thần thánh từ trước để quy tụ đức tin vào Thượng đế độc nhất, có uy quyền toàn năng là Allah.

Allah tạo ra vũ trụ và sinh vật. Sự thật này đã được thần khải nhiều lần trước qua Abraham, Moses, Isaiah, và Jesus là những người đến trước tạo lập ra tôn giáo, nhưng Môhamet là người nhận được thiên khải cuối cùng, đầy đủ nhất, thay thế tất cả tín điều của tất cả giáo chủ trước. Kinh Koran ghi rõ (Sura 37): Kinh Koran này chính là lời của Thượng đế, xác định những lời thần khải đã được ban truyền từ trước, và giải thích rõ ràng đầy đủ hơn (những lời thần khải đó). Không còn một điều gì để cho (các người) nghi ngại, vì đây chính là lời nói của đấng Sáng tạo ra hoàn vũ." Như vậy, Hồi giáo chấp nhận giáo điều của các tôn giáo đến trước như Judaism, như Christianism của Abraham và của Jesus, nhưng Hồi giáo không công nhận họ là giáo chủ, là đấng sáng tạo, họ chỉ là những người tiên tri làm việc cho Thượng đế, và người tiên tri cuối cùng chính là Môhamet, đỉnh cao của các đấng tiên tri (the Seal of the Prophets). Hồi giáo cho rằng kinh Cựu Ước (của Do Thái giáo), kinh Tân ước (của đạo Cơ đốc) tuy ghi lại thần khải nhưng thánh kinh Bible nói trên không hoàn hảo, phải chờ thánh kinh Koran ra đời ánh sáng sự thật mới được bổ túc, và loài người mới được thật sự khai phóng.

Một điểm khác nữa giữa Islam và các tôn giáo đi trước như đạo Phật của Thích Ca là đức Phật đã tìm ra ánh sáng giác ngộ trong niềm suy tư thiền định về ý nghĩa sự sống, dưới gốc cây bồ đề, Môhamet của Islam cũng đã suy tư thiền định trong hầm núi ngoài sa mạc, nhưng người không tìm được ánh sáng sự thật trong tâm linh của người, mà ánh sáng sự thật đó là thiên khải - lời gọi của thiên thần Gabriel đem lại.

Ibadat, bổn phận tuân giáo

Ta gọi người tín đồ Hồi giáo là moslim (còn viết là moslem), hoặc muslim, muslem) có nghĩa là người đã chịu thần phục Thượng đế. Trong bốn lối viết trên, chữ moslem được báo chí thường dùng, và chữ moslim được dùng nhiều trong văn chương. Chữ mohammedan (hay muhammumadan) người theo đạo Môhamet, không nên dùng, vì hàm ý tôn thờ riêng Môhamet, là một điều cấm kỵ trong giáo lý.

Người Moslim phải tuân hành tuyệt đối năm điều "trụ cốt" giáo lý của đấng Tiên tri đã dựng lên.

* *Điều trụ cốt thứ nhất là Kinh Tin Kính.* Mỗi ngày hoặc bất cứ lúc nào cũng nhớ đọc câu kinh Tin Kính: "Không có thần thánh nào ngoài Thượng đế Allah; và Môhamet là đấng Tiên tri của Thượng đế." Phải đọc kinh Tin Kính với tất cả lòng thành. Hai điều người Moslim ghi nhớ: tôn giáo moslim tuyệt đối độc thần; Môhamet được Thượng đế tuyên khải, nhưng Môhamet cũng chỉ là một con người như chúng ta, không thể được tuyên dương như Thượng đế.

* *Điều trụ cốt thứ hai là cầu nguyện.* Như trên đã nói, nguyên thủy chỉ cầu nguyện vào ngày thứ Sáu, nhưng dần dần cầu nguyện mỗi ngày, và đi xa hơn, mỗi ngày năm lần trước khi mặt trời mọc, giữa trưa, giữa buổi chiều, khi tắt mặt trời và đầu đêm.

Đến với Thượng đế, tâm hồn và thân thể phải trong sạch. Trước khi cầu nguyện phải rửa sạch tay, miệng, mặt mũi, sau tai, cổ và chân. Nhưng người sống trong sa mạc không dễ gì có đủ nước, rửa năm lần trong ngày. Cầu nguyện trước xin Thượng đế miễn trước khi lễ. Nói chung giáo luật cởi mở, không bao giờ khe khắt.

* *Điểm trụ cốt thứ ba là bố thí.* Xã hội Ả Rập dưới thời Môhamet là một xã hội xây dựng trên phương tiện bảo đảm phúc lợi cho nhân dân. Môhamet đặt ra mục "thuế 2.5 phần trăm" đánh vào tài sản, dịch vụ... lấy tiền dùng vào các công tác giáo dục, y tế, kiến thiết, dân sinh và tôn giáo, giúp đỡ cho cộng đồng.

* *Điểm trụ cốt thứ tư là hành lễ Ramadan.* Người Ả Rập dùng âm lịch. Tháng Tư, tiên tri Môhamet chịu ơn thiên khải nhận lời kêu gọi của thiên thần Gabriel, cũng trong tháng Tư, lễ Hijra kỷ niệm ngày Môhamet vào Medina. Trong suốt tháng, từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn, tín đồ không ăn, uống... tâm hồn hướng về Thượng đế. Nhịn ăn, nhịn uống để hiểu cái đói khát hành hạ người nghèo đói như thế nào.

* *Điểm trụ cốt thứ năm là hành hương đến Mecca,* thăm viếng đền Kaaba là nơi có tảng đá linh thiêng màu đen mà thiên thần Gabriel ngày trước đã giao cho Abraham (thủy tổ đạo Do Thái) làm hiệu vật của cuộc thiên khải lần thứ nhất. Khi vào điện, mọi người phải mặc chiếc áo choàng che kín người, để khi hành lễ người nghèo giàu, sang hèn đứng ngang

hàng cạnh nhau, không phân biệt trước Thượng đế.

* ***Ihsan, chánh niệm,*** tức là con đường sáng hướng về tâm linh. Thế giới Hồi giáo sống trong luật lệ duy nhất ghi trong thánh kinh Koran. Môhamet đã suy tư từng chi tiết và ban hành cách xử thế cho mọi trường hợp người tín đồ nam hay nữ, già hay trẻ phải noi theo tuân hành nhằm mục đích đưa con người lên mức luân lý, đạo đức cao đẹp hơn mức sống vô luân người Ả Rập trước khi có đạo Islam. Mọi cuộc tranh chấp trong gia đình, ngoài xã hội đều có cách giải quyết ổn thỏa dạy trong kinh. Các điều giáo luật nghiêm cấm rượu, cờ bạc, mãi dâm, và các giáo luật nâng cao địa vị người đàn bà trong cộng đồng... tất cả mọi sự kiện suy ra đều là hành động cách mệnh đối với người Ả Rập và thế giới đương thời, ngần đó giải thích được sự thu hút của đạo Hồi.

Đạo Islam trở thành tôn giáo lớn

Người Hồi giáo cũng như người theo Cơ đốc giáo lúc ban đầu bị dân chúng nguyền rủa và chém giết thẳng tay. Môhamet phải trốn vào núi, chờ ban đêm đem người đồng đạo lên tỉnh Medina. Lễ Hijra (nói ở trên) kỷ niệm biến cố này, làm điểm khởi đầu của niên lịch Hồi giáo, năm Một tương đương với năm 632 A.D của Cơ đốc giáo, ngày nay ta thỏa thuận gọi là công nguyên. Hồi giáo viết A.H. nghĩa là "after Hijra," sau biến cố trọng đại Hijra.

Mà trọng đại thật. Sau kỷ nguyên Hijra, đạo Islam phát triển rất mạnh, cho đến mười năm sau (10 A.H, tương đương với 642 A.C.) lúc Môhamet chợt mất vì bạo bệnh, toàn bán đảo Arabia trở thành cơ sở của Islam. Một trăm năm sau, quân Hồi giáo lấy danh nghĩa Thánh chiến jihad, thôn tính tất cả đất đai vùng lân cận như Armenia, Persia (tức là Iran ngày nay), Syria, Palestine, Iraq, Egypt và Tây ban nha... Hồi giáo đã tràn vào nước Pháp, nhưng trận chiến tại thành phố Tours năm 732 AD, Charles Martel thắng được quân Hồi giáo (gọi là quân Maures) người Việt học sử Pháp còn nhớ (!). Thất bại tại Âu châu, quân Hồi giáo quay sang Á châu, chinh phục nước Ấn Độ (ngày nay chia đôi, Hindustan và Pakistan), tràn vào miền Tây Nam nước Trung Hoa, và các quốc gia Đông Nam Á như Indonesia, Malaysia, Philippines.

Các quốc gia ven bờ Địa trung hải như Thổ Nhĩ Kỳ, như Turkestan (Thổ Nhĩ Kỳ tư thản, thời thuộc Nga trở thành cộng hòa dân chủ, bao vây miền Bắc Afghanistan.) Tràn xuống phương Nam, dân Ai Cập sau khi cải đạo sang Islam, đem đạo Hồi xuống xa tại châu Phi da đen, cho đến thời cận đại chống đỡ không nổi với sức bành trướng của đạo Cơ đốc dựa vào súng đạn của quân thực dân châu Âu, phải dừng lại.

Câu hỏi ta đặt ra bây giờ là vì sao quân Ả Rập ngày đó sống trên sa mạc, khí giới đơn sơ, ăn uống thiếu thốn mà thắng được các quốc gia văn minh, giàu có từ Âu sang Á? Sử gia giải thích bằng ba lý do. Thứ nhất là phương cách vận chuyển đường xa trên lưng con lạc đà rất di động và rất hữu hiệu; thứ hai, vì chính đấng tiên tri Môhamet muốn mau phát triển tôn giáo Islam đã ra lệnh cho đoàn quân chiến thắng chia chiến lợi phẩm làm năm phần, bốn phần họ được giữ lấy làm của riêng, một phần năm nạp vào xây dựng đạo. Nơi đây ta thấy rõ người dân sa mạc suốt đời chưa bao giờ thấy cảnh giàu sang văn minh vật chất, cũng chưa bao giờ biết đến văn minh tinh thần (ở Hy Lạp, La Mã, ở Ấn Độ), cho nên họ liều chết để chiếm đoạt của cải nơi họ bước chân đến.

Điều thứ ba cuối cùng là Thánh kinh Koran dạy rằng người tử vì đạo, đem đạo reo rắc xuống đất mới sẽ được tiếp rước tại thiên đường, như tinh thần đạo quân Taliban ta thấy ngày nay qua quảng bá truyền thông. Các chú bé Taliban mồ côi được các ông nhà giàu dầu hỏa Saudi Arabia nuôi ở các trường dạy cán bộ Hồi giáo nay được dùng làm sĩ quan kiểm tục, được mô tả trong phóng sự báo L'Express, là hình ảnh trung thực của đạo quân Hồi giáo này 1300 năm trước. (Đọc Nguyễn Phúc Bửu Tập: *Afghanistan, miền đất đau khổ*, tạp chí *Thế kỷ 21*, tháng October 01).

Các tông phái Islam

Môhamet mất bất ngờ vì bạo bệnh, không kịp chỉ định người kế vị. Lúc bấy giờ có ba nhân phái đủ uy quyền quyết định việc kế vị. Nhóm thứ nhất đại diện truyền thống, những người xung quanh đã giúp Môhamet xây dựng Islam; nhóm thứ hai đại diện tập quyền thừa kế do nàng Fatima, con gái, rể, và cháu ngoại của Môhamet đại diện; và nhóm thứ ba, các lãnh tụ sắc tộc Quraysh, sắc tộc của Môhamet. Nhóm thứ nhất truyền thống ra tay trước, bầu Abu Bekr lên chức vụ Khalip. Một năm sau Abu Bekr mất. Omar, một người rể lấy con gái Môhamet lên kế vị chức vụ Khalip, lập được nhiều kỳ công, là lãnh tụ Khalip thứ ba. Omar bị ám sát, một người rể khác, chồng của Fatima lên kế vị. Ayesha là người vợ sủng ái của Môhamet chống đối Ali, gây nên nứt rạn trong hàng ngũ lãnh đạo Islam. Quyền hành rẽ làm hai trục: trục một gọi là Sunnah, của nhóm truyền thống và trục hai, Shiah trung thành với Ali, đại diện quyền thừa kế. Các khuynh hướng chính trị, triết lý tôn giáo, kinh tế ảnh hưởng rất nhiều trên việc phân chia Islam thành nhiều nhóm phái, hai nhóm quan trọng nhất là *Sunni* và *Shia*, phân tán tín đồ Islam trong mỗi cộng đồng và quốc gia, ta sẽ bàn tới trong một cơ hội sau./.

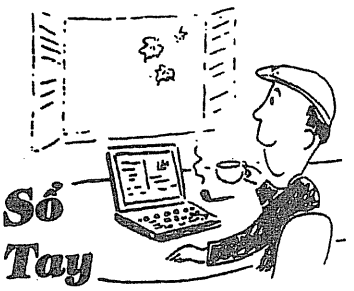

MỸ ĐÃ KÝ XONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI

Thượng viện Mỹ đã thông qua Hiệp định thương mại Việt-Mỹ, và tổng thống Bush đã ký trước khi lên đường đi dự Hội nghị APEC ở Thượng Hải. Chỉ còn chờ Quốc hội Việt Nam thông qua nữa là sẽ được thi hành. Nghị sĩ John Kerry, một cựu chiến binh ở Việt Nam đã vận động để không đem bàn Dự luật Nhân quyền Việt Nam trong phiên họp đó. Dự luật này sẽ phải chờ vì Quốc hội Mỹ đang bận những vấn đề an ninh quốc nội, kích thích kinh tế, và chiến tranh ở Afghanistan.

Thương vụ giữa Mỹ và Việt Nam chắc sẽ tăng lên, chỉ tiếc rằng Hiệp định ra đời đúng vào lúc kinh tế Mỹ và thế giới đang suy thoái cho nên cơ hội mới khó được khai thác đầy đủ. Số hàng xuất nhập giữa hai nước năm ngoái chỉ hơn 1,1 tỷ mỹ kim, chỉ bằng thương vụ giữa Mỹ và xứ Haiti nhỏ bé chỉ có 6 triệu dân. Việt Nam xuất cảng sang Mỹ được 827 triệu đô la, bằng 6% số xuất cảng sang các nước khác, số hàng nhập cảng từ Mỹ còn ít hơn, 330 triệu, chỉ bằng 2% hàng bán đi nơi khác.

Trong lúc kinh tế trong vùng Đông Nam Á đang suy thoái, các nước này và Trung Quốc sẽ cạnh tranh ráo riết để bán hàng sang Mỹ. Các nước xuất cảng hàng điện tử, vi tính, viễn thông sang Mỹ như Đài Loan, Mã Lai Á, Singapore suy thoái nặng vì một phần tư Tổng Sản lượng Quốc nội (GDP) của họ là hàng bán cho Mỹ. Trung Quốc không bị ảnh hưởng vì thị trường nội địa lớn, và nước này đã ký Hiệp định thương mại với Mỹ từ năm trước, họ sẽ là những đối thủ đáng kể cho hàng Việt Nam vì nhiều kinh nghiệm tiếp thị hơn.

Các công ty Mỹ làm ăn ở Việt Nam còn vui hơn các công ty Việt Nam. Mấy năm qua nhiều công ty Mỹ đã cuốn gói ra đi hoặc giảm bớt hoạt động vì thất vọng trước nhịp độ cải tổ quá chậm chạp. Đầu tư ở Trung Quốc có lợi hơn vì khung cảnh thị trường cởi mở hơn. Nhưng nay tình hình sẽ thay đổi vì bản Hiệp định nêu rõ lịch trình mở cửa tường bước vào thị trường buôn bán cũng như đầu tư tại Việt Nam. Đại diện công ty American Standard ở Hà Nội, ông Thomas Siebert cũng là chủ tịch phòng Thương mại Mỹ ở đây, đã vận động ráo riết cho bản Hiệp định này, và công ty của ông nhìn thấy mối lợi trước mắt. American Standard chuyên sản xuất đồ trang bị trong nhà vệ sinh, năm ngoái các cơ sở của công ty này đã sản xuất 250,000 bồn rửa mặt và cầu tiêu ở Việt Nam, nhưng chỉ bán tại chỗ chứ chưa xuất cảng sang Mỹ. Khi Hiệp định có hiệu lực, họ sẽ bán về nước Mỹ, vì thuế quan sẽ giảm từ 50% xuống chỉ còn 5%, tức giá bán có thể hạ bớt một phần ba!

Hàng may dệt may sẽ được nhiều cơ hội xuất cảng hơn. Các công ty may mặc Việt Nam đã chuẩn bị đi chào hàng từ năm 2000, tham dự hội chợ triển lãm ở Atlanta và tìm các hợp đồng xuất cảng. Nghệ thuật tiếp thị của họ chưa điêu luyện lắm, sẽ phải học hỏi dần dần. Nhưng các công ty ngoại quốc ở Việt Nam thì sẵn sàng khai thác thị trường Mỹ. Công ty giầy Nike hiện nay chỉ bán 20% số giầy làm ở Việt Nam sang Mỹ, cũng vì thuế quan cao quá. Sau hiệp định, thuế quan sẽ giảm từ 35%, 40% xuống chỉ còn 7% đến 10%. Lalit Monteiro là Tổng quản trị các hoạt động của Nike ở Việt Nam cũng thuộc nhóm những người vận động ráo riết cho bản Hiệp định. Riêng ông ta đã gặp 30 đại biểu Quốc hội Mỹ để lóp bi. Bây giờ ông tính số xuất cảng sang Mỹ sẽ tăng thêm 25% trong năm tới. Công ty Nike sử dụng 46 ngàn công nhân người Việt, qua các nhà thầu Đài Loan, Đại Hàn, v.v. và sản xuất 24 triệu đôi giầy năm ngoái, phần lớn bán sang thị trường Âu châu.

Đối với công ty Nike thì bản Hiệp định còn giúp giảm giá thành ở Việt Nam. Trước đây công ty này phải nhập cảng ni lông, vải, da thuộc, cho đến dây giầy từ các nước khác. Vì các thứ nguyên liệu đó không làm ở Việt Nam sẽ được Mỹ tính thuế thấp trong giá trị mỗi đôi giầy, chỉ có phần gia tăng giá trị do công nhân Việt Nam đóng góp mới bị thuế cao. Nay thì Nike có thể chế tạo các nguyên liệu này có thể sản xuất ở Việt Nam và giá thành sẽ hạ xuống vì công nhân Việt Nam lương thấp hơn nhiều nước trong vùng. Nhưng một ảnh hưởng tốt khác cũng đáng kể, là Hiệp định thương mại quyền sở hữu trí óc cho Nike ở Việt Nam, gồm những kiểu mẫu, nhãn hiệu sẽ được bảo vệ, tránh nạn làm hàng giả, hàng lậu. Ở Việt Nam hiện nay cứ một đôi giầy Nike thật bán ra lại có đến 10 đôi ăn cắp nhãn hiệu.

Công ty Ikea của Thụy Điển cũng được lợi. Họ đang dùng 100 ngàn công nhân Việt Nam trong 54 nhà máy sản xuất đồ dùng lặt vặt trong nhà, từ bồn cây kiểng cho tới thảm chùi chân. Một nhà máy có 6,500 nhân viên làm ra 800,000 món hàng một năm, chỉ bán qua Âu châu mà không vào được thị trường Mỹ khi thuế quan còn là 40%. Ông Richard Verbove, tổng giám đốc công ty Ikea ở Việt Nam cho biết khi thuế xuống thành 5% số sản xuất sẽ tăng thêm một phần ba. Năm nhà máy làm đồ gốm, đồ sứ của Ikea sử dụng

10,000 công nhân Việt Nam sẽ tăng sản lượng thêm một phần ba khi thuế nhập cảng vào Mỹ giảm từ 40% xuống 3%. Năm ngoái Ikea chỉ bán sang Mỹ 100 triệu đô la hàng hóa, sẽ tăng lên 120 triệu sang năm, và năm 2005 ông Verbove dự trù sẽ bán được 230 triệu.

Các nhà xuất cảng Việt Nam phần lớn khai thác nông phẩm và hải sản. Số hải sản đã tụt xuống gần đây vì ảnh hưởng của vụ khủng bố ở Mỹ khi các thương cảng phải kiểm soát kỹ hơn. Cà phê của Việt Nam đã bán phá giá trong lúc giá thị trường thế giới xuống, nhưng cũng không tăng được bao nhiêu. Nhiều nhà trồng cà phê ở Việt Nam đã bỏ không gặt hái và nhiều trang trại đã nhổ cà phê để trồng nông phẩm khác.

Người Việt Nam còn phải học hỏi nhiều về thị trường quốc tế mới có thể khai thác các cơ hội mà Hiệp định thương mại Việt Mỹ đem lại.

THẾ GIỚI Á RẬP

Từ sau vụ khủng bố này 11 tháng Chín ở Mỹ, chúng ta chú ý đến các nước Á Rập.

Người Việt Nam không mấy ai quan tâm đến thế giới Á Rập và Hồi giáo, trừ khi có những tin tức về chiến tranh ở Trung Đông. Khi quan tâm, chúng ta cũng mang sẵn nhiều thiên kiến; người Việt ở Pháp chịa sẻ những thành kiến của dân Pháp, người ở Mỹ nhiễm những thành kiến trong báo chí Mỹ. Ngay hai chữ Đạo Hồi chúng ta dùng cũng do ảnh hưởng của người Trung Hoa. Hồi là một sắc dân Hồ ở Trung Quốc, nên tôn giáo của họ gọi là Hồi giáo. Nhiều người theo đạo Hồi ở Việt Nam, đa số là người gốc Chàm, tự nhận là họ theo đạo Islam, cái tên chung các dân tộc khác dùng cho tôn giáo đó.

Khi chính phủ Mỹ tấn công Afghanistan, họ lo phản ứng chống đối của thế giới Islam, trong đó đáng quan ngại nhất là phản ứng của các nước Á Rập. Vì các nước này đông, nằm ở các vị trí chiến lược chung quanh Địa Trung Hải, và dự trữ nhiều dầu lửa nhất thế giới. Nhưng thế giới Á rập và Islam cũng rất phức tạp, trong đó người ta bị chia rẽ, xâu xé vì theo các giáo phái khác nhau, chủng tộc khác nhau, và cả ý thức hệ khác nhau. Ngay trong một quốc gia, các mối chia rẽ đó cũng gây ra bao cuộc đổ máu. Mà chính những quốc gia trong vùng phần nhiều mới được chia cắt phân ranh giới từ thời thuộc địa hay sau khi giải phóng, có khi cũng là những thực thể nhân tạo, không do người dân lựa chọn.

Văn minh Á Rập nở rộ trong thời Trung cổ khi họ khám phá và phát huy gia tài văn minh Hy La, nhờ có họ giữ gìn, phổ biến mà người Âu châu sau này còn được học. Họ đã phát triển toán học, y học, địa lý, các ngành khoa học khác, triết lý, xã hội học v.v... Văn minh Á Rập bùng lên nhờ không khí tương dung trong các xứ mà người Á Rập cai trị, từ miền Trung Á đến tận Tây Ban Nha. Trong các xã hội cởi mở đó, người Á Rập học hỏi và trao đổi những hiểu biết với người Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo, và đón nhận cả những kiến thức từ Ấn Độ, Trung Hoa. Thời kỳ rực rỡ đó chấm dứt từ thế kỷ 15, vào lúc đế quốc Ottoman do người Thổ Nhĩ Kỳ cầm đầu bắt đầu mở rộng, mang đạo Islam sang vùng Balkan. Sau bốn trăm năm, đế quốc đó tan rã, thế giới Á Rập bị các nước Âu châu chia cắt chiếm làm thuộc địa từ đầu thế kỷ 20, di sản là cảnh phân liệt ở Trung Đông ngày nay mà ông Nguyễn Hiến Lê ví như thời Đông Châu liệt quốc.

Ngay trong mỗi nước Á Rập cũng chứa đầy mâu thuẫn. Ông Saddam Hussein cai trị xứ Iraq mà đa số theo giáo phái Suni nhưng chính ông ta vốn theo chủ nghĩa "Baathism" một tư tưởng pha trộn chủ nghĩa dân tộc Á Rập và Chủ nghĩa Xã hội. Gần đây ông bỗng dưng tỏ vẻ "thuần thành" hơn, in khẩu hiệu "Allah Vĩ đại" trên các chân dung của ông, nhưng ông vẫn nắm các giáo sĩ trong bàn tay sắt. Cố Tổng thống nước Syrie, ông Hafez Assad cũng theo chủ nghĩa Baath, ông cai trị một nước đa số theo phái Suni nhưng chính ông thuộc một giáo phái Islam thiểu số gọi là Alawi, xuất hiện từ thế kỷ thứ 9. Khi có những người "Hồi giáo cực đoan" nổi lên chống ông ta, Assad không ngần ngại cho pháo kích và oanh tạc san bằng làng Hama, giết chết 20,000 thường dân. Quân Do Thái cũng chưa giết nhiều người Palestine như vậy từ mấy chục năm nay. Khi quân Syrie chiếm đóng Beirut, thủ đô xứ Liban, ông Assad áp dụng cùng một chính sách đó đối với những người Á Rập theo Thiên Chúa giáo. Xứ Liban đã bị người Pháp chiếm từ năm 1961 sau khi những người theo đạo Mennomite, một ngành Thiên Chúa giáo, bị tàn sát bởi tay những người theo đạo Druze. Năm 1992 những người Liban theo đạo Phalange (Thiên Chúa giáo) đã tàn sát 1,000 người Palestine ở các trại tị nạn Sabra và Shatilla tạo lý do cho ông Assad can thiệp. Druze cũng là một ngành Hồi giáo ra đời từ thế kỷ thứ 10, có gần một triệu tín đồ.

Ông Saddam Hussein tấn công Iran trước đây 20 năm, gây một cuộc chiến tranh giữa người Iraq theo giáo phái Suni và dân Iran theo giáo phái Shia. Cuộc chiến đó làm 1 triệu rưỡi người chết. Saddam Hussein sau đó quay ra chiếm Kuwait khiến Mỹ phải đem quân đánh, và Mỹ dùng đất Á rập Sau đi làm chỗ đóng quân. Sự có mặt của quân Mỹ khiến ông Osama bin Laden tức giận, phản đối chính phủ hoàng gia Sau đi đã để cho "quân ngoại đạo" tới làm ô uế xứ sở ông, nơi có các thánh địa Mecca và Medina. Ông

ta bị trục xuất rồi bị mất quyền công dân. Từ đó ông chống Mỹ kịch liệt và vận động lật đổ hoàng tộc. Trong bài tuyên bố sau khi Mỹ tấn công Afghanistan, Osama bin Laden còn đặt một điều kiện là quân Mỹ phải rút khỏi xứ Sau đi.

WAHHABI và AFGHANISTAN

Nước Á rập Sau đi (Theo tiếng Pháp gọi là Á rập Sê U đít) mang tên đó vì vua sáng lập là Ibn Saud đã chinh phục bán đảo đầy sa mạc này, chiếm chính quyền từ tay hoàng tộc Hashemite hiện giờ vẫn cai trị xứ Jordan. Ngay từ khi lập quốc, hoàng tộc Saudi đã dựa vào giáo phái Wahhabi, những người Wahhabite hiện chiếm 20% dân số xứ này. Đến giờ, hoàng tộc vẫn trọng đãi giáo phái Wahhabi, mặc dầu đa số dân theo phái Suni và không phải người Hồi giáo nào cũng ưa giáo phái Wahhabi với nhiều chủ trương quá "thuần khiết" và khắt khe. Ông Osama bin Laden hiện nay tố cáo hoàng tộc Sau đi là "phản bội" tôn giáo. Nhưng đại gia đình, anh em ông bin Laden đang làm ăn thịnh vượng nhờ cuộc chiến tranh ở Afghanistan vì họ đầu tư rất nhiều và liên kết với các công ty sản xuất vũ khí ở Mỹ và có liên hệ với nhiều chính trị gia đảng Cộng Hòa. Cựu Tổng thống Bush cũng từng di diễn thuyết do một công ty của gia đình này đài thọ phí tổn. Giáo phái Wahhabi hiện đang phát triển các trường học và cơ sở từ thiện khắp nước Sau đi. Vì hoàng gia Sau đi sợ ảnh hưởng của họ cho nên không cho phép Mỹ dùng các căn cứ ở Sau đi để xuất quân đánh Afghanistan.

Còn người Afghan, họ lại không nói tiếng Á Rập. Đám quân do Osama bin Laden tuyển mộ đến Afghanistan đánh quân Liên xô 20 năm trước đây được gọi là "người Afghan-Á rập". Có hàng chục ngàn người, họ đang lấn quyền đảng Taliban ở xứ này. Liệu dân Afghan có ủng hộ ông Osama bin Laden hay không? Một nhà báo Mỹ kể câu chuyện sau đây đáng suy nghĩ.

Bà Nancy deWolf Smith hỏi một người bạn Afghan những câu hỏi về tình hình xứ ông sau khi không quân Mỹ tấn công được hai tuần.

Theo đúng lối cổ truyền, ông bạn này kể một câu chuyện.

Có một chủ tiệm bán vải vóc ở thành phố Kandahar, được coi là thủ phủ của đảng Taliban cầm quyền, cũng là nơi tập trung lực lượng của nhóm al Qaeda và ông Osama bin Laden. Một hôm nhà buôn vải thấy có một chủ tiệm gốc Ấn Độ đại hạ giá vải, khiến ông ta không thể cạnh tranh nổi. Ông này bèn đến hỏi ý kiến một trưởng lão cùng bộ tộc. "Con sẽ phá sản mất, không thể cắt giá như lão kia được. Liệu con có nên đi rỉ tai nói với mọi người rằng lão đó là người Ấn Độ hay không?" Vị trưởng lão trả lời ngay, "Không. Làm như thế không tốt. Nhưng con cứ nói với các khách hàng rằng ông chủ tiệm kia là người Wahhabi. Sẽ không còn ai đến tiệm đó nữa."

Câu chuyện trên, bà Nancy deWolf Smith nhận xét, cho thấy dân Afghanistan ghét người Á Rập như thế nào, họ gọi các người Á Rập là Wahhabi. Người bạn kể câu chuyện trên để cho thấy nếu người Afghan có sức chính họ sẽ gạt bỏ ông Osama bin Laden, một người Wahhabi từ Á rập Sau đi vào xứ họ và gây bao tai họa. Chiến lược không kích của Mỹ bị nhiều nhóm người Pashtun, sắc tộc chiếm 40% dân số Afghanistan chỉ trích, vì làm cho nhiều người dân quay ra ủng hộ đảng Taliban, cũng xuất phát từ sắc dân này. Họ nói, đáng lẽ nên theo lời khuyên của họ, tìm một tập hợp chính trị từ trước, sẵn sàng thay thế chính phủ Taliban rồi hãy tấn công.

NHỮNG NƯỚC Á RẬP ĐANG THAY ĐỔI

Báo chí Tây phương chỉ nhìn thế giới Hồi giáo với hai loại người nổi bật: một bên là những vua chúa và các nhà độc tài đang hưởng thụ nhờ khai thác tài nguyên của xứ họ, đặc biệt là dầu lửa; bên kia là những tổ chức khủng bố quá khích, chống Israel và chống Mỹ. Nhưng trong thế giới Á Rập và Hồi giáo còn một lớp người khác là giới trí thức trung lưu, đặc biệt là những thanh niên "tân học."

Nhiều người Á Rập bất mãn vì các chế độ độc tài thối nát ở xứ họ, nhưng không thể lật đổ các chế độ đó nên quay sang mục tiêu khác, là chống Mỹ và Israel. Hàng chục ngàn thanh niên Á rập Sau đi theo ông bin Laden thuộc lớp người này. Muhammad Atta mà người ta nghi là chủ mưu vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 là dân Ai Cập cũng từ bỏ đời sống trong một gia đình trung lưu khá giả để cướp máy bay tự sát và giết mấy ngàn người, cũng vì động cơ tương tự. Lý thuyết gia tay mặt của ông bin Laden cũng là dân Ai Cập, bị chính quyền bắt, tra tấn, bỏ tù, được tự do mấy năm thì cũng đi Afghanistan tìm đồng chí.

Nhưng trong thế giới Á Rập có những người chấp nhận các giá trị tự do dân chủ của Tây phương và muốn thực hiện các giá trị đó. Họ muốn đưa thế giới Á Rập vào thời hiện đại. Và có những tiểu vương quốc tích cực tham dự vào quá trình này. Nước Bahrain là một thí dụ.

Nước Bahrain nằm trên một hòn đảo phía Tây Á rập Sau đi, nhỏ hơn thành phố New York và chỉ có 640 ngàn dân. Nhờ nguồn lợi dầu lửa, dân nước này cũng có lợi tức trung bình 10,000 mỹ kim một năm. Trước đây năm năm, nhiều vụ bạo loạn diễn ra trên đường phố Manama. Bom nổ ở các khách sạn sang trọng, ngân hàng, và các công ty ngoại quốc. Những người theo phái Shi-A chủ trương chống chính phủ của vị tiểu

vương (emir). Nhà vua Issa al Khalifa thuộc phái thiểu số Suni đã đàn áp thẳng tay, dùng lực lượng cảnh sát lính đánh thuê do người Anh chỉ huy. Nhiều người Bahrain phải trốn ra ngoại quốc.

Năm 1999 nhà vua chết, con trai ông lên làm emir và vị tiểu vương mới thay đổi chính sách. Ông thả các tù nhân chính trị, thay đổi luật lệ về an ninh, và lập một hội đồng tư vấn gồm cả những người đối lập mới ra tù, cho phép lập đảng chính trị và chuẩn bị tổ chức bầu cử tự do, năm 2002 sẽ bầu các hội đồng thị xã, năm 2003 sẽ bầu quốc hội. Nhiều người đối lập từ Âu châu đã trở về, lập đảng để chuẩn bị tranh cử, làm việc trong các cơ quan cố vấn cho vua Hamad al Khalifa.

Khi Mỹ bắt đầu đánh bom Afghanistan, khắp nơi trong thế giới Hồi giáo có biểu tình phản đối, nhưng Bahrain vẫn bình yên. Tiểu quốc này cũng là nơi có bộ tư lệnh Hạm đội số 5 của Mỹ và hai hàng không mẫu hạm Mỹ lấy hòn đảo này làm chỗ tiếp tế. Vị vua mới cho phép dân sống tự do với mức sống cao, các giáo sĩ cũng không bắt phụ nữ phải che kín mặt, các quán rượu được mở cửa, người theo Thiên Chúa giáo được đeo thập tự công khai chứ không bị cấm như ở nước láng giềng Á Rập Sau đi, nơi họ tịch thu cả thánh kinh Thiên Chúa giáo. Trong Hội đồng tư vấn của hoàng gia có người theo đạo Thiên Chúa và cả đạo Do Thái. Hai tờ báo chính thức đăng cả những bài vận động của đảng đối lập. Một bài bình luận viết: "Nếu có ý kiến bất đồng với chính phủ, chúng ta có thể phản đối, có thể vận động. Còn ở xứ Sau đi, người bất đồng chính kiến có thể làm gì? Chỉ có thể dùng bom!"

Một lãnh tụ chống chính phủ, ông Abdulrahman al-Nuaimi, 57 tuổi, trước đây theo chủ nghĩa Marx, đã sống lưu vong 33 năm ở các nước Oman, Syrie, Iraq và Yemen, đã về nước hồi đầu năm 2001. Ông mới được bầu làm chủ tịch Hội Công nhân Dân chủ Toàn quốc, chuẩn bị biến thành đảng chính trị, trong tháng Chín. Ông nói, "Tôi chỉ trích chính phủ, và họ cho chiếu trên vô tuyến truyền hình. Tôi nói cần phải dân chủ hóa nhiều hơn, và đài truyền hình cho chiếu. Tôi thấy rất khích lệ."

Một nước láng giềng của Bahrain là tiểu quốc Qatar, nơi có đài truyền hình al Jazeera, cũng đang bước tới trong quá trình hiện đại hóa.

QUAN ĐIỂM VÀ QUAN ĐIỂM KHÁC

Đài Al Jazeera là cơ sở truyền thông đầu tiên phát hình cuốn băng của ông Osama bin Laden sau khi Mỹ bắt đầu đánh bom Afghanistan.

Trong thông điệp truyền hình thâu sẵn đó, ông Osama bin Laden kêu gọi người Hồi giáo mọi nơi khai chiến với Mỹ. Nhưng ngay sau khi đài Al Jazeera phát hình thông điệp của Osama bin Laden thì họ cũng phỏng vấn ngay hai nhân vật khác có quan điểm đối nghịch với ông ta, là ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan và Thủ tướng Anh Toni Blair. Rồi chính ông Powell sau đó đã được đài Al Jazeera phỏng vấn, sau khi ông đã phàn nàn rằng đài này thiên vị. Không những thế, bà Condoleezza Rice, cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Bush rồi ông Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld cũng lên đài! Khẩu hiệu của đài truyền hình Al Jazeera là "Quan điểm và Quan điểm khác." Và họ đã cố gắng thực hiện đúng điều đó. Có thể nói, đây là một đài truyền hình CNN trong thế giới những người nói tiếng Á Rập. Trong cuộc chiến vùng Vịnh 10 năm trước, đài CNN của Mỹ độc quyền chiếu hình các cuộc không tập ngay tại thủ đô Iraq vì họ có phóng viên thâu hình tại chỗ. Trong những ngày chiến cuộc Afghanistan bắt đầu, chỉ có đài Al Jazeera sẵn phóng viên Tayseer Allouni hiện diện ở Kandabar nơi có trụ sở của đảng Taliban. Đài CNN sau đó đã mua độc quyền các phim của đài Al Jazeera cho thị trường Mỹ. Các đài truyền hình khác trên thế giới cũng mua, đem lại một mối lợi nhuận mới. Đây là kết quả của một vụ đầu tư hai năm trước, khi đài Al Jazeera quyết định mở văn phòng ở Kabul, thủ đô Afghanistan. Hiện nay họ có văn phòng ở 35 thành phố khắp thế giới.

Đài Al Jazeera là kết quả của chương trình "đổi mới" của tiểu vương Hamad bin Khalifa al-Thani cai trị xứ Qatar, một trong các tiểu quốc Á Rập bên cạnh xứ Á rập Sau đi. Lãnh thổ Qatar chỉ rộng hơn 10 ngàn cây số, bằng 1/30 nước Việt Nam, và chỉ có gần nửa triệu dân, trong đó 95% theo Hồi giáo mà gần nửa là người Á Rập. Nhờ dầu lửa phong phú, đây cũng là một nước có lợi tức theo đầu người cao nhất thế giới, trên 10,000 Mỹ kim một năm.

Năm 1996 tiểu vương Qatar cấp 130 triệu Mỹ kim cho vay để một số nhà báo thành lập một đài truyền hình phát qua vệ tinh nhân tạo. Số tiền này đài Al Jazeera sắp trả lại. Nhà báo Ibrahim M. Helai, 32 tuổi đứng đầu ban biên tập đài Al Jazeera trước đây đã học về báo chí ở các nước Tây phương và đã từng làm việc cho đài BBC ở Anh.

Trong thế giới các nước nói tiếng Á rập, phần lớn các đài truyền hình đều là công cụ của chính phủ, chỉ loan báo những tin tức nào có lợi, loại bỏ tất cả những gì bất lợi cho nhà cầm quyền. Tiểu vương xứ Qatar đã bảo vệ đài chống các áp lực ngoại quốc. Ông Halel nói, "Chủ đích của chúng tôi là tính khách quan! Nhưng trong khu vực này trên thế giới, đó là điều rất khó. Ngay các chính phủ tương đối tiến bộ như Ai Cập, Jordan, cũng tìm cách áp đặt quan

điểm của họ."

Đài Al Jazeera là một luồng gió mới. Đài phát hình các cuộc tranh luận với quan điểm đối chọi nhau, và dám đề cập đến các vấn đề "cấm kị", như sự thiếu sót những định chế dân chủ, các vụ đàn áp người đối lập, và quyền bình đẳng của phụ nữ. Tiểu thuyết gia Ai cập Ahdaf Soueif nói rằng đài Al Jazeera "giống như một cửa sổ mở ra bên ngoài cho chúng tôi có thể thở!" Với sự có mặt của đài này, những biện pháp kiểm duyệt của các chế độ độc tài sẽ mất công hiệu. Hiện nay đài Al Jazeera có khoảng 30 triệu khán giả thường xuyên ở các nước Á Rập.

Các chính phủ trong thế giới Á rập thường coi dân chúng họ như còn ấu trĩ, không đáng coi đủ các tin tức, phải cấm đoán họ nghe chuyện chính trị, giống như cha mẹ cấm con cái vậy! Các chính quyền độc tài thường vẫn khinh dân, cấm tự do ngôn luận, kiểm soát báo chí, không cho dân được tự do bầu cử. Nhiều chính phủ loại này lại được Mỹ yểm trợ, cho nên người dân các nước đó oán Mỹ, và khi không thể chỉ trích và thay đổi chính phủ của họ, nhiều thanh niên đã quay ra chống Mỹ! Nhiều người trong đám 19 tay không tặc 11 tháng 9 có quốc tịch Á rập Sau đi.

Chính nhờ chương trình đổi mới, hiện đại hóa của tiểu vương Qatar nên nhà báo Abrahim Helal cùng 500 nhân viên của ông ta mới có thể reo rắc những mầm mống tự do dân chủ từ một nước Á Rập nhỏ bé lan truyền cho một số thính giả lớn bằng 60 lần dân số xứ Qatar. Ngân sách của đài Al Jazeera chỉ có 30 triệu Mỹ kim một năm. Thử so sánh với ngân sách đài truyền hình Ai Cập, một tỉ Mỹ kim mỗi năm. Vì vậy, khi Tổng thống Ai Cập khi đi thăm căn nhà một từng của đài Al Jazeera đã nói với ông Bộ trưởng Thông tin: "Bao nhiêu tin tức vang ầm lên mà chỉ phát từ cái hộp diêm này thôi!"

HỒ CẨM ĐÀO CHUẨN BỊ KẾ VỊ

Cuối năm 2002 ông Giang Trạch Dân sẽ rời khỏi ghế Chủ tịch đảng Cộng Sản Trung Hoa, và năm sau ông sẽ thôi chức vụ chủ tịch nước. Từ vài năm qua, người được coi là sẽ kế vị ông Giang là Phó chủ tịch Hồ Cẩm Đào. Cuối tháng Mười năm 2001, ông Hồ đi một vòng thăm các nước Âu châu, lần đầu tiên đến thăm Anh, Pháp, Tây Ban Nha và Đức. Chứng tỏ cho dân Trung Quốc thấy ông có vóc dáng một nhà lãnh đạo có tầm quốc tế.

Địa vị của Hồ Cẩm Đào có vẻ vững vàng, người duy nhất có khả năng giành chức với ông là Trương Khánh Hồng, chánh văn phòng của Giang Trạch Dân, cùng cánh Thượng Hải, nhưng chưa được chính thức vào Bộ Chính trị cho nên còn yếu. Khác với Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào không học ở ngoại quốc, nhưng ông tốt nghiệp kỹ sư ở một đại học Thanh Hoa danh tiếng ở Bắc Kinh và đã đi qua đủ những bước đường cần thiết để lên địa vị cầm đầu. Bắt đầu là chủ tịch của Liên hiệp Thanh niên toàn quốc, rồi nắm quyền ở hai tỉnh Quý Châu, phía Nam, và Cam Túc, phía Tây Bắc, toàn là những tỉnh nghèo, rồi làm Bí thư đảng ở Tây Tạng rút tỉa kinh nghiệm trấn áp những dân tộc thiểu số.

Ở trong đảng, Hồ Cẩm Đào đã cầm đầu Ban Tổ chức Trung ương rồi giám đốc Trường Đảng Trung ương, hai địa vị tạo cơ hội kết thêm vây cánh. Dần dần ông đã leo lên đến chức Phó Chủ tịch. Mặt khác, ông Hồ Cẩm Đào luôn luôn khôn khéo ủng hộ Giang Trạch Dân, đề cao lý thuyết "Ba đại biểu" mà ông Giang muốn để lại như di sản của mình trong lịch sử Trung Quốc. Một trong ba điểm nói rằng đảng Cộng Sản Trung Hoa phải là "đại biểu cho lực lượng sản xuất tiến bộ nhất." Với lý thuyết đó, Giang Trạch Dân biện minh cho việc thu nhận các nhà kinh doanh vào trong "đảng của giai cấp vô sản." Vì ở Trung Hoa bây giờ còn lực lượng sản xuất nào tiến bộ hơn giới tư doanh?

Kinh nghiệm ngoại giao của ông Hồ Cẩm Đào không rộng rãi bằng trong guồng máy đảng. Ông mới chỉ đi thăm chính thức những nước Á châu, như Nhật Bản, Nam Hàn, Việt Nam, Phi châu, Nam Mỹ v.v., mà chưa thăm châu Âu và Mỹ. Chuyến đi Âu châu vừa qua không mang lại kết quả nào cụ thể, nhưng cũng đủ để chứng tỏ ông có tầm vóc lãnh đạo quốc gia, sẵn sàng kế vị chủ tịch Giang.

Ngôi Thái tử ở nước Trung Hoa xưa nay vẫn là một vai trò nguy hiểm. Các Đông cung Thái tử được nhà vua chỉ định rồi, nhiều khi cũng mất chức và mất mạng vì có các hoàng tử khác tranh quyền. Ngay ông Mao Trạch Đông cũng chỉ lên ngôi lãnh tụ sau khi đã trừ được các đối thủ, từ năm 1935. Mao đã chỉ định Lâm Bưu vào ngôi kế vị, ghi hẳn điều đó vào Hiến pháp, nhưng sau cùng Lâm Bưu cũng chết sau khi ám sát hụt Mao phải chạy trốn, năm 1971. Hoa Quốc Phong kế vị Mao năm 1976 nhưng chẳng bao lâu thì cũng phải nhường địa vị cho Đặng Tiểu Bình. Hai người được Đặng Tiểu Bình đưa lên chuẩn bị kế nghiệp đều bị hạ bệ, Hồ Diệu Bang năm 1986 và Triệu Tử Dương năm 1989. Khi Triệu Tử Dương mất chức Tổng Bí thư, Giang Trạch Dân mới lên. Từ nay đến đại hội Đảng sang năm, ông Hồ Cẩm Đào còn rất nhiều thời gian để chuẩn bị.

VATICAN HÒA HOÃN VỚI TRUNG QUỐC

Trong một cử chỉ hòa hoãn bất ngờ, Tòa thánh Vatican đã tuyên bố những lời xin lỗi với dân tộc Trung Hoa về những lầm lẫn của các nhà truyền giáo trong các thế

kỷ trước, khi các nước Âu châu xâu xé nước Tầu và biến Trung Quốc thành những mảnh "bán thuộc địa" cho dân "Bạch quỷ" khai thác. Đây là một nhượng bộ rất lớn để hai quốc gia Vatican và Trung Quốc bắt đầu bình thường hóa bang giao.

Hành động này cho thấy tầm quan trọng của Trung Quốc đang được thế giới nhìn nhận. Không thể làm ngơ, coi như một tỷ người Trung Hoa sống ở một hành tinh khác. Ngày nay, các nhà đầu tư ngoại quốc đang nhắm vào thị trường Trung Hoa rộng lớn, và các tổ chức truyền giáo ở Mỹ cũng đua nhau tới truyền bá thánh kinh. Một nước đã bị đặt dưới một chế độ vô thần suốt nửa thế kỷ, hơn một tỷ con người đang khao khát cuộc sống tâm linh. Cứ coi sự phát triển nhanh chóng và rộng lớn của Pháp Luân Công thì biết đây là một mảnh đất mà ai cũng muốn tới gieo rắc những hạt giống tinh thần.

Lời xin lỗi được Vatican đưa ra mười ngày sau khi nhiều học giả từ khắp thế giới khai mạc một hội nghị ở Bắc Kinh đánh dấu việc giáo sĩ dòng Tên, Matteo Ricci đến đây 400 năm trước. Giáo sĩ Ricci (1552-1610) gốc Ý đã được dòng Tên gửi qua Ấn Độ từ năm 1578, rời Goa năm 1582 để tới Macao, rồi đi truyền giáo ở tỉnh Quảng Đông. Ông học tiếng nói, chữ viết, và nghiên cứu văn hóa Trung Hoa, được quan lại và dân chúng kính trọng. Ông đến Nam Xương năm 1595 rồi hai năm sau lên Nam Kinh, là những trung tâm văn hóa đương thời. Ông mặc y phục như các nhà nho. Ông bị từ chối không cho lên kinh đô nhiều lần, mãi đến năm 1601 ông mới được tới Bắc Kinh.

Ông trở thành một nhà thiên văn và nhà toán học trong triều đình nhà Thanh. Ông đã dịch nhiều cuốn sách Toán và Địa dư, mở mang kiến thức cho nhiều học giả Trung Hoa. Ông cũng viết cho người Âu châu hiểu biết thêm về văn minh Trung Hoa. Ông không cải tạo được nhiều người theo Thiên Chúa giáo, nhưng mang lại rất nhiều cảm tình cho tôn giáo của ông. Ông chủ trương chấp nhận việc thờ cúng tổ tiên, ngay các lễ nghi thờ Đức Khổng Tử trong văn miếu hay thờ các hoàng đế trong nhà thái miếu, không coi đó là một tôn giáo mà chỉ là các nghi thức để tỏ lòng tôn kính. Giáo hội La Mã đã chấp nhận điều đó ở Trung Hoa, tuy trước thế kỷ 20 vẫn không chấp nhận cho các tín đồ Việt Nam.

Ngôi mộ của giáo sĩ Ricci hiện nằm trong Trường Đảng Trung ương ở Bắc Kinh, được săn sóc cẩn thận, và tinh thần của ông được đem ra làm mẫu mực cho các cuộc tiếp cận văn hóa. Hai đại biểu của tòa thánh Vatican đã tới dự hội nghị kỉ niệm giáo sĩ Ricci trong đó có một hồng y. Cựu thủ tướng Ý Giulio Andreotti cũng có mặt. Và Giáo hội Ý đáp lại, mời vị giám mục đứng đầu "Giáo hội Yêu nước" của Bắc Kinh sang dự một buổi lễ ở Roma mà đức Giáo hoàng cũng tới hiểu thị.

Lời xin lỗi Trung Quốc của Vatican gây kinh ngạc vì các nước Công giáo không đóng vai trò chính trong thời kỳ "liệt quốc" xâm lăng Trung Hoa. Đa số các nước Âu châu đã cưỡng chiếm nhượng địa và tô giới ở Trung Hoa là các nước theo những giáo phái Tin Lành. Những nước Công giáo như Pháp, Tây Ban Nha đã đi chiếm các thuộc địa khác như Việt Nam, Phi Luật Tân và tại các nơi đó mới có nhiều giáo sĩ vừa đi truyền đạo vừa thu lượm tin tức và tuyển mộ lính đánh thuê cho quân đội của nước họ đi chinh phục thuộc địa. Sau khi Vatican và Trung Quốc liên hệ chính thức, quan hệ của Tòa thánh với Việt Nam chắc sẽ được cải thiện./.

Tìm đọc truyện dài vượt biên

CHỌN LỰA

của ĐÀO VĂN BÌNH

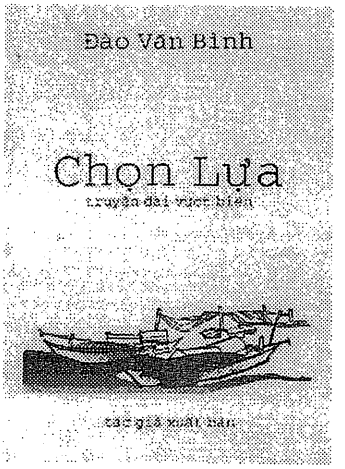

* *Để nhớ lại những cảm giác kinh hoàng khi giã từ Sài Gòn xuống tàu vượt biên!*
* *Để nhớ lại những ngày tháng không thể quên trên đảo Bidong và trại Bataan!*
* *Để nhớ lại những mối tình đã bỏ quên khi có list rời trại!!*

Giá bán $15 (kể cả cước phí gửi)
Chi phiếu mua sách xin đề:
Bùi Thị Ngọc Nga
P.O. Box 1808 San Jose, CA 95109

KINH TẾ MỸ ÂM THẦM HỒI PHỤC

THANH THẢO

Mấy hôm trước gặp lại một nhóm bạn cũ trong tiệm cà phê Starbuck, Thanh Thảo được hỏi ngay có đi du lịch bằng phi cơ vài tuần nay không? Dĩ nhiên là không, bận quá, và cũng ngại phải chờ đợi lâu ngoài phi trường, ngại bị khủng bố... nên Thanh Thảo không nghĩ đến đi đâu xa cả. Có người bạn nói ngay, Thanh Thảo là một trong những người bỏ lỡ cơ hội đi chơi xa bằng máy bay rẻ mạt, chẳng hạn bay lên Bắc California có vài chục Mỹ kim, đi Las Vegas có khoảng 30 Mỹ kim... Hai ba người khoe mới mua máy điện toán, quần áo hiệu danh tiếng và máy chụp hình digital rẻ không thể ngờ. Một người bạn khác khoe mới mua xe hơi vừa rẻ, vừa được hưởng chương trình 0% tiền lời. Trước khi chia tay, một cô bạn còn hẹn sẽ gặp lại Thanh Thảo trong vòng một tuần lễ để làm hồ sơ vay nợ nhà lại vì nghe nói tiền lời đang thấp quá, không làm uổng.

Nói chuyện với những người bạn này, Thanh Thảo tự hỏi không lẽ mình bị ảo giác là nền kinh tế Hoa Kỳ đang trên đà hồi phục? Nếu nhiều người sinh hoạt, mua sắm đều đặn như nhóm bạn Thanh Thảo vừa gặp thì nền kinh tế Mỹ buộc phải hồi phục. Còn thị trường chung của Mỹ có gì khác không?

Theo ký giả Allan Sloan thuộc *Newsweek*, thống kê thương mại cho thấy người Mỹ đang dần sinh hoạt bình thường trở lại. Dù không ồ ạt, mức sinh hoạt và mua sắm hiện nay được ghi nhận sẽ giúp đưa nền kinh tế Mỹ hồi phục một cách gần như chắc chắn. Đương nhiên, điều này làm các kinh tế gia vui, nhưng sẽ biến các bản dự kiến của những nhà truyền thông thành những nhận định sai lạc. Sau vụ bị khủng bố gửi thư có vi trùng bệnh Anthrax, đa số các cơ quan truyền thông, nhất là truyền hình, chỉ chiếu toàn những chuyện này. Không lẽ người Mỹ không biết sợ vi trùng Anthrax?

Ký giả Sloan cho rằng đa số người Mỹ tiếp tục mua sắm, sinh hoạt bình thường vì... đa số biết rõ con bò trông ra sao. Con bò là giống gia súc có thể mang và lây nhiễm vi trùng Anthrax. Các bác sĩ Y Khoa cho biết bệnh này không lây được từ người này sang người khác, và là một loại bệnh trị được bằng thuốc trụ sinh. Không hiểu có phải vì ngành truyền thông nói chung mất rất nhiều quảng cáo nên không khí sinh hoạt bị mang cái nhìn bi quan, ảnh hưởng lây sang phòng tin tức, phòng biên tập chăng, mà bệnh Anthrax tự nhiên được nhắc đến như một loại bệnh dịch hạch thời xưa vậy. Đọc những bản tin bi quan này, những người đi vắng khỏi Mỹ khoảng hai tháng nay sẽ có cảm tưởng cả nền kinh tế Mỹ chắc sắp sụp đến nơi.

Nhưng theo ông Richard Curtin, người điều hành trung tâm nổi tiếng toàn quốc tại Đại Học Michigan chuyên thăm dò niềm tin của giới tiêu thụ, điều này không đúng. Ông Curtin công nhận những người sinh sống gần vùng bị phá hoại, như New York và Washington sẽ còn phải khắc phục nhiều khó khăn, nhưng đa số dân Mỹ tại các nơi khác không còn bị ảnh hưởng của vụ khủng bố làm họ thay đổi sinh hoạt nhiều như trước. Càng xa vùng bị nạn bao nhiêu, người Mỹ càng trở lại sinh hoạt bình thường mau bấy nhiêu. Sinh hoạt bình thường của người Mỹ là...mua sắm, tiêu thụ, là điều các kinh tế gia và chính khách khẩn khoản kêu gọi mấy tuần nay. Tại sao? Vì mức chi tiêu của giới tiêu thụ nói chung tượng trưng cho sơ sơ có 2 phần 3 tổng sản phẩm nội địa, hay GDP (Gross Domestic Products) thôi!

Bản thăm dò mới nhất của Newsweek cho thấy 70% người được hỏi đã trả lời họ không cảm thấy bất an hơn trước ngày có vụ khủng bố phá hoại trung tâm thương mại quốc tế New York chút nào. Thêm vào đó, tinh thần yêu nước của dân Mỹ tăng mạnh khi được nhiều chính khách kêu gọi rằng "để chứng tỏ người Mỹ không khuất phục trước bạo lực khủng bố, không SỢ bạo lực khủng bố, người Mỹ cần tiếp tục đi mua sắm nhiều hơn trước!" Người Mỹ quả thật đã đáp lại lời kêu gọi của các chính khách một cách nhiệt tình.

Điển hình là ngành bán xe hơi. Theo nhận định của ông Art Spinella, giám đốc công ty nghiên cứu thị trường CNW tại Brandon, tiểu bang Oregon, ngành bán xe hơi có lẽ sẽ công bố mức bán trong tháng 10 mạnh nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Ngoài việc tiền lời nợ xe là 0% thu hút bao nhiêu khách hàng vào phòng trưng bày xe, kết quả thăm dò của công ty CNW cho thấy 8% khách hàng tại các phòng mua xe toàn vùng Los Angeles trả lời họ đi mua xe vì nghe theo lời kêu gọi của thị trưởng New York Giuliani rằng "để hỗ trợ nạn nhân New York và chứng tỏ lòng yêu nước, người Mỹ hãy... đi mua sắm bất cứ một cái gì cũng được!" Nhờ Chủ Tịch quỹ dự trữ

liên bang Alan Green Span cắt giảm tiền lời ngắn hạn 9 lần trong năm nay, những công ty bán xe cũng không tốn bao nhiêu khi cho mượn nợ với 0%. Tính trung bình, cho vay số tiền $25,000 với 0% công ty bán xe chỉ tốn từ $1,000 đến $1,250 trong 3 năm; bù lại, họ bán được số nhiều. Người Mỹ gọi trường hợp này là hoàn cảnh lưỡng lợi (win-win situation).

Ngành địa ốc và tài trợ địa ốc được dự kiến sẽ có một năm thành công nhất trong lịch sử hơn nửa thế kỷ qua nhờ tiền lời nợ nhà giảm xuống mức thấp nhất từ trên 40 năm nay. Tuy số nhà đất tiền không bán được nhiều bằng nhà trung bình, hoặc nhà đầu tay cần sửa chữa, nhưng các phân tích gia, và nhà địa ốc nổi tiếng Robert Irwin cho rằng nhà cửa vẫn còn là thị trường đầu tư lời nhiều và chắc chắn nhất so với những lãnh vực đầu tư khác.

Những ngành bán lẻ khác cũng báo cáo số lượng hàng bán trong hai tuần đầu tháng 10 năm nay tăng đáng kể so với cuối tháng 9. Mặc dù các tiệm áp dụng chương trình đại hạ gía nên tuy số lượng bán được nhiều, mà tiền lời ít hơn, nhưng con số tăng giúp củng cố niềm tin của người tiêu thụ. Niềm tin vào tương lai là then chốt của nền kinh tế Mỹ hiện nay.

Lịch sử ghi lại trong Đệ Nhị Thế Chiến, người dân Anh quốc đã chứng tỏ tình yêu nước bằng cách trồng những vườn hoa chiến thắng, thời đó họ gọi là Victory Garden.

Thời thế đã đổi thay, và dân tộc tính Mỹ không chuộng thú điền viên như người Anh, nên người Mỹ đã chứng tỏ tình yêu nước của mình bằng cách sinh hoạt bình thường và mua sắm đủ mọi thứ. Bằng cách nào chăng nữa, miễn kết quả thu được là sự hồi phục của nền kinh tế Hoa Kỳ, dù hồi phục một cách âm thầm, sự cố gắng của người tiêu thụ Mỹ nói chung cần được ghi nhận.

Đại Úy Quân Y Lisandra

GIẶC ĐẾN NHÀ ĐÀN BÀ PHẢI ĐÁNH

TH.TH.

Lịch sử dân tộc nào hầu như cũng có nhiều gương anh thư không quản ngại thân mình, bảo vệ tổ quốc trong thời ly loạn. Sau biến cố Hoa Kỳ bị quân khủng bố tấn công, người Mỹ lại có dịp nhìn thấy nhiều nữ công dân thể hiện tinh thần yêu nước trong quân vụ.

Theo thống kê liên bang mới nhất, hiện nay Hoa Kỳ có trên 200,000 nữ quân nhân, tức là vào khoảng 14% tổng số quân nhân thực thụ và đã ghi danh toàn quốc. Ngoài ra còn 1.3 triệu nữ quân nhân trừ bị, bằng 16% tổng số trừ bị toàn quốc, sẵn sàng chiến đấu theo lệnh huy động của quân đội. Mặc dù phụ nữ Mỹ đã chính thức phục vụ trong quân đội kể từ năm 1901, nhưng nhiệm vụ của họ bị giới hạn đáng kể, mãi cho đến năm 1994, tức là cách đây có 7 năm. Ngày nay, hàng ngàn nhiệm vụ từ xưa bị coi là quá khả năng của phụ nữ đã được giao cho "phái yếu". Phụ nữ trong quân đội hiện làm nhiệm vụ công tác trong 90% tổng số công việc thuộc quân đội, ngoại trừ những công việc vẫn còn được kể là vượt quá khả năng thể chất của phụ nữ như tác chiến dưới tầu ngầm và lực lượng đặc biệt.

Phát ngôn viên chính thức của quân lực Hoa Kỳ cho biết trong các chương trình huấn luyện căn bản, phụ nữ cũng phải hoàn tất công việc được giao phó hoàn toàn giống như phái nam, không có trường hợp ngoại lệ, để chuẩn bị họ sẵn sàng phục vụ tổ quốc khi cần, trong hòa bình hay lúc chiến tranh.

Những phụ nữ này là những nữ sinh trẻ, tương lai đầy hy vọng hoặc những sĩ quan trừ bị đã quyết định chọn quân vụ, sau một thời gian phục vụ trong quân ngũ, như trường hợp đại úy quân y Lisandra Rojas-Knotts.

Ngay buổi sáng 11 tháng Chín vừa qua, khi chiếc phi cơ đầu tiên bị bọn khủng bố lái đâm vào tòa nhà thứ nhất của trung tâm thương mại quốc tế tại New York, cô Lisandra Rojas-Knotts, đại úy quân y ngành Không Quân đang làm việc trong phòng mổ của căn cứ không quân Wright Patterson, Ohio. Với vai trò một chuyên viên gây mê, cô Lisandra đang theo dõi tình trạng bệnh nhân được giải

phẫu thì được báo hung tin. Khi biết Lisandra, 34 tuổi, xuất thân từ New York, đồng nghiệp của cô đã kể tiếp diễn biến cuộc khủng

Lisandra Rojas-Knotts gia nhập Không Quân ngay sau khi tốt nghiệp đại học năm 1993, với hy vọng tìm một ý nghĩa mới trong cuộc đời và một lối sống mới. Sinh ra và lớn lên tại Brooklyn, New York, cô đã quen với nhịp sống nhanh, và có vẻ bất cần người khác của cư dân vùng này. Lúc đầu cô Lisandra nghĩ mình cứ hoàn tất chương trình quân ngũ ngắn hạn rồi nếu không thích, mình có thể trở về nhà, sống lại cuộc sống công dân, không muộn. Vậy mà càng phục vụ trong quân đội, cô càng cảm thấy Không Quân mới chính là "nhà" của cô, là nơi cô thích nhất. Cô theo học thêm và hoàn tất bằng cao học quân y, ngành gây mê. Lisandra cho biết cô hãnh diện phục vụ trong quân đội và cho đến nay vẫn cảm thấy tự hào khi mặc quân phục Không Quân Hoa Kỳ, ra vào quân y viện.

Được phóng viên hỏi ý kiến về vai trò của mình khi phục vụ trong chiến tranh (nếu điều đó xảy ra) trong tương lai, cô Lisandra cho biết hiện cô chưa rõ mình sẽ được giao nhiệm vụ nơi nào. Là một người mới tốt nghiệp, có thể cô sẽ được giữ lại tại căn cứ, trong lúc những đồng nghiệp nhiều kinh nghiệm hơn được gửi ra chiến trường.

Tuy nhiên, cô cũng nói thêm, trong trường hợp cần những phòng cấp cứu tại chiến tuyến, cô cũng có thể được gọi đi, có những lúc sẽ là phục vụ quân đội Mỹ tại các địa điểm khác nhau trên thế giới. Với sự tự tin, Lisandra nói rằng cô và các đồng nghiệp luyện tập tác chiến và cấp cứu hàng ngày. Theo cô, quân y Hoa Kỳ trong đó có rất nhiều phụ nữ như cô đã chuẩn bị sẵn sàng để phục vụ, không phải trong trường hợp NẾU mà là KHI có chiến tranh.

Đó là câu trả lời của một đại úy quân y. Còn với vai trò một phụ nữ Hoa Kỳ, cô Lisandra cho biết cô sẵn sàng bảo vệ tổ quốc, nhưng thấy chiến tranh và sự tàn phá, hủy hoại của chiến tranh, điển hình là cái chết của gần 7,000 người trong nấm mồ chung tại trung tâm quốc tế New York, là thương tâm và đáng sợ. Chiến tranh sẽ để lại những ấn tượng khủng khiếp, những vết thương lâu lành, những nỗi mất mác không thay thế được cho cả hai phía trong cuộc. Nhưng dĩ nhiên, không phải vì thế mà Lisandra chùn bước. Trái lại, cô đã chuẩn bị sẵn sàng. Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh!

CHUẨN BỊ SẴN GIẤY TỜ QUAN TRỌNG

TH.TH.

Mấy hôm nay vì cần tìm bản sao giấy khai sinh cho con, mỗi ngày Thanh Thảo mất hàng giờ không biết để ở trong tủ nào. Sau khi thất vọng bỏ cuộc, nghĩ đến việc phải ra phòng lưu trữ hồ sơ của quận để đóng tiền xin bản khác, Thanh Thảo chợt đọc được một bài viết của phóng viên Jeff D. Opdyke trên báo Wall Street Journal tựa đề "Bạn có biết những hồ sơ quan trọng của mình để đâu không?" Bài có nhiều điểm hữu ích cho chúng ta, nhất là sau vụ khủng bố phá hoại một tháng trước đây tại New York.

Ngoài những thẻ tùy thân như bằng lái xe, giấy thông hành, những giấy tờ quan trọng còn gồm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tài sản, hồ sơ đầu tư tài chính, những bản khai thuế liên bang, giấy chủ quyền nhà, xe, khai sinh và khai tử, theo bà Anne K. Hilker, một luật sư chuyên về tài sản và quỹ ủy thác tại New York.

Là người thành thạo trong công việc, ngay sau vụ khủng bố tại New York ngày 11 tháng 9 năm 2001, bà Hilker đã tự nguyện giúp đỡ những gia đình nạn nhân bằng cách nộp hồ sơ xin giấy khai tử cho người thiệt mạng.

Bà Hilker cho biết đa số những thân nhân được giúp đỡ không sao tìm được những dữ kiện cần thiết để điền hồ sơ, rồi công nhận đây là vấn đề chung của chúng ta, không nhớ mình cất giấy tờ quan trọng ở đâu.

Ngược lại cũng có những người không vứt bỏ bất cứ giấy tờ gì chẳng hạn như ông Paul Schall, 76 tuổi, một người về hưu. Ông Schall có một tủ lớn trong nhà chứa đầy bản báo cáo đầu tư tài chính của ông từ 10 năm trước cho đến nay. Ông lưu giữ hồ sơ khai thuế lợi tức từ năm... 1959. Dĩ nhiên trường hợp của ông Schall là quá đáng, và chính ông tâm sự ông không có lý do gì để lục những hồ sơ cũ trên 10 năm đó. Giữ giấy tờ như ông Schall đâu có ích lợi. Như vậy chúng ta nên giữ giấy tờ gì, và giữ trong bao lâu?

Theo bà Hilker, những giấy tờ quan trọng cần lưu giữ gồm những thứ còn lại sau khi chúng ta đã vứt bỏ những giấy tờ thừa thãi để đỡ tốn chỗ cất, và để dễ tìm. Những bản báo cáo hàng tháng của ngân hàng lâu quá 3 năm có thể bỏ đi. Hồ sơ khai thuế cũng vậy. Tuy nhiên, những người có đầu tư trong các quỹ hỗ tương (mutual funds) nên lưu giữ những hồ sơ khai thuế có liên quan đến phí tổn đầu tư để làm tài liệu vì tiền trong các quỹ này được chuyển vào những chương trình đầu tư định kỳ, chi tiết về phí tổn cần được giữ.

Giấy khai sinh, giấy chủ quyền nhà, xe, bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe... cần được giữ. Tuy chúng ta có thể xin lại đa số những giấy tờ này khi cần, nhưng thời gian chờ đợi nhiều khi rất lâu, nhất là trong trường hợp khủng hoảng như tại New York, việc tìm tài liệu lưu trữ có khi lâu hàng tuần, làm chậm trễ những công việc khác.

Ông Albir Renauer, một chủ bút về luật pháp tại Nolo.com, thành phố Berkeley, California, cho rằng chúng ta tốn thời gian lưu trữ hồ sơ quan trọng bao nhiêu, thì đỡ tốn thời gian đi xin lại những thứ này khi cần bấy nhiêu. Nolo.com phát hành sách và nhu liệu điện toán cho những người không phải luật sư.

Những chuyên gia về hoạch định tài chính đề nghị chúng ta có thể bắt đầu giữ hồ sơ quan trọng bằng cách mướn một hộp đựng an toàn trong nhà băng. Theo ông Ray Ferrara, chủ tịch kiêm tổng giám đốc công ty ProVise Management Group, Inc. tại Clearwater, Florida cho rằng giấy khai sinh, giấy chủ quyền nhà, xe, là những loại nên cất trong các hộp đựng an toàn. Ông nhắc lại cảnh tượng tàn phá vì thiên tai tại Florida sau khi trận bão Andrew hủy hoại gần như cả thành phố. Trong đống đổ nát, đứng sừng sững một khối kiên cố, đó là tủ sắt an toàn của một nhà băng.

Nhưng nếu giữ giấy tờ trong hộp an toàn tại nhà băng, quí vị cần thận trọng để tên những thân nhân trong gia đình vào hồ sơ mướn hộp. Nếu không, khi tai nạn xảy ra, nếu người đứng tên gặp chuyện không may thì không ai có thể mở hộp này để lấy những hồ sơ quan trọng ra trong thời gian cấp thiết. Ngân hàng sẽ đòi giấy khai tử của người quá cố, trong khi đó chi tiết để hoàn tất giấy khai tử nhiều khi nằm trong hộp đựng an toàn. Để chắc ăn, quí vị cứ nên giữ thêm một bản sao của tất cả giấy tờ này ở trong nhà, phòng khi cần đến.

Những hồ sơ quan trọng khác nên giữ tại nhà, trong hộp đựng an toàn, có khả năng chống hỏa hoạn gồm: Chúc thư, giấy phân chia tài sản trong các quỹ ủy thác, bảo hiểm cháy, lụt, bảo hiểm xe, giấy thông hành. Giữ những hồ sơ này trong nhà giúp thân nhân có ngay dữ kiện cần thiết khi tai nạn xảy ra.

Những bản chứng nhận đầu tư tài chính như công khố phiếu, hoặc cổ phiếu chứng khoán, nên được giao cho những chuyên gia đại diện tài chính, chỉ nên giữ bản sao trong nhà thôi.

Những giấy tờ quan trọng về sửa chữa nhà cửa tốn nhiều tiền cũng nên được lưu trữ để khi cần bán nhà, hay cho lại thân nhân, chi phí bảo trì và sửa chữa nhà được trừ từ tiền lời bán căn nhà.

Vài năm gần đây, nhằm đỡ tốn chỗ giữ giấy tờ, nhiều cơ sở thương mại tài chính đã lưu trữ dữ kiện trong các đĩa nhu liệu điện toán, hoặc chụp bản sao những giấy tờ khác bằng máy scanner. Nhưng

tự, đó là trả giá thật thấp để phòng hờ một rủi ro có thể có. Sự bất đối xứng trong thị trường xe cũ, hiểu theo một nghĩa nào đó, có tính khách quan. Bây giờ hãy hình dung quí vị đi mua một chiếc xe mới. Giả dụ chiếc xe mà quí vị muốn mua là chiếc Honda hai bánh, model 2001, còn nguyên trong thùng. Hiển nhiên đây là một chiếc xe mới với chất lượng và điều kiện kỹ thuật hoàn toàn quen thuộc với giới tiêu thụ Việt Nam. Điều trớ trêu là chính quí vị, khi mặc cả để mua chiếc xe này, quí vị cũng vẫn thuộc về phía bị thiếu thông tin trên thị trường. Tức là sự bất đối xứng về thông tin vẫn xảy ra trong thị trường xe mới tại Việt Nam. Tại sao? Đơn giản là vì chiếc xe mà bạn muốn mua có thể đã bị thay đổi phụ tùng cũ, hoặc hơn nữa, được sản xuất tại một nước nào đó không phải là Nhật Bản và được đại lý bán xe dán nhãn *Made In Japan* vào. Vấn đề trở nên phức tạp hơn. Sự mất cân bằng thông tin trên thị trường không còn là vấn đề khách quan nữa mà đã trở thành vấn đề của lòng tin. Trong trường hợp này, sự thiệt hại kinh tế, dưới ảnh hưởng của sự bất đối xứng thông tin, xảy ra ngay trong thị trường xe mới.

Thị trường lao động Việt Nam cũng chịu một tình trạng tương tự do sự lan tràn của bằng cấp giả trong những năm gần đây. Bằng giả làm cho thị trường lao động Việt Nam chịu những tổn thất không đáng có. Trong trường hợp này, bất đẳng thức của thông tin nghiêng về phía người xin việc. Còn giới thuê mướn nhân công thì tốn nhiều phí tổn hơn để tìm hiểu chất lượng thật của món hàng chất xám mà mình đang muốn mua. Hiện tượng bằng giả, bắt nguồn từ sự thiếu trung thực mang tính hệ thống của xã hội Việt Nam đã làm cho thị trường lao động, dưới cái nhìn của kinh tế, trở nên kém hiệu quả do những người có hàng thật, tức là có kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu, gặp trở n khi bán chất xám của mình.

Trong một thời gian dài, đ độ thi vào đại học của Việt N cũng gặp khó khăn tương tự. C em của các gia đình có liên qu đến chế độ cũ thường bị cấm vào một số trường như Sư phạ Hàng hải, Hàng không v.v... Lý là vì chính phủ e ngại "lý lịch" c những thí sinh này. Nhưng nếu c thông tin về lý lịch của thí sinh được biết rõ thì phải chăng thuyết của Akerlof không thể dụng được?. Hãy nhìn vấn đề kh đi một chút: trong khi lý lịch c các thí sinh không phải là điều mật thì động cơ của họ là điều n chính phủ Cộng Sản nghi ng Chính sự nghi ngờ này khiến ch chính phủ thực hiện một chín sách ngăn cấm rộng lớn nhằ ngăn chặn những rủi ro có thể c Điều này dẫn đến sự

thiệt hại rất lớn về chất xá trong một thời gian dài tại Việ Nam. Có lẽ ít ai trong chúng t ngạc nhiên về chính sách này. Hã ngược dòng thời gian trở lại những năm sáu mươi tại miền Bắc, hàn loạt những vụ bắt bớ không được xét xử xảy ra. Đơn giản bởi v chính phủ Cộng sản, để ngăn chặ rủi ro, đã thi hành chính sách "bắ

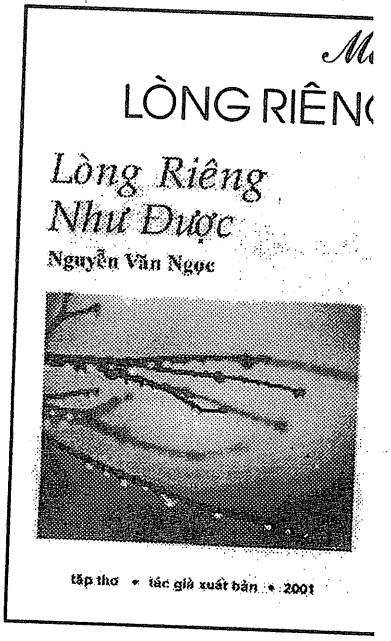

lầm hơn bỏ sót."

Việc tìm hiểu mối tương quan "nguyên nhân-hệ quả" giữa sự Trung Thực và sự Bất Đối Xứng thông tin không phải là điều đơn giản. Sự bất đối xứng thông tin nếu xảy ra một cách có hệ thống trong mọi mặt xã hội sẽ dẫn tới sự mất niềm tin giữa các thành viên trong xã hội. Trong những tình huống như vậy, thiệt hại của xã hội sẽ không chỉ là thiệt hại về kinh tế mà là thiệt hại về con người. Đơn giản chỉ vì mối tương giao giữa các thành viên trong xã hội được xây dựng trên cơ sở của sự mất lòng tin và thiếu trung thực.

Một khi xã hội còn chưa dân chủ, xã hội đó sẽ còn phải đối mặt với những thiệt hại lớn lao về kinh tế và về con người. Xã hội, theo một nghĩa nào đó, là một "thị trường" giữa một phía là người dân và phía kia là nhà cầm quyền. Một khi nhà cầm quyền bưng bít thông tin, sự bất đối xứng thông tin xảy ra, trong phương trình này, người dân là phía chịu thiệt thòi. Để cân bằng phương trình này, dân chủ hóa xã hội và chính trị là phương cách duy nhất để luồng thông tin được giải tỏa, từ đó lòng tin của người dân với nhau và với chính phủ, sẽ được khôi phục./.

ời đọc

G NHƯ ĐƯỢC

để tìm lại hay bắt gặp
những xúc cảm chân thật
của chính bạn được
Nguyễn Văn Ngọc
ghi xuống thành thơ
Tập thơ, tác giả xuất bản,
giá 10 mỹ-kim

Liên lạc:
Nguyễn Văn Ngọc
P.O. Box 5923
Bridgeport, CT 06610
Phone: (203) 338-0278
E-mail: ngocbcd@aol.com

QUAN HỆ TAY BA VIỆT MINH - TRUNG CỘNG - LIÊN SÔ TRONG NHỮNG NĂM CUỐI CỦA NHỮNG CUỘC CHIẾN CHỐNG PHÁP (1950-1954)

ĐƯỜNG TỚI ĐIỆN BIÊN PHỦ

LÊ MẠNH HÙNG

(Tiếp theo)

1. Những diễn biến về quân sự

Trong suốt thời gian kể từ khi công nhận Việt Minh vào đầu năm 1950, Liên Sô hầu như không quan tâm gì đến tình hình của Việt Minh tại Đông Dương. Những viện trợ của Liên Sô cho Việt Minh nếu có đều hoàn toàn được chuyển qua đường Trung Quốc. Quan tâm chính của Liên Sô vào thời điểm này là làm sao giúp cho đảng Cộng Sản Pháp nắm được chính quyền tại Pháp. Chính vì vậy mà những khuyến cáo chính của Liên sô với Việt Minh và Trung Cộng là làm sao đạt được một cuộc hòa đàm giữa Pháp và Việt Minh.

Cuối tháng 8 năm 1952, Chu Ân Lai sang Moscow để thương thuyết về viện trợ kinh tế của Liên Sô cho Trung Cộng. Trong lúc ở Liên Sô, Chu đưa vấn đề Việt Nam ra với Stalin và nói tới chiến dịch Tây Bắc mà đoàn cố vấn Trung Cộng cùng với bộ tư lệnh Việt Minh đang sửa soạn để đánh sang vùng Sơn La-Lai Châu và Thượng Lào. Stalin đồng ý, nhưng nói thêm là nếu Việt Minh thắng và bao vây Hà Nội, Hồ phải đặt vấn đề hoà đàm với Pháp. Chỉ nếu Paris bác bỏ đề nghị hòa đàm này, Hồ mới được tiếp tục đánh chiếm Hà Nội và các vùng khác (27).

Trong năm 1951, Việt Minh đã từng mở chiến dịch Lý Thường Kiệt đánh lên vùng Tây Bắc. Nhưng chiến dịch này đã thất bại và quân đội Việt Minh đã bị chặn và đẩy lùi ở Nghĩa Lộ vì những khó khăn về tiếp liệu. Đầu tháng 9 năm 1952, sau khi làm áp lực buộc quân Pháp phải rút lui khỏi Hòa Bình, bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam họp hội nghị quyết định mở chiến dịch Tây Bắc. La Quý Ba cũng được mời tham dự. Trong hội nghị Giáp trình bày những khó khăn về tiếp liệu mà quân đội Việt Minh sẽ gặp phải nếu muốn đánh chiếm Sơn La và quyết định xin Trung Cộng yểm trợ thêm. Phía Việt Minh muốn Trung Cộng gởi quân từ Vân Nam xuống phối hợp cùng tác chiến với quân đội Việt Minh. Cuối tháng 9 năm 1952, Hồ bí mật rời Việt Nam sang Bắc Kinh để thảo luận với các lãnh tụ Trung Cộng về kế hoạch chiến dịch Tây Bắc cũng như là về chiến lược lâu dài để chiến thắng tại Việt Nam. Có lẽ e ngại một sự can thiệp của Mỹ, Trung Cộng không chấp thuận gởi quân sang tác chiến tại Việt Nam mà chỉ đồng ý dàn một số đơn vị tại biên giới như là một cử chỉ ủng hộ. Ngoài ra vì những khó khăn về tiếp liệu, Trung Cộng đề nghị và Hồ chí Minh đồng ý là quân đội Việt Minh chỉ đánh đến Nghĩa Lộ rồi dừng lại để xây dựng một căn cứ địa tại đây. Ngày 30 tháng 9, Hồ điện từ Bắc Kinh về cho Giáp để cho biết về quyết định thay đổi mục tiêu mà Hồ đã đồng ý với các lãnh tụ Trung Cộng (28).

Ngày 6 tháng 10 năm 1952, Hồ rời Bắc Kinh đi Moscow để tham dự Đại hội lần thứ 19 của Đảng Cộng Sản Liên Sô. Ngày 28 tháng 10, Stalin, Hồ và Lưu Thiếu Kỳ gặp nhau để thảo luận về tình hình Việt Nam. Không có chi tiết nào được tiết lộ ra về cuộc gặp gỡ này, nhưng chắc hẳn rằng Hồ muốn kiếm thêm viện trợ của Liên Sô và Stalin cũng nhắc lại những điều mà Stalin đã nói với Chu.

Chiến dịch Tây Bắc khởi đầu vào đầu tháng 10 năm 1952. Nghĩa Lộ thất thủ vào ngày 18 tháng 10 sau một trận tấn công kịch liệt. Hốt hoảng trước mối đe dọa của Việt Minh đối với xứ Thái và Thượng Lào, tư lệnh quân đội Pháp vội vã đổ quân xuống chiếm Na Sản ở xa hơn về phía Tây nhằm chặn đường tiến công sang Lào của Việt Minh. Na Sản trở thành một cứ điểm phòng ngự lớn được tiếp tế bằng cầu hàng không.

Trong tháng 12 năm 1952, Việt Minh tung ra nhiều đợt tấn công dữ dội vào Na Sản nhưng những đợt này đều bị đẩy lùi. Nhân vậy, người Pháp nghĩ rằng chiến thuật một tập đoàn cứ điểm phòng ngự liên hợp bảo vệ cho nhau ở sâu trong lòng địch có thể là một biện pháp tốt để chống lại với Việt Minh. Na Sản trở thành một mô hình cho Điện Biên Phủ sau này.

2. Những Diễn Biến về chính trị

Vào cuối mùa hè năm 1953, cuộc chiến tại Đông Dương bắt đầu bước sang một giai đoạn mới. Chiến cuộc Triều Tiên kết thúc vào tháng 7 đã giúp cho Trung Cộng có thể dành nhiều chú ý hơn trong việc trợ giúp cho Việt Minh. Tuy nhiên cuộc chiến Triều Tiên cũng làm cho Trung Cộng thức tỉnh về sức mạnh của Mỹ. Chiến tranh Triều Tiên đã gây thiệt hại nặng cho Giải Phóng quân và làm lộ ra những nhược điểm quan trọng về sức mạnh quân sự của Trung Cộng. Cuộc chiến Triều Tiên kết thúc, Mao quyết định tập trung vào việc tái thiết lại nền kinh tế Trung Quốc và làm giảm căng thẳng tại Á châu.

Tại Liên Sô, cái chết của Satalin đã làm nổ ra một cuộc tranh chấp tranh dành quyền lực giữa Kruschev và những người thân tín khác của Stalin như Beria hoặc Molotov. Tại Pháp các chính quyền Pháp cảm thấy ngày càng bị sa lầy thêm ở Việt Nam trong khi các chính quyền quốc gia tại các nước Đông Dương càng ngày càng cảm thấy bị trói buộc vì những thủ đoạn trì hoãn của Pháp trong việc trao trả chủ quyền cho những chính phủ này dù rằng trên danh nghĩa họ đã được độc lập từ nhiều năm nay.

Cuộc khủng hoảng giữa Pháp và chính phủ các quốc gia liên kết khởi đầu với Cao Mên. Ngày 20 tháng 4 năm 1953, quốc vương Sihanouk của Cao Mên đi sang Mỹ và công bố trên nhật báo "New York Times" một bản tuyên ngôn hùng hồn nói rằng:

"Nếu Pháp trong vòng vài tháng nữa không chịu trả thêm độc lập cho Cao Mên, Cao Mên sẽ bắt tay cùng với Việt Minh để chống Pháp."

Không những không để ý gì đến những lời tuyên bố đó của Sihanouk, chính phủ Pháp đã cho thấy họ không coi sự độc lập của các quốc gia liên kết ra gì khi vào ngày 9 tháng 5 năm 1953, chính phủ René Mayer đơn phương quyết định phá giá đồng bạc Đông Dương từ 17 F xuống còn 10 F bất chấp thỏa hiệp mà Pháp đã ký với các quốc gia này vào ngày 8 tháng 3 năm 1949 và hiệp định Pau năm 1950. Phản ứng của các nước Đông Dương xảy ra gần như lập tức.

Tại Việt Nam, ngày 8 tháng 6, Nguyễn Đắc Khê, đổng lý văn phòng của Bảo Đại viết cho tờ báo "La Nef", một bài chỉ trích Pháp, nói rằng:

"Chính chính phủ Pháp, và chỉ chính phủ Pháp mà thôi đã thường xuyên can thiệp vào các công cuộc nội bộ của chính phủ Việt Nam để kiểm soát cung cách mà chính phủ Việt Nam hành sử chủ quyền của mình." (29)

Đồng thời tại Sàigòn, Ngô Đình Nhu và tổng giám mục Ngô Đình Thục, liên minh với các giáo phái, Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên tổ chức những cuộc biểu tình bạo động đòi Pháp trả hoàn toàn độc lập cho Việt Nam. Trước áp lực đòi hỏi, Bảo Đại trao cho hoàng thân Bửu Lộc trách nhiệm tổ chức một hội nghị toàn quốc tại Sài Gòn để lấy ý kiến trong việc thương thuyết với Pháp. Kết quả hội nghị làm Pháp và Bảo Đại bối rối. Hội nghị đã quyết định là một nước Việt Nam độc lập không thể nào có chân trong Liên Hiệp Pháp. (30)

Sa lầy về quân sự và nhận thấy rằng không thể tiếp tục chiếm giữ Đông Dương như kiểu một nước bán thuộc địa, các chính phủ Pháp bắt đầu tìm cách rút ra khỏi Việt Nam. Để làm vậy, chính phủ Pháp cử tướng Henry Navarre sang thay tướng Salan làm tổng tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương với nhiệm vụ là làm sao đạt được việc rút ra khỏi cuộc chiến trong danh dự (sortir honorablement de la guerre). Với tất cả các phe chính đều muốn tìm một cách giải quyết hòa bình, triển vọng chấm dứt cuộc chiến tại Việt Nam bắt đầu ló dạng.

Cơ hội đã đến khi Liên Sô vào ngày 4 tháng 8 năm 1953, gởi một công hàm cho Mỹ, Anh và Pháp đề nghị mở một hội nghị ngũ cường gồm bốn nước trên và Trung Cộng nhằm giải quyết vấn đề Triều Tiên và các vấn đề khác tại vùng Viễn Đông. Ngày 28 tháng 9, Liên Sô lại gởi một công hàm khác về Hội Nghị ngũ cường trong đó đưa ra nghị trình thảo luận cụ thể là sẽ bàn tới các vấn đề Triều Tiên, Trung Quốc và Đông Nam Á. Một tuần sau đó Chu Ân Lai đưa ra một tuyên bố nhiệt liệt ủng hộ sáng kiến của Liên Sô. Đề nghị họp Hội Nghị ngũ cường của Liên Sô không được các nước phương Tây chấp nhận. Mỹ, Anh và Pháp chỉ đồng ý họp một hội nghị tứ cường để thảo luận về Triều Tiên và các vấn đề Á châu khác cũng như là khả năng tổ chức một hội nghị có sự tham gia của Trung Cộng. Ngày 26 tháng 12 Liên Sô chấp nhận họp Hội Nghị với ba nước phương Tây tại Berlin vào ngày 25 tháng giêng năm 1954. Rõ ràng vấn đề chính của Hội Nghị Berlin chỉ là để xác định việc đưa Trung Cộng vào họp để giải quyết các vấn đề tại Á châu.

Hội nghị tứ cường tại Berlin vào tháng giêng 1954 cuối cùng đã quyết định tổ chức một hội nghị quốc tế tại Genève để bàn về các vấn đề Triều Tiên và Đông Dương với sự tham dự của Trung Cộng.

Chiến Dịch Điện Biên Phủ và Hội Nghị Genève

Triển vọng một hội nghị hòa bình về Đông Dương đã mở ra một cuộc chạy đua mới nhằm chiếm ưu thế về quân sự tại đây khi hội nghị nhóm họp.

Chiến dịch Điện Biên Phủ

Henri Navarre đến Việt Nam vào tháng năm, 1953. Để ổn định tình hình quân sự, Navarre đưa ra một kế hoạch gồm ba giai đoạn: trước hết bảo vệ và bình định vùng đồng bằng Bắc Việt trong mùa đông 1953-54, sau đó tiến hành đánh chiếm và bình định các vùng do Việt Minh kiểm soát tại miền Nam và

miền Trung. Chỉ sau khi hai giai đoạn đó được thực hiện, Navarre mới tính chuyện tìm đánh chủ lực quân của Việt Minh để quyết một trận thư hùng. Chỉ sau khi đánh bại được lực lượng chủ lực của Việt Minh thì theo Navarre, mới có thể buộc Việt Minh đến bàn hội nghị theo chiều hướng có lợi cho Pháp (31). Để có thêm quân số thực hiện kế hoạch này, Navarre xin thêm viện quân của Pháp và tăng thêm quân số của quân đội quốc gia Việt Nam. Để tăng cường cho lực lượng tổng trừ bị ứng chiến, Navarre cho triệt thoái quân ra khỏi Na Sản vào tháng 8 năm 1953.

Để đối phó với kế hoạch Navarre, Giáp dự trù gởi quân chủ lực Việt Minh tấn công vào vùng đồng bằng sông Hồng nhằm bẻ gẫy kế hoạch bình định. Theo các tài liệu của Trung Cộng, ngày 22 tháng 8, bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam họp có La Quý Ba tham dự. Trong buổi họp này Giáp trình bày về kế hoạch tấn công vùng đồng bằng và hoàn toàn bỏ qua Lai Châu cũng như đặt nhẹ tầm quan trọng của chiến dịch Thượng Lào. La phúc trình về Bắc Kinh kế hoạch mà Giáp đưa ra.

Trong hai ngày 27 và 19 tháng 8, Bắc Kinh gởi hai điện văn đến cho La Quý Ba nhấn mạnh rằng Việt Minh cần phải tập trung vào chiến dịch vùng Tây Bắc và Lào thay vì chuyển về vùng đồng bằng như Giáp muốn. Vùng đồng bằng, theo ý kiến của Trung Cộng sẽ chỉ là một chiến trường phụ nơi Việt Minh chỉ nên tổ chức chiến tranh du kích để chuẩn bị cho các trận đánh sau khi chủ lực Pháp bị hao mòn trong chiến dịch Tây Bắc (32).

Đầu tháng 9, bộ Chính Trị Cộng Sản Việt Nam họp để thảo luận về kế hoạch mà phía Trung Cộng đưa ra cho mùa đông 1953-54. Trong hội nghị này, Hồ Chí Minh phủ quyết kế hoạch của Giáp và quyết định tập trung vào vùng Tây Bắc. (33)

Ngày 27 tháng 10 năm 1953, Vi Quốc Thanh trở lại Việt Nam làm trưởng đoàn cố vấn quân sự sau khi đã trở về Trung Cộng nhận chỉ thị. Vi trao cho giới lãnh đạo Việt Minh một bản chi tiết của kế hoạch Navarre mà tình báo Trung Cộng đã thâu thập được để chứng tỏ đề nghị của Trung Cộng là đúng.

Đầu tháng 11 năm 1953, Vi và bộ tư lệnh Việt Minh lập kế hoạch cho chiến dịch đông xuân 1953-54. Theo kế hoạch này các lực lượng Cộng Sản Việt Nam sẽ tập trung tấn công vào Lai Châu rồi tiến sang tấn công chiếm đóng nhiều nơi tại thượng và trung Lào. Đến giữa tháng 11, ba sư đoàn Việt Minh bắt đầu rời căn cứ địa Việt Bắc tiến về phía Lai Châu và vùng Thượng Lào.

Cuộc tấn công vào vùng Tây Bắc và Thượng Lào gây ra một vấn đề khó xử cho Pháp. Tầm quan trọng về quân sự của xứ Thái và Lào không có bao nhiêu so với vùng đồng bằng Bắc Việt mà Pháp cần phải bình định bằng mọi cách chống lại sự xâm nhập của Việt Minh. Tuy nhiên về chính trị, Lào có một tầm mức quan trọng then chốt. Lào là nước độc nhất trong ba nước Đông Dương hài lòng với chính sách của Pháp và không đòi hỏi được độc lập toàn vẹn. Trong tình thế đang có những tranh chấp kịch liệt về chính trị giữa Pháp và Việt Nam cũng như là giữa Pháp và Cao Mên, một quyết định bỏ rơi nước Lào vào tay Việt Minh là một điều mà Pháp không thể nào chấp nhận được.

Để bảo vệ cho Lào, nhất là cho thủ đô Luang Pra Bang, Pháp không đủ lực lượng để có thể trải một số quân lớn ngăn chặn mọi đường tiến quân của Việt Minh. Kế hoạch độc nhất có thể thực hiện được là làm một nút chặn, một tập đoàn cứ điểm kiểu Na Sản để cản trở đường tiến quân của Việt Minh vào Lào cho đến khi lương thực và vũ khí bị cạn, quân đội Việt Minh phải rút về. Nơi được Navarre chọn làm nút chặn đó là Điện Biên Phủ.

Ngày 20 tháng 11 năm 1953 Pháp thả một tiểu đoàn dù xuống chiếm Điện Biên Phủ và bắt đầu xây dựng một tập đoàn cứ điểm tại đây. Đồng thời quân Pháp tại các nơi khác thuộc vùng Tây Bắc như Lai Châu được lệnh rút tất cả về Điện Biên Phủ. Với một hội nghị quốc tế để giải quyết các vấn đề tại Á châu sắp sửa nhóm họp, Điện Biên Phủ bỗng dưng trở thành một trọng điểm trong ván bài chính trị quốc tế. Khối Cộng sản nhất quyết phải dành được một chiến thắng về quân sự lớn để dành ưu thế cho họ trên bàn hội nghị và họ cho rằng Điện Biên Phủ sẽ cho họ cơ hội đó. Giáp và các cố vấn quân sự Trung Cộng quyết định tập trung toàn bộ lực lượng chủ lực cơ động gồm bốn sư đoàn và một sư đoàn pháo binh để đánh cứ điểm này. Đến khoảng giữa tháng 12 thì hầu hết các lực lượng Việt Minh đã có mặt. Nếu vào ngày 26 tháng 12, Hồ Chí Minh cho nhật báo Thụy Điển *Expressen* biết là Hồ sẵn sàng thương thuyết với Pháp về một giải pháp chấm dứt cuộc chiến tại Đông Dương, thì ngày 27 tháng 12 Điện Biên Phủ bị các lực lượng Việt Minh hoàn toàn vây chặt. Quân Pháp không còn cơ hội để rút lui nhằm tránh một trận quyết chiến giữa hai bên nữa.

Đã có quá nhiều tài liệu, kể cả của Pháp và Việt Minh thuật lại trận chiến Điện Biên Phủ, ta không cần phải nhắc lại các diễn biến của trận đánh tại đây. Chỉ cần nhắc lại rằng tuy đã vây được Điện Biên Phủ từ ngày 27 tháng 12 năm 1953 nhưng phải đến ngày 13 tháng 3 năm 1954 quân đội Việt Minh mới tung ra trận đánh lớn đầu tiên vào Điện Biên Phủ. Trong thời gian này bộ đội Việt Minh đã phải làm những cố gắng kinh người để kéo những khẩu trọng pháo lên trên những đỉnh núi để có thể bắn trực xạ vào pháo đài của Pháp ở dưới thung lũng lòng chảo Điện Biên. Với pháo binh và phòng không của Việt Minh kiểm soát ngăn chặn các hoạt động

yểm trợ và tiếp tế bằng đường hàng không của Pháp, Điện Biên Phủ có thể nói là chỉ chờ ngày thất thủ kể từ tháng 3 năm 1954. Và cuối cùng pháo đài này đã rơi vào tay Việt Minh vào ngày 7 tháng 5 năm 1954.

Hiện vẫn còn rất nhiều tranh cãi chung quanh việc ai là người chịu trách nhiệm tối hậu về các quyết định chiến lược dẫn tới chiến thắng của Việt Minh tại Điện Biên Phủ. Võ Nguyên Giáp hay Vi Quốc Thanh? Tuy nhiên điều không thể chối cãi được là nếu không có viện trợ quân sự của Trung Cộng thì Việt Minh không thể nào chiến thắng tại Điện Biên Phủ. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung Cộng gởi sang cho Việt Minh trên 200 xe vận tải, 10 ngàn thùng xăng dầu, 100 khẩu trọng pháo, 3 ngàn vũ khí nặng khác, 2,4 triệu viên đạn và trên 70 ngàn đạn trọng pháo và 1,700 tấn gạo. Để giúp cho Việt Minh có đủ vũ khí kịp thời, Mao đã ra lệnh cho Bành Đức Hoài nếu không có đủ vũ khí trong kho phải chuyển sang cho Việt Minh những vũ khí hiện đang được trang bị cho quân đội Trung Cộng.

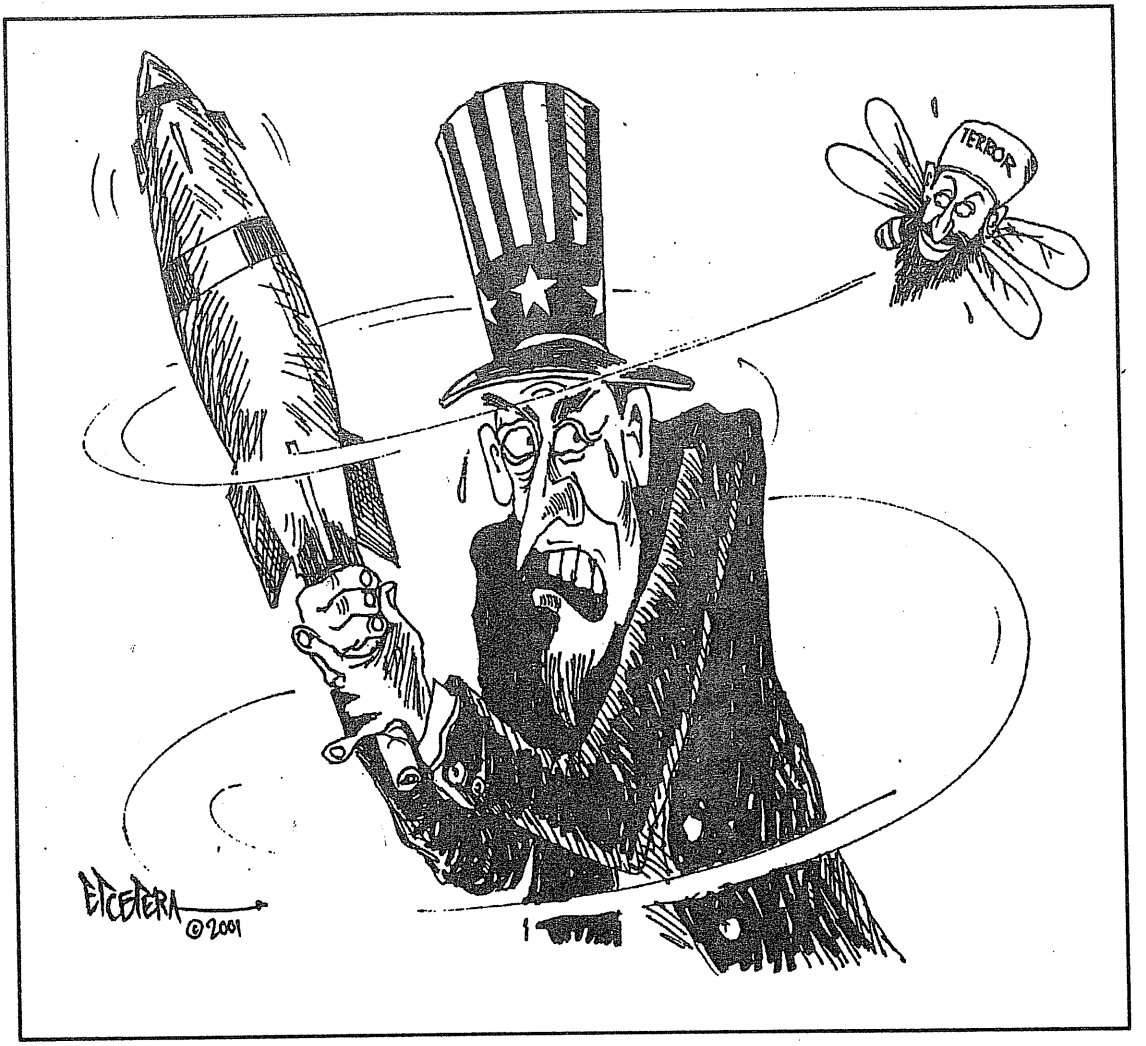

Hội Nghị Genève về Đông Dương

Trong lúc trận Điện Biên Phủ đang diễn ra tại Việt Nam thì các hoạt động ngoại giao đã diễn ra tại châu Âu. Hội nghị tứ cường tại Berlin kết thúc ngày 18 tháng 2 năm 1954 với kết quả duy nhất là sẽ triệu tập một hội nghị khác tại Genève để đặc biệt giải quyết về hai vấn đề Triều Tiên và Đông Dương với sự tham dự của Trung Cộng. Hội nghị được dự trù sẽ bắt đầu vào ngày 26 tháng 4 năm 1954 và sẽ thảo luận trước nhất về vấn đề Triều Tiên.

Hội nghị Genève là hội nghị đầu tiên mà Trung Cộng được tham dự với tư cách là một cường quốc cho nên họ gởi một phái đoàn hùng hậu đến tham dự. Phái đoàn do Chu Ân Lai cầm đầu và bao gồm những nhà ngoại giao lão thành và nhiều kinh nghiệm nhất của Trung Cộng như Lý Kế Nông, Vương Bình Nam, Hoàng Hoa, Kiều Quán Hoa và nhiều người khác. Hoàng Hoa được cử làm phát ngôn nhân của phái đoàn. Tổng số các nhân viên của phái đoàn lên đến 200 người. Phái đoàn Liên Sô do Molotov cầm đầu. Khả năng rất mong manh trong việc giải quyết vấn đề Triều Tiên cộng với tình trạng nguy kịch của

pháo đài Điện Biên Phủ đã khiến các nước họp hội nghị mau chóng kết thúc bàn cãi về vấn đề Triều Tiên và chuyển sang bàn về vấn đề Đông Dương.

Ngay từ ngày đầu, Molotov đã nhất mực đòi hỏi phải có sự tham dự của phái đoàn Việt Minh. Phải qua nhiều cuộc tranh cãi, đến ngày 3 tháng 5 các phe mới đồng ý về việc mời phái đoàn Việt Minh đến tham dự. Phái đoàn này do Phạm Văn Đồng cầm đầu đến Genève vào ngày 4 tháng 5.

Hội nghị Genève về Đông Dương khai mạc vào ngày 8 tháng 5 năm 1954, một ngày sau khi Điện Biên Phủ thất thủ. Ngay từ những ngày đầu, người ta đã thấy mục tiêu của Chu Ân Lai tại hội nghị Genève không phải chỉ nhằm vào việc giúp Việt Minh mà còn có mục đích xa hơn là tìm cách phá thế bao vây và phong tỏa kinh tế của Mỹ với nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Chính vì vậy mà Chu sẵn sàng nhân nhượng Pháp và Anh để ngăn chặn Mỹ có thể nhẩy vào sâu thêm tại Đông Nam Á.

Trong một bữa tiệc ngày 18 tháng 5 giữa Vương Bình Nam, phó trưởng đoàn Trung Quốc với đại tá Guillermaz, chuyên viên quân sự của phái đoàn Pháp, và Paul Boncour, đại sứ Pháp tại Thụy Sỹ, Vương Bình Nam sau khi nhắc lại việc Trung quốc vừa đưa ra kế hoạch ngũ niên đầu tiên vào năm trước và những cố gắng kinh tế này đã khiến Trung Quốc phải hướng các cố gắng ngoại giao vào việc tìm các giải pháp hoà bình, đã nói thẳng với Guillermaz rằng:

"Chúng tôi không đến đây để bảo vệ quan điểm của Việt Minh mà để làm tất cả những gì có thể làm được để đạt đến hòa bình."

Vương sau đó cũng nói thẳng với Paul Boncour:

"Chúng tôi không khuyến khích quân đội Việt Minh tiến về phía đồng bằng." (34)

Đây là một lời hứa có tính cách cực kỳ quan trọng vì Pháp lúc đó đang bối rối về việc bảo vệ cho Hà Nội và Hải Phòng. Dù gì chăng nữa, ngày 25 tháng 5, trong một phiên họp giới hạn, Phạm Văn Đồng đưa ra một đề nghị đánh dấu khúc quanh đầu tiên của cuộc thương thuyết. Đề nghị của Đồng bao gồm một cuộc đình chiến với việc quân đội mỗi bên tập trung môt vùng có đủ điều kiện cần thiết cho các hoạt động hành chánh và kinh tế. Đây là lần đầu tiên Việt Minh chấp nhận từ bỏ tham vọng chiếm toàn bộ lãnh thổ. Chắc hẳn đề nghị này là do áp lực của Trung Cộng buộc Việt Minh phải đưa ra. Ngay từ giữa tháng ba, 1954 Chu Ân Lai đã gởi điện cho Hồ kêu gọi Hồ hãy chuẩn bị tham dự hội nghị và tính tới việc phân chia Việt Nam khi có ngưng bắn. Chu viết:

"Nếu đạt được một thỏa hiệp ngưng bắn, một lằn ranh phân chia cố định tương đối sẽ có lợi hơn cho nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa."

Và Chu viết tiếp, về vị trí của đường ranh ngưng bắn sẽ tùy thuộc vào hai yếu tố trong đó việc phía bên kia có chấp nhận hay không. Nhưng theo Chu thì: "Phân cắt ở vỹ tuyến thứ 16 có thể là một khả năng chấp nhận được."

Chu kết thúc bức điện bằng cách mời Hồ Chí Minh sang Bắc Kinh vào cuối tháng Ba hoặc đầu tháng Tư rồi sau đó sẽ sang Moscow để trao đổi với các giới lãnh đạo Liên Sô (35).

Đề nghị này được nói rõ ra hơn khi trong cuộc gặp gỡ riêng với các sỹ quan Pháp, ngày mùng 9 tháng 6 vào lúc 23 giờ 30, Tạ Quang Bửu lấy ra một bản đồ Đông Dương và đặt tay lên đồng bằng sông Hồng và nói:

"Toàn bộ đồng bằng miền Bắc đối với chúng tôi là một nhu cầu cần thiết vì cả những lý do chính trị, kinh tế và văn hoá. Chúng tôi phải có được Hà Nội. Chúng tôi cần phải có hải cảng." (36)

Tuy rằng Việt Minh đề nghị một cuộc đình chiến và chia đôi Việt Nam thành hai miền như vậy, nhưng việc giải quyết cuộc chiến Việt Nam vẫn còn bế tắc vì sự chống đối của chính phủ Quốc Gia Việt Nam và vì sự bất đồng ý trong việc xác định lằn ranh chia cắt.

Trong lúc đó tại Pháp, chính phủ Joseph Laniel bị lật đổ. Ngày 17 tháng 6, Mendes France thành lập chính phủ mới và tuyên bố hứa sẽ giải quyết cuộc chiến Việt Nam trước ngày 20 tháng 7 nếu không sẽ từ chức. Tương tự như vậy, tại Sài Gòn ngày 18 tháng 6, ông Ngô Đình Diệm cũng thành lập một chính phủ mới thay hoàng thân Bửu Lộc. Bác sĩ Trần Văn Đỗ được cử làm Ngoại trưởng thay luật sư Nguyễn Quốc Định.

E ngại rằng Mendes France có thể bỏ rơi Đông Dương cho cộng sản, ngày 23 tháng 6, trưởng phái đoàn Mỹ tại Genève, tướng Bedell Smith gởi về một phúc trình đầy bi quan trong đó ông dự trù là Pháp và Anh có thể chấp thuận một việc chia cắt trao một phần lớn Việt Nam cho Việt Minh và một cuộc bầu cử sau đó thống nhất toàn bộ Việt Nam dưới tay Hồ Chí Minh. Ông đề nghị Hoa Kỳ xét lại toàn bộ việc tham gia hội nghị này và tách rời khỏi mọi giải pháp chính trị mà hội nghị có thể thỏa thuận.

Trong lúc đó, ngày 25 tháng 6 thủ tướng Anh Churchill và ngoại trưởng Eden đến Washington để thảo luận về tình hình với tổng thống Eisenhower. Ngày 29 tháng 6, Eisenhower và Churchill ký một bản tuyên bố chung bảy điểm mà bất kỳ một giải pháp nào về Đông Dương cũng phải có:

Hoa Kỳ và Anh quốc sẽ chỉ chấp nhận một thỏa hiệp nếu:

1. Bảo vệ được sự toàn vẹn lãnh thổ của Lào và Căm Bốt và bảo đảm rằng quân đội Việt Minh rút ra

khỏi các nước này.

2. Bảo đảm ít nhất là miền nam Việt Nam cho chính phủ quốc gia và nếu có thể một khu vực tại đồng bằng sông Hồng. Trong mọi trường hợp đường phân cắt không thể nằm phía nam Đông Hà.

3. Không áp đặt các chính quyền tại Lào, Căm Bốt và nam Việt Nam các giới hạn khiến họ không thể tự thiết lập những chính quyền không cộng sản ổn định và đặc biệt không ngăn chặn họ có những lực lượng quân sự độc lập, có quyền nhập cảng các vũ khí hoặc dùng cố vấn quân sự nước ngoài.

4. Không có những điều khoản chính trị có thể dẫn những vùng này rơi vào tay Cộng Sản.

5. Không loại trừ việc thống nhất hai miền Nam Bắc Việt Nam bằng các phương pháp hoà bình.

6. Có dự trù việc di chuyển dưới sự kiểm soát quốc tế những ai muốn di chuyển.

7. Có dự trù một cơ cấu kiểm soát hữu hiệu của quốc tế về thỏa hiệp này.

Đó là những điều kiện tối thiểu mà Mỹ đặt ra để chấp thuận thỏa hiệp. Nhưng về phía Việt Minh, Phạm Văn Đồng muốn lợi dụng điều mà họ cho là thế yếu của Mendes France nhất quyết đòi hỏi một đường ranh chia cắt ở vỹ tuyến 13 và một thời hạn sáu tháng để tổ chức tổng tuyển cử. Pháp đề nghị một đường ranh tại vỹ tuyến 18 và một thời hạn hai năm.

Trong lúc Churchill và Eden sang Mỹ thì Chu Ân Lai cũng rời Genève. Cùng với Kiều Quán Hoa, Chu rời Genève ngày 24 tháng 6 để đi sang Ấn Độ. Mặc dầu trung lập và bang giao với các chế độ Cộng Sản, Nehru đã tỏ ra rất e ngại về khả năng cộng sản có thể chiếm đóng toàn bộ Đông Dương. Bản thông cáo chung 8 điểm giữa hai nước đưa ra ngày 29 tháng 6 đã phản ánh những quan ngại của chính phủ Ấn về vấn đề này. Vị thủ tướng Trung quốc bảo đảm với Ấn rằng ông sẽ làm hết sức để quân đội Việt Minh rút ra khỏi Lào và Căm Bốt. Riêng về Việt Nam, một phúc trình của tòa tổng lãnh sự Ấn tại Sài Gòn đã nói rõ, một cuộc bầu cử trong thời hạn Phạm Văn Đồng đòi hỏi chắc chắn sẽ mang lại một chiến thắng cho phe Cộng. Nếu Ấn muốn cho miền nam Việt nam thoát khỏi tầm kiểm soát của Cộng Sản một thời hạn từ 18 cho đến 24 tháng là tối thiểu.

Không biết rằng những điều này có được đưa ra thảo luận giữa Nehru và Chu Ân Lai hay không. Nhưng sau khi ở Ấn về Chu gặp Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp tại Liễu Châu từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 7. Trong cuộc gặp gỡ, theo các tài liệu của Trung Quốc, Chu nhấn mạnh cho Hồ và Giáp đến những hậu quả chính trị và quốc tế nếu không đạt được một thỏa hiệp hòa bình và khẳng định rằng cần phải làm sao cô lập Hoa Kỳ. Quay sang các vấn đề cụ thể, về lằn ranh ngưng bắn, Chu khuyến cáo là hãy lấy vỹ tuyến 16, nhưng nếu bên kia không chấp nhận, đường RC9 (chạy từ Đông Hà qua Lao Bảo sang Nam Lào) ngay phía Nam vỹ tuyến 17 có thể là lằn ranh chấp nhận được (37). Tuy tài liệu không nhắc gì đến những áp lực mà Chu dùng để buộc Hồ và Giáp phải chấp nhận giải pháp của Trung Cộng nhưng có điều chắc rằng ba thỏa hiệp viện trợ kinh tế mà Chu và Hồ ký với nhau đóng một phần trong sự thay đổi thái độ của Việt Minh. Các thỏa hiệp này dự trù một số lượng hàng hóa viện trợ quan trọng cho Việt Minh trong năm 1954 và đòi hỏi phải mất nhiều thời giờ để sửa soạn. Việc trì hoãn ký thỏa hiệp viện trợ cho năm 54 đến giữa năm mới ký cho thấy những dấu hiệu là Trung Quốc đã dùng áp lực kinh tế để ép buộc Việt Minh đi theo đường lối của họ.

Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam sau đó gởi cho Phạm Văn Đồng một công điện chỉ thị Đồng về những thỏa thuận đã đạt được với Chu tại Liễu Châu. Tuy nhiên Đồng vẫn không chịu. Phải có thêm sự can thiệp của Molotov, Chu mới buộc Đồng phải thay đổi thái độ.

Sau khi gặp riêng Chu vào tối ngày 12, ngày 13 tháng 7, Phạm Văn Đồng đột nhiên đề nghị với Mendes France đường ranh chia cắt tại vỹ tuyến 16. Chiều 13 tháng 7, Đồng với Phan Anh tháp tùng đến gặp bác sĩ Trần Văn Đỗ, trưởng phái đoàn Quốc Gia Việt nam, lần đầu tiên kể từ khi hội nghị Genève bắt đầu. Hai bên thảo luận thời điểm để có thể tổ chức bầu cử. Đồng vẫn nhất định đòi một hạn kỳ chỉ sáu tháng để tổ chức bầu cử và chia cắt ở vỹ tuyến thứ 16.

Ngày 17 tháng 7, Chu Ân Lai gặp Mendes France. Đến ngày 19, Vương Bình Nam gặp phái đoàn Pháp cho biết:

"Phái đoàn Trung Quốc chấp nhận và đã thuyết phục phái đoàn Việt Minh chấp thuận rằng đường chia cắt nằm cách phía Bắc của Quốc lộ số 9, 10 cây số."

Tuy nhiên Đồng vẫn chưa chịu chấp nhận phân chia tại vỹ tuyến thứ 17. Phải đến ngày hôm sau, ngày 20 tháng 7 và lần này dưới áp lực trực tiếp của Molotov, Đồng mới chịu chấp nhận đường ranh chia cắt tại vỹ tuyến thứ 17 và một thời hạn hai năm để tổ chức bầu cử.

Hội nghị Genève đã kết thúc vào ngày 21 tháng 7 bằng một hình thức pháp lý khá kỳ lạ. Chỉ có ba thỏa hiệp đình chiến về quân sự được ký kết giữa các đại diện về quân sự của các bên. Giải pháp chính trị được đưa ra dưới hình thức một bản tuyên ngôn cuối cùng của hội nghị mà không một ai ký kết vì các phái đoàn Hoa Kỳ và Quốc gia Việt Nam không chịu ký. Bác sĩ Trần Văn Đỗ, nhân danh chính phủ quốc gia Việt nam yêu cầu hội nghị ghi vào biên

bản sự cương quyết phản đối của chính phủ ông đối với việc phân chia Việt Nam và cung cách mà hội nghị đưa ra để đạt được cuộc đình chiến và nói chính phủ Việt nam dành quyền tự do hành động tuy rằng hứa sẽ không dùng vũ lực để chống lại việc đình chiến.

Kẻ hưởng lợi lúc đó tại Genève phải nói chính là Trung Quốc và những mưu tính của họ đối với một Đông nam Á trong thời đó. Nó đã thể hiện rõ nhất trong một sự kiện xảy ra sau khi hội nghị kết thúc. Ngày 22 tháng 7, trước khi lên đường rời Genève, Chu Ân Lai mở một bữa tiệc khoản đãi các phái đoàn Đông Dương. Đặc biệt đây là lần đầu tiên mà Chu mời đại diện của chính phủ quốc gia Việt Nam trong đó có ông Ngô Đình Luyện, đại diện cá nhân của thủ tướng Diệm theo dõi hội nghị. Sau khi ép buộc các phái đoàn phải nâng ly chúc sức khỏe quốc trưởng Bảo Đại, ông Chu nhắc đến Đài Loan và nhấn mạnh rằng bên kia eo biển Đài Loan cũng có rất nhiều người thành thật thương yêu tổ quốc. Khi bữa tiệc bắt đầu, trong lúc hai phái đoàn Lào và Căm Bốt được sắp ngồi tại hai bàn bên cạnh, Chu sắp hai phái đoàn Việt Nam ngồi chung bàn với mình, và đặt Ngô Đình Luyện ngồi cạnh Tạ Quang Bửu - hai người vốn xưa vẫn là bạn học tại Pháp. Trong lúc đang nói chuyện đến Việt Nam, đến những tàn phá của chiến tranh tại Việt Nam, ông Luyện nhắc đến việc cuộc chiến đã làm hư hại một phần Văn Miếu tại Hà nội thì Chu bỗng nói: "Văn miếu tại nước tôi vẫn còn nguyên, nếu ông thích tại sao không đến Bắc kinh thăm một chuyến."

Khi Ngô Đình Luyện lên tiếng hỏi là ông lấy tư cách gì mà đi đến Bắc Kinh thì Chu trả lời không ngần ngại: "Tại sao các ông không đặt một phái bộ tại Bắc Kinh." Lời mời bất ngờ đã khiến ông Phạm Văn Đồng nhẩy dựng lên. Thấy vậy, Chu Ân Lai bồi thêm:

"Cố nhiên là ông Đồng gần gũi với chúng tôi hơn về phương diện ý thức hệ, nhưng điều đó không ngăn cấm miền Nam có đại diện. Dù sao chăng nữa chẳng phải các ông đều là người Việt Nam và chúng ta đều là người Á châu cả sao." (38)

Tuy nhiên mọi chuyện đến đây là chấm dứt và không có gì xảy ra thêm nữa. Nhưng chắc hẳn Phạm Văn Đồng và giới lãnh đạo Hà Nội đã nghĩ đến chuyện đó khi vào những ngày đầu năm 1979, Hà Nội đưa ra cuốn bạch thư tố cáo Trung Quốc đã phản bội đối với Việt nam ngay từ hội nghị Genève.

Câu chuyện nhỏ ở trên cho thấy mâu thuẫn giữa Trung Cộng và Việt Minh bắt đầu xuất hiện. Hồ và các đồng chí của ông mong muốn được một kết quả cho phép họ chi phối toàn bộ Đông Dương, không những chỉ Việt Nam mà còn bao gồm cả Lào và Căm Bốt, trong khi Chu Ân Lai thì muốn nhượng bộ cho phương Tây để thu lấy việc giảm nhẹ căng thẳng tại Á châu giúp họ tập trung vào việc tái thiết đất nước cũng như ngăn chặn việc Mỹ nhẩy vào trực tiếp can thiệp tại Việt Nam. Dưới áp lực mạnh mẽ của Trung Cộng và Liên Sô - thỏa hiệp viện trợ kinh tế của Trung Cộng cho Việt Minh chỉ được ký sau khi Việt Minh chịu bỏ ý định bá quyền tại Đông Dương - Cộng sản Việt Nam phải chịu chấp nhận lằn ranh ngưng bắn ở vỹ tuyến thứ 17 sau khi nhất quyết đòi chia cắt ở vỹ tuyến 13 và rút quân ra khỏi Lào và Căm Bốt.

Cuộc chiến tranh Đông Dương thứ nhất kết thúc với hiệp định Genève chia đôi đất nước, nhưng những căng thẳng trong vùng vẫn còn chưa kết thúc. Và chỉ 25 năm sau vào năm 1979 Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu một trận chiến mà mỉa mai thay có nguồn gốc chính từ những sự hợp tác giữa hai bên trong những năm 1950.

Chú thích

27. *Bạch Kiến Chương (ed)* Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc ngoại giao sử 1949-1956, *Bắc Kinh 1994 t.32*

28. Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Giải Phóng Quân Trung Quốc, *Trung Quốc Quân Sự Cố Vấn Đòan viện Việt* kháng *Pháp sử liệu*, Giải Phóng Quân xuất bản Xã, Bắc Kinh 1990 t.59

29. Nguyễn Đắc Khê *"Où va l'Union Francaise"* La Nef cahier No.9 t.201

30. De Folin, Jacques *Indochine 1940-1945: la fin d'un rêve*, Perrin, Paris 1993

31. De Folin, Jacques *Indochine 1940-1945: la fin d'un rêve*, Perrin, Paris 1993 t.235

32. Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Giải Phóng Quân Trung Quốc, *Trung Quốc Quân Sự Cố Vấn Đoàn viện Việt* kháng *Pháp sử liệu*, Giải Phóng Quân xuất bản Xã, Bắc Kinh 1990 t.87-88

33. ibid t.89

34. Joyaux, Francois *La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine*, Publications de la Sorbonne, Paris 1979

35. Ban Nghiên Cứu Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc *Chu Ân Lai niên biểu 1949-1976* Bắc Kinh 1997

36. Joyaux, Francois *La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine*, Publications de la Sorbonne, Paris 1979

37. Lý Hải Văn, *Chu Ân Lai tại Nhật-Nê-Oa (Geneva) hội nghị kỳ gian khôi phục Ấn Độ Chi Na hòa bình tận hưng đích nỗ lực* (Những cố gắng của Chu Ân Lai tại Hội Nghị Khôi Phục hòa bình ở Đông Dương), Bắc Kinh, 1997

38. Joyaux, Francois *La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine*, Publications de la Sorbonne, Paris 1979

MÙA THU TRONG ĐƯỜNG THI

LÊ ĐÌNH THÔNG

Cách đây khoảng 1300 năm, các nhà thơ Trung Quốc cũng trải qua mấy chiều tàn nắng nhạt, trong tiết thu đìu hiu, làm phai tàn lá ngô đồng. Cảnh vật tương tự như mùa thu viễn xứ vào lúc này. Thời gian tuy có chia lìa, đông tây cách biệt thăm thẳm. Nhưng mùa thu vẫn muôn thuở với bấy nhiêu tâm sự mà các thi nhân gieo vần, nói hộ.

*

Bộ *Toàn Đường Thi* tập hợp trên hai ngàn thi nhân, với gần năm chục ngàn bài thơ, là một công trình đồ sộ. Trong số báo này, mùa thu Trung Quốc được gom lại trong vài trang giấy qua ba thi hào thời Thịnh Đường (713-766): Lý Bạch, Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị. Như vậy là bỏ qua được ba thời: Sơ Đường (618-713), Trung Đường (766-835) và Văn Đường (836-905). Thời Thịnh Đường tuy ngắn hơn ba thời Sơ, Trung, Mạt, nhưng lại dài hơn bất cứ thời kỳ nào trong văn học Trung Quốc, có chiều dài "vạn trượng": vượt thời gian; vượt tới hai lần không gian. Vì ngoài không gian địa lý, thi ca Thịnh Đường lắng sâu tận cõi lòng.

Tiếp tục công việc gạn lọc, chúng tôi giữ lại ba nhà thơ. Trong thi ca của mỗi thi nhân, xin bỏ qua hai khuynh hướng "biên tái" và "xã hội." Chỉ còn lại khuynh hướng "điền viên." Và trong "điền viên" xin giữ vầng trăng thu.

*

I – Mùa thu trong thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị

Hàn Dũ có câu thơ :

Lý, Đỗ văn chương tại,
Quang diễm vạn trượng trường.

(Văn chương Lý Bạch, Đỗ Phủ còn, Ánh sáng dài vạn trượng.)

Thơ Lý Bạch tự nhiên, phóng khoáng. Thơ Đỗ Phủ điêu luyện, gần gũi với nhân sinh. Bạch Cư Dị tiếp nối khuynh hướng hiện thực, chủ trương:

Văn chương hợp vi thời nhi trước,
Thi ca hợp vi sự nhi tác.

(Văn chương vì thời thế, Làm thơ vì hiện thực.)

Các khuynh hướng vừa kể được thể hiện qua thơ thu của ba thi hào thời Thịnh Đường: Lý Bạch, Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị.

1) *Lý Bạch* (701-762):

Tiểu sử: Ông sinh đời Đường Trung Tông (hơn Đỗ Phủ một giáp), mất đời Đường Đại Tông. Năm 25 tuổi, chu du khắp chốn. 42 tuổi được tiến cử vào kinh đô (Trường An). 55 tuổi: giúp Lý Lân chống An Lộc Sơn. Nhưng Túc Tông sợ em là Lý Lân thắng sẽ cướp ngôi, sai đại quân tiêu diệt Lý Lân. Lý Lân bị giết. Lý Bạch bị đầy biệt xứ. Một năm trước khi chết, ông theo Lý Quang dẹp loạn An Lộc Sơn. Giữa đường bị bệnh, mất năm 62 tuổi. Theo Ngụy Hạo, ông chết trong đầm nước. Theo Vương Đĩnh Bảo, Lý Bạch bận áo gấm, nhẩy xuống sông Thái Thạch, ôm trăng mà chết.

Mùa thu trong thơ Lý Bạch: Khi sinh tiền, Lý Bạch sáng tác hai chục ngàn bài thơ, nay còn lưu truyền 1800 bài (chưa tới 1/10). Trong kho tàng đồ sộ đó, các bài thơ viết về mùa thu chỉ như lá mùa thu. Như bài *Đại thu tịnh*. Sau đây là hai bài thơ thu: *Thu tịch lữ hoài* (Tối mùa thu nhớ nhà) và *Thu phố ca* (Bài ca Thu phố). Trước hết là *Thu tịch lữ hoài*, kèm theo bản dịch của Tản Đà:

Lương phong độ thu hải,
Xuy ngã hương tứ phi.
Liên sơn khứ vô tế,
Lưu thủy hà thời qui.
Mục cực phù vân sắc,
Tâm đoạn minh nguyệt huy.
Phương thảo yết nhu diệm,
Bạch lộ thôi hàn y.
Mộng trường Ngân hán lạc,
Giác bãi thiên tinh hi.
Hàm bi tưởng cựu quốc,
Khấp hạ thùy năng huy?
Thơ dịch của Tản Đà:
Lạnh lùng gió vượt bể thu,
Hồn quê theo gió như vù vù bay.
Chạy dài dãy núi liền mây,
Nước trôi trôi mãi có ngày về chăng?
Đám mây vút mắt xa chừng,

Đứt tươm khúc ruột dưới vừng trăng soi.
Cỏ thơm đẹp mướt thôi rồi,
Áo may mặc rét giục người móc sa!
Giấy mơ rơi giải Ngân hà,
Sao thưa lác đác tỉnh ra khắp trời.
Đoái thương nước cũ ngậm ngùi,
Khóc thương giọt lệ lau chùi đố ai?

Bài thơ thứ hai của Lý Bạch tên là *Thu phố ca*, chỉ có bốn câu. Tôi mạo muội dịch thoát, nhưng vẫn giữ nguyên thể tứ tuyệt. Tuyệt là dứt. Lý Bạch chọn hình thức thi ca này, phải chăng vì cuối bài, nhà thơ vẽ ra mùa thu tuyệt lộ: *Hà xứ đắc thu sương?* (Còn chỗ nào để lọt sương thu):

Bạch phát tam thiên trượng,
Duyên sầu tự cá trường.
Bất tri minh kính lý,
Hà xứ đắc thu sương?

Tóc trắng xõa ê chề,
Sầu đời dài lê thê.
Gương trong mà mù mịt,
Sương thu che lối về?

Trong hai bài thơ thu của Lý Bạch, hai câu kết đều được đặt ở thể nghi vấn. Nghi vấn, với rất nhiều nghi ngại. Chúng ta mến cả hai, có lẽ vì mái tóc đã phủ đầy sương thu. Trong câu mở đầu bài *Tương tiến tửu*, Lý Bạch xót xa cho mùa thu nhân sinh:

Biết chăng ai! Sông Hoàng Hà ngọn nước tại lưng trời, tuôn đến bể khôn vời lại được.

Biết chăng nữa! Đài gương mái tóc bạc, sớm như tơ mà tối đã như gương. (Vô danh dịch)

Trong bài Thu tịch lữ hoài, Lý Bạch nhớ nhà *(lữ hoài)*. Như nỗi nhớ nhà của chúng ta. Trong câu kết, tác giả "ôm mối sầu khi chạnh nhớ đến cố quốc" (*Hàm bi tưởng cựu quốc*).

Đó là cách nhìn mùa thu của *trích tiên* (tiên đầy xuống trần). Thơ thu của Lý Bạch là thơ *huyền ngoại âm, vị ngoại vị* (âm thanh ngoài dây tơ, mùi vị ngoài mùi vị). Thu cảnh chỉ là cái cớ để nói về thu tâm. Khuynh hướng này có gì khác biệt với Đỗ Phủ?

2) ***Đỗ Phủ*** (712-770):

Tiểu sử: Quê quán tỉnh Hà Nam, Đỗ Phủ xuất thân từ một gia đình quan lại nên nhiều dịp đi đây đó. Ông lận đận trên đường khoa bảng. Tới lúc được một chức quan nhỏ thì có loạn An Lộc Sơn. Ông có lần can gián vua nên bị thất sủng. Đỗ Phủ từ quan, dắt díu vợ con chạy loạn. Những năm cuối đời, ông trôi giạt quanh hồ Động Đình, nghèo đói và bệnh tật. Lý Bạch chết chìm dưới sông. Còn Đỗ Phủ qua đời trên chiếc thuyền nan, bồng bềnh trên sóng nước. Bên Pháp, vào năm 1190, vua Philippe Auguste đề tặng kinh thành Paris châm ngôn: *Fluctuat nec mergitur* (Sóng gió làm con tầu chòng chành nhưng không chìm). Sóng gió của thi nhận là "... tiếng sóng ở trong lòng." Nên Lý Bạch, Đỗ Phủ chia nhau hai động từ của kinh thành Ánh sáng: L'un a été battu par les flots (*fluctuat*). L'autre a sombré dans l'eau (*mergitur*). Chỉ vì thi nhân "không" không (*nec*) chìm (phủ định tới hai lần) nên hình hài mới chung thân ngụp lặn. Nhờ vậy, văn học mới có thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ: *Lý, Đỗ văn chương tại* (Hàn Dũ).

hơ thu của Đỗ Phủ: Trong văn học nước nhà, Nguyễn Khuyến là tác giả ba bài *Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh*. (Trình tự rất hợp lý: thi nhân câu cá trước tiên, tiếp đó là tửu nhập, sau cùng mới gieo vần. Như vậy, làm thơ thường là chặng cuối đường *tổng hợp*, sau khi thi nhân đã thực hiện hai *phân tích*: 1) Đối cảnh (*Thu điếu*); 2) Đối tâm (*Thu ẩm*). Ở đây, Yên Đổ *(Thu) điếu* trước để có cá ngon mà *ẩm*, mà *vịnh*. Cộng lại vẫn là ba, giống như là Tam Nguyên).

Đỗ Phủ làm tám bài *Thu hứng (Thu hứng bát thủ)*. Từ *kỳ nhất* tới *kỳ bát*, theo thể thất ngôn bát cú. Nếu chép ra đây cả tám bài, vị chi là 8x8 = 64, e quá dài. Vì vậy, chỉ chọn hai kỳ (*bát thủ tuyển nhị*): *tứ* và *thất*.

Kỳ tứ giống tình cảnh quê nhà: dinh thự có chủ mới, áo mũ người cai trị cũng khác trước. Vì vậy, tôi mạo muội "tái sinh" bài thơ. "Tái sinh," vì bản tiếng Việt bỏ bớt địa danh Trung Quốc (*Trường An*). "Cuộc cờ" (*dịch kỳ*) trong nguyên bản đổi lại thành *Bàn Cờ*. Hai phần luận và kết cũng thay đổi cho thích hợp:

Văn đạo Trường An tự dịch kỳ,
Bách niên thế sự bất thăng bi.
Công hầu đệ trạch giai tân chủ,
Văn vũ y quan dị tích thì.
Trực bắc quan san kim cổ chấn,
Chinh tây xa mã vũ thư trì.
Ngư long tịch mịch thu giang lãnh,
Cố quốc bình cư hữu sở ti (tư).

Quê ta có phố Bàn Cờ,
Từ lâu đổi chủ treo cờ Vàng Sao.
Dinh cơ biệt thự ra vào,
Toàn là cán bộ lao xao nửa mùa.
Áo quần khác hẳn thời xưa,
Tuy thôi chinh chiến mà chưa tòng thời.
Lòng dân ly tán không ngơi,
Mùa thu lại đến chơi vơi là sầu.
Bờ sông vắng lặng đêm thâu,
Chạnh lòng tiếc nuối hàng cau quê nhà.

Trong *Thu hứng bát thủ, kỳ thất* là bức tranh tương phản: đối diện với trời thu bao la bát ngát là một ngư ông nhỏ bé, cô đơn:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
(Nguyễn Khuyến)

Có gì là lạ? *Ao thu* là cõi người ta mịt mù hơi thu *(Thu). Chiếc thuyền câu bé tẻo teo* là trái tim ta (*Tâm*), nổi trôi trên huyết quản chẳng chịt. Nên vương *Sầu* chỉ là: nhân > quả (principe de causalité). Nếu chiết tự:

Thu + Tâm = Sầu.

Sau đây là nguyên tác của Đỗ Phủ:

Côn minh trì thủy Hán thời công,
Vũ đế tinh kỳ tại nhãn trung.
Chức nữ cơ ti hư dạ nguyệt,
Thạch kình lân giáp động thu phong.
Ba phiêu cô mễ trầm vân hắc,
Lộ lãnh liên phòng trụy phấn hồng.
Quan tái cực thiên duy điểu đạo,
Giang hồ mãn địa nhất ngư ông.

Kỳ thất không khác gì tâm sự của chúng ta. Vì vậy, tôi mạn phép "chuyển hóa" bài Đường thi qua thể lục bát:

Ao tù làm nhớ biển Đông,
Mắt sầu chạnh nhớ võ công một thời.
Trăng khuya khung cửi chơi vơi,
Trời thu lộng gió biển khơi lạnh lùng.
Bờ lau mà tưởng ngàn trùng,
Sương thu chùi sạch phấn hồng cánh sen.
Lối xưa mờ mịt cài then,
Sông hồ bát ngát thuyền men giữa dòng.

Lúc sinh thời, có lần Đỗ Phủ nhủ lòng: Thơ chưa làm kinh động lòng người thì chết chưa yên (*Ngữ bất kinh nhân, tử bất hưu*). Khi đọc *bát thủ*, Kim Thánh Thán có lời bình: *Thương tâm thấu tới xương*. Ngâm nga tám bài *Thu hứng*, lòng chợt là lau sậy lao xao. Từ lâu, cuộc sống đã hóa thân thành cây sậy Pascal. Nhưng sậy Pascal vẫn trôi dạt về phương Đông, cận kề với lau lách của Bạch Cư Dị:

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách,
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt.

Phan Huy Vịnh dịch là :

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu.

Hơi thu, với tiếng đàn tỳ bà buồn não nuột đã thấm vào thơ thu của Bạch Cư Dị.

3) ***Bạch Cư Dị*** (772-846):

Tiểu sử: Bảy mươi lăm năm nhân sinh của họ Bạch là ba phần tư thế kỷ giặc giã, từ giặc An Lộc Sơn tới giặc Sử Tư Minh. Ông là con vị quan nhỏ, thuở nhỏ túng thiếu. Năm 28 tuổi đậu tiến sĩ. Tính tình bộc trực, ông bị biếm làm tư mã Giang Châu, nơi có bến Tầm Dương. Bến Tầm Dương đã mở ra bến bờ mới trong thi ca Bạch Cư Dị. Ông để lại cho hậu thế gần ba ngàn bài thơ, trong đó có nhiều bài viết về mùa thu.

Thơ thu của Bạch Cư Dị: Thơ thu của Bạch Cư Dị nhiều hơn Lý Bạch, Đỗ Phủ, tự nhiên, giản dị giống như tên ông (Cư Dị). Hơi thu trong thơ ông bay rất xa, đậu lại trong hồn thơ Tản Đà. Trong hai năm 1937-38, Tản Đà (1889-1939) dịch 75 bài thơ chữ Hán, đăng trên báo *Ngày Nay*. Nhưng chỉ có 58 bài là Đường thi. Trong số có 38 bài của Bạch Cư Dị, chứng tỏ có mối giao hòa, "đồng thanh tương ứng" giữa Bạch Cư Dị và Tản Đà. Tản Đà dịch nhiều thơ họ Bạch, nhất là những bài viết về mùa thu. Nào là *Thu trùng, Tảo thu độc dạ, Thu mộ giao cư hoài,*

CHU VƯƠNG MIỆN

CHUYỆN TÌNH

ta nghe người kể một chuyện tình
qua mùa đông giá một tháng giêng
chèo bẻo thiên di nơi đầu núi
não nề não nuột vẫn chưa xong
người kể chuyện tình cho ta nghe
hết tháng hai-ba lấn cả sang hè
gió hoang thổi lá bay tuốt luốt
ta vịn bơ phờ mấy gốc tre
chuyện tình ta nghe người kể
nặng nhánh đời xanh rì thiên cổ
cứ như búa tạ nện trên đầu
lác đác vài căn nhà dưới phố

người kể ta nghe tình một chuyện
chân thấp cao nhởn nhơ phố huyện
cuỗm tôm khô và nước mắt quê hương
nhậu vào không biết nhà biết quán
ta nghe người kể một chuyện tình
há mồm lặng lẽ một tháng nguyên
ú ớ dăm câu rồi tấp tểnh
tà dương con ngỗng lội trên đầm

Thu giang tống khách, Thu san, Trung thu nguyệt v.v...

Đó là chưa kể nhiều bài, tuy đầu đề không dính dáng gì đến mùa thu, nhưng chất liệu vẫn là thu sầu. Bài *Văn dạ châm* có câu:

Thùy gia tư phụ thu đảo bạch.

Tản Đà dịch là:

Nhà ai cô gái nhớ chồng,
Đêm thu đập lụa lạnh lùng gió trăng.

Bài *Họa Đỗ lục sự đề hồng diệp* có mấy chữ: *đề hồng diệp* (Khi mùa thu tới, lá cây phong sắc đỏ). Bài *Trường hận ca* có câu *Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì*. Tản Đà dịch là: *Thu khi mưa rụng lá ngô đồng*. (Dị bản: *Thu kia mưa rụng lá ngô đồng*). Bài *Tì bà hành* có câu: *Phong diệp địch hoa thu sắt sắt*. Phan Huy Vịnh dịch là: *Quạnh hơi lau lách đìu hiu* v.v.

Sau đây là hai bài thơ thu của Bạch Cư Dị, kèm theo bản dịch của Tản Đà. Bài thứ nhất là *Thu trùng* (Tiếng trùng mùa thu):

Thiết thiết ám song hạ,
Yêu yêu thâm thảo lý.
Thu thiên tư phụ tâm,
Vũ dạ sầu nhân nhĩ.

Bản dịch của Tản Đà:

Tiếng đâu dưới vách kêu ran,
Lại trong đám cỏ nghe càng nỉ non.
Trời thu gái nhớ chồng son,
Mưa dầm đêm vắng ai buồn lắng tai.

Thu sầu, vì người cô phụ tưởng nhớ *hình ảnh kẻ chinh phu* (LưuTrọng Lư). Xin chép thêm bài *Thu mộ giao cư thư hoài* (Cuối thu, ở miền quê viết tả lòng mình), tác giả tự sự mối sầu thu:

Giao cư nhân sự thiểu,
Trú ngọa đối lâm man.
Cùng hạng yếm đa vũ,
Bần gia sầu tảo hàn.
Cát y thu vị hoán,
Thư quyển bịnh nhưng khan.
Nhược vấn sinh nhai kế,
Tiền khê nhất điếu can.

Thơ dịch của Tản Đà:

Ở quê, thưa việc ít người,
Giữa trưa nằm khểnh ngắm coi núi đèo.
Ngõ sâu ngán nỗi mưa nhiều,
Lạnh lùng chi sớm cảnh nghèo thêm lo.
Áo lương còn mặc mùa thu,
Ốm đau sách vẫn đôi pho chẳng rời.
Lấy chi qua sống ngày trời,
Một cần câu để bên ngòi ngồi câu.

Cả hai bài thơ thu của họ Bạch đều viết theo thể ngũ ngôn. Bài đầu: tứ tuyệt, bài sau: bát cú. Hai bài thơ thu của Lý Bạch (*Thu tịch lữ hoài* và *Thu phố ca*) cũng làm theo thể ngũ ngôn. *Thu tịch lữ hoài* làm theo lối thơ cổ phong (12 câu). Bài *Thu phố ca*: tứ tuyệt. *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư tuy là thơ mới, nhưng vẫn là năm chữ. Sự trùng hợp này sẽ được trình bầy trong phần II: *Cảm nhận Đường thi*.

II – Cảm nhận Đường thi

Trong *Hương Xưa*, nhạc sĩ Cung Tiến có dòng nhạc nói về Đường thi. Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh cho rằng: *Thanh thế thơ Đường ở nước ta xưa nay bao giờ cũng lớn*. Tôi xin thêm: nhất là thơ viết về mùa thu. Trong tâm hồn người Việt có dáng dấp mùa thu. Nhưng thu tâm được che dấu bằng nụ cười. Vì vậy, Nguyễn Văn Vĩnh mới viết: *An Nam ta có một thói lạ là gì cũng cười*. Theo ý chúng tôi, chân dung người Việt: bên ngoài hàm tiếu bên trong thu sầu. Nguyễn Văn Vĩnh chỉ nói hiện tượng (phénomène) mà bỏ quên ẩn tượng (noumène). Ta tiếp nhận thơ Đường viết về mùa thu chính vì mối ẩn tượng đó, được thể hiện qua Thu ca, Thu sắc và Thu học.

1. *Thu Ca*

Những bài vịnh thu hay đều viết theo thể ngũ ngôn. Bài thơ mới được coi là hay nhất viết về mùa thu của Lưu Trọng Lư cũng theo lối thơ năm chữ. *Il pleut dans mon coeur* của Verlaine là một trong những bài thơ giầu nhạc điệu trong thi ca Pháp là thơ sáu chân (hexamètre). Thể thơ ngũ ngôn đầy nhạc tính, có lẽ vì trùng hợp với cung điệu ngũ âm của quốc nhạc: *Cung, Thương, Giốc, Trủy, Vũ*.

Cung thương làu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
(Nguyễn Du, Kiều)

Ta thử lập luận theo tam đoạn luận để thiết lập mối tương quan giữa mùa thu và thơ ngũ ngôn:

- *Tiền đề*: Mùa thu là mùa đầy nhạc điệu.
- *Trung đề*: Các bài thơ ngũ ngôn mùa thu giầu nhạc tính của Lý Bạch, Bạch Cư Dị thời xưa, bài thơ thu năm chữ của Lưu Trọng Lư chứng tỏ thơ ngũ ngôn có nhiều thanh âm.
- *Kết luận*: Vì vậy, nhiều bài thơ thu được viết theo thể ngũ ngôn.

Mặt khác, không thể tách thơ thu ra khỏi nhạc thu. Trong âm nhạc Việt Nam, nhiều bài thơ thu đã được phổ nhạc.

2. *Thu Sắc*

Một năm có hai mùa màu sắc phong phú: mùa xuân và mùa thu. Màu sắc mùa xuân là của đất trời nên tươi thắm: màu vàng của hoa mai, hoa cúc rộn ràng; màu hồng của hoa đào reo vui. Còn màu sắc mùa thu nhuốm màu nhân sinh: màu vàng (lá ngô đồng), màu đỏ (lá cây phong) mùa thu gợi sầu, ghi dấu năm tháng tàn phai hay gợi lại chân trời cũ mờ khuất:

Màu thời gian không xanh,
Màu thời gian tím ngắt.

Đoàn Phú Tứ

Một năm có bốn mùa. Hai kỳ xuân thu biểu hiện nhân sinh. Mùa xuân hướng tới tương lai. Mùa thu hồi tưởng quá khứ. Hiện tại chỉ là sự níu kéo vụng về giữa hiện tại và quá khứ. Vì vậy, ngôn ngữ thi ca mùa thu mới có cố hương, cố nhân, cố quận v.v.

3. ***Thu Thủy***

Cảnh đẹp mùa thu là tấm gương soi vóc dáng giai nhân. Chân dung người đàn bà đẹp thuở xưa bao giờ cũng có làn sóng mùa thu (thu ba), nước mùa thu (thu thủy). Sóng nước mùa thu rung động nhẹ nhàng, vương sầu. Người đàn bà thuở xưa giống như chiếc lá mùa thu, không biết trôi giạt chốn nào. Sự bất định và nỗi sầu bao giờ cũng có chung định mệnh:

Em chỉ là người em gái thôi,
Người em sầu mộng của muôn đời.
Tình em như tuyết giăng đầu núi,
Vầng vặc muôn thu nét tuyệt vời.

Lưu Trọng Lư

Yêu người, thi nhân càng thêm mến cảnh, nặng lòng với mùa thu. Trong *Vang Bóng Một Thời*, Nguyễn Tuân kể chuyện người xưa thấp bạch lạp, đọc Đường thi in thạch bản. Ngọn bạch lạp đó chỉ làm tăng lên nỗi cô đơn và hiu quạnh của Đường thi viết về mùa thu.

4. ***Thu Học***

Tôi xin tạo từ mới (néologisme): Thu học, để nối cõi sau (aval) của dòng thơ thu về với nguồn cội, khởi đi từ Đường thi. Ngày xưa có thu, có học, nhưng chưa có thu học, vì niên học gắn liền với nông lịch. Từ khi có tân học, năm nào mùa thu cũng dẫn ta tới trường. Vì vậy, những người nặng nợ với đèn sách đều chung tình với mùa thu. Ai mà quên được mấy dòng văn xuôi của Edmondo De Amicis (1846-1908), Hà Mai Anh dịch sang tiếng Việt, mở đầu cuốn Tâm Hồn Cao Thượng (Cuore: Grand Coeur, 1886): *Hôm nay là ngày khai trường. Mấy tháng hè đã thoáng qua như giấc mộng. Sáng nay, mẹ tôi đưa tôi vào trường Baretti để ghi tên lên lớp ba.*

Thanh Tịnh (1911, Huế-1988) có đoạn văn xuôi rất hay viết về ngày khai trường, thuở nhỏ học thuộc lòng nên nhớ mãi :

"Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nẩy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi trên giấy, vì hồi ấy tôi chưa biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại nhiều lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học." (Thanh Tịnh, *Quê Mẹ* 1941).

Vần thơ tựu trường xem ra ngây thơ, chất phác giống như sách vở học trò:

Hôm nay ngày khai trường,
Ngoài phố vui như hội.
Tiếng guốc giầy inh ỏi,
Rộn rã trên vỉa đường.

Trong các thế hệ tân học, suốt từ năm lên sáu tới khoảng *tam thập nhi lập*, một phần tuổi đời là tuổi học đường. Vì vậy, *thu học* càng làm ta nặng tình với mùa thu, thơ thu và xa hơn nữa là thơ Đường.

*

Năm nay, vào mùa thu, khi lá ngô đồng rơi rụng khắp đường phố Paris, những câu thơ Đường dẫn ta quay về chân trời cũ. Chân trời đó có thể rất xa. Nhưng cũng thể rất gần, ở ngay trong tâm ta. Trái tim đó đang rung động khi nghe lại mấy vần thơ thu đông tây, kim cổ./.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products). * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

ĐỨA CON

TRẦN MỘNG TÚ

LTS. Như một trùng hợp, Thế Kỷ 21 vừa đăng xong loạt bài "Sát nhi và sát nữ nhi" của tác giả Nguyễn Phúc Bửu Tập thì nhận được truyện ngắn sau đây của Trần Mộng Tú, như là một minh họa cho bài trên.

Gió lùa qua cửa sổ, lật nhẹ tấm chăn đang đắp trên người A Sây. Thằng bé đang nằm co trên tấm ván ngủ trưa. Mùa Đông ở Bắc Kinh thật là lạnh. Người mẹ kéo chăn đắp lại cho con. Cái cửa sổ cũ kỹ lúc nào hai cánh cũng như muốn rơi ra, suốt buổi sáng chị đóng đi, đóng lại cả bao nhiêu lần rồi, chị có lấy sợi giây buộc lại, mà nó vẫn cứ tung ra. Chắc lại con bé đó đến phá, chứ còn ai vào đây nữa.

Con bé độ sáu, bảy tuổi, nhà nó chắc cũng không xa lắm, nên nó hay đến nhà chị chơi. Nó muốn đến lúc nào thì đến. Sáng sớm tinh mơ khi chị vừa mở cửa ra quét sân, hay trời chập choạng tối, khi chị ra xem lại cửa ngõ. Lúc nào nó cũng đói, mà nhà chị cũng đâu dư ăn, chị phải chia một phần ăn của A Sây cho nó. Chị hỏi nó nhà ở đâu, thì nó chỉ tay ra ngoài đường, chị chẳng biết hướng nào. Nó nói tên nó là A Múi. Hỏi tên cha mẹ thì nó không biết. Thường con nít ở tuổi này không biết tên cha mẹ, nên chị không hỏi nữa. Nó và A Sây rất hạp với nhau. Thằng bé lên năm không bao giờ thấy ganh tỵ hay ghen ghét khi mẹ chia phần ăn của mình cho con bé.

*

Người đàn bà khoảng 60 tuổi, đội một chiếc khăn đen cũ, chùm ra phía trước, che gần hết nửa mặt. Bà ta từ lúc vào nhà không nói một câu nào, bà tự kéo cho mình chiếc ghế đẩu ra ngồi ở một góc phòng. Đó là A Phồ. Cả làng này hầu như những bà mẹ trẻ điều cần đến bà ta.

Trong chiếc phòng nhỏ, tối đen, còn hôi mùi thuốc Bắc, người mẹ vạch vú ra cho con bú. Người bố đứng bên cạnh bồn chồn, chân tay anh thừa thãi không biết cất vào đâu. Cái trán hẹp của anh cau lại, những vết nhăn hằn sâu xuống, hai bên má anh hóp vào, nhưng cằm anh lại bạnh ra như anh đang nghiến răng cắn một miếng gì rất cứng trong miệng. Anh đứng nhìn vợ cho con bú, thỉnh thoảng lại đưa tay ra muốn bế lấy đứa bé, nhưng thấy vợ vẫn cúi xuống ôm chặt con, anh lại co tay vào.

Căn buồng im phắc, chỉ nghe thấy tiếng thở của những lá phổi lép xẹp.

A Phồ cởi chiếc khăn chùm đầu ra, giũ một cái, xong lại đội lên đầu. Đó là thói quen của bà trước khi bắt tay vào việc. Bà làm công việc này 15, 16 năm nay rồi, bà biết phần đông thân chủ của bà, đợi cho bà làm hành động cuối cùng. Bà đứng lên đi vào buồng sản phụ.

Căn buồng tối như bưng, nhưng bà biết rất rõ vị trí của chiếc giường. Bà đi thẳng đến, lạnh lùng cúi xuống xốc đứa bé ra khỏi tay người mẹ. Người mẹ không giằng lại, hai cánh tay chị mềm nhũn ra, rồi cả thân thể chị rũ xuống như một chiếc chăn mục. Người bố chạy a lại vừa lúc giơ tay đỡ người mẹ ngã xuống, anh nhìn theo người đàn bà ôm đứa bé bước

ra như một cơn gió.

A Phồ đem đứa bé về nhà mình, đặt đứa bé vào một cái chậu. Bà đi nhóm lửa hâm một chén cháo ăn cho ấm bụng, Bà nghĩ đến những khoảng đất trống ở sau những ngôi chùa. Khu nào còn chỗ, khu nào không. Hình như khu nào cũng đã kín cả rồi. Chắc lần này phải đem ra bãi đất cạnh bờ sông.

Ăn xong bát cháo, A Phồ ra đổ nước tắm cho đứa bé. Đứa bé được ngâm trong nước với nguyên cả quần áo và khăn quấn. Nó quẫy nhẹ lên một cái như con cá nhỏ, rồi nằm im. Nước bao quanh và phủ kín nó.

A Phồ để nó nằm đó, đi ngủ trưa một giấc đã. Bát cháo hành có thêm quả trứng thật là bổ, nó làm cho đầu óc A Phồ lâng lâng.

Trong cơn ngủ chập chờn của A Phồ, bà thấy có bao nhiêu là đứa trẻ đến vây quanh giường. Chúng toàn là con gái. Đứa khóc oe oe, đứa nhẩy ầm ầm. A Phồ xua tay đuổi chúng, chúng không chịu đi. Bà quát to lên:

"Hãy về mà quấy phá cha mẹ bay."

"Không phải lỗi ở tao."

Bà càng quát tháo, chúng đến càng đông. Cuối cùng bà hét lên một tiếng thật to rồi vùng dậy ra khỏi giường. Bà ôm xốc đứa bé đang ngâm trong chậu nước, quơ tay với cái xẻng dựng ở góc nhà, chạy như bay về phía bờ sông.

Con sông mênh mông, nước đen ngòm. Buổi tối không trăng sao, nhưng gió thổi mạnh qúa! Tiếng gió chạy rào rào trên những bụi cây gai ở bãi đất hoang, thỉnh thoảng lại có tiếng đập cánh kèm theo một tiếng kêu quác quác của loài chim đêm nào đó bay vụt ra từ những gò đất ở bên dưới, làm kinh động cả những đứa bé đang ngủ trong những căn nhà sát bờ sông. Những đóm lửa đom đóm nhấp nháy trên đầu những ngọn cỏ, là những ngọn đèn giúp cho A Phồ tìm được một chỗ nằm cho đứa bé đang bế trên tay. Bà dùng một chiếc xẻng đã gẫy cả cán, mà trong lúc hấp tấp ra khỏi nhà đã quơ vội theo, đào một cái hố nông choẹt. Bà đặt đứa bé còn ướt sũng xuống đó, dùng hai chân đá đá vội vàng chỗ đất vừa đào lên , một mảnh khăn quấn của đứa bé còn lòi ra trên mặt đất. Trong bóng tối, chéo vải mầu trắng trông như chính cái vạt áo của A Phồ đang mặc, làm bà sợ hãi. Bà hấp tấp bẻ một cái cành cây ngay tại cái bụi gần đấy phủ lên cái mầu trắng đó, dùng chân dậm dậm thật nhanh trên mô đất. A Phồ ra về.

Nhưng A Phồ không về ngay được. Vừa chân cao chân thấp chạy chưa được dăm bước, A Phồ vấp ngay phải một đám trẻ con gái dắt tay nhau chặn bà lại. Chúng làm thành một vòng tròn quay chung quanh bà. Cái vòng thật là khít khao, không một khe hở, và cứ càng lúc càng thu nhỏ lại. Rồi bỗng nhiên đám trẻ con gái đó trở thành một sợi giây thừng kiên cố, trói nghiến A Phồ lại. Khi A Phồ ngã lăn quay trên mặt đất, thì sợi giây lại bật tung ra, A Phồ chưa kịp ngồi dậy thì những đứa trẻ lại xuất hiện. Chúng đem tới một cái chậu thật to, đầy nước, rồi xúm lại khênh A Phồ đặt vào trong chậu. A Phồ cố vùng vẫy nhưng không thể nào thoát ra khỏi những bàn tay nhỏ xíu đó. Mỗi lần A Phồ muốn ngóc đầu lên, thì lại có một bàn tay nhỏ xíu ấn đầu xuống. Chúng vừa tắm A Phồ trong nước vừa ca hát, thỉnh thoảng lại có tiếng trẻ khóc chen vào cùng tiếng hát.

A Phồ quẫy nhẹ một cái cuối cùng như con cá, rồi nằm luôn trong chậu. Những đứa con gái để A Phồ nằm đó. Chúng rũ nhau đi nhóm lửa nấu một nồi cháo ăn cho ấm bụng.

*

Con bé tối nay lại đến. Trời lạnh thế này mà cha mẹ nó để cho nó lêu lổng, chắc tại là con gái nên không thiết. Ở cái xứ sở này mà chỉ có một đứa con gái, là nỗi bất hạnh cho cha mẹ. Mẹ A Sây đi lấy một chén cơm cho nó ăn, nhà chẳng còn gì, có cơm trắng là may lắm rồi. Chị rắc rắc một chút nước tương vào cơm cho nó. Nó ăn có một chút rồi bỏ đôi đũa xuống, nhìn quanh. Chắc nó muốn tìm A Sây, A Sây tối nay đi theo cha nó sang bà nội. Nhà chỉ có một mình, bất giác chị muốn giữ con bé ngủ lại với chị. Con bé ít nói, nó chỉ nói với A Sây, và hay gật hay lắc đầu với chị. Hình như đọc được ý chị, con bé tự đi vào nhà sau một mình, nó đi thẳng đến chiếc giường ngủ của mẹ con chị như đang ở nhà nó vậy. Nó ngồi lên giường, bỏ thõng hai chân đong đưa, ngước hai con mắt đen láy nhìn chị. Chị đi lấy cái lược chải đầu cho nó, tóc nó rối bù. Chải tóc xong, chị bỗng muốn ôm nó vào lòng mà cứ ngập ngừng mãi, không dám. Hình như nó biết chị muốn gì, nhưng nó không có cử chỉ nào khuyến khích chị, nên chị lại thôi. Trong mắt nó hình như vừa có vẻ tha thiết, lại vừa có vẻ giận hờn. Chị không đoán được.

Chị đi giăng mùng, rồi lấy cái gối của A Sây đem vào cho nó. Nó ngoan ngoãn nằm xuống cạnh chị, chị quàng tay sang ôm nó. Trong bóng tối nhờ nhờ của ngọn đèn ngủ, chị thấy nó mỉm cười, hai mắt nhắm lại.

Một nỗi êm ả đến cảm động lan khắp thân thể chị. Bất giác chị ứa nước mắt.

Nửa đêm, người mẹ chợt thức, chị quơ tay sang bên cạnh, không thấy con bé đâu cả. Chị ngồi dậy thắp sáng ngọn đèn. Trong giường, bên cạnh chiếc gối của A Sây, chỉ thấy một bộ quần áo trẻ sơ sanh sũng nước./.

Tháng Ba năm 2001

TẠI SAO VỤ ÁN 1960?

TRẦN GIA PHỤNG

(Tiếp theo và hết)

Vấn đề pháp trị đã được luật sư Nguyễn Mạnh Tường đặt ra trong bài phát biểu nhan đề là "Qua những sai lầm trong cải cách ruộng đất xây dựng quan điểm lãnh đạo", tại Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội ngày 30-10-1956. Sau khi vạch ra những sai lầm trong Cuộc cải cách ruộng đất, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã đề nghị đường hướng sửa chữa: "*1) Một chế độ pháp trị chân chính. 2) Một chế độ thực sự dân chủ. 3) Một chế độ tự do ngôn luận, xuất bản báo chí.*"(14) Chính vì đòi hỏi pháp trị mà luật sư Nguyễn Mạnh Tường bị cộng sản Hà Nội trù dập và sau đó bị cô lập, hành hạ đến cuối đời mà ông tự gọi là người bị "rút phép thông công" (l'excommunié). Lúc đó cộng sản mới về Hà Nội, đang ổn định tình thế, cần lấy lòng trí thức và nhất là các nước ngoài nên cộng sản không giết ông Nguyễn Mạnh Tường vì uy tín văn hóa ông quá lớn, nhất là tại Pháp, nơi ông đỗ hai bằng tiến sĩ (văn chương và luật khoa) trong cùng năm 1932, lúc ông mới 23 tuổi. (15)

Bài báo do Nguyễn Hữu Đang đưa ra (5-11-1956) sau Nguyễn Mạnh Tường thuyết trình không đầy một tuần lễ (30-10-1956). Bài nói chuyện của luật sư Tường chỉ phổ biến giới hạn trong cử tọa của buổi nói chuyện hôm đó, chứ không đăng báo ở Hà Nội, nhưng không biết vì sao qua được Rangoon (Miến Điện), rồi sang Paris.(16) Ngược lại, bài báo của ông Nguyễn Hữu Đang, tuy không khúc chiết như bài của luật sư Nguyễn Mạnh Tường, nhưng lại xuất hiện công khai và phổ biến rộng rãi ở Hà Nội và Bắc Việt. Dĩ nhiên là đảng LĐ không thể nào dung thứ quan điểm của Nguyễn Mạnh Tường cũng như của Nguyễn Hữu Đang. Đảng LĐ trước đây, và đảng Cộng Sản ngày nay, cai trị đất nước bằng nghị quyết. Nghị quyết là một từ ngữ hàm hồ do cộng sản đặt ra, khiến người ta dễ lầm với nghị định. Nghị định là một văn bản pháp lý do chính quyền hợp pháp ban hành, còn nghị quyết là quyết định do một nhóm người trong một hội nghị đưa ra, thường là đảng ủy các cấp, theo chủ quan chính trị và quyền lợi của họ, không có căn bản pháp lý nào cả và bắt mọi người phải tuân theo. Nghị quyết có thể tùy tiện thay đổi dễ dàng tùy nơi, tùy lúc. Nếu một chế độ dựa trên pháp trị cụ thể thì sẽ giới hạn sự tùy tiện độc tài. Điều nầy cộng sản không bao giờ chấp nhận. (Ở đây, cần mở ngoặc để ghi nhận thêm là từ 1954 đến 1975, Hà Nội không có trường Đại học Luật khoa và không có luật sư tư nhân hành nghề.)

Riêng một bài báo ngắn của Nguyễn Hữu Đang cũng đủ đưa ông đi tù, nhưng đảng LĐ chưa đụng đến ông ngay, vì ông là người có công với cuộc kháng chiến, lại có uy tín ở Hà Nội. Trong bản tự kiểm điểm sau vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm*, Trần Dần đã viết về Nguyễn Hữu Đang như sau: "*Nếu không có Đang, không ai có thể tập hợp anh em được, sẽ không có những tham luận đề nghị gặp trung ương, cũng không có tờ Nhân Văn...*"(Thụy Khuê, bđd.). Chẳng những Trần Dần đánh giá cao Nguyễn Hữu Đang, mà đảng LĐ cũng đánh giá cao ông nầy, nhìn thấy nơi ông là một nhân vật có khả năng lãnh đạo đám đông, nên rất lo ngại. Với chủ trương độc tài, độc tôn, độc đảng, họ không muốn ai cạnh tranh quyền lãnh đạo của họ. Đến lúc Nguyễn Hữu Đang không chịu dự khóa học tập vào đầu năm 1958, cộng sản mới dựa vào lý do đó, bắt ông giam ngục thất Hỏa Lò, Hà Nội.

Do những lẽ trên, sẽ không lấy làm lạ khi đảng LĐ quyết tâm triệt hạ Nguyễn Hữu Đang. Nhân vì bà Thụy An không chịu đi học tập như Nguyễn Hữu Đang, đảng LĐ ghép chung hai người trong vụ án gián điệp để bắt giam và đày đọa họ. Ngoài ra còn có thêm một nhân vật khác nữa, bạn của Nguyễn Hữu Đang, cũng là nạn nhân trong vụ nầy; đó là Trần Thiếu Bảo, chủ nhà in Minh Đức.

Theo lời thi sĩ Hữu Loan, trong bài phỏng vấn trên đây: "*Nhà nước xuất bản thì lúc nào cũng kêu lỗ, mặc dù in nhiều hơn Minh Đức mà trả quyền tác giả lại rẻ rất mạt. Mỗi bài thơ của tôi, báo Văn Nghệ trả 8 đồng thì Minh Đức trả 110 đồng, trả 10% theo giá bìa. Nhà nầy xuất bản tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, mời con gái anh Phụng lên lãnh nhuận bút và còn về Hà Đông xây mộ cho Vũ Trọng Phụng do tiền nhà xuất bản. Minh Đức định xuất bản Kiều để xây dựng mộ cho Nguyễn Du, nhưng bị bắt ... Ngoài ra, từ 1945 đến 1956, Minh Đức còn mua được 1/2 nhà in giá 30.000 đồng (bằng 150 cây vàng). Nhà Minh Đức làm ăn lời lãi như vậy mà ngoài anh ra, chỉ có thêm vài người giúp việc. Còn những nhà xuất bản của nhà nước thì nhà nào cũng rất đông người làm mà chả được bao nhiêu việc, nhà nào cũng kêu lỗ nhưng vẫn cứ cố bao nhiêu rơm cũng ôm.*" (NVT, sđd.280) (17)

Ông Trần Thiếu Bảo là một tư nhân kinh doanh

thành công, vượt xa những công ty quốc doanh, và có thể trở thành một nhà xuất bản cũng như nhà in lớn nhất Hà Nội lúc bấy giờ. Nhà kinh doanh nầy lại là một nhà bảo trợ văn hóa thì càng nguy hiểm hơn nữa. Do đó, ông không thể tồn tại dưới chế độ cộng sản, vì nếu để ông tiếp tục hoạt động, chẳng những ông sẽ cho xuất hiện những tác phẩm phản kháng như *Giai Phẩm* hoặc *Nhân Văn*, mà ông sẽ trở thành một nhà tư sản ngoài quốc doanh và nhất là một lãnh tụ văn hóa lớn. Tất cả đó là nguyên nhân đưa đến việc trước sau gì ông cũng bị loại trừ. Khác với Thụy An và Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo không phải là nhà văn, nên đương nhiên ông không tham dự hai khóa học tập tháng 2 và tháng 3-1958. Do đó đảng LĐ chưa có lý do bắt ông. Bày ra vụ án gián điệp *Nhân Văn - Giai Phẩm*, đảng LĐ nhân cơ hội nầy cột chung Trần Thiếu Bảo vào nhóm nầy để kết tội và tịch biên tài sản của ông. (18)

Đối với cộng sản, những văn nghệ sĩ và trí thức có thể làm thơ, viết văn hay tham luận sắc bén chống chế độ, nhưng dễ đối phó. Họ có khả năng viết văn, nhưng không có khả năng lãnh đạo, tập họp quần chúng nên không nguy hiểm. Ngược lại, những người có tư cách lãnh đạo, có thể nói cho người khác nghe theo mình, có thể tập họp quần chúng, có thể tổ chức thành những đoàn thể cạnh tranh với đảng Lao Động, là những người nguy hiểm cần phải thanh toán ngay. Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiếu Bảo nằm trong trường hợp nầy. Còn hai ông Phan Tài và Lê Nguyên Chi tuy không thuộc văn giới, không nổi bật như các ông Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiếu Bảo, nhưng lại là những người tiếp tay đắc lực nên cũng bị kết tội để cảnh cáo để làm gương cho người khác.

TẠI SAO ĐẾN NĂM 1960 MỚI XÉT XỬ? *Nhân Văn - Giai Phẩm* bị đình bản cuối năm 1956, các trí thức và văn nghệ sĩ phải tập trung học tập và bị đấu tố vào năm 1958, nhưng tại sao mãi gần hai năm sau (đầu 1960) mới đưa ra tòa xét xử công khai và kết án nhóm Nguyễn Hữu Đang nặng nề như vậy? Câu trả lời được nhiều người đưa ra có lẽ là thủ tục hành chánh và pháp lý đòi hỏi một thời gian sửa soạn. Thật ra, dưới chế độ độc tài cộng sản, nếu cần xét xử một vấn đề gì khẩn cấp, thì họ đưa ra ngay, chứ chẳng cần phải trải qua thủ tục điều tra xét hỏi đầy đủ như dưới chế độ dân chủ tự do. Ở đây, có hai điểm cần lưu ý:

Thứ nhất, đảng LĐ không muốn xem đây là một vụ án văn chương, sẽ dễ bị dư luận dị nghị, nhất là dư luận thế giới. Muốn thế, cần phải chậm đi một thời gian sau vụ đình bản các báo đối kháng năm 1956, những ồn ào sau vụ học tập, đấu tố và đưa các văn nghệ sĩ, trí thức đi lao động vào nửa đầu năm 1958, nghĩa là để cho vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm* chìm đi một thời gian.

Thứ nhì, thời gian nầy tuy cần phải vừa đủ để những dư luận không còn xào xáo chuyện văn chương nữa, để mọi người xem phiên tòa chỉ là một vấn đề thuần tuý an ninh nội bộ, nhưng cũng cần phải vừa phù hợp với những diễn biến chính trị dồn dập của tình hình Việt Nam từ 1958 trở đi, khiến cộng sản quyết định tổ chức phiên tòa vào đầu năm 1960.

Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam ký kết ngày 20-7-1954 tại Genève tạm thời chia hai nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17: Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở phía Bắc và Quốc Gia Việt Nam ở phía Nam. Điều 7 của "Tuyên bố cuối cùng của Hội Nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương" ngày 21-7-1954 ghi rằng: "*Để cho việc lập lại hòa bình tiến triển đến mức cần thiết cho nhân dân Việt Nam có thể tự do bày tỏ ý nguyện, cuộc Tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7-1956 dưới sự kiểm soát của một Ban Quốc tế gồm đại biểu những nước có chân trong Ban Giám sát và Kiểm soát Quốc tế đã nói trong Hiệp định đình chỉ chiến sự. Kể từ ngày 20-7-1955 những nhà đương cục có thẩm quyền trong hai vùng sẽ có những cuộc gặp gỡ để thương lượng về vấn đề đó.*" (19)

Trong khi đó, đại diện chính phủ Quốc Gia Việt Nam không ký vào hiệp định đình chiến và đưa ra tuyên ngôn riêng ngày 21-7-1954 phản đối hiệp định. Tuy nhiên, chính phủ Quốc Gia Việt Nam vẫn thi hành việc chia hai nước Việt Nam theo thỏa thuận quốc tế. Khoảng trên 800.000 dân đã di cư từ Bắc vào Nam và một số khoảng 100.000 người từ miền Nam tập kết ra miền Bắc. Số người tập kết ít, vì đảng LĐ bí mật cài người ở lại miền Nam, và chôn giấu vũ khí để chuẩn bị tổng tuyển cử hoặc vũ trang nổi dậy. Trong số người ở lại, có cả Lê Duẩn, bí thư Trung ương cục miền Nam. (20)

Ngày 19-7-1955, thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là Phạm Văn Đồng gởi thư cho thủ tướng Quốc Gia Việt Nam là Ngô Đình Diệm yêu cầu mở hội nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20-7-1955 như đã quy định trong Hiệp định Genève để bàn về việc thống nhất và tổng tuyển cử. Ngày 10-8-1955, ông Ngô Đình Diệm đã bác bỏ đề nghị của ông Phạm Văn Đồng, dựa vào lý do rằng chính phủ miền Nam không ký vào Hiệp định Genève và nhất là vì không có bằng chứng nào cho thấy Bắc Việt đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi Quốc tế Cộng sản. Tuy chính phủ miền Nam nhiều lần từ chối, ông Phạm Văn Đồng vẫn nhắc lại đề nghị nầy hằng năm vào các ngày 11-5-1956, 18-7-1957, và 7-3-1958 để tuyên truyền với quốc tế. Lần cuối, ông Ngô Đình Diệm, lúc đó là tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, bác bỏ đề nghị trên vào ngày 26-4-1958. (21)

Sau cuộc Cải cách ruộng đất đợt 5, Trường Chinh

phải rời chức tổng bí thư đảng LĐ, và Hồ Chí Minh kiêm nhiệm chức nầy kể từ 30-10-1956. Biết rằng không thể tổ chức tuyển cử, nên đảng LĐ chuyển công tác Lê Duẩn từ bí thư Xứ uỷ Nam Bộ ra Bắc giữ chức Uỷ viên thường vụ Bộ chính trị để phụ tá cho Hồ Chí Minh khoảng đầu năm 1957. Việc bổ nhiệm Lê Duẩn, một người miền Nam, gốc Quảng Trị, hoạt động lâu năm ở trong Nam, cho thấy đảng LĐ chuẩn bị người nắm vững tình hình miền Nam, để kiếm cách đánh miền Nam. Lê Duẩn xuất hiện trên chính trường quốc tế lần đầu khi tháp tùng Hồ Chí Minh trong phái đoàn Bắc Việt tham dự lễ kỷ niệm 40 năm Cách Mạng Tháng Mười Nga (danh sách phái đoàn đăng trên báo *Nhân Dân*, Hà Nội, ngày 29-10-1957).

Vào cuối năm 1958, Lê Duẩn được bí mật gởi vào miền Nam. Khi trở ra Bắc vào cuối năm nầy, Lê Duẩn viết bản báo cáo đề nghị **đánh chiếm miền Nam bằng vũ lực**. Chính bản báo cáo nầy là nền tảng của quyết định quan trọng của hội nghị Trung ương đảng LĐ lần thứ 15 tại Hà Nội.

Tại hội nghị nầy, ngày 13-5-1959, ban chấp hành Trung ương đảng LĐ đưa ra nghị quyết thống nhất đất nước (tức đánh chiếm miền Nam bằng vũ lực) và đưa miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa. (Nghị quyết đăng trên Nhân Dân ngày 14-5-1959). (22) Dĩ nhiên các văn nghệ sĩ cũng như toàn thể đảng viên cán bộ và dân chúng Bắc Việt đều phải học tập nghị quyết nầy. Đó là điều đã được nhấn mạnh trong nghị quyết chấn chỉnh công tác văn nghệ ngày 6-1-1958 do Trường Chinh ký.

Dã tâm xâm lăng miền Nam của cộng sản Bắc Việt thật rõ ràng. Ngày 12-9-1959, Phạm Văn Đồng, thủ tướng Bắc Việt tuyên bố với Lãnh sự Pháp tại Hà Nội: "*Ông nên nhớ là chúng tôi sẽ đến Sài Gòn ngày mai.*" Trong một lần khác, vào tháng 11 cùng năm, ông Phạm Văn Đồng nói với vị Đại diện Canada trong Uỷ ban Kiểm soát Đình chiến: "*Chúng tôi sẽ đẩy người Mỹ xuống biển.*" (23)

Chiến thuật chiến tranh thông dụng của cộng sản là du kích chiến. Muốn sử dụng du kích chiến, theo kinh nghiệm của đảng CSTH, cần phải có một *hậu phương lớn* để yểm trợ, tiếp tế khi tấn công, đồng thời để rút lui, dưỡng quân khi cần. Sau khi đảng CSTH chiếm được toàn thể Hoa lục năm 1949, CHNDTH đã từng là hậu phương lớn của Việt Minh từ năm 1949 đến 1954. Nay Bắc Việt trở thành hậu phương lớn cho du kích quân Việt cộng ở miền Nam. Điều quan trọng nhất là hậu phương phải vững mạnh, ổn định, và kết thành một khối chắc chắn, để không bị tình trạng lộn xộn, trống đánh xuôi kèn thổi ngược như nước Pháp trong thời chiến tranh 1946-1954. (Sau nầy Hoa Kỳ lâm phải tình trạng xáo trộn nầy thời chiến tranh 1954-1975.)

Để đạt được sự ổn định vững vàng ở hậu phương Bắc Việt, đảng LĐ liền ra tay dẹp yên hết mọi chống đối, trở ngại. Vụ cải cách ruộng đất với khoảng từ 120.000 đến 200.000 người bị giết đã làm cho nông thôn run sợ. Nhà nước cộng sản cần phải ổn định thành thị vừa về kinh tế, vừa về chính trị.

Về kinh tế, nông thôn đã đi vào hợp tác hóa nông nghiệp, thành thị đã hình thành các hợp tác xã phụ trách việc mua bán lưu thông hàng hóa. Để nắm chắc hơn nền kinh tế quốc doanh, nhà nước Hà Nội ra lệnh đổi tiền trong hai ngày 27 và 28-2-1959 trên toàn thể Bắc Việt, một đồng mới ăn 1.000 đồng cũ. Số tiền mỗi hộ (gia đình) được đổi rất giới hạn, ai thặng dư phải gởi vào ngân hàng nhà nước rồi từ từ lãnh ra (CĐ, I-C, sđd.145).

Về phương diện quân sự, khi tại Liên Xô, thống chế Zhukov chủ trương đảng Cộng Sản phải đứng ngoài quân đội, liền bị mất chức bộ trưởng Quốc phòng vào tay thống chế Malinovsky ngày 26-10-1957, đồng thời Zhukov bị loại ra khỏi ban Chấp hành Trung ương đảng, thì tại Việt Nam, báo Nhân Dân ngày 5-11-1957 đề nghị Bắc Việt phải theo gương Liên Xô trong việc nhấn mạnh sự kiểm soát của đảng đối với quân đội. Phải chăng vì vậy đảng LĐ đã trọng dụng các tướng lãnh hiếu chiến như Văn Tiến Dũng, Nguyễn Chí Thanh, là những người chấp nhận đường lối xâm lăng của bộ Chính trị Trung ương đảng? Trong khi đó, tướng Võ Nguyên Giáp, "người hùng Điện Biên Phủ", bị thất sủng vì ông Giáp bị nghi ngờ lập trường không kiên định.

Ngày 4-9-1958, tại Bắc Kinh, CHNDTH công bố ranh giới biển là 12 hải lý từ bờ biển. Phạm Văn Đồng, thủ tướng Bắc Việt, liền viết quốc thư đề ngày 14-8-1958, gởi Chu Ân Lai, thủ tướng Quốc vụ viện CHNDTH nhìn nhận ranh giới biển của CHNDTH. (24) Lá thư nầy gây tai hại lâu dài rất lớn đến chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bộ chính trị đảng LĐ và Phạm Văn Đồng dư biết điều nầy, nhưng vì quá cần sự giúp đỡ của CHNDTH để xâm lăng miền Nam, nên Phạm Văn Đồng và Bộ chính trị *đảng LĐ cam tâm bán đứng đất đai của tổ quốc* cho CHNDTH, để đổi lấy viện trợ của CHNDTH, tăng cường sức mạnh quân sự Bắc Việt.

Cùng ngày đưa ra nghị quyết thống nhất đất nước, chiếm miền Nam bằng vũ lực (13-5-1959), nhà cầm quyền Hà Nội cử thượng tá Võ Bẩm, người Quảng Ngãi, lên đường vào Nam, lập đường dây liên lạc với các lực lượng gài lại trong Nam. Sau đó, ngày 1-6-1959, một toán gồm 32 cán bộ miền Nam tập kết, bắt đầu ra đi mở đường vào Nam (CĐ, I-C, sđd.154). Con đường nầy chạy dọc theo Trường Sơn, đã từng được người xưa gọi là thượng đạo và sử dụng, như Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng bỏ Quy Nhơn

theo đường núi ra Nghệ An năm 1802, hoặc vua Hàm Nghi (trị vì 1884-1885) từ Lao Bảo (Quảng Trị) qua Ai Lao về Quảng Bình năm 1885. Từ cuộc xâm lăng miền Nam của Bắc Việt, con đường nầy được gọi là đường mòn Hồ Chí Minh. Do nhu cầu sử dụng con đường nầy vào Nam tấn công, binh chủng Thiết giáp được Hà Nội thành lập ngày 5-12-1959 (CĐ, I-C, sđd.162).

Ngày 1-3-1960, Hà Nội ra lệnh tổng kiểm tra dân số Bắc Việt (CĐ, I-C, sđd.170). Hành động nầy không phải chỉ là một thống kê thường tình về kinh tế, mà còn nhắm mục đích tuyển quân bắt lính, để đưa vào chiến trường miền Nam mà cộng sản gọi là đi B.

Một hiện tượng cần chú ý là vào năm 1960, nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, ấn hành tập *Ngục trung nhật ký* [Nhật ký trong tù] của Hồ Chí Minh. Theo lời giới thiệu của viện Văn học Hà Nội, những bài thơ trong sách nầy do Hồ Chí Minh sáng tác từ lúc ông còn ở trong tù bên Trung Hoa vào các năm 1942, 1943.(25) Chưa kể vấn đề Hồ Chí Minh có đúng là tác giả quyển sách nầy hay không, một câu hỏi lớn khác cần được đặt ra: tại sao những bài thơ nói là do Hồ Chí Minh, lãnh tụ Bắc Việt, sáng tác từ trước năm 1945, lại bị bỏ quên đi đâu trong một thời gian dài hơn 15 năm mà không ai biết, kể cả Hồ Chí Minh, nay bỗng nhiên được xuất bản vào năm 1960? Việc đảng LĐ cho nhà xuất bản Văn Học ấn hành *Ngục trung nhật ký*, lại dịch ra tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, phát hành rộng rãi khắp thế giới, vào thời điểm nầy có dụng ý duy nhất là muốn chứng tỏ Hồ Chí Minh, một nhà tranh đấu chính trị, từng vào tù ra khám giành độc lập cho xứ sở, cũng là một thi sĩ, có trình độ văn hóa cao, có khả năng làm thơ bằng ngoại ngữ (chữ Hoa), nhắm khuếch đại và phô trương hình ảnh Hồ Chí Minh để gây ấn tượng, đồng thời mua chuộc cảm tình của giới văn nghệ sĩ và trí thức trên thế giới, và lôi kéo họ vào mặt trận truyền thông trong công việc tiến hành chiến tranh chống Nam Việt mà Bắc Việt bắt đầu phát động.

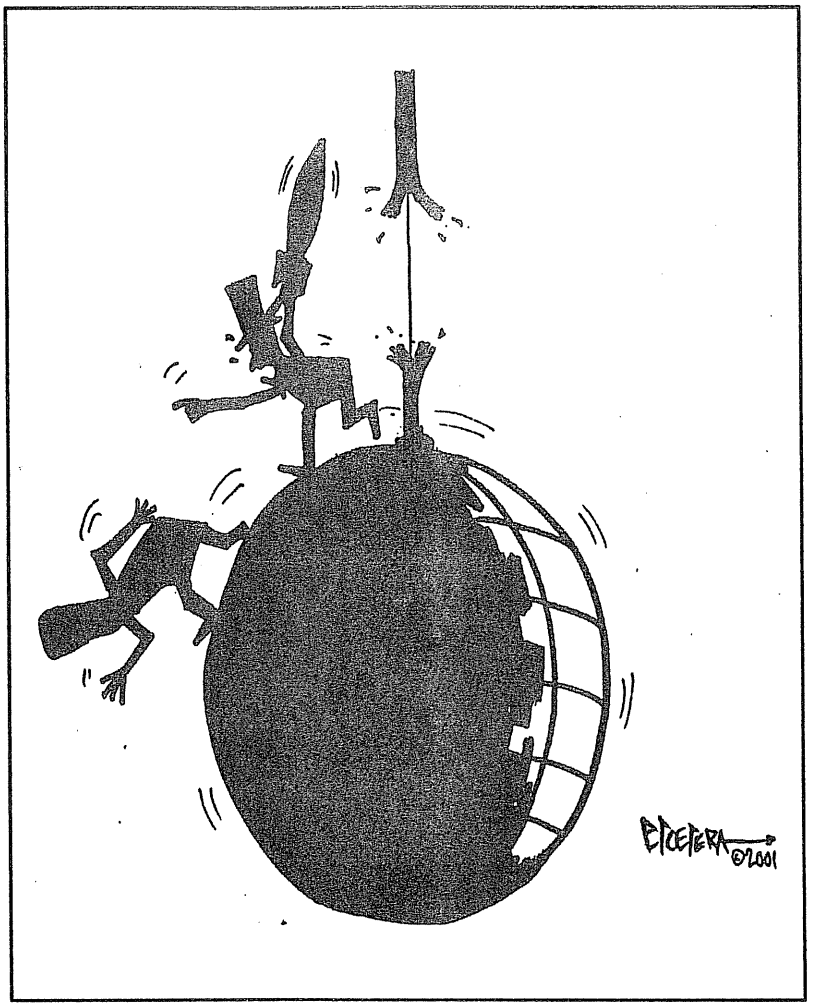

Về phương diện chính trị, từ năm 1954, nhà nước cộng sản Bắc Việt chỉ gặp cuộc phản kháng của những nông dân không vũ khí ở Quỳnh Lưu (Nghệ An) tháng 11-1956 sau vụ Cải cách ruộng đất, và đã dẹp yên ngay bằng sư đoàn 325.(26) Sau đó lại xảy ra vụ "*Nhân Văn - Giai Phẩm*" ở Hà Nội năm 1956. Giới văn nghệ sĩ bị đàn áp dễ dàng, không cho ra sách báo thì hết cách viết; và phân tán mỏng, gởi đi học tập lao động ở nông thôn thì hết gặp gỡ thảo luận, bàn tán. Tuy nhiên, vấn đề vẫn còn âm ỷ, vì nói như Phan Khôi:

"Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thế nào cũng chẳng làm chi.
Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao."
(HVC, *sđd.* 58)

Dầu không còn điều kiện để sáng tác, nhưng trí óc của người văn nghệ sĩ hay trí thức vẫn là một lãnh vực riêng tư mà đảng không thể nào kiểm soát được. Do đó, phải có một hành động thật cương quyết

cứng rắn và mãnh liệt phủ đầu, mới có thể làm cho giới trí thức và cầm bút khiếp đảm tê liệt, từ đó im hơi lặng tiếng luôn. Đòn phủ đầu nầy phải nhắm ngay vào những tay cứng cổ, khó bảo mà lại có khả năng tập họp quần chúng và không chịu học tập chỉnh huấn, như Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo. Đòn phủ đầu đó chính là kết luận của phiên tòa gọi là xét xử những tội phạm gián điệp ngày 21-1-1960 mà tác giả Georges Boudarel, một đảng viên cộng sản có hai đảng tịch Pháp và Việt Nam, đã cho rằng Nguyễn Hữu Đang đã bị buộc tội gián điệp một cách khó hiểu. (27)

Thật ra, chẳng có gì khó hiểu nếu chúng ta đặt vụ án nầy trong toàn bộ trình tự diễn tiến của thời cuộc những năm từ 1956 trở đi, nhất là việc sửa soạn công cuộc xâm lăng miền Nam của đảng LĐVN. Sau vụ án ngày 26-1-1960, Đại hội 3 đảng LĐ tại Hà Nội từ 5 đến 10-9-1960 xác quyết lại một lần nữa hai mục tiêu lớn là tiến lên xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam bằng vũ lực. Để thực hiện hai mục tiêu nầy, nội bộ đảng LĐ được cải tổ. Bỏ chức tổng bí thư, Hồ Chí Minh lên làm chủ tịch đảng, còn Lê Duẩn giữ chức bí thư thứ nhất, tức người cựu bí thư Trung ương cục miền Nam, kẻ đã thảo ra chương trình đánh chiếm miền Nam, nay chính thức lên địa vị thứ nhì sau Hồ Chí Minh, nhưng quyền hành không kém gì họ Hồ. Điều nầy khiến Lê Duẩn dễ điều động chiến trường miền Nam. Ngoài lý do đã từng sinh hoạt ở miền Nam, quen thuộc với chiến trường vùng đất nầy, Lê Duẩn được chọn vì ông gốc Quảng Trị, nằm ở phía nam vĩ tuyến 17, tức là người tha thiết với công cuộc gọi là "giải phóng miền Nam," để tranh thủ dư luận thế giới.

Điểm chót của việc chuẩn bị, trước khi chính thức bước qua giai đoạn tấn công miền Nam là việc công bố thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam ngày 12-12-1960 tại Hà Nội, và Mặt trận nầy chính thức ra mắt vào ngày 20-12-1960 tại chiến khu Dương Minh Châu ở Tây Ninh.

Trước đây, cuộc kháng chiến chống Pháp dầu sao lúc đầu vẫn mang ý nghĩa chống ngoại xâm giành độc lập, nên các nhà văn, nhà thơ, giới trí thức đều tự chế, nhịn nhục và cố gắng đoàn kết để đưa cuộc chiến đấu đến thành công. Ngày nay, khi bắt đầu phát động tấn công miền Nam, đảng LĐ cũng muốn tái lập tình trạng ổn định như thế, nhưng *mục đích chiến tranh lần nầy thiếu chính nghĩa*, chỉ nhắm xâm lăng miền Nam, nên họ lo ngại các trí thức và văn nghệ sĩ sẽ lên tiếng phản đối dưới nhiều hình thức khác nhau khó lường trước được. Điều nầy sẽ bất lợi cho công cuộc xâm lăng miền Nam. Do đó, đảng LĐ quyết dẹp yên mặt trận văn hóa, tạo một không khí hoàn toàn yên tĩnh ở Bắc Việt, khỏi có ai than phiền về việc đưa quân vào Nam, chẳng có ai thắc mắc về lý do chiến đấu, về cuộc sống quân ngũ, về "nỗi buồn chiến tranh," về những đau khổ mất mát ly tan của những gia đình có người ra đi mà không biết ngày trở lại, cũng không biết sống chết phương trời nào ở ngoài chiến trường.

Đúng như đảng LĐ dự tính, đòn phủ đầu trên đây rất có hiệu quả. Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã tự thổ lộ sau năm 1975: "*Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm cho mình hèn.*"(28) Nguyễn Minh Châu còn mô tả tâm sự của Nguyễn Tuân, một tác giả nổi tiếng phóng khoáng một thời: "*Một nhà văn đàn anh* [Nguyễn Tuân] *nâng chén rượu lên giữa đám đàn em:'Tao còn sống đến bây giờ là còn biết sợ'. Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giường, nước mắt tuôn lả chả, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng*".(29) Hơn ba mươi năm sau vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm*, Bửu Tiến, một nhà văn thân tín của đảng LĐ đả kích *Nhân Văn - Giai Phẩm* thời năm 1958, đọc tham luận tại Đại hội Nhà văn họp tại hội trường Ba Đình, Hà Nội từ 23 đến 31-10-1989, trong đó có câu: "*Xin lỗi anh em Nhân Văn Giai Phẩm và, trừu tượng hơn, xin tạ tội với Tự do Dân chủ, giấc mơ ngàn đời của nhân loại và của bản thân.*"(30) Những dòng tâm sự cay đắng nầy càng làm nổi bật lý do vì sao đảng LĐ cần phải tiêu diệt những người can đảm như Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo.

Chẳng những thế, việc kết án nhóm nầy còn làm cạn kiệt luôn chút niềm tin còn sót lại nơi một số văn nghệ sĩ vào chế độ cộng sản. Họ hết kêu ca, than vãn, đòi hỏi cởi trói văn nghệ, mà phải chấp nhận thực tại trước mắt của họ, im hơi lặng tiếng, cúi đầu vâng phục chế độ, nếu họ muốn sinh tồn.

Thế là trong thời gian tiến hành chiến tranh ở miền Nam từ 1960 trở đi, tình hình văn học nghệ thuật và báo chí Bắc Việt hoàn toàn trong lành, yên tĩnh. Các tác phẩm phát hành sau năm 1960 rất hiền lành, ngoan ngoãn. "*Hầu hết những tác phẩm xuất hiện trong giai đoạn nầy đều tập trung trong ba chủ đề chính: thương nhớ miền Nam, ca ngợi sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, và tỏ lòng biết ơn vô tận của mình trước công ơn tái sinh của cách mạng.*" (NHQ, *sđd.*166)

Ba chủ đề nầy đều nhắm phục vụ cho kế hoạch xâm lăng miền Nam. Cộng sản đã đặc biệt khai thác nỗi nhớ quê hương của những người tập kết, đồng thời lên án cũng như vu khống chế độ miền Nam, nhằm gây căm thù và đốc thúc dân chúng miền Bắc hăng hái tham gia công cuộc giải phóng miền Nam khỏi sự "kềm kẹp của Mỹ Ngụy", thống nhất đất nước bằng vũ lực. Năm 1960, báo *Thống Nhất*, Hà Nội mở hai cuộc thi viết về đề tài miền Nam. Những

tác phẩm trúng giải được in trong hai quyển sách nhan đề *Con đường phía trước* và *Má Năm Cần Thơ* (NHQ, *sđd.* 168).

Nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội còn thay thế nền văn chương phản kháng của *Nhân Văn - Giai Phẩm* bằng nền văn chương chiến đấu, phục vụ chiến trường như câu hai câu thơ: "*Nay ở trong thơ nên có thép, / Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*"(31) Cần chú ý rằng hai câu thơ nầy nằm trong một bài tứ tuyệt vào cuối sách Ngục trung nhật ký được phát hành năm 1960. Thời điểm xuất hiện bài thơ (1960) và cách sắp đặt bài thơ cuối sách Ngục trung nhật ký cũng là một dụng ý của cộng sản, như là một tuyên ngôn cho loại thơ chiến đấu. Tất cả những gì không ích lợi cho cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam đều bị dẹp bỏ, không được in ấn. Tố Hữu đã phụ họa theo: "*Dẫu một cây chông trừ giặc Mỹ,/ Hơn nghìn trang giấy luận văn chương.*" Kết quả của nền văn chương thực dụng nầy rất khả quan, đến nỗi Xuân Quỳnh đã viết: "*Em đang tập làm thơ có ích.*" (32)

Tất cả những điều nầy gây ảo giác cho người bên ngoài Bắc Việt tưởng rằng do sự thành công của chính sách đảng LĐ mà mọi người dân Bắc Việt đoàn kết với nhau, một lòng đứng sau lưng nhà nước Hà Nội trong công cuộc tấn công miền Nam, "chống Mỹ cứu nước." Chính tác giả Nguyễn Minh Cần đã than rằng: "*Chế độ miền Nam, tất nhiên là làm rầm rộ lên nhân vụ án nầy để tuyên truyền mặt trái của chế độ miền Bắc. Nhưng sau nầy, khi hỏi chuyện anh em miền Nam thì được biết là họ không tin, họ tưởng là sự việc bị bịa đặt ra, chứ làm gì đảng có thể đối xử với trí thức miền Bắc tàn tệ đến mức như thế.*"(NMC, *sđd.*76-77)

Nhiệm vụ mới của giới văn nghệ sĩ được Trường Chinh, uỷ viên Bộ chính trị đảng LĐ, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (từ ngày 7-7-1960), quy định trong bài "Tăng cường tính đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa" đọc trước Đại hội Văn nghệ Bắc Việt năm 1962:

"*Văn nghệ sĩ phải thừa nhận rằng văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ đường lối chính sách của đảng. Văn nghệ sĩ phải trung thành với lý tưởng cộng sản và đấu tranh không mệt mỏi cho chủ nghĩa xã hội. Văn nghệ sĩ bằng hoạt động văn nghệ và hoạt động xã hội của mình cần luôn luôn phấn đấu để tăng cường sự lãnh đạo của đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với đảng, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin...*"(33)

Tình hình văn nghệ Bắc Việt lúc đó hoàn toàn khác hẳn với miền Nam tự do. Trong lúc phải chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản miền Bắc, văn nghệ sĩ miền Nam được tự do sáng tác theo tình tự của con người, nên bên cạnh những tác phẩm chiến đấu, lại xuất hiện nhiều bài bình luận chính trị chống đối chính quyền, nhiều văn thơ và nhất là ca nhạc thở than uỷ mỵ. Từ sự uỷ mỵ nầy, nhiều tác phẩm phản chiến xuất hiện, làm xói mòn và sa sút rất nhiều tinh thần chiến đấu của chiến sĩ ngoài tiền tuyến. Dĩ nhiên Việt Cộng không bỏ qua cơ hội lợi dụng tình trạng tự do sáng tác để gây nhiễu xạ và làm rối loạn cũng như băng hoại xã hội miền Nam. Tuy nhiên, chính *sự tự do sáng tác tạo nên một khác biệt lớn lao* giữa chế độ miền Nam theo chủ trương quốc gia dân tộc, dân chủ và dân quyền, với chế độ miền Bắc theo lý thuyết cộng sản ngoại lai.

Tóm lại, bản án ngày 21-1-1960 tại Hà Nội kết tội bà Thụy An và các ông Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo tuy bắt nguồn từ vụ án *Nhân Văn - Giai Phẩm*, nhưng thật ra là khúc dạo đầu của một kế hoạch rộng lớn của cộng sản Bắc Việt nhằm tiến hành chiến tranh ý thức hệ, xâm lăng miền Việt Nam Cộng Hòa để bành trướng chủ nghĩa cộng sản và quyền lực của đảng Lao Động, tiền thân của đảng Cộng Sản Việt Nam./.

Chú thích

14. Nguyễn Mạnh Tường, "Qua những sai lầm trong cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo", đăng trong Hoàng Văn Chí, *sđd.* tt. 293-315.

15. Người viết nghe kể rằng khi phát bằng tiến sĩ cho Nguyễn Mạnh Tường, tổng thống Pháp, chủ tọa buổi lễ, đã nói đại ý rằng: "*Chẳng những ông* [chỉ ông Tường] *làm vinh dự cho nước ông, mà ông còn làm vinh dự cho nước Pháp.*"

16. Hoàng Văn Chí, *sđd.* tr. 294.

17. Về những giá cả mà tác giả Hữu Loan viết trong bài nầy, có thể không được chính xác. Ví dụ báo Văn Nghệ trả cho mỗi bài thơ là 8 đồng, trong khi ông Minh Đức trả 110 đồng, trả 10% theo giá bìa. Vậy tờ báo của ông Minh Đức giá 1.100 đồng hay sao? Rồi phía dưới, một nửa nhà in giá 30.000 đồng. Không lẽ một nửa nhà in chỉ đáng giá có 30 tờ báo hay sao? Điều nầy cần kiểm chứng lại. Có lẽ giá bìa 110 đồng, và tiền nhuận bút là 11 đồng. Ở đây, tác giả Hữu Loan chỉ muốn nhấn mạnh một điểm: ông Minh Đức là một tư nhân biết cách điều hành nhà in, làm ăn có lời và ông đã có lòng dùng một phần tiền lời phục vụ văn hóa dân tộc.

18. Theo lời Hữu Loan, Trần Thiếu Bảo bị 17 năm tù như Nguyễn Hữu Đang, nhưng các tài liệu khác nói rằng Nguyễn Hữu Đang và Thụy An, mỗi người 15 năm, còn Trần Thiếu Bảo chỉ bị 10 năm mà thôi.

19. Thế Nguyên, Diễm Châu, Đoàn Tường, *Đông Dương 1945-1973*, Nxb. Trình Bầy, Sài Gòn, 1973, tr. 51.

20. Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu nhân vật chí, sđd.* tr. 202.

21. Bắc Việt tự tin chắc chắn sẽ thắng cử nếu tổng tuyển cử được tổ chức lúc đó vì: (1) Miền Bắc đông dân hơn miền Nam; (2) đảng LĐ kiểm soát dân chúng chặt chẽ hơn miền Nam; (3) trước khi tập kết lực lượng ra

Bắc, cộng sản đã chôn giấu vũ khí và cài cán bộ đảng viên ở lại hoạt động bí mật tại miền Nam; (4) miền Nam liên tục xáo trộn từ khi ông Ngô Đình Diệm về cầm quyền năm 1954.

Lý do sâu xa khiến ông Ngô Đình Diệm từ chối tổng tuyển cử vì chính phủ Nam Việt lúc đó chưa kịp ổn định tình hình nội bộ, đang gặp nhiều phân hóa, khó khăn: (1) sự chống đối của các lực lượng thân Pháp, của Bình Xuyên, và các giáo phái ở miền Nam; (2) sự chống đối của các đảng phái ở miền Trung; (3) giải quyết chỗ ở cũng như công ăn việc làm cho khoảng trên 800.000 đồng bào từ Bắc di cư vào Nam; (4) tổ chức lại guồng máy hành chánh sau những thay đổi chính trị năm 1954, vì ông Ngô Đình Diệm không có một đảng phái mạnh mẽ có tổ chức quy củ như đảng LĐ ở Bắc Việt.

22. Những ngày tháng các sự kiện trong đoạn nầy, dựa vào sách *Niên biểu*, tập I-C... của Chính Đạo.

23. Nguyễn Đình Tuyến, *Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh tại Việt Nam 1945-1975*, Houston, Texas, 1995, tr. 49.

24. Biến cố nầy xảy ra năm 1958. Qua tài liệu của Chính Đạo, chúng tôi kiểm tra lại chính bản văn của Phạm Văn Đồng. Trong các bài trước chúng tôi đã khi ghi lầm năm 1959.

25. Lê Hữu Mục, *Hồ Chí Minh không phải là tác giả "Ngục trung nhật ký"*, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, 1990, tt. 12-13.

26. Bernard Fall, *Le Viet Minh*, Max Leclerc et Compagnie, Paris, 1960, tr. 289.

27. Georges Boudarel, sđd. tr. 256. Nguyên văn: "*Le 21 janvier 1960, des peines de prison de cinq à quinze ans furent prononcées contre cinq personnes. Nguyen Huu Dang fut condamné à la peine la plus lourde sous une énigmatique accusation d'espionnage. En fait, il payait pour avoir refusé de faire son autocritique.*"[Ngày 21-1-1960, năm người bị phạt tù từ 5 đến 15 năm. Nguyễn Hữu Đang bị kết án nặng nhất vì bị buộc tội gián điệp một cách khó hiểu. Thực sự, ông ta đã phải trả giá vì đã từ chối không làm bản tự kiểm.]

28. Nhiều tác giả, tuyển tập *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương*, Nxb. Lê Trần, California, 1990, tr. 79.

29. Tuyển tập *Trăm hoa...*, bài của Thân Trọng Mẫn: "Từ phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đến Cao trào văn nghệ phản kháng 1986-1989", tr. 20.

30. Bửu Tiến, "Xin tạ tội với Tự do Dân chủ", tuyển tập *Trăm hoa...* tr. 374.

31. Nguyên văn bài thơ "Khán "Thiên Gia Thi" hữu cảm", trích trong *Ngục trung nhật ký*, bằng chữ Nho như sau: "*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ/ Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong/ Hiện đại thi trung ưng hữu thiết/ Thi gia dã yếu hội xung phong.*" Nam Trân dịch [1960]: "*Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp / Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông; / Nay ở trong thơ nên có thép, / Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*" (Cảnh Nguyên và Hồ Văn Sơn tuyển chọn, *Thơ Hồ Chí Minh*, Nxb. Nghệ An, 1995, tt.468-469.) Lê Hữu Mục dịch (sđd. tr. 154): "*Thơ xưa riêng chuộng thiên nhiên đẹp, / Mây gió, trăng hoa, tuyết núi sông. / Nay ở trong thơ nên có sắt, / Thi gia cũng phải khéo xung phong.*"

32. Tuyển tập *Trăm hoa...*, bài của Nguyễn Hưng Quốc: "Phong trào đổi mới văn học tại Việt Nam: từ phản tỉnh đến phản kháng", tr. 53.

33. Tuyển tập *Trăm hoa...*, Thân Trọng Mẫn *bài đã dẫn*, tr. 24.

Đã Phát Hành Khắp Nơi

đặc san

QUẢNG ĐÀ năm 2001

Với sự cộng tác:

Kiêm Đạt . Nguyễn Phước Tương . Trần Huỳnh Hội . Nguyễn Hữu Lý . Nguyễn Hiền . Thy Hảo Trương Duy Hy . Ái Cầm . Vũ Hối . Tường Linh . Nguyễn Nho Nhượng . Luân Hoán . Vũ Hữu Định . Tạ Ký . Huy Tưởng . Thái Tú Hạp . Thành Tôn . Hạ Quốc Huy . Lưu Nguyễn . Nguyễn Đông Giang . Hoàng Lộc . Trần Dạ Lữ . Lê Đình Phạm Phú . Phan Ngô . Nguyễn Vy Khanh . Trần Văn Nam . Lý Trường Trân . Đặng Tiến . Phạm Văn Đông . Lê Bá Năng . Đynh Trầm Ca . Du Tử Lê . Nguyễn Phúc . Phạm Trần . Triều Tâm Ảnh . Trần Trung Đạo . Trần Yên Hòa . Trịnh Hảo Tâm . Phùng Nguyễn . Hồ Minh Dũng . Lâm Chương . Dương Đức Nhự . Nguyễn Nam An . Nguyễn Mạnh Trinh . Lê Văn Bá . Võ Danh . Hà Nguyên Du . Lê Hữu Lân . Phan Huy . Đặng Hiền . Quang Huỳnh . Hoàng Bích Đào . Đào Thanh Khiết . Tường Loan . Hà Ngọc Lân . Trần Lộc . Sương Mai . Dư Mỹ . Đức Phổ . Hoàng Xuân Sơn . Phạm Cây Trâm . Võ Văn Viên . Huỳnh Nhâm . Lê Thị Hàn . Lâm Kim Cương . Võ Đình Tuyết . Phạm Phú Minh . Đỗ Ngọc Anh . Tường Linh . Thế Hồng Lam . Phạm Phú Hay . Hương Nhân . Diễm Châu . Quỳnh Giao . Phương Dung . Hoa Hoàng Lan . Vương Trùng Dương . Phan Xuân Sinh . Nguyễn Thị Ngọc Liên . Hà Kỳ Lam . Đoàn Nhã Văn . Lê Thị Hàn . Lê Mộng Hoàng . Lê Văn Hưng . Cung Tích Biền . Phùng Minh Tiến . Mạc Phương Đình . Trần Thái ...

- Bìa tranh: **Những đóa sen vàng trên dòng lũ Hội An - Tranh màu nước ViVi**
- **Chủ trương: ÁI CẦM - THÁI TÚ HẠP**
- **Dày trên 620 trang**
- **Trong nước Mỹ: Giá 15 Mỹ Kim + 3 Mỹ Kim cước phí**
- **Ngoài nước Mỹ: Giá 15 Mỹ Kim + 8 Mỹ Kim cước phí**

Mọi liên lạc và mua Đặc San xin gởi về:
SAIGON TIMES
P.O. Box 428 - Rosemead, CA 91770
ĐT: (626) 288-2696 - Fax: (626) 288-2033

CHUYẾN ĐI KHÔNG HẸN

SONG THAO

Này, Phương, mấy cái hồ sơ tao để trên bàn mi lo xong rồi cho nó đi cho rảnh nợ. Tao không muốn nhìn thấy chúng nữa. Mấy vụ cần theo dõi tao có ghi trên tấm giấy ghim vào tường đây. Mi nhớ để mắt qua. Có gì lạ cần bàn với tao, mi cứ điện thoại hoặc e- mail nghe! Còn gì nữa không hè? Chút nữa quên, cái báo cáo đặc biệt tao đã in ra rồi. Khỏe cho mi nhé. Nhưng mi xem có lỗi gì thì sửa dùm. Chính tả thì tao dở, văn phạm thì tao cũng thua mi, vậy mi cứ tự nhiên xuống bút. Đừng ngại gì cả. Làm người ngoại quốc học tiếng Anh sướng thiệt. Được học và chịu học. Còn như tao, nó nằm sẵn trong người, vung tay ra là viết, viết dễ dàng như ăn, có ai ăn mà nghĩ bao giờ, vậy là lỗi ngổn ngang, lỗi mà chẳng biết lỗi. Phải nhờ tới người viết như... viết, loại như mi, sửa mới xong! Ấy chết, chút nữa quên. Mi nhớ tưới dùm chậu cây trên bàn nghe. Nó đang ra bông đấy, mi thấy không? Tao đã điện thoại khoe với bà già rồi. Bây giờ mà để nó ngỏm thì mang tội nói dối mẹ. Mi gỡ tội dùm tao nghe! Cám ơn mi trước. Tao có quên gì không hà?

Mệt cái con nhỏ này quá. Mỗi lần đi công tác là nó lại 'diễn văn' tràng giang đại hải với tôi. Nó thừa biết là nếu nó không nói lấy một tiếng thì mọi việc cũng sẽ xong cả thôi, vậy mà nó không nói thì không yên tâm. Tính nó vốn cẩn thận. Tôi vẫn thường chọc nó già hơn cả bà già nó. Nó chỉ cười. Cái cười thật hiền mang vẻ tội tội. Tôi chẳng biết tội làm sao nhưng vẫn cảm thấy một cách rõ ràng như vậy. Tội nó thì tội, tính tôi vẫn thích chọc nó.

" Này, dặn gì mà dặn kỹ vậy? Bộ đi luôn không về nữa hay sao đây? Mà biết đâu đó, qua bên ấy có khi gặp một hoàng tử của lòng em là rồi đời. Còn nhớ chi tới cái xứ Boston già nua cũ kỹ này nữa!"

Tracy hây hây đôi má, đấm nhẹ trên lưng tôi.

" Có gặp được hoàng tử thì cũng phải cưới mây về báo cho mi biết, chứ không thì nhức đầu nhức óc với mi chịu gì nổi. Này, mi cố tập lấy cái tính ngậm miệng cho quen đi. Ở nhà đã khổ chồng con, tới sở lại khổ thêm tao nữa, không hiểu ngoài đường ngoài xá có còn tên nào phải khổ nữa không?"

Tracy né tránh cú đấm của tôi, miệng vẫn tía lia.

" Này, sức mạnh không giải quyết được gì đâu trừ khi trên võ đài. Chịu khó bóp mồm bóp miệng lại rồi khi về tao mua quà cho. Mi ưng chi? Mua cho mi một lố băng keo về dán miệng nghe?"

Con nhỏ này quá đáng. Miệng tôi thấm gì với miệng nó.

" Thôi được rồi. Cám ơn mi. Khỏi phải mua gì cho tao. Giữ tiền bỏ nhà băng nhìn cho sướng mắt. Ai cũng ưa tiền cả nhưng mi ưa hơn mọi người một chút thôi!"

Tracy trợn mắt làm bộ nạt tôi.

" Tao biết tao còn nợ mi một chầu ăn trưa thứ sáu. Cứ yên tâm, về tao sẽ trả, khỏi phải nhắc khéo. Thôi tao đi nghe. Ở nhà một mình đừng có khóc. Con nít khóc là xấu, già rồi khóc cũng vẫn cứ xấu như thường."

Không lại miệng được với con nhỏ này. Cái miệng nó trông xinh như miệng thiên thần mà bẻ cong bẻ quẹo đến tài. Tôi chịu thua.

'' Ừ, mi đi bằng an!"

Tôi định giỡn thêm theo kiểu phim bộ 'Nhớ bảo trọng!' nhưng nhìn thấy mái tóc hoe nâu của nó tôi nản. Nó hiểu sao được. Tracy với tay lấy tấm hình bé Mai trên bàn của tôi, kê lên miệng hôn lia lịa.

'' Nói với con chó con tao sẽ mua quà về cho nó. Nó vẫn thích chú vịt Donald chứ gì? Chắc thế nào tao cũng ghé Disneyland."

Disneyland, đối với Tracy, mãi mãi là một nơi xa vời vợi. Tôi vừa vào tới sở, chưa hớp được một hớp cà phê buổi sáng, chuông điện thoại đã gắt gỏng, giọng David hốt hoảng.

'' Phương, xuống cantin ngay. Lẹ lên!"

Tôi vừa cất tiếng hỏi thì điện thoại đã bị cúp cái rụp. Chuyện gì mà như giặc tới nhà vậy! Tôi ba chân bốn cẳng xuống cantin. Gần như cả sở đang chúi mắt vào chiếc tivi kềnh càng lúc nào cũng mở, đặt nơi góc phòng. Căn phòng đông người im lặng một cách bất thường. Tôi liếc nhìn vào màn hình. Từ lưng chừng tòa cao ốc, khói quyện với lửa đang cuồn cuộn bốc ra. Người người nhốn nháo dưới đường. Chưa biết chuyện chi, tôi cũng không dám hỏi ai. Tôi nhìn thấy David đang to mắt bên một chiếc bàn ngổn ngang những ly cà phê còn đầy ắp. Tôi đang định bước tới thì mọi người sửng sốt bưng mặt. Một chiếc máy bay đang lừng lững chui đầu vào tòa cao ốc kế bên. Ngọt như một lát dao cắm phập vào một chiếc bánh. Lửa tung tóe ngóc đầu chui ra. Tôi ôm mặt. Người tôi như muốn rũ ra. Tiếng la thất thanh hoảng sợ, tiếng xướng ngôn viên trong tivi như những tiếng sóng tiếng gió ầm ì trong tai tôi. Tôi không thấy David nhích về phía tôi. Giọng hắn đấm mạnh vào màng tang.

'' Người ta nói máy bay cất cánh từ phi trường Logan."

Tôi hoảng hốt.

'' Chuyến bay nào vậy? Cầu trời không phải chuyến đi Los Angeles!"

David lắng tai nghe. Tôi cũng chăm chú. Giọng người xướng ngôn viên rã rời. Tôi nghe loáng thoáng tên một hãng máy bay. Rồi tôi nghe rõ ràng Los Angeles. David hét lên. Người tôi giật bắn theo tiếng nấc.

'' Tracy!"

David giữ chặt hai vai tôi. Chung quanh tôi ào ào như đàn ong vỡ tổ. Tôi nhìn thấy những cặp mắt ướt mọng, những chiếc khăn giấy trắng. Tai tôi vang vang tiếng sụt sùi. Mọi người chết trên ghế, mặt thất thần. Tôi ngồi lặng. Hình ảnh Tracy chiều hôm trước chập chờn trong đầu. Tôi mở mắt ra cố xua đi hình bóng đứa bạn thân. Trên màn ảnh chiếu đi chiếu lại cảnh chiếc máy bay xỏ vào tòa nhà cao ngất. Như có vết dao cứa đi cứa lại trong tôi. Người tôi như một miếng giẻ bèo nhèo. Có thật cái cảnh đang diễn ra trước mắt tôi không? Tôi bấm những ngón tay lên má. Đây là cảnh thật. Và Tracy ngồi trong chiếc máy bay đó. Người tôi run lên, thịt xương nó được bao lăm mà tan tành trong cái đống hỗn độn sắt thép khổng lồ đó.

Tracy nặng hơn một trăm pounds chút xíu. Kể cả quần áo, giày dép. Tôi chọc nó.

'' Mi phải trừ đi ít nhất năm pounds đồ phụ tùng chứ!"

Tracy giang hai tay ra thẳng băng như một cây thập giá.

'' Làm chi dữ vậy! Mi coi xem, quần áo tao nhẹ hều. Toàn một thứ hàng mỏng manh. Có nặng là nặng cái bảng giá thôi. Cái đó thì tao tháo ra rồi!"

Chưa chồng con, Tracy có tiếng ăn diện. Phải công nhận nó có khiếu ăn mặc, trông vừa sang vừa giản dị. Sang mà giản dị thì thường giá tiền không giản dị. Nó rất chịu chi vào mục áo quần, bao nhiêu cũng không tiếc. Không như tôi, mua cái gì cũng đắn đo tính toán. Không mua bộ vest này thì mua được mấy cái áo cho bé Mai, mấy cái quần cho bé Quân. Tracy cứ đứng cười mỉm mỗi lần đi shop với tôi. Tôi hơi ngượng, chống chế.

'' Mi chưa có gia đình chưa biết. Khó bốc đồng lắm. Ngày xưa tao cũng vung tay đẹp như mi chứ kém gì. Từ ngày có con có cái..."

Cái điệp khúc này hình như tôi lải nhải hơi nhiều lần nên Tracy giơ tay ra cản ngang câu nói.

'' Biết rồi! Khỏi nói nữa!"

Nó rất vững vàng bảo vệ cái quyền ăn diện của nó. Bởi vì nó đang yêu đời. Nó đã bị một chứng bệnh lạ hành hạ cả năm trời, người cứ héo dần đi. Xuống cân, hốc hác, xanh xao, lúc đó khó mà nhìn được một cái nhếch mép nơi nó. Ăn vào bao nhiêu cũng như không vì ruột không hấp thụ được thức ăn. Nó nói tên căn bệnh. Một cái tên khó nhớ. Tôi cũng chẳng cất công cố nhớ làm gì vì bệnh tật là thứ tôi không ưa. Tính tôi chết nhát. Cứ ai kể triệu chứng một căn bệnh gì là y như rằng tôi nghe ngóng trong người và thấy mình cũng có những triệu chứng y chang như vậy. Những lần đầu tôi hốt hoảng tưởng mình tiêu tùng tới nơi nhưng rồi qua nhiều lần báo động giả, tinh thần tôi cũng vững thêm chút đỉnh. Nhưng, cho chắc ăn, tốt nhất là chẳng nên nghe kể về bệnh tật, hại tim lắm. Suốt hơn một năm Tracy bệnh phải nghỉ làm, tôi ít khi gặp nó. Chẳng phải vì tôi quên, nhưng cái tính ngại bệnh tật cộng với cái bận bịu con cái, cộng thêm với cái dấm dẳn không ưa gặp người khác trong lúc bệnh hoạn của Tracy làm cản trở việc gặp gỡ giữa chúng tôi. Ngay như điện thoại, cũng chỉ được vài câu chán chường là

Tracy không muốn nói chuyện nữa. Căn bệnh quái ác làm ù lì con người năng nổ hoạt bát của Tracy. Chỉ khi bệnh chịu thua thuốc, Tracy bình phục, lên cân, đi làm lại, ngồi chung phòng với tôi, thì tình bạn của chúng tôi mới lại đỏ như một bông hồng hàm tiếu. Ngày đầu tiên trở lại sở, Tracy bê theo một chiếc cân để bên cạnh bàn làm việc. Chuyện cân kéo bây giờ là chuyện thiết thân của con nhỏ. Cùng với cái nhích dần từng ngày của đầu kim cân, là một thân thể óng ả trở lại, những bước đi xốn xang, hương hoa sực nức và cái miệng cười giòn đốp chát với tôi. Cuộc sống tìm thấy lại là một cuộc sống khác, phong phú hơn, vội vã hơn, tấp nập hơn.

Cuộc sống tưởng như hoa đó bỗng nhiên bị vùi dập tức tưởi trong đống sắt thép gạch đá rực đỏ. Cả sở như một nhà quàn. Ngoài Tracy ra, đoàn đi công tác còn sáu người khác. Bảy cái tang ập tới làm bại liệt cả trăm người. Mặt mũi đăm chiêu, nói năng đi đứng nhẹ nhàng. Làm như ai cũng sợ mình làm kinh động, phá vỡ cái không khí trầm uất lẩn khuất trên từng vuông gạch. Tôi như bỏ rơi cuộc sống. Nghĩ ngợi chẳng ra nghĩ ngợi, buông thả chẳng ra buông thả, vào ra như người mộng du. Công việc hình như chẳng là cái mọi người quan tâm tới. Mọi người tới sở như một thói quen, nhìn nhau như một an ủi, tâm trí mỗi người một phương. Đầu tôi như bị bó rọ vào từng dáng đi điệu nói của Tracy.

Chiếc bàn của Tracy nằm buồn phiền trong phòng. Mỗi ngày lại có thêm vài viên đá được xếp lên trên. Tracy theo đạo Do Thái. Tục lệ của họ là đặt một viên đá để nhớ tới người đã khuất vì đá tượng trưng cho sự bền vững. Chen vào giữa những viên đá là một cây nến cháy leo lét do David thắp mỗi ngày. Tôi thì chăm tưới bón cho chậu hoa đang nở mà Tracy đã căn dặn tôi săn sóc trước khi ra đi. Những bông hoa trắng, nhỏ, xúm xít vào nhau như sợ lạnh giá cô đơn, làm nước mắt tôi tràn ra mỗi lần tưới. Chỉ có đóa hồng trắng nằm câm nín trong bao giấy bóng trắng được cột bằng một sợi giây tím không hiểu của ai đặt trên bàn. Mỗi sáng, khi tôi tới phòng, bông hồng đơn độc đó đã được thay bằng một bông mới. Tính tò mò của tôi hình như cũng đã chết theo Tracy nên tôi chẳng buồn tìm hiểu.

Trời đang ở những ngày nắng ấm, tôi thường bỏ bê công việc bước ra hành lang nhìn những ánh nắng chói chang soi rõ những đám mây trắng đang rỗi rãi trôi đi. Tôi đứng lặng nhìn trời như vậy, thấm thía cái ê chề của cuộc tử sinh. Tracy quấn lấy đầu óc tôi không lúc nào rời. Tôi tránh nhìn cái bàn làm việc của Tracy một cách vô ích. Bất cứ nơi đâu, Tracy cũng lững lờ trong tôi. Ngày đầu không nhìn thấy

LUÂN HOÁN

Nghe Mưa

ngồi chăm chú đếm hạt mưa
một, hai, ba, bốn... lưa thưa xuống đường
mười ba, mười bảy... dễ thương
hai mươi, hăm mốt... buồn buồn vẩn vơ
hăm lăm... đã rối như tơ
thôi không đếm nữa, làm thơ để dành

làm thơ từ thuở chòng chành
hai con mắt nhúng vào vành môi ai

làm thơ từ thuở chân dài
thòng ra vấp cái trâm cài tóc thơm

làm thơ từ thuở cà lăm
câu chào, tiếng hỏi cong cong hương tình

làm thơ từ thuở rùng mình
nửa đêm ẩm ướt thình lình nhớ ai

để dành thơ từ sớm mai
để dành thơ từ đêm dài hôm qua
chờ em đến, để làm quà
em chưa chịu đến thế là trời mưa

một, hai, ba, bốn... lưa thưa
mười ba, mười bảy... cũng vừa nhớ nhung
nhớ em cái bụng chùng bùng
cái tay đổ quạu lừng khừng xé thơ

trời mưa buồn thế, không ngờ

bóng dáng thân thuộc của Tracy trên chiếc ghế da đen, tôi ôm mặt chảy nước mắt. Chiếc áo len đen có thêu rải rác trước ngực những cánh hoa nửa đỏ nửa hồng làm thốn tim tôi. Tracy chịu lạnh dở, có lẽ vì mới qua cơn bệnh, nên hầu như lúc nào cũng khoác chiếc áo đó khi làm việc. Chiếc áo len dính trên người Tracy, trong mắt tôi, bây giờ, chính là Tracy. Nó nằm đó, vắt trên lưng ghế, câm nín như một Tracy mộ huyệt. Tôi sợ ở trong phòng một mình. Tôi mở toang các cửa phòng hy vọng những bước chân lui tới ngoài hành lang mang lại cho tôi chút ấm cúng của sự sống. Cây nến của David leo lét trên bàn như ánh mắt chập chờn của Tracy đang nhấp nháy với tôi.

David quay quắt với cái chết của bạn. Gặp ai hắn cũng níu áo giãi bày. Làm như càng nói ra được bao nhiêu thì cõi lòng hắn lại thêm sự yên ổn bấy nhiêu. Tôi phải lựa lời an ủi hắn. Tai nạn bi thảm của Tracy biến hắn thành một đứa con nít nhiều mặc cảm khiến tôi phải nhỏ nhẹ vỗ về hắn như một người mẹ.

" Cậu có trách nhiệm gì đâu mà cứ băn khoăn như vậy. Tôi chắc chắn Tracy nó chẳng oán cậu một chút nào cả. Chơi với nó lâu tôi biết tính nó."

Lời giải tội của tôi không thiêng.

" Nếu không có tôi chĩa cái mồm vô duyên này vô thì Tracy đâu có chết!"

David lại vò đầu vò tai khổ sở.

" Tôi tin là con người có số mạng. Tracy chết là vì số nó chết. Cậu chẳng phải tự đấm ngực như vậy nữa."

David nhìn tôi. Tôi chưa bao giờ thấy một cặp mắt xuội lơ và tê tái đến như vậy.

" Số mạng? Có cái số mạng nào ào xuống một lúc cho trên sáu ngàn con người không? Tôi chẳng tin có một cái số mạng ác ôn đến như vậy. Không, đúng là lỗi tại tôi mà Tracy chết."

Nếu tôi là David chắc tôi cũng phải tự trách mình ghê lắm. Nhưng chắc tôi chẳng rã rượi bằng anh chàng có một viền râu mép trông khá nam nhi này. Bữa đó, trong giờ giải lao, chúng tôi ngồi trong cantin uống cà phê đấu láo. Tracy bỗng than thở.

" Đầu tuần tới lại phải đi rồi. Sao tôi ngại chuyến đi này quá. Bay có mấy tiếng mà phải ghé Chicago đổi máy bay. Mệt!"

David nhanh nhẩu.

" Thì coi có chuyến nào bay thẳng thì bạn đổi máy bay đi!"

Tracy trề môi.

" Bạn làm như dễ lắm. Nếu có chỗ họ đã book cho cả đoàn rồi. Đằng này chỉ có tôi với Christian rơi lại chuyến sau. Tôi hỏi bên Hành Chánh rồi chứ bộ. Bạn làm như tôi khờ lắm chắc?"

David đỏ mặt cãi.

" Tôi đi hoài chứ không sao? Họ book bữa đó không có chỗ nhưng mình cứ hỏi chứ. Máy bay mà! Có người đi thì cũng có người bỏ chỗ chứ. Tôi vẫn liên lạc thẳng với các hãng máy bay. Có chỗ trống là đổi được. Mà thường thì có chỗ vào giờ chót!"

Tracy cười duyên. Tôi biết con nhỏ này. Khi nó thả cái nụ cười lóng lánh kiểu đó là có chuyện muốn nhờ.

" Bạn David này! Bạn quen hỏi thì hỏi dùm Tracy đi. Được thì khi về có quà đặc biệt."

Mặt David gân lên. Đôi mắt sướng thấy rõ.

" Xong ngay!"

Tracy quay qua Christian, anh chàng lính mới của sở lần đầu tiên được theo đi công tác để học việc.

" Christian có muốn nhờ David luôn không? Mình đi cho vui chứ còn trơ lại một mình buồn chết."

Christian lí nhí.

" Anh David hỏi luôn dùm tôi được không?"

David gật gù.

" Dĩ nhiên là được. Ai nỡ để cậu bơ vơ một mình trên máy bay lạ!"

Christian không đặt chân lên một chiếc máy bay nào cả. David hỏi chỉ được một chỗ trống. Tracy đổi qua. Chuyến bay của Christian, dự trù cất cánh vào buổi chiều ngày oan nghiệt đó, đã bị hủy bỏ. Christian không may mắn nên thoát chết.

Biên giới tử sinh mỏng như một tờ giấy. David có vò xé tâm can mình thế nào đi chăng nữa cũng chẳng nguôi ngoai được cái vô tình đẩy nhẹ Tracy từ bờ sinh qua bờ tử. Mỗi lần nhìn cảnh chiếc máy bay chúi mũi vào tòa nhà World Trade Center, chính tôi cũng cảm thấy buốt nhói trong đầu, ghê rợn trên da thịt, cồn cào lục tung ruột gan. Huống chi David. Vậy mà các đài truyền hình ác độc vẫn liên tục chiếu đi chiếu lại cái cảnh bầm dập đến từng cõi lòng chúng tôi. Ở sở tôi đã tránh cái tivi dưới cantin, về nhà tôi lại phải đương đầu với cái tivi nơi phòng khách. Tôi đã cố ngăn chặn nhưng cái cảnh oái oăm này vẫn lọt vào mắt hai đứa con. Phiền hơn nữa là ở nhà trường cô giáo đã giải thích cho đám học trò cái đại họa mà đất nước đang chịu đựng. Vừa bước chân lên xe khi tôi tới đón học, bé Quân đã khoe.

" Máy bay đụng vào tòa nhà chết nhiều người lắm, mẹ có biết không?"

Tôi giật mình.

" Con nghe ai nói vậy?"

" Cô giáo con. Cô còn cho coi tivi nữa mẹ à! Con thấy lửa tung ra quá chừng. Trông giống như trong phim vậy!"

Tôi biết mình sắp phải làm gì. Tôi cân nhắc cẩn thận trước khi nói với con.

" Mẹ cũng có thấy."

" Mẹ có thấy người chết không?"

" Không."

" Con cũng không thấy nhưng cô giáo nói người chết nhiều lắm. Người ngồi trên máy bay cũng chết mà người ở trong tòa nhà cao đó cũng chết nữa. Cô bảo tụi con cúi đầu cầu nguyện cho những người vừa mới chết. Cô khóc mẹ ơi. Con chưa bao giờ thấy cô khóc như vậy. Ngộ ghê! Mà sao cái ông lái máy bay dở như vậy hả mẹ? Cái nhà to như thế mà không nhìn thấy!"

Mắt tôi rần rụa nước mắt. Tôi cố tập trung tinh thần vào tay lái. Tôi quệt tay lên mặt làm bé Quân nhìn sững.

" Mẹ cũng khóc à?"

Giọng tôi lạc đi.

" Đừng hỏi mẹ nữa. Về nhà mẹ sẽ nói chuyện với hai đứa. Làm ơn cho mẹ yên."

Những giọt nước mắt của tôi có lẽ là một biến cố lạ đủ để làm e dè hai đứa nhỏ. Chúng im thin thít ngồi ngó vẩn vơ qua khung kính xe. Về nhà, đợi tới lúc cho bé Mai và Quân ăn xong chiếc bánh, uống xong ly sữa, bắt đầu giờ chơi, tôi mới khó khăn bắt đầu câu chuyện.

" Các con có thương dì Tracy không?"

Bé Mai mau miệng.

" Có chứ mẹ. Dì Tracy sắp cho con chú vịt Donald biết đi."

Con bé mới được tôi cho biết món quà Tracy hứa cho nó chiều hôm trước, khi tôi dỗ dành đưa nó vào phòng tắm.

Bé Quân đang loay hoay với cả đống lego trên sàn nhà, không nói năng gì. Mũi tôi cay cay, chắc tôi sẽ nói bằng những giọt nước mắt quá. Tôi cố giữ xúc động.

" Dì Tracy ngồi trong chiếc máy bay đụng vào tòa nhà mà các con thấy trên tivi đó."

Bé Quân vẫn bận rộn với đống đồ chơi. Bé Mai nhìn sững tôi.

" Vậy thì làm sao dì Tracy mua vịt Donald cho con được?"

Tôi vỗ vai con.

" Mẹ sẽ mua thế cho dì vậy, được không?"

Bé Mai gật đầu.

" OK. Cám ơn mẹ."

Cái chết có lẽ vẫn là điều xa lạ với các con tôi? Nhưng không, tôi đã lầm. Bé Quân, vẫn bận rộn đôi tay thoăn thoắt lắp ráp, không nhìn tôi, nói khơi khơi.

" Lớn lên con sẽ lái máy bay."

Tôi nhìn chăm chăm vào Quân. Trên tay nó là chiếc máy bay ráp chưa xong. Một bên cánh còn cụt ngủn.

" Tại sao con thích lái máy bay?"

" Con sẽ cứu dì Tracy và đưa dì lên trời."

" Con biết là dì Tracy chết rồi chứ?"

" Dạ biết. Chết chôn dưới đất mới khó chứ chết treo trên cao thì con đưa dì lên trời được!"

" Con ngoan lắm."

Tôi khen con mà không hiểu trong chiếc đầu non nớt kia cái chết có hình dáng như thế nào.

Cái chết của bảy người trong sở tôi không có hình dáng những ngôi mộ. Tang lễ được cử hành trong phòng cantin được trang hoàng lại mang nét sầu não nghiêm trang, nơi chúng tôi thấy chiếc máy bay đưa họ vào cõi vĩnh hằng, với sự tham dự của thân nhân các người tử nạn và toàn thể nhân viên trong sở. Không có một chiếc quan tài nào cả. Thịt xương họ còn tung tóe mắc kẹt đâu đó trong lòng tòa nhà đổ nát. Bảy người đi xa được nhắc nhở bằng bảy cây nến trắng lớn đặt trên một chiếc bàn vuông phủ khăn tím. Bảy ánh lửa quặt quẹo như bảy bàn tay yếu ớt vẫy chào chúng tôi. Bàn tay mi đâu, Tracy? Mắt tôi đăm đăm chết trên những ngọn lửa leo lét mờ ảo sau làn lệ ướt. Tôi thấy một lưỡi lửa nhỏ hơn các lưỡi lửa khác quằn quại như muốn níu kéo. Mi đó chăng? Mắt tôi như có bàn tay Tracy ngoắc ngoắc lúc đứng ở cửa chào giã biệt tôi chiều hôm trước. Tôi theo mọi người lên đặt một bông hoa tiễn biệt. Tôi nhẹ vuốt cây nến mà tôi nghĩ là Tracy. Ngủ yên nghe mi!

Tôi mời bố mẹ và các anh chị em của Tracy lên phòng sau tang lễ. Cây nến của David vẫn bập bùng chợt lóe lên như một nụ cười. Mọi người lặng đi trước chiếc bàn như đang đứng trước một ngôi mộ. Hình Tracy trên bàn tươi tắn một cách thảm hại. Những hòn đá đen trắng chất cao như muốn lấp đi khuôn mặt không chờ đợi cái hẹn với tử thần.

Tôi bưng chậu hoa trao cho mẹ Tracy.

" Bác mang về tưới tiếp dùm con. Tracy có dặn con chăm sóc chậu hoa này thay nó."

Mẹ Tracy như đứng không vững, một tay vịn vào thành ghế, một tay ôm chậu hoa. Bà thều thào qua nước mắt.

" Nó có khoe tôi chậu hoa này. Đẹp quá phải không cô?"

Tôi không biết phải trả lời sao. Tôi gấp chiếc áo len trên lưng ghế, vắt lên cánh tay mẹ Tracy.

" Chiếc áo này Tracy vẫn mặc hàng ngày. Bác giữ dùm nó."

Mặt mẹ Tracy nhăn nhúm như vừa bị vò nát bằng một bàn tay vô hình. Tôi không cầm được những giọt nước mắt. Tracy, thế là mi về lại nhà mẹ. Vui không nhỏ? Tôi lau mắt, mím miệng. Hình như bây giờ tôi mới thực sự thấy mất Tracy.

Tôi nhoè nhoẹt chôn mắt trên bông hồng trắng trong bao giấy bóng trắng nằm ở góc bàn. Hồi nãy, trong tang lễ, lúc xếp hàng lên đặt hoa, tôi đã thấy một bông hồng giống hệt như bông hồng này run rẩy trong tay Christian./.

tháng 10/ 2001

CHỊ

cho Ôm

LÊ ĐẠI LÃNG

Thời nhỏ, chúng tôi học ở ngôi trường nằm men theo sông. Có vẻ ở nhiều nơi khác có nhiều ngôi trường tiểu học như thế, nằm ven theo một con sông hay con lạch, hoặc có khi kề một bờ ao. Chúng tôi coi ngôi trường nằm bên bờ sông cũng tự nhiên như những tháng gần cuối năm, nước dâng cao hơn thường lệ, nước mấp mé bờ tường ngăn sân trường và dòng sông, mặt sông căng ra cho tới lút ngút bờ đất phía bên kia, nơi đó có nhiều cây bắp nhấp nhô, thỉnh thoảng có vài con đò chèo ngang tấp khuất đâu đó bên kia, hay từ tốn trôi về phía cuối dòng không biết rồi tới đâu. Mưa nhiều hơn, sân trường bằng đất nhiều khi lầy nhầy và nhiều ổ nước đọng, những buổi học chợt buồn trong bầu khí ẩm ướt, nhìn qua cửa sổ lớn thấy bầu trời xám với những hạt mưa lót nhót. Lúc ấy biết rằng sắp có nhiều ngày nghỉ nhờ lụt, nước sẽ tràn qua hàng rào, bò tận sân trường cho tới bậc thềm bước lên lớp học.

Có khi nhớ lại, tôi không nhớ những năm học nơi trường tiểu học ấy có bao nhiêu kỷ niệm về chị. Chị học trên tôi hai lớp vì chị hơn tôi hai tuổi. Tôi ngồi ở lớp Năm, lớp đầu tiên của bậc tiểu học, sát bên cái trống trường treo lơ lửng bên ngoài cửa sổ. Trường được xây theo thứ tự của mỗi lớp, hay dãy lớp dài được xếp theo cách xây của ngôi trường, lớp năm ngồi sát bên cái trống trường và nhà ông cai, kế tiếp là lớp Tư, cứ vậy cho đến lớp Nhất nằm sát ngoài cổng. Như vậy khi tôi ngồi sát bên cái trống trường thì chị đã ngồi ở khoảng giữa của ngôi trường, chị sẽ nghe tiếng trống trường không rõ bằng lũ lớp Năm chúng tôi, bù lại chúng tôi là những đứa đầu tiên trong trường hàng ngày biết trước giờ ra chơi và giờ tan học, từ lúc ông cai già ló đầu ra khỏi cửa nhà của ông sát bên lớp học, cho đến khi ông rút cài dùi trống đất trên hai sợi dây dừa, cho đến khi ông bắt đầu nhịp nhịp ba cái ngay tâm trống, và rồi, ông sẽ dang tay ra, nện ba tiếng thật lớn vào mặt trống. Khi tiếng trống cuối cùng còn rung một âm thanh vơ vẩn trong không khí, chúng tôi đã có mặt trên sân trường, các phe phái đánh nhau đã chia sẵn đứa nào về phe nào, và rượt đuổi. Dăm ba lần trong khi rượt nhau, tôi mới thấy chị từ lớp học nằm ở giữa trường bước ra, đứng dựa vô tường một mình, không tụ tập với ai cả vì chị xấu hổ với hai cái chân nhiều mụn ghẻ. Tôi chỉ biết thoáng một chút vậy thôi vì không thì giờ đâu để ý, chuyện chị tôi ngồi ở cái lớp nằm giữa, anh tôi ngồi ở cái lớp sát cổng ra vào không có gì phải để ý, nó tự nhiên như chân chị thì phải có ghẻ, tự nhiên như vào những tháng gần cuối năm, nước mấp mé dọa dẫm, lóp ngóp bò từ mép sông lên sân trường.

Các năm kế tuổi thơ qua đi. Tôi lên một lớp thì chị tiến tới các lớp nằm gần cổng ra vào. Khi tôi lên tới cái lớp nằm ngay giữa trường thì chị đã ở cái lớp cuối cùng của tiểu học. Và khi tôi bước vào cái lớp kế với căn phòng nằm sát cổng thì chị đã đi ra khỏi trường. Như vậy tôi và chị có được ba năm học chung một ngôi trường tiểu học bên dòng sông hay lụt mỗi năm. Và tôi hoàn toàn không nhớ chị đã làm gì trong suốt ba năm ấy trong giờ ra chơi. Tôi cũng không nhớ chị có kể gì không về những năm học nơi ấy, có thể là có những tôi không để ý. Có một điều tôi nhớ chắc là trong suốt ba năm với không biết bao nhiêu lần cùng một giờ đi học và cùng một giờ ra về, tôi chưa lần nào đi chung với chị cả. Tôi luôn có mặt ở sân trường rất sớm trước giờ học, còn giờ ra về thì chạy thẳng một mạch về nhà thằng bạn hàng xóm để tiếp tục chia phe đánh nhau. Có một lần, lần đó tôi còn nhớ kỹ, trời đổ mưa lớn vào giờ tan học chiều. hạt mưa từ mái trường rơi xuống sân làm nổi lên những hột bong bóng to, vỡ toang ra, bắn một ít đất vào hàng hiên. Tôi phải đứng chờ dưới mái hiên chờ mưa ngớt, nhờ vậy tôi cũng thấy chị đứng chen trên hàng hiên, nét mặt ái ngại. Tôi chỉ chực chờ cho mưa hơi ngưng là chạy băng về. Nhưng mưa vẫn rơi mạnh, nước trên sân bắn vào hàng hiên một lúc một nhiều, cái quần sọt của tôi đã thấm nước mưa, còn chị đứng co ro phía gần cổng, nước mưa cũng thấm ướt cả cái quần nhạt nhạt của chị. Tôi đứng chờ mưa như thế lâu lắm, và chán lắm, bụng đói cồn cào, tất nhiên là chị cũng không khá hơn gì, tôi thấy mặt chị tái mét, cả hai chị em đều đói, đều ngóng mưa tạnh hạt để về ăn một chén cơm thật nóng với thật nhiều ớt bột trộn nước mắm. Vào lúc đó cha tôi đến đón.

Ong chống dù đen, quần sắn cao khỏi đầu gối, đứng ở cổng ngó dáo dác tìm. Hai chị em tôi chạy ra, ông biểu tôi đi sát vào người ông để che chung dù, còn chị lót ngót đi sau. Phố chợ ướt át, nước mưa lấp đầy những ổ gà trên đường, gió từng cơn thổi từ phía sông lên. Chúng tôi lúp xúp đi dưới trời mưa, cha tôi nghiêng cái dù về phía tôi, gió tạt hướng nào thì ông điều chỉnh dù về hướng đó, chiếc dù quá nhỏ dường như chỉ đủ che cho tôi, và tôi mặc nhiên coi đó là chuyện đương nhiên, đương nhiên là cha tôi phải che dù cho tôi, đương nhiên dòng sông đều lụt vào những tháng gần cuối năm. Tôi đi sát với người ông cho đỡ lạnh, nghe tiếng dép của chị loạt xoạt dẫm nước phía sau. Khi bước lên mái hiên nhà, cha tôi xếp dù dựng ở cửa, tôi nhìn lui thấy người chị ướt từ trên xuống dưới.

Tôi không biết chị học trung học ở đâu từ khi chị ra khỏi ngôi trường tiểu học. Tôi vẫn tiếp tục chơi đùa, học vừa đủ lên lớp, chỉ cảm thấy mình hơi lớn lên vì lớp tôi học đã mấp mé nằm gần sát cổng trường và đã cách cái trống trường ba gian phòng học, và nôn nóng chờ ngày tháng qua để được ngồi vào gian phòng học oai nhất trường, cái lớp nằm sát cổng trường. Những chiều mưa cha tôi vẫn tiếp tục chống dù đến đón, tất nhiên giờ đây chỉ một mình tôi đi bên cạnh ông, và nhà tôi chỉ có một cây dù, cha tôi không thể phân thân đi đón hai chị em học ở hai nơi cùng một lúc, có lẽ chị cũng sẽ về tới nhà trong những chiều mưa sau giờ tan lớp.

Nhưng tôi chẳng bao giờ được ngồi vào cái lớp sát cổng ra vào. Trước khi tôi kịp lên cái lớp cuối cùng của tiểu học, chiến trận lan tới trường, tôi thấy người ta chôn nhau, người ta khiêng người bị thương, súng nổ làm tốc một nửa mái trường, đạn trổ nhiều lỗ xuyên qua lớp học và làm sụp một góc bức tường ngăn dòng sông với sân trường, lúc đó là vào mùa xuân, tôi vừa được một bộ áo quần trắng có sọc xanh để ăn tết, còn chị được mẹ may cho một bộ đồ hồng còn thơm mùi vải, chúng tôi chỉ mặc được bộ đồ mới có một ngày đầu xuân, mấy ngày sau, cả gia đình chạy đạn lang bang trong thành phố. Đạn bay véo von bên tai, tiếng nổ lớn nổ nhỏ, mẹ tôi dắt một đàn con nhỏ chạy tản cư, còn cha tôi ở lại trong ngôi nhà, sau này tôi mới biết ông đã quá tuyệt vọng và bằng lòng nằm chờ chết trong căn nhà ông nội tôi để lại. Nhưng đó là chuyện của ông, tôi không mấy thắc mắc về điều đó, tôi chỉ biết chạy theo mẹ, luôn luôn theo sát bên người chị lúc tản cư vì bỗng nhiên tôi phát hiện chị là một cái mộc đỡ đạn rất tốt trên những con đường đầy tiếng đạn bay trong thành phố. Chị mặc bộ đồ mới, mỗi khi nghe tiếng đạn và theo tiếng hô 'nằm xuống' của mẹ thì chị cũng nằm, nhưng nằm úp mặt lên hai tay còn mông chị lại chổng cao lên. Sau này tôi mới biết chị sợ làm bẩn bộ đồ mới nên không chịu nằm sát xuống đất, nhưng lúc đó tôi chỉ thấy cái mông chị như một mô đất che cho tôi nằm sát phía sau. Chúng tôi cứ chạy loanh quanh từ vườn nhà này qua vườn nhà khác, từ con đường này qua con đường khác, nhưng cuối cùng không thể nào tiến tới được nhà cô tôi ở cách đó đâu chừng vài cây số (nghe nói nhà cô bằng bê tông rất kiên cố). Cuối cùng mẹ tôi dắt cả đoàn trở về nhà, ai nấy đều ướt sủng và dơ bẩn, chỉ riêng chị là sạch sẽ, chỉ dính chút đất ở hai đầu gối và cổ tay.

Lần chạy giặc đó là mùa xuân cuối cùng của tôi nơi ngôi trường tiểu học bé nhỏ, và như nhiều người khác, sau trận giặc gia đình tôi di tản vào phía Nam, tôi vui vẻ đi theo cha mẹ tôi, và chị, trên một chiếc máy bay chạy bằng chong chóng. Tôi không có mấy kỷ niệm với ngôi trường bên dòng sông, cũng không nhớ bao nhiêu chuyện đã xảy ra nơi ngôi nhà rộng có sân vườn xum xuê. Chỉ thi thoảng trong một lúc nào đó mới hiện ra thật nhanh những buổi cơm chiều và tầm tả những cơn mưa. Tôi là đứa trẻ được sinh ra trong ưu đãi, dù là ưu đãi trong những tháng năm cùng cực nhất của cả nhà. Trong các bữa ăn tôi luôn được ngồi chung mâm với cha mẹ tôi, còn chị và những người khác ngồi ở mâm dưới. Hai mâm đồ ăn tuy đều có chung món, nhưng mâm của tôi luôn có phần trội hơn, tô canh tôm nấu cải sẽ có nhiều tôm hơn, bát canh mướp ngọt nấu bún sẽ có nhiều bún hơn. Còn chị tuy ngồi sát bên tôi và cùng lặng lẽ ăn, nhưng mâm của chị không đầy đặn, chị phải thọc đũa 'lặn' thật sâu xuống đáy bát để tìm một con tôm nhỏ mà người miền Nam gọi là tép. Như thế, tôi đã lớn lên và chị đã lớn lên nhưng không ai thắc mắc. Cũng như không ai thắc mắc khi chúng tôi leo lên máy bay chong chóng vào Nam, chị xách một giỏ đồ còn tôi đi tay không.

Và chúng tôi lại tiếp tục học ở một tỉnh phía Nam. Lần này chị học bên trường nữ, chúng tôi đã lên bậc trung học. Hình như đó là những năm vui vẻ nhất đời người. Cho đến một ngày dữ dằn hơn lần trước, khốc liệt hơn lần trước, cả gia đình tôi lại tiếp tục chạy sâu vô phía Nam. Như một định mệnh trong chiến tranh, tôi và chị cũng được theo cha mẹ di tản trước, cũng đi máy may nhưng là động cơ phản lực. Bây giờ tôi đã lớn để có thể giúp chị khiên một giỏ đồ, và đã biết buồn phiền khi từ giã nơi chốn của những năm trung học. Lần này chúng tôi mất nhiều thứ, trong đó có những năm học dở dang, trong đó có nhiều năm tháng lặn lội mưu sinh, trong đó có ngày vĩnh biệt cha tôi. Chị làm công nhân, tôi làm công nhân, chúng tôi mơ hồ nghe mình thuộc một giai cấp xã hội nào đó mà trước nay chưa biết đến. Điều đó hẳn không mấy quan trọng vì tôi bận với đời sống của riêng mình và chị bận mưu sinh cho chính chị và mẹ tôi. Tôi trở thành một đứa lang bạt

trong tuổi trưởng thành, thỉnh thoảng về nhà vào lúc gần nửa đêm, đứng ở một góc tối quan sát, cho đến khi thấy chị thậm thụt ở một góc phía bên kia con hẻm tối và đưa tay lên ra dấu, dăm khi được chị lặng lẽ dúi cho một ít tiền, cuộc sống lặng lẽ trôi như thế và cũng không biết sẽ trôi về đâu. Bây giờ đã là thời bình nhưng tôi không mấy dịp gần chị, và cũng như thời nhỏ, thời mới lớn và trong thời chiến tranh, tôi không mấy để ý đến cuộc sống của chị, chỉ mơ hồ biết trong nhiều năm, chị đi làm trong một xí nghiệp từ bốn giờ sáng và về nhà lúc gần nửa đêm. Điều đó cũng bình thường vì nhiều người cũng phải sống như thế, đời sống trở nên đơn giản hơn vì người ta không có bao nhiêu chọn lựa. Có lẽ tôi đã là một cái bóng đối với chị trong một đời sống như thế, cũng như chị chỉ là một cái bóng trong tâm tưởng tôi trong một đời sống như thế. Tôi mãi miết ra đi, chị lặng lẽ sống sao đó, đi làm sao đó, ăn uống sao đó. Ngày trở nên rất dài. Và một hôm nào đó, tôi có gửi một xấp vải để chị may áo cưới, rồi chị có một đứa con.

Rồi chị ra đi. Lặng lẽ nhưng nhanh chóng trong một ngày tôi trở về. Chị nằm lặng yên trên chiếc giường trắng giữa tiếng cãi cọ của các y tá. Tôi đứng bên xác chị, không biết chị chết vì bịnh gì, không ai giải thích, họ chỉ nói chị chết rồi, họ nói tôi phải viết một giấy cam kết không truy cứu trách nhiệm của nhà thương trước khi được mang xác chị về. Bàn chân chị rất lạnh, bàn tay chị rất lạnh, làn da chị tái đi thê thiết. Khuôn mặt chị ráo hoảnh, dường như đó là tất cả những chị chị có thể trả lại cho thế giới này, cho cuộc đời đã quá lạnh lùng với chị. Tôi chép lại tờ cam kết dựa trên một mẫu đơn mà họ đưa, ký tên mình dưới hàng chữ có câu 'cám ơn nhà thương đã tận tình chăm sóc và quan tâm'. Ngày tháng thì lúc này cũng đi, nhưng tôi biết phút khắc ấy chẳng bao giờ đi qua trong những ngày còn lại của đời, tôi cũng như nhiều người khác hẫn buồn khi có một người thân yêu ra đi, nhưng cũng an ủi bởi rằng, cuối cùng rồi tất cả chúng ta sẽ gặp nhau ở một nơi nào đó. Tôi chỉ không thể nào quên được cái cách mà người ta đã đối xử với người đã chết, tôi chỉ không quên được tờ cam kết viết trên tấm ra giường trắng nhạt, bên xác một người thân lạnh lẽo, và cũng lúc ấy tôi mới biết rõ hơn, sau khi đã sống hơn nửa đời, sự khác nhau giữa nỗi buồn và sự đau đớn. Nỗi buồn khiến ta có thể câm lặng mà cũng có thể gào khóc, nhưng sự đau đớn là một thứ thuốc tê làm đắng lưỡi, tê mềm, dòng máu ngừng chuyển động, và trí óc trống vắng tất cả không biết hỏi từ ai.

Tôi ôm tro chị vào gửi trong một ngôi chùa. Chúng tôi đã đi học về dưới trời mưa ở một nơi xa xôi. Chúng tôi đã lên cùng chiếc máy bay chong chóng, lên cùng một máy bay phản lực. Chị đã đón tôi về thăm nhà nơi con hẻm tối trong nhiều đêm khuya. Những tiếng động ồn trong từng ấy tháng năm đã trở thành lặng lẽ. Tôi đã ra đi nhiều lần nhưng luôn nương náu đợi chờ thôi thúc được trở về, nhưng lần này, chẳng bao giờ còn sợ một cuộc ra đi không trở lại./.

KHÁNH HÀ

MƯỜI MỘT THÁNG CHÍN

Nhà song sinh cao trăm tầng
Sáng nay mây trắng bỗng ngừng bay qua
Khói tuôn, lửa dậy khắp nhà
Ai làm sắt thép hóa ra tro tàn
Trăm tầng nhà bỗng gãy ngang
Đời an bình bỗng tan hoang phút này
Bao nhiêu người vừa mới đây
Tưởng còn sống tiếp một ngày yên vui
Còn hôn nhau với nụ cười
Còn hẹn nhau lại buổi chiều có nhau
Người chồng đáp chuyến bay nào
Về mau với vợ sanh con đầu lòng
Người vợ từ mấy tầng không
Gởi lời từ biệt cùng chồng thương yêu
Phút kinh hoàng dài bao nhiêu
Người qua cõi chết mang nhiều vết thương
Trái tim ác quỉ khôn lường
Ai đưa ai đến con đường quỉ ma
Hỡi Thượng đế! Hỡi Allah!
Tại sao trái đất hóa ra chiến trường?

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ

(1975-2000)

BÀI 11: NHÓM VIẾT HỒI KÝ

TRẦN ANH TUẤN

2/Giới Cựu Quân Nhân: Các sĩ quan cấp tá

Trong số các cựu sĩ quan cấp tá thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa viết hồi ký, có bẩy người viết về cuộc đời nhà binh là Trương Dưỡng, Đỗ Kiểm, Trần Khắc Kính, Trần Ngọc Nhuận, Trịnh Tiếu, Ngô Văn Xuân, và Văn Văn Của.

Trương Dưỡng xuất thân khóa Nguyễn Công Trứ tức khoá 20 Võ Bị Đà Lạt, tốt nghiệp năm 1965. Ra trường, ông chọn binh chủng Nhẩy Dù và lãnh trách nhiệm trung đội trưởng, đại đội trưởng. Bốn lần bị thương ngoài mặt trận. Cuối cùng, ông bị tai nạn, bị chấn thương làm tê liệt nửa thân người từ thắt lưng trở xuống, phải ngồi xe lăn từ năm 1973. Và phải giải ngũ.

Ông là một người rất có chí, và sống đời sống kỷ luật. Sang được Hoa Kỳ năm 1984, ông nuôi dạy con cái theo truyền thống Việt Nam. Chính ông nêu gương hiếu học cho con cái bằng cách tự mình cắp sách đi học lại, để rồi "phụ tử đồng khoa", ông và người con trai lớn tốt nghiệp đại học tại Florida Atlantic University cùng năm (1992) và cùng ngành (kỹ sư điện tử).

Tác phẩm Một Cánh Hoa Dù (Florida, tác giả xb, 1997, 328 tr.) là hồi ký của ông, kể lại thời gian từ khi ông vào quân trường Đà Lạt năm 1963 cho đến khi sang Mỹ, đi học lại và làm việc rồi về hưu năm 1995.

Chính trong thời gian rảnh rỗi của cảnh hưu non, ông đã hoàn tất được thiên hồi ký ấy. Sách ghi lại những thăng trầm của đời một thanh niên Việt Nam sinh ra và lớn lên trong thời chiến, đã gia nhập quân ngũ và khi bị tàn phế, đã bền bỉ phấn đấu với bản thân và nghịch cảnh để chu toàn vai trò của một chủ gia đình 5 người. Nhìn theo một khía cạnh khác, sách là những chi tiết về cuộc đời của một thanh niên bình thường và lương thiện điển hình thời VNCH, đã sống và đã chiến đấu dũng cảm để bảo vệ nếp sống tự do và thịnh vượng ở miền Nam nước Việt trước khi miền này bị Cộng Sản thôn tính.

Nội dung ấy đã được chuyên chở bằng lời văn chân chất và cụ thể như chính cuộc đời. Hãy lấy một thí dụ nơi trang 310, tả cảnh gia đình sửa soạn cho tác giả đi làm ngày đầu tiên ở hãng Motorola, nguyên văn, "Tâm (con cả) lo mua thuốc đau bụng nhức đầu để đem theo phòng ngừa, Thành (con thứ) mua nệm thông hơi cho ngồi lâu khỏi bị hầm hơi, sợ lở mông; Thiện (con thứ) thì mua tập ghi chú và giấy bút; vợ tôi lo mua cà vạt áo quần cùng hộp nhựa, bình thủy để đem cơm, nước nóng theo." Có điều sự chân chất nhiều khi quá đáng khiến có đoạn trong sách trở nên dung tục mà mất hẳn nét văn chương. Đánh bạc còm hết tiền trong một dịp tết (trang 64), con chó trong nhà muốn đi ngoài (trang 300)... cũng được đem vào sách là những thí dụ. Rồi dấu hỏi ngã trong sách sai nhiều, từ ngữ thông thường tiếng Anh được viết thay cho tiếng Việt, lại viết sai chính tả... là những hạt sạn làm độc giả phải nhăn mặt!

Tác phẩm cũng gồm chi tiết nhiều trận đánh nổi tiếng của binh chủng Nhẩy Dù mà tác giả đã tham dự như trận tết Mậu Thân ở Vùng I (1968), trận tết Mậu Thân Đợt II ở Sài Gòn (1968), trận Hạ Lào Lam Sơn 719 (1971), trận An Lộc Bình Long (1972)... Tiếc là tác phẩm đã không đề cập nhiều lắm đến người đàn bà Việt Nam trong gia đình tác giả, nhưng chính người vợ và người mẹ đó đã là sự hiện hữu thường xuyên, bền bỉ, và trung thành giúp đưa cả một gia đình năm người qua bao sóng gió trải dài hơn hai thập niên đến kết cuộc hoàn mỹ ngày nay.

Sau sự thành công của Hồi Ký, tác giả viết tiếp Đời Chiến Binh (Florida, tác giả xb, 1998, 320 tr.) là

những trang sách nửa phần hồi tưởng và nửa phần nghiên cứu, vẽ lại một cách chi tiết, cụ thể, và sống động những trận chiến của binh chủng Nhẩy Dù trong QLVNCH. Tác phẩm còn được phong-phú-hoá bởi những hình ảnh và huy hiệu quân binh chủng của Lê Duy Đài, một người chuyên sưu tập tất cả những gì liên quan đến QLVNCH như huy chương, huy hiệu, quân kỳ, hình ảnh... hiện định cư tại Gia-nã-đại.

Đỗ Kiểm là một cựu hải quân đại tá. Thuộc lớp sĩ quan đầu tiên của quân chủng hải quân VNCH, ông tốt nghiệp trường hải quân Pháp Brest, xuất thân khoá 3 (1954-1956). Ông lần lượt giữ nhiều trọng trách trong quân chủng hải quân VNCH, kể cả phần vụ hiệu trưởng trường Sĩ Quan Hải Quân thuộc Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang. Chức vụ cuối cùng vào tháng 4 năm 1975 của ông là Tham Mưu Phó Hành Quân, Bộ Tư Lệnh Hải Quân.

Hồi ký của ông, tựa đề Counterpart: A South Vietnamese Naval Officer's War, (Annapolis, Naval Institute Press, 1998, 235 tr.) là công trình viết chung của ông với một nữ thi sĩ-giáo sư Anh văn người Mỹ, bà Julie Kane.

Đây là hồi ký về cuộc đời tác giả từ những ngày thơ ấu mới lên 5 tuổi cho đến ngày trốn chạy được sang Hoa Kỳ năm 1975. Đây cũng là hồi ký duy nhất trong số hồi ký của các cựu sĩ quan cấp tá QLVNCH được xuất bản bằng Anh ngữ. Điều này không có gì lạ, vì ngay trong tháng 7 năm 1975, khi mới đặt chân đến Hoa Kỳ, Đỗ Kiểm đã tự nhận xét về gia đình ông là, nguyên văn nơi trang 222: Họ (tức gia đình ông, Đỗ Kiểm dùng đại-danh-từ ngôi thứ ba để viết về chính ông và gia đình ông trong hồi ký) càng ngày càng trở nên Mỹ-hóa." *(3)*

Tác phẩm cũng ghi lại nhiều biến cố quan trọng trong lịch sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa nhất là cuộc chiến với hải quân Trung Cộng tại Hoàng Sa hồi tháng 1 năm 1974, và cuộc di tản của đoàn chiến hạm hơn 30 chiếc sang Phi-luật-tân ngày 29/4/1975.

Về cuộc hải chiến, tác giả Đỗ Kiểm cho thấy phản ứng bất thường của Đô Đốc Trần Văn Chơn và cho biết chính ông đã phải sắp xếp và quyết định mọi việc, kể cả lệnh khai hỏa để bắt đầu trận hải chiến giữa hải quân VNCH và hải quân Trung Cộng. Vì thế, người ta hy vọng những người trong cuộc, nhất là vị chỉ huy trực tiếp cuộc hành quân và những vị chỉ huy trực tiếp trận hải chiến xác định hay lên tiếng về những ghi nhận của tác giả, bấy giờ là Tham Mưu Phó Hành Quân tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân ở Sài Gòn, và túc trực tại Phòng Hành Quân, Bộ Tư Lệnh Hải Quân.

Counterpart: A South Vietnamese Naval Officer's War cũng đề cập đến chuyến di tản của 35 chiến hạm sang được Phi-luật-tân đem theo 30,000 người đến bến bờ tự do như là một thành tích đặc biệt của riêng tác giả. Có thể tác giả, trong vai trò Tham Mưu Phó Hành Quân của Bộ Tư Lệnh Hải Quân, là người được vị Tư Lệnh giao cho nhiệm vụ soạn thảo kế hoạch. Và cũng rất có thể, cựu hải quân đại tá Đỗ Kiểm đã soạn xong kế hoạch di tản với sự phụ giúp, cố vấn, hay chỉ đạo của cố vấn hải quân Richard L. Armitage. Nhưng rồi kế hoạch được đem ra họp bàn để sửa đổi, chung quyết, và thi hành thì tất cả diễn tiến ấy đâu còn là công khó của một cá nhân mà có người đứng ra nhận được?! Chính vị Tư Lệnh Hải Quân, cựu đô đốc Chung Tấn Cang, đã đem kế hoạch di tản ra bàn thảo với các sĩ quan hải quân cao cấp trong một buổi họp tham mưu một tuần trước khi di tản, tức khoảng 20-25 tháng 4 năm 1975.

Theo cựu phó đề đốc Đinh Mạnh Hùng trong một bài viết về chuyến di tản trong tạp chí *Đi Tới* xuất bản ở Gia-nã-đại, số 44&45 (tháng 4-5, 2001, trang 70-74), thì số người tham dự cuộc họp ấy ít nhất gồm tám sĩ quan là Tư Lệnh Hải Quân, Phụ Tá Tư Lệnh Hành Quân Biển, Tư Lệnh Hạm Đội, Chỉ Huy Trưởng Tiếp Vận, Tham Mưu Phó Hành Quân, Tham Mưu Trưởng Hành Quân Biển, và có cả Phụ Tá Tư Lệnh Hành Quân Sông, Tham Mưu Trưởng Hải Quân... Rồi chiều ngày 28/4/1975, đô đốc Chung Tấn Cang, Tư Lệnh, đã triệu tập thêm một buổi họp tham mưu cao cấp và thông báo quyết định, nguyên văn nơi trang 72 của tạp chí *Đi Tới* (bài đã dẫn), "Nếu không có phản lệnh, thì đúng 07:00 giờ chiều, tức 19:00 giờ ngày 29/4/1975, sẽ di tản hạm đội ra biển và tập trung tại Côn Sơn. *Trước khi khởi hành, các đại đơn vị trưởng phải tập họp đơn vị để thông báo lý do di tản. Tại các cầu tầu, các vị đô đốc sẽ chia nhau đến trình bầy cho nhân viên lý do di tản."*

Do đó, đúng 7:00 giờ tối ngày 29/4, phó đề đốc Đinh Mạnh Hùng thừa lệnh Tư Lệnh Hải Quân ra lệnh tiến hành cuộc di tản. Bộ Tư Lệnh Nổi (tức bộ chỉ huy cuộc di tản) sau đó được thành lập với sự đồng ý của đô đốc Chung Tấn Cang gồm phó đề đốc Đinh Mạnh Hùng phụ trách tổng quát, phó đề đốc Hoàng Cơ Minh phụ trách liên lạc chỉ huy, đại tá Nguyễn Xuân Sơn và đại tá Phạm Mạnh Khuê phụ trách hạm đội... Đại tá Đỗ Kiểm lúc ấy thất lạc gia đình, đã xin hạm đội hoãn giờ khởi hành. Lời yêu cầu này không được chấp thuận, nhưng đại tá Đỗ Kiểm đã được cấp một tiểu đĩnh để đi tìm gia đình rồi sẽ bắt kịp hạm đội sau.

Với những sự kiện nêu trên, rõ ràng ông Tham Mưu Phó Hành Quân (tức HQ đại tá Đỗ Kiểm lúc bấy giờ) đâu có phải là người đã, nguyên văn nơi bìa hai của sách, "... *bí mật tổ chức và âm thầm thực hiện cuộc di tản 35 chiến hạm và khoảng 30 ngàn người Việt quốc gia miền Nam trong tình trạng nguy hiểm (nếu Việt Cộng chiếm được Sài Gòn)." (1)* Để rồi có những lời báo công hay tự báo công trái với sự

thực, nguyên văn cũng nơi trang bìa hai của sách, "Cuộc di tản trong kỷ luật đó chỉ là một trong nhiều biến cố ít người biết tới trong chiến tranh được hồi nhớ lại trong hồi ký này, cuốn hồi ký đầu tiên được viết bằng Anh ngữ bởi một sĩ quan Hải Quân VNCH" (2).

Việc tác giả bàn chuyện văn hoá Việt Nam cũng dễ gây hiểu lầm nơi các độc giả Mỹ và nơi người Việt còn non trẻ. Lấy một thí dụ, theo tác giả, một người chết đúng lúc đúng giờ là có thể trở thành thần hoàng và được cả làng thờ cúng. Điều này thì đúng. Nhưng chuyện tác giả kể có gái làng chơi (prostitute, nguyên văn nơi trang 139) đã trở thành thần hoàng ở một làng nhỏ ngoài Bắc là một điều quá sức tưởng tượng của tôi. Làng xã cổ Việt có gái điếm khi nào?! Người Việt theo nghề nông, làng Việt thường nghèo, nhưng tam cương ngũ thường và tứ đức tam tòng thì dân Việt lúc nào cũng giữ. Làng có thể có người ăn mày, hót phân, hay trộm cắp. Và do đó mà có làng có thể có thành hoàng xuất thân ăn mày, hót phân, hay ăn trộm. Nhưng còn thành hoàng gái điếm thì tác giả Đỗ Kiểm có thể cho độc giả biết tên làng nào ở ngoài Bắc thờ phụng không?

Một thí dụ nữa, các danh từ "anh" và "em" trong Việt ngữ quả thật có nghĩa là "big brother" và "little sister" như trong Anh ngữ, nếu "anh" và "em" là anh em ruột thịt. Nhưng giải thích và dịch tiếng gọi yêu thương "anh em" giữa vợ chồng với nhau là "big brother" và "little sister" (cũng trang 139) thì tác giả không sợ mang tội loạn luân hay sao?!

Tác phẩm kết thúc bằng một khung cảnh đẹp và trang trọng với câu, nguyên văn nơi trang 233: "He took a deep breath, and then he began to teach." Ở Mỹ, nghề thầy tuy bạc bẽo -bạc bẽo hơn nhiều so với nghề thầy ở Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975- và kém lương bổng so với những ngành nghề khác, nhưng điều kiện lại không dễ: muốn dạy tại các trường công lập từ cấp mẫu giáo cho đến cấp lớp 12, ứng viên phải có tối thiểu bằng cử nhân và học thêm ít nhất hai năm hậu đại học để lấy chứng chỉ hành nghề. Trường hợp tác giả chân ướt chân ráo mới đến đất Mỹ thì làm sao có thể được ngay chân giáo sư Toán và Sinh-vật-học tại một trường trung học ở Hoa Kỳ như tác giả kể nơi trang 231?! Và ở Mỹ, dù ứng viên thật sự có bằng cử nhân hay tiến sĩ và có cả chứng chỉ hành nghề đi nữa cũng không thể có chuyện hôm trước đi phỏng vấn, hôm sau là vào lớp học để lên giọng thầy cô ngay được đâu! Thực tế, thủ tục tuyển dụng giáo sư các trường công lập rất rườm rà và mất nhiều ngày giờ, còn xin làm phụ giáo (instructional assistant, thường gọi là IA. với nhiệm vụ giúp thầy cô trong lớp và điều kiện văn bằng chỉ cần tốt nghiệp trung học) mới dễ, và có thể được ngay!

Trần Ngọc Nhuận có bút hiệu là Trần Huỳnh và Niên Dư. Ông xuất thân khoá 6 trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, tốt nghiệp năm 1953. Trong cuộc đời quân ngũ 15 năm ngắn ngủi nhưng may mắn, ông là một sĩ quan QLVNCH trung cấp đã được giao trọng trách Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng Trường Quân Báo Cây Mai (1962-67). Là một quân nhân có duyên văn tự, ông được giao trách nhiệm chủ bút hai tờ báo của quân đội là tuần báo Quân Đội (sau đổi thành Chiến Sĩ Cộng Hòa) và nguyệt san Phụng Sự (sau đổi thành Tiền Phong) trong những năm 1954-57. Năm 1967, cũng vì may mắn mà ông được đứng chung trong một liên danh Thiên-chúa-giáo để ứng cử và trúng cử vào Thượng Nghị Viện Việt Nam Cộng Hoà Pháp Nhiệm I (1967-73).

Hồi ký của Trần Ngọc Nhuận, tựa đề *Đời Quân Ngũ*, được nhà Xuân Thu xuất bản tại California năm 1992. Sách khổ nhỏ nhưng khá dầy, 718 trang.

Tác giả đã tỏ ra là một người có trí nhớ dai và tốt. Ông cung hiến cho độc giả nhiều chi tiết phong phú về ngày tháng, sự kiện, và nhân vật trong giới quân sự kể từ khi quân đội quốc gia Việt nam được thành lập. Một số việc xấu xa như ăn chặn tiền phụ khoản hành quân của binh sĩ, phụ cấp vãng phản của sĩ quan, sự ganh tỵ và ganh tài rồi hại nhau trong giới sĩ quan, nạn kéo bè kéo cánh thăng cấp bừa bãi vô tội vạ.. . và nhất là nhận định rằng nhiều khi danh dự, cấp bậc, hoặc chức vụ trong quân đội VNCH không đến với những người tận tụy làm việc, chịu khó hy sinh mà đến với những người khéo ăn ở, khéo sai bảo cũng được tác giả nêu lên cho thấy mặt tiêu cực của một tổ chức quân đội cấp quốc gia. Cấp bậc của các nhân vật trong hồi ký thường được ông theo dõi cho đến năm 1975, chứng tỏ tác giả là một người rất quảng giao. Độc giả cũng biết nhiều về tính hào hoa đa tình của ông, với những chi tiết rải rắc suốt chiều dài của tác phẩm.

Đặc biệt, *Đời Quân Ngũ* hầu như không có những đoạn đối thoại vốn đầy dẫy trong nhiều sách "hồi ký" khác. Đây là một điểm son lớn của tác phẩm, vì những mẩu đối thoại xẩy ra lâu hàng 20 đến 50 năm trước mà không có tài liệu viết nào được lưu giữ để kiểm chứng thì những đối thoại ấy không gì khác ngoài sản phẩm của trí tưởng tượng và thành quả của sự hư cấu mà thôi. Nhiều đoạn trong hồi ký được bắt đầu với câu, nguyên văn, "Tôi còn nhớ..." chứng tỏ tác giả đã thành thật với mình và thành thật với người. Ông cũng còn thành thật kể lại kinh nghiệm chỉ huy của ông khi làm đại đội trưởng một đại đội bộ binh khi đụng trận: chỉ trong vòng 20 phút, đại đội của ông bị thiệt hại quá nửa quân số, nên ông ra lệnh các trung đội trưởng liệu cách đối phó (sic!), còn ông thì cùng 5, 7 binh sĩ thuộc Ban Chỉ Huy Đại Đội... rút chạy (trang 173-174). Thật là chuyện chết

người mà cười ra nước mắt!

Phần hình ảnh của sách tuy khá nhiều nhưng không được rõ lắm, khiến tác dụng phong-phú-hóa và cụ-thể-hóa nội dung bị giới hạn. Điều đáng nói là viên cựu chủ bút của cả hai cơ quan ngôn luận của quân đội quốc gia Việt Nam đã thiếu ý thức chính trị trong việc sắp xếp hình ảnh khi ông trịnh trọng xếp ba tấm hình của các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam là Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp làm phần mở đầu cho hình ảnh của toàn quyển sách. Có thể đây là cách biểu tỏ lòng kính trọng các lãnh tụ Cộng Sản vốn ẩn tàng trong tiềm thức của tác giả, do việc ông bị Cộng Sản bắt mấy tháng giữa năm 1954 nhưng được đối xử tử tế với chi tiết cụ thể như chính sách của Việt Cộng là tù binh được ưu đãi hơn cán binh (sic!, trang 186), mỗi buổi sáng trong trại tù binh của Cộng Sản mà ông vẫn được phép đánh nhịp cho đồng tù hát bài quốc ca Việt Nam (trang 187), vân vân. Ông còn nhấn gửi người quốc gia sau này có chống đối Cộng Sản thì cũng phải có một chính sách tù binh nhân đạo như thế (trang 181).

Vậy là Trần Ngọc Nhuận đã tư vị mà quên rằng chính ông đã tự tay viết ngay từ đầu sách, rằng năm 1953, khi viên trung úy (?) Trần Ngọc Nhuận được cử ra Phú Quốc để canh giữ tù binh Cộng Sản, viên sĩ quan này đã được lệnh của Tổng Tham Mưu quân đội quốc gia phải, nguyên văn nơi trang 85, "đối xử với tù binh theo đúng luật quốc tế và theo quy ước Genève." Rồi viên sĩ quan này còn viết, nguyên văn cũng trang 85, "Thực phẩm của tù binh được tiếp tế thẳng từ Sài Gòn đầy đủ và ngon bổ hơn của chúng tôi... *Thuốc men thì anh em binh sĩ và tù binh đều dùng chung như nhau. Bác sĩ của tiểu đoàn là trung úy bác sĩ Nguyễn Văn Chính cũng là bác sĩ của trại tù binh.*"

Đấy không phải là chính sách tù binh nhân đạo của phe quốc gia ngay từ đầu thì là gì, thưa ông cựu đại tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa?!

Văn Văn Của là một trường hợp đặc biệt. Cựu đại tá y sĩ Văn Văn Của có hồi ký tựa đề *Mộng Không Thành* ấn hành ở Hoa Kỳ trong năm 1999. Hồi đó, tôi đã thấy hồi ký của ông bầy bán tại một tiệm sách ở San Jose, California. Sách dầy khoảng 300 trang, bìa mỏng, giá bán US$38.95. Tôi đã không mua quyển sách như một cách phản đối việc định giá sách vô lý. Việc này không biết là do tác giả còn ở Việt Nam (hay Pháp?) nên không biết gì về thị trường sách báo ở hải ngoại, hay do người đại diện của tác giả ở Hoa Kỳ tưởng rằng định giá sách cao mới xứng với giá trị của một sĩ quan cấp đại tá y sĩ chăng?! Ai ở Hoa Kỳ cũng có thể gửi về giúp người còn ở Việt Nam 100, 200 đô-la. Nhưng bỏ ra 40-50 đô-la để mua tập hồi ký mỏng của cựu đô trưởng một thành phố đã từng dính líu vào vụ bắn nhau chết người trong một tiệm ăn-tiệm nhẩy là một chuyện khác!

Những Biến Cố Cần Được Ghi Lại, (California, Nhóm Thân Hữu Trịnh Tiếu xb, 1996, 301 trang) là một tuyển tập gồm hồi ký của nhiều người. Đó là cố đại tá Trịnh Tiếu (năm bài), cựu đại tá Trần Khắc Kính (một bài) và cựu trung tá Ngô Văn Xuân (hai bài). Đây là hồi ký của những người tham dự hay chứng kiến biến cố viết lại các trận chiến trên vùng Tây Nguyên, trận Tết Mậu Thân tại Quân Đoàn II, trận Ban Mê Thuột, ý kiến và nhận định của một cựu chỉ huy của cố Thiếu Tướng Phạm Văn Phú về vị Tư Lệnh Quân Đoàn II này... Đặc biệt, *Những Biến Cố Cần Được Ghi Lại* còn có bài của Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ (trang 200-265) kể việc Bùi Đình Thi, một cựu đại úy Thiết Giáp QLVNCH trong trại tù Thanh Cẩm (Thanh Hoá) được trại cử làm Trật Tự, đã đánh chết cố Thiếu Tá Không Quân Đặng Văn Tiếp một cách thật chi tiết, xác bị ném đè lên ông vì lúc ấy chính ông cũng bị Bùi Đình Thi đánh và tên này tưởng ông đã chết rồi. Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ đã gọi vụ đồng ngũ đồng tù đánh chết nhau này là một vụ sát nhân dã man. Linh Mục Lễ kết luận, nguyên văn nơi trang 235: "Nếu tôi không sống sót thì ai biết được để ghi thêm một thảm trạng trong nhà tù cộng sản?"

Alameda, tháng 10 năm 2001

(còn tiếp)

Chú Thích:

1) Nguyên văn: "secretly planned and quietly carried out the evacuation of thirty-five ships and some thirty thousand at-risk South Vietnamese."

2) Nguyên văn: "That disciplined retreat is only one of many little-known events of the war recalled in this revealing memoir, the first to be published in English by an officer of the South Vietnamse Navy."

3) Nguyên văn: "They were becoming more "American" everyday."

Thực ra, việc sách xuất bản bằng tiếng Việt hay tiếng Anh hay một ngôn ngữ khác chỉ là hình thức. Nội dung mới quan trọng để sách có độc giả hay không. Hồi ký bằng Anh ngữ của các tác giả Việt thường phải bán đại hạ giá như *Counterpart: A South Vietnamese Naval Officer's War* của Đỗ Kiểm tôi mua US$9.00 ở nhà sách Brownbag Bookshop, New York (giá đề $32.95. Đó là giá tôi mua hồi tháng 4 năm 2001, bây giờ, tháng 10 năm 2001, giá sách chỉ còn US$4.95), *In the Jaws of History* của Bùi Diễm tôi mua US$3.00 ở nhà sách Waldenbooks, California (giá đề US$18.95), vân vân.

CỘI NGUỒN BẤT AN: KHỦNG BỐ HAY XUNG ĐỘT VĂN HÓA?

NGUYỄN DUY KHIÊM

Nhiều người cho rằng thế giới sẽ thay đổi sau vụ tấn công ở New York và Washington vào Ngày 11 Tháng 9 Năm 2001 vừa qua. Điều này có lẽ đúng vì, không phải sự qui mô của cuộc tấn công hay tổn hại, mà là mục tiêu của tấn công. Những địa điểm bị tấn công là những biểu tượng cao cả của Mỹ. Trung tâm Thương mại Thế giới là biểu tượng cho tự do thương mại, cho chủ nghĩa tư bản; Nhà năm góc là biểu tượng cho quyền uy quân sự của Mỹ. Thậm chí, nếu không có sự chống trả của hành khách, quân khủng bố có thể đã tấn công ngay vào Nhà trắng, trung tâm quyền lực tối cao của Mỹ và của Thế giới Tự do! Đối với những biểu tượng tối cao như thế của một cường quốc số một trên thế giới mà còn bị tấn công, thì người ta phải hỏi còn nơi nào trên thế giới này để có thể gọi là nơi an toàn. Thế giới đang bước vào một thời kỳ bất an.

Phản ứng của chính phủ Mỹ sau ngày tấn công còn làm cho người ta cảm thấy bất an hơn. Báo chí Mỹ và Anh, và một phần nhỏ từ Úc, không ngớt dùng những ngôn từ rực lửa như *chiến tranh* (war), *trả thù* (vengeance), *sống hay chết* ("dead or alive"). Người ta có cảm giác rằng Mỹ sẽ dẫn dắt thế giới vào một cuộc xung đột vô giới hạn, một cuộc đối đầu bỏ ngỏ với một kẻ thù chưa rõ diện mạo. Thực ra, tuyên chiến với khủng bố là một điều khó hiểu. Người ta chỉ tuyên chiến với một nhà nước, một quốc gia, chứ không ai đi tuyên bố chiến tranh với thủ đoạn. Khủng bố là một thủ đoạn. Thành ra, có thể nói rằng chiến tranh với khủng bố là một hành động vô nghĩa, ít ra là chiến tranh theo quan niệm cổ điển.

Nhưng trong lúc hăng say tuyên chiến với kẻ thù, hình như người Mỹ đã quên tự hỏi rằng tại sao có những 19 thanh niên Ả Rập, tuổi chỉ 20-30, có người với trình độ học vấn đến đại học, là phi công, có người có vợ con và nhà cửa, mà lại sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình? Nếu chỉ trả lời qua loa rằng những người này thuộc giới cuồng tín thì e rằng chưa đủ. Câu hỏi cần được nêu ra tiếp là tại sao một số, nếu không muốn nói là nhiều, người Hồi giáo thù ghét Mỹ và sẵn sàng tìm mọi cơ hội để bài bác Mỹ.

Ngày 14/9 (tức chỉ ba ngày sau tai họa ở New York và Washington), tờ báo uy tín của Mỹ là *The Wall Street Journal* đã làm một cuộc thăm dò ý kiến trong các nhà kinh doanh triệu phú có liên hệ với Tây phương về thái độ của họ đối với Mỹ và sự kiện ngày 11/9, thì đại đa số đều bất bình với Mỹ về sự ủng hộ của Mỹ cho Do Thái chiếm đóng lãnh thổ Palestine; về việc Mỹ phong tỏa Iraq, làm cho hàng trăm ngàn người hoặc chết đói hoặc chết vì thiếu thuốc men; và nhất là Mỹ ra mặt ủng hộ các chế độ tham nhũng ở vùng Ả Rập. Cần nhắc lại rằng đây là những thương gia đang có kinh doanh với Mỹ. Thái độ và suy nghĩ của những người như thế làm cho người ta phải suy nghĩ về ý nghĩa sâu xa của cuộc tấn công vào Trung tâm Thương Mại Thế giới và Nhà năm góc tuần qua.

Trong một cuốn sách chính trị học *The Clash of Civilizations and the Remaking of World Order* (tạm dịch: "Mâu thuẫn giữa các nền văn minh và tái thiết lập trật tự thế giới mới," xuất bản năm 1996), gây chấn động dư luận trong giới chính trị quốc tế, Giáo sư Samuel P. Huntington thuộc Trường Đại học Harvard, cho rằng trong tương lai các quốc gia trên thế giới sẽ qui tụ với nhau thành nhiều nhóm dựa trên văn hóa và tôn giáo, nhưng không dựa trên ý thức hệ (như Chủ nghĩa Cộng sản và Chủ nghĩa Tư bản trong thời gian qua). Vì thế, cội nguồn của những xung đột trong tương lai sẽ xuất phát từ những xung đột văn hóa và tôn giáo, đặc biệt là xung đột giữa các quốc gia Hồi giáo và các quốc gia Kitô giáo thuộc Tây phương.

Trong thế kỷ 21, người ta sẽ hỏi *"Anh là ai"* thay vì thay vì *"Anh thuộc phe nào"* trong thời chiến tranh lạnh. Tức là một sự chuyển biến về suy nghĩ từ phe phái sang diện mạo. Câu trả lời trước tiên là dựa vào tôn giáo, vì trong thế giới hiện đại, tôn giáo là một động lực trọng tâm có khả năng thúc đẩy và huy động quần chúng. Thành ra, bất cứ nền văn minh nào mang dấu ấn truyền thống tôn giáo từng làm nền tảng cho dân tộc, chẳng hạn như Kitô giáo ở các nước Tây phương, sẽ tự nhận diện như thế trong một môi trường mới. Theo Huntington, sau thời kỳ chiến tranh lạnh, các quốc gia trên thế giới sẽ tập trung thành tám nhóm theo tôn giáo và văn hóa: Tây phương (chủ yếu là các nước theo Kitô giáo);

Châu Mỹ Latin; Phi châu; Chính thống (Orthodox, tức các nước Đông Âu như Nga, Ukraine ...); Ấn Độ giáo; Hồi giáo; Khổng giáo (gồm Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc); và một khối gồm các quốc gia khác như Nhật Bản. Nói một cách khác, văn hóa sẽ che khuất cả hai chủ nghĩa dân tộc và ý thức hệ, nguyên là hai yếu tố quyết định liên hệ chính trị quốc tế trong thời chiến tranh lạnh. Huntington tiên đoán rằng các xung đột xảy ra trong tương lai sẽ là giữa các nền văn minh này, nhất là giữa sự kiêu ngạo của Kitô giáo (mà Mỹ đại diện), sự bất khoan dung của Hồi giáo (phần lớn là khối Ả Rập), và sự tự tin của Khổng giáo. Có thể nói cuộc xung đột tương lai là cuộc xung đột giữa các quốc gia Tây phương và các quốc gia không Tây phương.

Có bằng chứng nào để biện minh cho thuyết này? Theo một số nhà nghiên cứu chính trị học, thì:

(a) Trong năm 1993-1994, có 50 cuộc chiến tranh giữa các chủng tộc, trong đó có 26 là dính dáng đến, hay do, người Hồi giáo gây ra. Hai mươi cuộc chiến này là do sự va chạm giữa các quốc gia Hồi giáo và các quốc gia không Hồi giáo. Chiến tranh giữa Hồi giáo và không Hồi giáo thường có số thương vong cao hơn các cuộc chiến khác, chẳng hạn như chiến tranh ở Suda, Đông Timor, và Bosnia.

(b) Thống kê của báo *New York Times* cho thấy trong năm 1993, có 59 sự xung đột giữa các sắc dân trên thế giới; và phân nửa các xung đột này là những va chạm giữa các dân tộc theo Hồi giáo và các dân tộc không theo Hồi giáo.

(c) Một phân tích khác do Nhà nghiên cứu chính trị học Leger Sivard cho thấy trong năm 1992, có 29 "cuộc chiến" (được định nghĩa như những xung đột mà trong đó có hơn 1000 người chết hàng năm). Trong số này, một lần nữa, hơn phân nửa là chiến tranh giữa các nước Hồi giáo và các nước không Hồi giáo.

Ba phân tích trên đây cho thấy một mẫu số chung: trong thập niên 1990s, các quốc gia Hồi giáo giao chiến nhiều nhất với các quốc gia không Hồi giáo. Và trong xung đột, các quốc gia Hồi giáo có khuynh hướng dùng bạo lực nhiều hơn [gấp ba lần] các quốc gia không Hồi giáo. Tại sao các nước Hồi giáo lại có khuynh hướng thích bạo lực? Trả lời cho câu hỏi này không phải là một điều dễ dàng, vì có khi có nhiều lý do tế nhị trong quan hệ quốc tế vào thời đại phải đạo (political correctness) này. Tuy nhiên, các học giả chính trị đưa ra sáu nguyên nhân chính:

Thứ nhất, Hồi giáo là một tôn giáo của gươm đao, dù chữ "Islam" có nghĩa gián tiếp là "hòa bình." Thực ra, thanh gươm luôn luôn đi kèm với Hồi giáo. Tuy có cùng gốc gác với Kitô giáo và Do Thái giáo, nhưng Hồi giáo dựa vào bạo lực và tuyên dương những hành động quân sự. Thực ra, Hồi giáo khởi đầu từ các bộ lạc Normadic quen với chinh chiến, và dấu ấn chiến chinh này được để lại trong nền tảng của Hồi giáo. Muhammad, người sáng lập ra Hồi giáo, là một người được ca ngợi và tưởng nhớ đến như là một viên chỉ huy quân sự (nhưng Phật và Jesus Christ thì không). Học thuyết Hồi giáo là những mệnh lệnh đốc thúc chiến tranh chống lại những người không tin vào Hồi giáo. Kinh Koran tuy có vài đoạn cấm bạo động, nhưng học thuyết Hồi giáo hoàn toàn không có những quan niệm về phi bạo động. Cho đến nay, các nước Hồi có tỷ lệ quân sự cao hơn các nước không Hồi giáo. Số lượng quân đội trên 1000 đầu dân trong các nước Hồi giáo là 11.8, cao hơn hai lần các nước Kitô giáo (5.8) và các nước khác trên thế giới (7.1).

Thứ hai là lí do địa lý. Từ nguyên thủy ở Ả Rập, sự bành trướng của Hồi giáo xuyên qua Phi châu, và một phần lớn vùng trung đông Á châu và sau này trung Á châu, Ấn Độ, Pakistan, và các nước vùng Balkans, tạo cơ hội cho Hồi giáo tiếp xúc với các dân tộc khác. Các dân tộc này, hoặc bị chinh phục, hoặc bị cải đạo, và di sản này vẫn còn cho đến ngày nay. Sau khi Ottoman chinh phục vùng Balkans, dân chúng trong vùng thành thị theo đạo Hồi, nhưng dân chúng vùng quê nhất định không theo đạo này. Tình trạng này dẫn đến một sự phân chia giữa người Hồi giáo Bosnian và người theo đạo Chính thống Serbs. Sau này, trong thời cực thịnh của Âu châu, các nước Tây phương bảo trợ cho một quốc gia Do Thái ngay trong vùng của Hồi giáo, và từ đó gây ra nhiều sự phản kháng liên tục cho đến ngày nay.

Thứ ba, một cội nguồn khả dĩ cho các xung đột giữa các quốc gia Hồi giáo và các quốc gia không Hồi giáo là tính không khoan dung của Hồi giáo. Thực ra, các nước Tây phương cũng tỏ ra thiếu khoan dung. Các quốc gia Hồi giáo có "vấn đề" với các quốc gia không Hồi giáo chủ yếu là ở niềm tin. Hồi giáo là một tôn giáo với niềm tin tuyệt đối, những câu trong kinh Koran được xem là lời của Thiên Chúa, tín đồ không có quyền chất vấn, không được chất vấn lời của Muhammad. Điều này cũng có nghĩa là không có những diễn dịch tương đồng với Kitô giáo và Do Thái giáo, hai tôn giáo xem Kinh Thánh là mặc khải của Thiên Chúa qua kinh nghiệm và được con người viết lại. Từ đó, Hồi giáo trở thành một luật cho xã hội. Từ luật, Hồi giáo hòa hợp nhập nhằng giữa tôn giáo và chính trị, và phân định rõ ràng lằn ranh giữa người theo Hồi giáo và người không theo Hồi giáo. Thành ra, tín đồ các tôn giáo khác như Phật giáo, Kitô giáo, Chính thống giáo, v.v. có khả năng thích nghi sống chung với nhau cao hơn là họ có thể sống chung với người Hồi giáo. Chẳng hạn như người Trung Quốc tuy nắm vận mệnh kinh tế của Thái Lan và Phi Luật Tân, nhưng họ hòa

hợp vào văn hóa Phật giáo và Kitô giáo ở hai nước đó một cách dễ dàng. Ngược lại, ở các nước như Mã Lai Á và Nam Dương, người Trung Quốc bị người Hồi giáo địa phương kỳ thị và trù dập hầu như triền miên.

Lí do thứ tư, do chính người Hồi giáo đề cập đến, là vào thế kỷ thứ 19 và 20, chủ nghĩa đế quốc Tây phương đã nặn lên một hình ảnh Hồi giáo yếu ớt về quân sự và kinh tế; từ đó, các nước Hồi giáo trở thành một mục tiêu hấp dẫn để chinh phục và bốc lột. Do đó, người Hồi giáo, theo quan điểm này, là những nạn nhân của áp bức. Người Palestine, Bosnians, Kashmiris, và Chechens trở thành giống như người da đỏ của Mỹ, những công dân hạng hai của cộng đồng thế giới. Tuy nhiên, lí do này không giải thích được những xung đột giữa các quốc gia Hồi giáo với nhau.

Lí do thứ năm có thể giải thích những xung đột giữa các quốc gia Hồi giáo với nhau, và giữa họ với các quốc gia không Hồi giáo: đó là sự vắng mặt của một nhà nước Hồi giáo nòng cốt. Thực vậy, Hồi giáo là một cội nguồn của các tranh chấp trên thế giới chỉ vì họ không có một trung tâm quyền lực có thể chi phối tất cả các nước Hồi giáo. Những nước mong muốn trở thành lãnh đạo khối Hồi giáo như Saudi Arabia, Iran, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ, và [có thể kể cả] Nam Dương cạnh tranh với nhau để tìm cho mình một thế ảnh hưởng trong thế giới Hồi giáo; song, không một nước nào trong danh sách này đủ hùng mạnh để điều đình, dàn xếp các cuộc xung đột, và không nước nào có uy quyền thay mặt cho Hồi giáo để đối phó với những công kích giữa các quốc gia Hồi giáo và không Hồi giáo.

Lí do cuối cùng và cũng là nguyên nhân quan trọng nhất là sự bùng nổ dân số trong các nước Hồi giáo. Sự gia tăng dân số quá nhanh trong khối Hồi giáo so với phát triển kinh tế gây nên tình trạng thất nghiệp trong thanh niên tuổi từ 15 đến 30, và đây là một cội nguồn của sự bất an trong xã hội. Trong thời gian chiến tranh Liên Xô - A Phú Hãn, hơn 25,000 kháng chiến quân được tuyển mộ hoặc tình nguyện từ các nước Ả Rập. Thanh niên Hồi giáo trên khắp thế giới sẵn sàng tình nguyện làm người tử vì đạo.

Thêm vào đó là một tâm trạng tự ti của Hồi giáo. Thực vậy, vấn đề mà người Tây phương và thế giới ngoài Hồi giáo đang gặp phải không chỉ ở những người Hồi giáo quá khích, mà là Hồi giáo, một nền văn minh mà trong đó quần chúng luôn luôn bị ám ảnh bởi sự thấp kém về văn hóa của mình và sự yếu

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

DĨ VÃNG

tháp xưa còn nghiêng bóng
buổi chiều trôi về đâu
cơn gió mang bụi cát
lặng lẽ theo con tàu
đốm lửa nào thắp lại
dấu thời gian trên cao
mịt mờ từ kỷ niệm
đám mây bay ngang đầu
dấu chân ai mờ khuất
buồn như dòng ca dao
vụng về trong bẽn lẽn
thiết tha hơn câu chào
ba mươi năm ngọn nến
thắp lên vùng chiêm bao
ba mươi năm hạt bụi
cười cợt với hoa đào
tháng ngày sâu đôi mắt
trong nỗi chờ xanh xao
tiếng còi khuya gõ nhịp
từng đêm từng con tàu
người đi không trở lại
vườn rụng đầy hoa cau
ngõ nào phai nắng xế
nhạt nhòa chiều mưa ngâu...

ta dừng chân ở đó
nhìn nước trôi qua cầu.

kém về quyền lực. Với hai bản tính này, Hồi giáo rất khó tồn tại một cách hoà hợp với láng giềng. Thành ra, những gì được xem là phổ thông, là lẽ phải ở Tây phương lại được xem là những mưu đồ của Tây phương trong các nước theo Hồi giáo. Vấn đề "nhân quyền" và toàn cầu hóa là một ví dụ: đối với Mỹ và Tây phương, đây là những mô hình đạo lý, kinh tế cho thế giới mới; nhưng đối với người Hồi giáo, đó là một hình thức của chủ nghĩa đế quốc, một sự xâm lấn văn hóa.

Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, giới chính trị Tây phương cho rằng họ là những hiệp sĩ đi bảo vệ quyền lợi của các nước Ả Rập, nhưng giới học giả Hồi giáo lại xem đó là một cuộc chiến tranh đầu tiên giữa hai nền văn minh: Hồi giáo và Kitô giáo (hay Tây phương). Cuộc chiến tranh vùng Vịnh là một cuộc đụng độ giữa hai nền văn minh vì Mỹ dùng quân sự can thiệp vào sự xung đột giữa hai nước Hồi giáo.

Thực ra, đó không phải là lần đầu tiên có sự va chạm giữa hai nền văn minh; chiến tranh A Phú Hãn - Liên Xô trong thời 1979-1989 mới là một cuộc chạm trán đầu tiên giữa hai khối này. Chiến tranh A Phú Hãn - Liên Xô khởi đầu là do Liên Xô muốn thiết lập một nhà nước vệ tinh (hay nói đúng hơn là chư hầu), nhưng nó được biến thành một cuộc chiến tranh lạnh khi người Mỹ (dưới thời Tổng thống Reagan) tổ chức và yểm trợ kháng chiến chống lại Liên Xô. Cuối cùng, Liên Xô bại trận. Đối với các nước Tây phương và Mỹ, sự thất bại của Liên Xô ở A Phú Hãn là một chiến thắng, một Waterloo của chiến tranh lạnh.

Nhưng đối với những người kháng chiến chống lại Liên Xô, đó là một chiến thắng cho Hồi giáo. Lần đầu tiên, một cuộc kháng chiến dựa trên nguyên lý Hồi giáo đã đánh bại một đế quốc (Liên Xô). Cố nhiên, bom đạn, tên lửa của Mỹ là một yếu tố quyết định trong cuộc chiến chống Liên Xô. Nhưng một điều cũng không thể chối cãi được là cuộc chiến còn là một nỗ lực tập thể của các dân tộc Hồi giáo. Trong thời gian từ 1984 đến 1986, các nước Ả Rập (chủ yếu là Saudi Arabia) đã chi viện cho kháng chiến quân A Phú Hãn 525 triệu đô-la; năm 1989, họ còn cung cấp thêm 420 triệu đô-la, và Mỹ cung cấp khoảng 300 triệu đô-la. Năm 1993, Mỹ đồng ý viện trợ cho A Phú Hãn 193 triệu đô-la. Tổng cộng nguyên cuộc chiến, các nước Ả Rập và Mỹ đã viện trợ cho A Phú Hãn hơn 3 tỷ đô-la. Dù sao đi nữa, đối với người Hồi giáo, cuộc chiến A Phú Hãn - Liên Xô cũng là một cuộc chiến tranh giữa Tây phương và Hồi giáo, giữa hai nền văn minh.

Chính sách và thái độ của Mỹ trong thời gian gần đây, nhất là thể hiện qua việc ủng hộ Do Thái đàn áp người Palestine và công khai ủng hộ các chế độ tham nhũng ở Ả Rập, đã làm cho người Hồi giáo càng có lí do để tin rằng thực tâm của Mỹ là cố tình làm suy yếu thế giới Ả Rập. Nhưng họ không đủ khả năng quân sự để chống trả lại Mỹ. Thực tế này làm cho người Hồi giáo thất vọng, bế tắc. Chính Osama bin Laden, người từng được Mỹ yểm trợ trong thời kháng chiến chống Liên Xô ở A Phú Hãn, trong một trả lời phỏng vấn cho Nhà báo kỳ cựu Robert Fisk, đã tỏ ra một sự tuyệt vọng vô phương cứu chữa. Từ tuyệt vọng, bin Laden tìm đến khủng bố để bày tỏ cơn thịnh nộ của mình, và cũng là của thế giới Hồi giáo. Thành ra, có thể nói hành động tự sát của 19 tay khủng bố hôm 11/9 vừa qua, dù có sự chỉ huy của bin Laden hay không, chỉ là một biểu hiện của sự tuyệt vọng này. Nó còn biểu hiện một sự phá sản ngoạn mục của đàm phán trong thời gian qua, và tiếp tục một sự đụng độ văn hóa và chính trị giữa Mỹ - đại diện cho thế giới phương Tây - và khối Hồi giáo.

Người ta chưa biết Mỹ sẽ phản ứng như thế nào, và cường độ ra sao, nhưng ai cũng chuẩn bị cho chiến tranh. Có thể Mỹ sẽ san bằng A Phú Hãn để trả thù. Nhưng hành động đó chẳng khác gì một cuộc khủng bố mà chính Mỹ thù ghét. Ghandi từng nói [viết theo trí nhớ] nếu trả đũa bằng phương châm một mắt đánh lấy một mắt (an eye for an eye) thì sẽ làm cho thế giới trở nên mù lòa. Có thể Mỹ sẽ tiêu diệt bin Laden và mạng lưới khủng bố của ông ta, nhưng theo bối cảnh trình bày trên đây, biện pháp này xem ra chỉ là một giải pháp giả hiệu. Thượng nghị sĩ Barbara Lee (California) cũng ghi nhận điều này khi bà nói: "Tôi cho rằng dùng quân sự không ngăn chận được khủng bố ở Mỹ." Thực vậy, khủng bố là một phương tiện của người tuyệt vọng, không thể dùng máy bay, bom đạn để tiêu diệt chúng được. Trong một xung đột giữa hai nền văn minh, một sự can thiệp quân sự chỉ làm cho khối Hồi giáo có lí do phát động một cuộc thánh chiến (*jihad*) chống lại Mỹ, như họ đã từng chống lại Liên Xô trước đây.

Một xung đột văn hóa không thể giải quyết bằng quân sự, mà phải được giải quyết bằng biện pháp văn hóa. Ở đây, một kinh nghiệm đáng học hơn hết là kinh nghiệm chung sống hòa bình của Do Thái và Palestine trong một thời gian ngắn gần đây. Do Thái, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Y. Rabin, sau nhiều năm chịu nạn khủng bố của Palestine, năm 1993 đã ký hòa ước Oslo với Lãnh tụ Palestine là Y. Arafat. Hiệu quả mà ai cũng thấy được ngay sau đó là nạn khủng bố chống Do Thái không còn nữa. Tại sao? Tại vì chính quyền Palestine đã kiềm chế được nhóm Hamas mà lực lượng an ninh của Do Thái chưa bao giờ làm được. Thành ra, có lẽ chỉ có giải pháp ngoại giao sao cho người Hồi giáo "đóng cửa dạy nhau" hơn là lao vào một cuộc chiến bỏ ngỏ./.

SỰ THẬT TRONG VỤ PHÁP GIÚP NGUYỄN ÁNH KHÔI PHỤC MIỀN NAM

VÕ THU TỊNH

Bối cảnh lịch sử

Ở Tây Sơn, miền Trung, năm 1771, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ nổi dậy, chiếm được Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận ở phía nam và Quảng Nghĩa phía bắc. Trịnh Sâm liền sai Hoàng Ngũ Phúc (tước Việp quận công, tức quận Việp) đem quân vào Nam lấy danh nghĩa trừ quyền thần Trương Phúc Loan và diệt loạn Tây Sơn. Thấy thế quân Trịnh quá mạnh, chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần (23 tuổi) bắt Trương Phúc Loan đem nạp, xin hàng.

Quân Trịnh chiếm Phú Xuân. Yếu thế, Nguyễn Nhạc sai người đem thư và vàng lụa đến quận Việp xin hàng, xin nộp đất Quảng Nghĩa, Qui Nhơn, Phú Yên và *xin làm tiền khu đi truy đánh Chúa Nguyễn*. Tháng 4/ 1776, Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương, nhưng lại sai sứ ra xin chúa Trịnh cho trấn thủ Quảng Nam. Chúa Trịnh chấp thuận. Để gây cảm tình với Chúa Nguyễn, Nguyễn Nhạc gả con gái là Thọ Hương cho Thế tử. (Chúa Định không có con trai, nên lấy cháu là Nguyễn Phúc Dương làm Đông cung Thế tử).

Ủng hộ Chúa Nguyễn, tướng Hoa kiều là Lý Tài đem quân đón Thế tử trốn về Gia Định, tôn làm Tân Chính Vương, và tôn Định vương làm Thái Thượng Hoàng, giữ đất đai phì nhiêu trong Nam để lo việc phục quốc.

Nhạc bèn sai Lữ và Huệ vào đánh Gia Định. Tháng 4 năm 1775, Gia Định bị thất thủ, Định vương và Nguyễn Ánh chạy về Biên Hòa, Tây Ninh, Châu Đốc rồi tới Hà Tiên. Tại đó, gặp Đức cha Bá Đa Lộc vào khoảng tháng 4 hay tháng 5 năm 1776. Nguyễn Huệ bắt được Thái Thượng Hoàng Nguyễn Phúc Thuần và Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương đem giết. Nguyễn Phúc Ánh trốn thoát.

John Barrow trong *'Voyage en Cochinchine'* kể lại rằng: "Bấy giờ (tháng 10-1777) hoàng tử trẻ tuổi (Nguyễn Ánh), vợ hoàng tử, và con trai hoàng tử còn thơ ấu và một em gái của hoàng tử đã trốn thoát do sự giúp đỡ của Đức cha Bá Đa Lộc. Nhờ có đêm tối, họ chạy được ra rất xa kinh thành (thị trấn Long Xuyên) và trú ẩn trong một khu rừng. Nơi đó trong nhiều tháng họ sống dưới những tùm lá ... Đức cha sai linh mục Paul Hồ Văn Nghị, không quản nguy hiểm tới tính mạng, hàng ngày đem lương thực đến tiếp tế. Sau đo, Nguyễn Ánh và gia quyến chạy ra Phú Quốc, rồi đến trú ẩn tại đảo Thổ Châu (Poulo Panjiang).

Vậy Đức cha Bá Đa Lộc là ai?

Bá Đa Lộc là Pierre Pigneaux de Béhaine, Evêque d'Adran, sinh năm 1741 tại Origny-Sainte-Benoite ở Thiérarche, tỉnh Aisne (02). Họ ông là Pigneaux, tên thánh là Pierre, mà sử ta gọi là Bá Đa Lộc (do chữ Pierre của Pháp, tức là chữ Pedro của Bồ Đào Nha, người Tàu phiên âm là Pe-To-Lu, viết ra chữ Tàu mà đọc theo giọng Hán Việt là Bách Đa Lộc, rồi Bá Đa Lộc). Sau ông tự thêm vào tên họ mình hai chữ *'de Béhaine'*. Còn chức 'Evêque d'Adran' (Giám mục Adran là một giáo xứ ở Trung Đông đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm từ lâu) được Giáo hội Pháp phong cho ông năm 1770, để có đủ tư cách lãnh chức vụ Đại Lý tòa Thánh cho ba nước Cochinchine (Xứ Đàng Trong), Cao Miên và Chiêm Thành (để tránh sự chống đối của Giáo hội Bồ Đào Nha, vì lúc bấy giờ tại Viễn Đông, có hai Giáo hội thuộc Thiên Chúa giáo Vatican là Giáo hội Bồ Đào Nha và Giáo hội Pháp đang cạnh tranh nhau trong việc truyền giáo).

Giáo xứ của ông đặt tại Chantaburi (thời ấy thuộc Cao Miên, nay thuộc Thái Lan) rồi vì loạn lạc nên dời về Hòn Đất, rồi Cần Cao thuộc Hà Tiên. Tổng trấn Hà Tiên, Mạc Thiên Tích, người Tàu lai Việt (Minh Hương) là một trung thần của các chúa Nguyễn, đã giúp Đức cha Bá Đa Lộc tập họp được chừng 500 giáo dân tại Cần Cao.

Nguyễn Ánh hưng binh

Mùa xuân 1778, Nguyễn Ánh rời cù lao Thổ Châu

về đất liền, được nhóm Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhơn và Võ Tánh (là những tướng lĩnh tài ba) ủng hộ đánh lấy lại từ Hà Tiên ra đến Nha Trang. Năm 1780 Nguyễn Ánh xưng vương, (song vẫn dùng niên hiệu Cảnh Hưng của vua Lê Hiển Tông ở Đông Kinh tức Hà Nội ngày nay), có 80 chiến thuyền, tập họp chừng 30,000 quân, phong Đỗ Thanh Nhơn làm Ngoại hữu Phụ chính, Thượng tướng công.

Tu viện của Đức Giám mục Bá Đa Lộc ở Hà Tiên bị giặc Cao Miên cướp phá, phải dời về gần Biên Hòa. Ông giới thiệu với Nguyễn vương Ánh bốn người tư nhân ngoại quốc: hai thủy thủ người Pháp tên Joang và Manuel (ta gọi là Mạn Hòe) người nầy được chỉ huy một chiếc tàu bọc đồng với chức Khâm sai Chưởng cơ; hai người Tây Ban Nha là Jannario và Manoe.

Năm 1781, Nguyễn Ánh thấy Đỗ Thanh Nhơn cậy công lộng quyền, bèn lập mưu mời đến dự tiệc rồi cho đao phủ xông ra giết. Vì thế nhóm Đông Sơn bỏ đi và đánh lại Nguyễn vương. Có tướng bỏ theo Tây Sơn như Đỗ Nhàn Trập. Riêng Võ Tánh, bảy năm sau (1788) mới quay lại với Nguyễn Vương chống Tây Sơn.

Nguyễn Ánh bại trận liên tiếp

Năm sau, tháng 3 năm 1782, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đem 100 chiến thuyền vào đánh Gia Định. Chiến thuyền bọc đồng do Manuel điều khiển bị đốt cháy, Manuel tử trận. Vì thiếu tướng lãnh tài giỏi, Nguyễn Ánh đại bại, 30,000 quân tan vỡ hết. Nguyễn vương Ánh phải chạy về Ba Giồng rồi ra lánh ở đảo Phú Quốc.

Sau khi thắng trận, Nguyễn Nhạc rút quân về Qui Nhơn, đặt hàng tướng Đỗ Nhàn Trập làm trấn thủ Sài Côn. Đầu tháng 10 năm 1782, có Châu Văn Tiếp, một cựu tướng của Định vương Nguyễn Phúc Thuần, tụ tập được một số quân giữ núi Trà Lang thuộc tỉnh Phú Yên, đi đường bể tới Cần Giờ, hợp với quân các đạo đánh đuổi quân Tây Sơn, rồi cho người ra Phú Quốc đón Nguyễn Ánh về. Bá Đa Lộc cũng trở về Nam Việt khoảng cuối tháng 10 năm 1782, ngụ tại Mặc Bắc, Trà Vinh, để trấn an tinh thần giáo dân, nhưng vẫn chuẩn bị để sẵn sàng chạy nữa.

Rồi không bao lâu, được tin quân Tây Sơn sắp trở lại, vào cuối tháng ba năm 1783, Bá Đa Lộc bỏ trốn, dọc đường được tin Nguyễn vương lại bị đại bại, mất gần hết đoàn chiến thuyền còn lại, nên ông chạy thẳng sang Chanthaburi ngày 21-8-1783. Còn Nguyễn Ánh lại chạy ra Phú Quốc, Nguyễn Huệ đuổi theo đến Phú Quốc, Nguyễn Ánh chạy sang đảo Côn Nôn (cù lao Koh Rong ở vịnh Xiêm La), Huệ đem thuyền vây Côn Nôn ba vòng. Nguyễn vương và gia đình cùng tướng sĩ phải nhịn đói nhiều ngày, hái rau, đào củ chuối để ăn. May có trận bão lớn mùa hè nổi lên, làm đắm nhiều thuyền của Tây Sơn, Ánh thừa dịp xuống thuyền chạy sang cù lao Cô Cốt, rồi về lại Phú Quốc. Huệ đặt phò mã Trương Văn Đa, con rể Nhạc, trấn thủ Gia Định, rồi rút quân về Qui Nhơn. Lần nầy, Nguyễn Ánh phải trú ẩn tại Phú Quốc (lần thứ ba) hơn một năm trời từ khoảng tháng 8 năm 1783 đến tháng 9 năm 1784.

Nguyễn Ánh cầu cứu ngoại bang

Ở vào thế cùng, đất liền bị Tây Sơn chiếm hết, quân sĩ tiêu tan, chiến thuyền cháy sạch, nên Nguyễn Ánh nghĩ đến chuyện cầu cứu ngoại bang. Mà cầu cứu nước nào ?

- *Tây Ban Nha*: Mùa thu 1783, Nguyễn Ánh sai Joang (người Pháp) và Manoe (người Tây Ban Nha) đi thuyền sang Lữ Tông (Manille) thủ đô Phi Luật Tân, lúc đó thuộc địa của Tây Ban Nha để cầu cứu với nước này. Chẳng may, dọc đường bị Tây Sơn bắt giết. Sau chiến hạm Tây Ban Nha được tin, đi tìm Nguyễn vương, hỏi Ba Đa Lộc không chỉ, nên không gặp được.

- *Anh quốc*: Theo tài liệu của Bá Đa Lộc, năm 1779, hai chiến hạm Anh quốc cũng đi tìm giúp Nguyễn Ánh, để dọn đường thiết lập bang giao thương mãi tại Xứ Miền Trong sau nầy, nhưng không gặp được, nên việc không thành.

- *Xiêm La* (Thái Lan): Nguyên tháng 11 năm 1781, vua Xiêm là Trình Quốc Anh (gốc Tàu, sử Tây phương gọi là Taksim) sai hai tướng là hai anh em Chất Tri (Chakkri) và Sô Si đem quân sang đánh Cao Miên. Nguyễn Ánh sai chưởng cơ Nguyễn Hữu Thoại (Thoại Ngọc hầu) đem 3 000 quân sang cứu vua Cao Miên. Bỗng ở Vọng Các (Bangkok) bị biến loạn, vua Xiêm bắt giam cả vợ và con của hai anh em Chất Tri, Sô Si. Hai tướng Xiêm liền xin hưu chiến, giao kết với Nguyễn Hữu Thoại, thề sẽ cứu nhau khi hoạn nạn. Rồi kéo quân về giết vua Trình Quốc Anh, xong, Chất Tri tự lập làm vua xưng là Rama I (Phật vương), Sô Si làm phó vương và dòng Chakkri làm vua Xiêm cho đến bây giơ.

Nay nhắc lại lời thề ấy, Nguyễn Ánh xin vua Xiêm cứu viện. Năm 1784, Rama I cho mời Nguyễn vương từ Thổ Châu sang Vọng Các, tiếp đãi rất hậu, rồi cho 20,000 quân cùng 300 chiến thuyền sang giúp để chiếm lại Gia Định. Năm sau (1785), đạo quân Xiêm bị Nguyễn Huệ đánh bại tan tành. Hai vạn quân Xiêm bị chết, chỉ còn vài ba nghìn sống sót lên bộ chạy về nước. Nguyễn Ánh và gia quyến, quần thần được vua Xiêm cho cư ngụ và cấp cho ở riêng một vùng đất tại ngoại ô Vọng Các. Nhưng khi hai vạn quân Xiêm sang giúp ta, đã ỷ thế, cướp hiếp tàn ác, lòng dân oán giận, Nguyễn vương không còn tính chuyện nhờ quân Xiêm nữa. Các tướng sĩ lục tục

kéo sang, riêng Lê Văn Câu đem 600 nghĩa quân đến giúp, người thì làm ruộng nuôi quân, người thì ra các đảo đóng chiến thuyền, người thì lẻn về Gia Định mộ quân đợi ngày khôi phục.

Lúc bấy giờ có quân Miến Điện sang đánh Xiêm La, các tướng của Nguyễn vương, như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Câu đem quân bản bộ đánh đuổi được. Quân ta lại có công tiễu trừ giặc Mã Lai quấy nhiễu vùng ven biển. Nên vua Xiêm càng trọng đãi vua tôi nhà Nguyễn, nhưng không tính chuyện đưa quân giúp Nguyễn vương vì tự xét không đủ sức chống lại Nguyễn Huệ, chỉ muốn giữ vua quan ta ở lại Xiêm để nhờ thôi.

- *Bồ Đào Nha*: Không ngờ, ngày 23 tháng 10 năm 1786, Nữ hoàng Bồ Đào Nha (Portugal) gửi quốc thư đến vua Xiêm, với tặng vật 20 khẩu súng, 100 cây vải tốt, nói rằng đáp lời yêu cầu của hoàng tử Cảnh, xin phép đến đón Nguyễn vương đi khôi phục lãnh thổ, đã có 56 chiến thuyền đang đợi tại Goa. Vua Xiêm rất không bằng lòng, Nguyễn vương thấy thế, không dám nhận, viết thư từ chối và tạ ơn Nữ hoàng.

Cuối cùng Nguyễn Ánh cầu viện Pháp

Nguyên trong lúc còn ở Xiêm, thấy vua Xiêm không muốn giúp quân cho mình nữa, Nguyễn Ánh nhớ đến Bá Đa Lộc là người đã cứu giúp mình tận tình, nên hai lần cho đi mời nhờ giúp. Bá Đa Lộc nói phải đem hoàng tử Cảnh theo, làm tin, cho dễ bề thương thuyết.

Bá Đa Lộc cùng Hoàng tử Cảnh (sinh 1780: lúc đó năm tuổi), bái biệt Nguyễn vương, ngày 25 tháng 11-1784, rời cù lao Thổ Châu tức Poulo Panjang (là một trong ba điểm liên lạc giao hẹn sau nầy giữa Nguyễn Ánh và Bá Đa Lộc: Poulo Panjiang, Poulo Way, Chanthabouri), mang theo ấn tín, cùng một số tùy tùng văn võ. Phái đoàn ghé bán đảo Malacca, ở lại đó một tháng rưỡi, vì việc riêng của Bá Đa Lộc.

Rồi tháng 3-1785 đến Pondichéry, một đô thành của Ấn Độ thuộc Pháp, và bị kẹt lại đó gần một năm rưỡi (từ tháng 3-1785 đến giữa năm 1786) vì Bá Đa Lộc phải vận động gay go với nhà cầm quyền Pháp ở đấy xin cứu viện cho Nguyễn vương. Tổng trấn Pondichéry là Coutenceau des Elgrains phản đối, cho rằng một ông vua đánh với giặc suốt tám năm (từ 1777 đến 1784) mà không thắng được thì lý do phải là không có tài năng, hoặc không được lòng dân. Đem lính Pháp đến đánh ở một nơi xa xôi phải tốn kém rất nhiều mà cũng không ích lợi gì.

Bá Đa Lộc gửi thư cho Thượng thư Bộ Hải quân Pháp ở Paris bày tỏ ý kiến về việc xin cứu viện, rồi nằm ở Pondichéry chờ trả lời. Lúc đó kênh Suez chưa khai thông, thuyền đi Pháp phải vòng quanh Phi Châu, nên thư từ rất chậm trễ.

Thấy nhà cầm quyền Pháp tại Pondichéry chống lại việc cứu viện Nguyễn vương một cách quyết liệt, trong hoàn cảnh bơ vơ với một cậu bé trong tay, mà Paris cũng chưa chắc tán thành, Hội thánh Thiên Chúa giáo cũng không bằng lòng hành động của mình, Bá Đa Lộc chán nản.

Ông không biết phải làm sao nếu Triều đình Pháp nghe theo lời tổng trấn Pondichéry từ chối không nhận giúp. Có lẽ đã nhớ lại một việc xảy ra trước đó năm năm, Bá Đa Lộc liền viết một bức thư, đề ngày 8 tháng 7-1785 (ba tháng sau khi bị tổng trấn Pondichéry phản đối), cho Thượng Nghị Viện Macao (thị trấn Trung Hoa thuộc Bồ Đào Nha) đại khái như sau: "Tháng tư năm 1780, tôi có nhận được một bức thư của ông M.O. Franc.-Xavier de Castro, tổng trấn đương thời của Macao, nhờ tôi can thiệp với vua Xứ Đàng Trong (Cochinchine) cấp giấy cho tổng trấn Goa (một đô thị Ấn thuộc Bồ Đào Nha lúc đó) để thành Goa hưởng những điều kiện thuận lợi về thương mãi, thì đáp lại, tổng trấn Goa sẽ cung cấp cho vua Xứ Đàng Trong những viện trợ cần thiết để khôi phục đất nước. Nhưng lúc nhận được thư ấy, tôi đang chạy loạn, tỵ nạn tại Cambodge, cho nên không thể nào thỏa mãn lời yêu cầu của ông ta [...]. Gần đây, lúc sắp sửa xuống tàu qua vịnh Xiêm-la, tôi gặp lại vua Xứ Đàng Trong đang chạy loạn, Người nhờ tôi giúp tìm cứu viện. Tôi đề nghị với Chúa Nguyễn gửi cho tôi con trai duy nhất của Người để làm tin. Và hiện Hoàng tử ấy đang ở với tôi [...]. Lúc đó, ngoài Pondichéry ra, tôi không thể đi đâu được, cho nên thoạt tiên tôi đến nhờ người Pháp ở đấy, song thấy họ ra mặt không thích tôn giáo, *mà tôi lại chỉ muốn tìm nhờ một nước theo đạo Công giáo thôi*, nên tôi quyết định trước Chúa là sẽ nhờ nước Bồ Đào Nha. Người Anh, năm ngoái có đến tìm Hoàng tử để giúp [...] và năm nay, họ nhiều lần thương lượng với tôi giao Hoàng tử cho họ. Chắc ông hiểu rõ vì sao tôi không thể thỏa mãn họ được. Chỉ có lý do tôn giáo, mới có thể tha thứ cho tôi, trước Chúa và trước mọi người, vì đáng lẽ chọn nước của mình, tôi lại chọn một nước khác để nhờ. Vì lẽ ấy, tôi đề nghị trao lại cho quí ông việc cứu viện nầy, sự hiện diện của nhà vua Xứ Đàng Trong, của con trai nhà vua, cùng bảy, tám vị đại thần, là những điều kiện để thực hiện dễ dàng việc khôi phục đất nước, và không những để có thể đền bù các phí tổn của công việc nầy, mà còn để thiết lập ở Xứ Đàng Trong một cơ sở thương mãi làm vinh danh nước Bồ Đào Nha cũng như làm lợi cho thành Goa nữa." (L. Cadière, *Nguyễn Ánh et la Mission- Documents inédits des Missions Etrangères de Paris*, trong *Bulletin des Amis du vieux Huế*, trang 27, 28, chú thích số 53).

Nhưng đến năm 1786, tổng trấn mới của Pondichéry là David Charpentier de Cossigny tuy

không hoàn toàn đồng ý với Bá Đa Lộc, nhưng cũng cho rằng việc cứu viện Xứ Đàng Trong là đáng xét đến. Nên cho phép Bá Đa Lộc, hoàng tử Cảnh, một hoàng thân, và ba thị vệ đi không tiền trên tàu buôn Malabar đến tháng 7 năm 1786 sang Pháp, để trình việc nầy lên Pháp hoàng Louis XVI (1754- 1793).

Tổng trấn de Cossigny cũng thương lượng với Tổng tư lệnh Hải quân Pháp tại Đông Ấn Độ là Chevalier d'Entrecasteaux, phái thuyền trưởng tàu Le Marquis de Castries là De Richery và phụ tá là De Berneron, đại úy Régiment de l'Isle de France, đi đến Xứ Đàng Trong cứu xét tình hình để có thể chấp nhận dự án của Bá Đa Lộc, và nếu cần thì liên lạc với Nguyễn Ánh, đón về Pondichéry tổ chức cứu viện. Đồng thời cũng cho phép các nhân viên phái đoàn còn lại, đáp tàu Le Marquis de Castries trở về đảo Thổ Châu.

Bá Đa Lộc viết một bức thư nhờ De Richery và De Berneron chuyển lại cho Nguyễn vương hiện đang ở tại Chanthabouri, hẹn sẽ có người đón đưa tới Pondichéry.

Ngày 1-9-1786, hai vị sĩ quan nầy trao thư ấy cho Paul Hồ Văn Nghị và đưa linh mục nầy đến Thổ Châu cùng 12 người tùy tùng, để lại một số lương thực đủ dùng ba tháng, rồi chạy thuyền sang Manille, hẹn cuối tháng 12-1786 sẽ quay lại đón Nguyễn Ánh tại Thổ Châu đưa đến Pondichéry. Linh mục Paul Nghị cùng tùy tùng, đóng tại chỗ một chiếc thuyền để đi sang đảo Poulo Way là nơi liên lạc thứ hai giữa Nguyễn Ánh và Đức cha Bá Đa Lộc. Nhưng tại đấy không gặp ai cả, lại xuống thuyền đến điểm hẹn thứ ba là tư thất của nhà Truyền giáo Pháp M. Liot, Giám đốc Chủng viện tại Chantaburi (Xiêm). Paul Nghị không dám đi vào Bangkok, vì sợ bị vua Xiêm biết, nên nhờ Bảo Ngọc hầu (theo L. Cadière, tức là Phạm Văn Nhơn, hay Nguyễn Văn Liêm) đem thư của Bá Đa Lộc đến cho Nguyễn Ánh đúng vào ngày 21-10-1786, tức là hai ngày trước quốc thư của Nữ hoàng Bồ Đào Nha gửi đến vua Xiêm xin đón Nguyễn Ánh đi Macao, như ta vừa thấy trên đây. Nguyễn Ánh từ chối không nhận lời giúp của Nữ hoàng Bồ Đào Nha, bề ngoài sợ mếch lòng vua Xiêm, nhưng thâm tâm là muốn đợi cơ hội trốn đi Pondichéry nhờ Pháp là quốc gia mà hoàng tử Cảnh đang đến cầu viện, và Bá Đa Lộc, vị ân nhân cố cựu đang tận lực vận động giúp mình.

Kế hoạch đưa Nguyễn Ánh đến Pondichéry đã gặp nhiều chống đối trong giới người Pháp tại Pondichéry. Tử tước (vicomte) de Souillac, năm 1785, thay thế một thời gian Coutenceau des Algrains trong chức tổng trấn Pondichéry, ngày 31-8-1786 đã phúc trình cho Tổng trưởng Hải quân (Paris) rằng "nếu vua Xứ Đàng Trong mà đáp chiến thuyền nầy và đến Pondichéry, thì chúng ta bắt buộc phải đài thọ sinh sống cho vua và gia đình và các chi phí tranh đấu khôi phục đất đai."

Vào khoảng cuối tháng 12-1786, theo lời hẹn của De Richery, Nguyễn Ánh đem gia đình xuống bờ biển Chanthabouri đợi thuyền đến đón mà không thấy. De Richery đi Manille, rồi mãi lo việc buôn gạo, nên thay vì vào tháng 12-1786, thì mãi đến 21-2-1787 (tức là hai tháng sau) mới đến Poulo Panjang đón Nguyễn Ánh. Đến đó tất nhiên không gặp Nguyễn Ánh. Kế hoạch đón Nguyễn vương đi Pondichéry không thành tựu được, vì De Richery chểnh mảng, hay vì sĩ quan nầy cũng không tán thành kế hoạch đón Nguyễn Ánh đến Pondichéry như De Souillac trên đây?

Bá Đa Lộc cùng Hoàng tử Cảnh đến Pháp tháng 2-1787, cập bến Lorient trên bờ biển Đại Tây dương. Phái đoàn cầu viện ở lại 10 tháng tại Pháp, từ tháng 2 đến tháng 12 năm 1787.

Ngày 5- 5-1787, giám mục Bá Đa Lộc được vào triều kiến Pháp hoàng Louis XVI, trước sự hiện diện của Bộ trưởng Ngoại giao là bá tước De Montmorin và Bộ trưởng Hải quân là nguyên soái De Castries. Ông trình nhà vua lý do nên cứu viện Nguyễn vương Ánh tóm tắt như sau :

- Nguyễn Ánh là vua chính thống nước Cochinchine, được đa số nhân dân ủng hộ,
- Cuộc hành quân khôi phục đất đai chỉ cần một số quân lực vừa phải,
- Một căn cứ Pháp tại Cochinchine là một phương tiện chắc chắn để ngăn chận ảnh hưởng của nước Anh tại Ấn Độ, để bành trướng ảnh hưởng của Pháp tại các biển Trung Hoa, và làm bá chủ về thương mãi trong vùng nầy.

Trước đó, năm 1785 bộ Hải quân có nhận thư của Bá Đa Lộc, đầu năm 1786 có sai ông Sominihac de Lamothe, một kỹ sư đã ở lâu bên Viễn Đông, cứu xét. Viên kỹ sư phúc trình tán thành việc cứu viện Nguyễn vương. Lại thêm cậu bé Hoàng tử Cảnh (tám tuổi) diện mạo khả ái, khiến hoàng hậu Marie Antoinette cảm mến tình cảnh đáng thương, có ý muốn giúp đỡ.

Nhưng trong triều một số đại thần e ngại :

- Hành quân tốn kém quá, Pháp vừa thất bại ở Hòa Lan, tài chánh thiếu hụt không kham nổi.
- Cochinchine cách xa căn cứ quân sự ở đảo France của Pháp (đảo Maurice, nay thuộc Anh), khi chiến tranh, nếu Anh đóng eo bể Malacca, Hòa Lan đóng eo bể La Sonde, Pháp sẽ bị cô lập tại Cochinchine.

Bàn luận mãi suốt nửa năm, cuối cùng "phe của Hoàng hậu" thắng. Bộ trưởng De Montmorin đại diện cho Pháp, và giám mục Bá Đa Lộc đại diện cho Nguyễn Ánh ký bản hiệp ước tương trợ Pháp Việt tại điện Versailles ngày 28-11-1787. Và Bá Đa

Lộc được Pháp cử làm "*Ủy Viên của Hoàng đế Pháp tại xứ Đàng Trong*."

Hiệp ước gồm có 10 điều, tóm tắt như sau:

- Pháp sẽ giúp cho Nguyễn Ánh bốn chiếc tàu chiến, 1 200 người, 200 pháo binh, 250 lính Phi Châu thuộc địa của Pháp và đạn dược đầy đủ, pháo binh tinh nhuệ.

- Khi nước ta loạn lạc, Pháp sẽ giúp đỡ xứng với sự cần dùng mỗi lúc, nhưng không quá số đã định trong hiệp ước nầy.

- Ta nhường cho Pháp hải cảng Đà Nẵng và đảo Côn Lôn.

- Pháp được tự do đi lại, tự do buôn bán, trả thuế xuất nhập cảng theo giá như người bản xứ. Tàu binh, tàu buôn ngoại quốc muốn đến nước ta phải treo cờ Pháp và có giấy thông hành Pháp cấp.

- Pháp có thể lập trên lục địa nhà cửa, cơ cở mà họ xét cần dùng cho việc tàu bè giao thông, buôn bán, cho việc sửa chữa, làm ra tàu bè. Về việc cảnh sát ở hải cảng sẽ có tờ giao ước riêng định.

- Ta sẽ bảo hộ sự tự do, sự an toàn thân thể và đồ đạc cho người Pháp. Khi có sự tranh tụng, phải xử đoán mau lẹ và công bình.

Điều 10 cuối cùng: "Hiệp ước nầy sẽ được vua hai nước phê chuẩn, trong hạn một năm, hoặc sớm hơn nếu có thể." (Chú ý: không thấy hiệp ước bàn đến tự do truyền giáo đạo Thiên Chúa ở Xứ Đàng Trong).

Nhưng sau đó, vào ngày 2-12-1787, tức là năm ngày sau, *triều đình Pháp lại đổi ý, không muốn thi hành hiệp ước*. Bộ ngoại giao gửi mật lệnh cho công tước De Conway, Toàn quyền các thuộc địa Pháp ở Ấn Độ nên tùy nghi định đoạt hoặc trì hoãn việc giúp Nguyễn Ánh, hoặc bỏ hẳn việc ấy đi. Lại cẩn thận chỉ thị phải giữ kín đừng cho Bá Đa Lộc biết.

Triều đình Pháp đã chịu ảnh hưởng của phe đối lập, nhất là của tình hình tài chánh thiếu hụt. Chính De Conway tại Pondichéry cũng phải đi vay tiền để trả lương binh sĩ.

Ngày 8-12-1787, Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh được vào triều kiến từ giã Pháp hoàng và sau đó đáp chiếc tàu buồm Dryade về nước. Đi theo có tàu La Méduse chở theo một số lính để tăng cường ngạch pháo binh đảo France, và thành Pondichéry. Còn có hai chiến tàu khác chở lương thực và tiền bạc dùng cho cuộc viễn chinh. Khi thuyền ghé đảo Bourbon (Réunion), đảo France (Maurice), cũng như khi đến Pondichéry, Bá Đa Lộc gặp nhiều nhà buôn Pháp kinh doanh tại các nơi ấy và cho họ biết nội dung bản hiệp ước có khoản "tự do buôn bán," "độc quyền buôn bán," và "an toàn cá nhân" tại Xứ Đàng Trong, nên nhiều nhà buôn ham lợi đã giúp tiền cho Đức cha để "giành chỗ" trước.

Tại Pondichéry, Toàn quyền De Conway tỏ ra dè dặt và lúng túng vì tuân theo mật lệnh, mà không được phép cho Đức cha Bá Đa Lộc hay. Để trì hoãn, ông lấy cớ tàu chở lương thực và tiền bạc viện trợ chưa đến, thật ra hai chiếc tàu ấy chẳng bao giờ đến. Hai người cãi vã, tranh đấu, thư từ, qua lại phản đối và cả hai đều gửi nhiều khiếu nại, báo cáo về Triều đình. Tại Paris, Hội đồng Hoàng gia Pháp họp ngày 4-10-1788 chuẩn y đề nghị của De Conway, nghĩa là vua Louis XVI không phê chuẩn hiệp định Versailles trong thời hạn một năm nói ở điều 10. Bản văn nầy chỉ đến tay Nguyễn Ánh vào tháng 6 năm 1789.

Nhưng vì các thương gia Pháp ở các đảo Bourbon, France và ở thành Pondichéry tỏ ra bất bình, các báo chí địa phương cũng hùa theo để chỉ trích, nên De Conway sai De Kersaint đem hai chiếc Dryade và Bengale đến Xứ Đàng Trong xem xét tình hình. Bá Đa Lộc xin đi theo để đón Nguyễn sang Pondichéry, De Conway không cho, chỉ cho phép De Kersaint chở giùm 1000 khẩu súng mà Nguyễn vương đã bỏ tiền ra nhờ Đức cha mua hộ.

Phái đoàn De Kersaint khởi hành đi Cochinchine ngày 18-5-1788, đã trao cho Nguyễn vương 1000 khẩu súng, đến 13-3-1789 trở về Pondichéry, mang theo những bản địa đồ và tin tức khá mơ hồ về giá trị Xứ Đàng Trong. Như thế là vì phái đoàn đến gặp lúc Nguyễn Ánh đang đánh nhau với Nguyễn Lữ (Tây Sơn), khi được, khi thua, đến tháng 9 năm 1788 mới vào chiếm được Gia Định, nhưng tướng Tây Sơn Phạm Văn Tham còn giữ đất Ba Thắt, mãi đến tháng 2 năm 1789 mới chịu đầu hàng; và vì loạn lạc, đồng ruộng lúc ấy còn bị bỏ hoang. De Kersaint đã gặp Nguyễn Ánh trong tình trạng quân sự bất ổn và kinh tế suy kém ấy. De Conway căn cứ vào nhận xét của De Kersaint, nên cho rằng cuộc viễn chinh bất lợi, rồi ngày 15- 3-1789, gửi phúc trình về Paris rằng "dự tính của giám mục Ba Đa Lộc là những giấc mơ của một đầu não bồng bột," vậy nên bãi bỏ việc cứu trợ.

Nhưng đồng thời, nhân viên tàu Dryade lại cho Bá Đa Lộc biết rằng Nguyễn vương đã lấy lại được năm tỉnh cực Nam xứ Gia Định. Bá Đa Lộc liền vội vàng biên thư cho Toàn quyền De Conway khẩn cầu xin cho "một đạo quân nào đó" (một cách tượng trưng) đi Xứ Đàng Trong phụ với Nguyễn vương để hoàn tất cuộc chiến thắng; và hứa rằng sẽ quên hết những gay cấn vừa qua giữa hai người. Nhưng De Conway từ chối.

Bá Đa Lộc quyết định tự lực tổ chức cuộc cứu viện, nghĩa là không cần đến quân lực, tài chính của Pháp nữa. Giám mục đang có trong tay: tiền của gia đình ông cho riêng (15,000 quan Pháp), và các số tiền của nhóm thương gia Pháp ở đảo France, Bourbon và thành Pondichéry giúp, cùng tiền và hóa vật

của Nguyễn vương trao cho từ trước để mua súng nay còn dư lại. Ông dùng tiền ấy mua một chiếc tàu buồm và súng đạn.

Rồi lấy tư cách là "Ủy viên của Pháp hoàng tại Xứ Đàng Trong" chính thức yêu cầu De Conway cấp phương tiện chuyên chở Hoàng tử Xứ Đàng Trong về nước. Viên Toàn quyền phải cho Ủy viên giám mục và Hoàng tử cùng phái đoàn lên chiếc tàu chiến La Méduse về Gia Định.

Nhưng Đức cha đã âm thầm dụ được một số sĩ quan và thủy binh Pháp phiêu lưu theo ông đến Xứ Đàng Trong tham chiến và làm giàu. Nhóm binh sĩ nầy kín đáo đáp chiếc tàu buồm riêng mà giám mục đã mua, rồi theo tàu chiến La Méduse nhổ neo rời Pondichéry đi Gia Định ngày 15-6-1789.

Báo *La Gazette de Pondichéry* ra ngày 15-6-1789 đã tường thuật như sau: "*Triều đình tuyệt đối từ bỏ cuộc dự định Cochinchine và cấm chỉ ông De Conway thi hành. Song không bao giờ tình hình lại tốt đẹp hơn để hoàn tất cuộc trung hưng ông vua bị phế, khi ông ấy đã tái chiếm được năm tỉnh cực nam quốc gia đó. Chúng ta đã bỏ lỡ, trong dịp nầy, việc đặt chưn vững chãi và quý báu lên một vương quốc mà chỉ trong vòng bốn, năm năm sẽ đem cho nước ta một nền thương mãi độc quyền hơn hai triệu quan, và đặc biệt là những phương tiện để buôn bán với Trung Hoa mà khỏi phải qua thành Canton để chịu nhiều phiền phức. [...] Ác cảm của ông ta đối với giám mục D'Adran và đối với các đồng bào ông trong thị thành nầy, là những lý do thúc đẩy ông đến việc ác độc ấy. Chẳng sớm thì chầy, ông sẽ được hưởng đền bồi, song cái tai hại mà ông gây cho quốc gia Pháp sẽ không sao sửa chữa nổi.*" (P. Heduy, *Histoire de l'Indochine*, trg 37).

Hai chiếc tàu của phái đoàn Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh cập bến Gia Định ngày 24 tháng 9 năm 1789. Cuộc ra đi cầu viện nước Pháp đã kéo dài bốn năm bảy tháng (25-11-1784 đến 24-9-1789) không kết quả.

Như vậy triều đình Pháp, hay quân đội Pháp đã không giúp gì cho Nguyễn Ánh trong việc tái chiếm vùng Gia Định cũng như trong việc hoàn thành chiến thắng, thống nhất đất nước.

Những binh sĩ Pháp tình nguyện tháp tùng Bá Đa Lộc có tất cả 14 sĩ quan và 80 thủy binh. Một số người về sau vì lương ít, hay vì bị các quan Nam đố kỵ, nên bỏ đi cầu may nơi khác.

Số còn lại, với tư cách cá nhân, chỉ giúp Nguyễn vương trong ngành công binh, huấn luyện binh sĩ, chứ không trực tiếp tham chiến như luận bàn tham mưu chiến lược, hay chỉ huy hành quân.

Người đáng ghi nhớ là Đức cha Bá Đa Lộc: ngoài việc trông coi Giáo xứ, ông còn lo việc dạy dỗ Hoàng tử Cảnh, dịch ra Hán văn cho Nguyễn Ánh những sách về chiến lược Tây phương. Bá Đa Lộc cũng bị các quan Việt nghi kỵ và gièm pha không ít, vì các đại thần sợ Đông cung theo Công giáo. Chính Đức cha Bá Đa Lộc trong một bức thư ngày 30-1-1895 cho Hội Truyền giáo Quốc ngoại đã kể lại như sau:

"*Năm nay tôi gặp phải một vụ rất tế nhị. Có tới 19 vị đại thần trong vương quốc nầy lo lắng cho nền tôn giáo quốc gia, đã họp nhau lại, trình vua rằng nên cẩn thận, không nên để cho tôi tiếp tục việc giáo huấn Thái tử lâu thêm nữa (trong một cuộc thảo luận riêng với nhau, họ quyết định rằng nếu nhà vua không nghe thì họ sẽ diệt trừ tôi). Đức vua nổi giận, liệng xuống đất những biểu can gián của họ. Rồi Ngài nhắc lại tất cả những công trạng của tôi phục vụ quốc gia, nhất là phục vụ vua, mẹ vua, vợ vua, con trai vua, và tất cả hoàng gia. Ngài dọa ra tay làm gương bằng cách trừng phạt nặng nề những kẻ cầm đầu cuộc âm mưu nầy. [...] Đứng vào địa vị họ (các đại thần Việt) và theo tôn chỉ của họ, tôi cũng phải đồng ý rằng họ hành động cẩn thận. Nếu ở bên Pháp các vị đại thần thấy một ngoại nhân đạo Hồi Hồi hay Tả đạo được ủy nhiệm giáo dục Thái tử và được lòng tin của vua, thì họ sẽ nói gì? Họ sẽ có làm động trời động đất để xua đuổi người ấy không? [...] Tôi chỉ có cách hay nhất là ra đi khỏi hẳn nước nầy. Nhà Vua và Thái tử sẽ tự do hơn, và có thể bảo vệ các giáo dân mà không làm phiền lòng ai. Đại đa số đàn bà (ám chỉ chế độ đa thê) và nhất là việc thờ cúng tổ tiên, mà Triều đình ở La Mã đã cấm đoán quá mức, sẽ luôn luôn là những trở ngại rất khó vượt qua.*" (Hoàng Cơ Thụy, *Việt sử khảo luận*, trg 912, trích Philippe Heguy và Guy-Marie Oury)

Bá Đa Lộc qua đời vì bệnh lỵ tại Thị Nại, giữa một trận chiến ngày 9-10-1799, thọ 58 tuổi.

Đến 1802, ở Việt Nam, Nguyễn Ánh thống nhất đất nước, lên ngôi, vương hiệu Gia Long, thì bên Pháp, vua Louis XVI bị Cách mạng lật đổ năm 1792, Đệ nhất Cộng hòa Pháp thành lập từ 1792 đến 1804, rồi chuyển sang Đệ nhất Đế quốc với Napoléon đệ nhất (1804-1814). Khi Napoléon thất thế, dòng dõi nhà vua cũ trung hưng, chiến tranh đã yên, dưới thời Louis XVIII (1814-1824), tháng sáu năm 1817, có tàu binh Pháp Cybèle đến cửa Đà Nẵng, thuyền trưởng là bá tước De Kergarion, thông báo với triều đình ta rằng Pháp hoàng sai sang *đòi thi hành những điều ước của ông Bá Đa Lộc ký năm 1787* về việc nhường cửa Đà Nẵng và đảo Côn Lôn.

Gia Long sai quan trả lời rằng *những điều ước ấy nước Pháp trước đã không thi hành, thì nay bỏ không nói đến nữa.*

Paris hè 2001

TA LÀ AI (*"I"*) ? TA LÀ MI (*"ME"*) !
MI (*"ME"*) LÀ AI (*"I"*) ?
MI (*"ME"*) LÀ TA !

KHỔNG-CÓ-CHI

Tiệm Kầy Hương là một quán nhậu đặc biệt cho những tay sành ăn thịt chó nấu theo kiểu cổ truyền của ba miền: từ miền Giao Chỉ, qua dẫy núi Cửu Chân, xuống tới tận vùng đồng bằng Nhật Nam. Chủ tiệm là bà Như Hương, một người đàn bà mà nhiều người khen *"rất ư là hiền lành, dễ thương, và lẳng lơ, chỉ phải cái tội hơi cao số một chút"*. Thực ra, những bà nào có tính nết *"rất ư hiền lành, dễ thương và lẳng lơ"* cũng đều *"hơi cao số một chút"*. Đó là một trong những định luật bất công của xã hội Việt Nam truyền từ đời này sang đời khác.

Bà Như Hương có một đàn con đã lớn, làm ăn khá giả. Người con nào cũng tự đặt cho mình một tên Mỹ nghe rất ư là thuận tai. Chuyện này cũng dễ hiểu, vì người mình cư ngụ ở xứ người đành phải mang thêm tên Mỹ để tiện công việc giao thiệp hàng ngày với đám ngoại bang thiếu bốn ngàn năm văn hiến nên không biết nói tiếng Việt và không biết húp nước mắm.

Từ ngày di tản sang đây, bà Như Hương không cần phải đi làm một ngày nào, vì bà là người *"không có chồng mà tự dưng có con"* nên được Nhà Nước Tư Bản Chủ Nghĩa không thèm bóc lột bà, mà lại còn cấp tiền hàng tháng cho bà tiêu xài rả rích. Đó là kế hoạch trường kỳ đại gian đại ác của tụi tài phiệt: chúng muốn bà ở nhà dạy dỗ con cái khôn lớn, thành tài và giầu có để sau này chúng mới thẳng tay bóc lột. Ăn cướp mồ hôi nước mắt dân lao động như vậy mới đã, chứ chúng đâu có thèm chơi kiểu *"ca què ăn quẩn cối xay"* hay *"chó cắn áo rách."*

Trong những năm đầu tiên ở xứ này, bà Như Hương chỉ biết ở nhà nuôi con, nên bà thấy không cần phải mất thì giờ học tiếng Mỹ làm gì. Nhưng bây giờ đàn con đã khôn lớn, bà không muốn nhờ vả tụi tư bản. Bà muốn tự lập cánh sinh, vì thế bà muốn có một tên Mỹ để tiện việc giao thiệp với dân bản xứ vừa ngu vừa tối dạ.

Bà lưỡng lự mãi không biết có nên nhờ con *"Ma-Gi"* đặt tên cho bà hay không. Cuối cùng bà chép miệng nghĩ rằng:

- Ngày xưa mẹ đặt tên cho con, bây giờ con đặt tên cho mẹ, thì có sao đâu?

Thế là một hôm đẹp trời, bà đánh bạo tỏ hết nỗi lòng mong muốn thầm kín của bà với cô con gái lớn. Bà nói với dọng rụt rè như các bà mẹ Việt kiều quê mùa khi ở trong thế cùng phải nhờ vả các con đã trưởng thành nơi xứ người:

— Ma-Gi ơi! Ai tới đây cũng có tên Mỹ

ráo trọi, tên má là "Như Hương", nghe có vẻ vừa quê mùa, cục kịch. Con làm ơn tìm cho má một tên Mỹ đi.

Cô Mary nổi tiếng trong cộng đồng là một cô gái "mới" tuy mầu da mái tóc vẫn còn là Việt Nam, vội trả lời:

— *"Móm"* nghĩ thế cũng phải. Cái tên "Như Hương" nghe có vẻ bán khai và thiếu văn minh. Thôi, để con đặt tên cho *"Móm"* là *"Elizabeth"*. Ô-kê?

— Ủa, tên gì mà nghe kỳ dzậy?

— Kỳ cái gì? *"Elizabeth"* là tên bà Nữ Hoàng nước Hồng Mao đấy mà. *"Móm"* dốt quá! Thế mà cũng không biết!

— Nhưng cái tên *"Mang-Ly-Ra-Bếp"* hay *"dzô bếp"* gì đó nghe có vẻ *"sến"* làm sao ấy!

— Vậy tên *"Catherine"*, *"Móm"* chịu không? Tên này cũng dễ nhớ lắm vì nó là tên con đường trước cửa nhà mình đó mà.

— Má không thích người ta kêu má là *"Cá Thu Rim"* đâu! Tên này sặc mùi cá kho, nghe kỳ quá.

— *"Móm"* thiệt là lẩm cẩm, rồi lại còn khó tính nữa! *"Catherine"* là tên bà hoàng hậu nước Nga lên ngôi sau khi cho ông chồng cù lần về vườn *"đuổi gà cho vợ"* đấy. Ở trong sở, con cũng có một con bạn tên là *"Catherine"*, nhưng ai cũng gọi nó là con *"Kay"*. Vậy con đặt tên cho *"Móm"* là *"Kay"* cho gọn. Tên này vừa dễ đọc, vừa dễ nhớ. *"Móm"* chịu không?

— Ừa, con đặt tên cho má là *"Cay"* thì má cũng đành chịu thôi, chứ biết làm sao bây giờ. Dù sao tên *"Cay"* cũng hợp với má lắm, vì cả đời tình duyên của má chỉ toàn gặp chuyện cay đắng, đắng cay!

Thế là từ đó, bà Như Hương trở thành Bà *"Kay Huong"*. Chữ "ư" và "ơ" viết đúng theo kiểu Mỹ-lai nên không có "râu", vì thế có nhiều đứa lắm mồm kêu bà là *"bà Hương không râu."* Nghe thấy vậy, bà chỉ cười tình vì bà mà có râu thì thật là kỳ quá.

Ở gần nhà bà Kay Huong có ông hàng xóm tên là *"Tom Vo"*. Thực ra ông này trước kia được bố mẹ cho tên cúng cơm là *"Võ Văn Thơm"*, nhưng khi di cư tới đây vì công chuyện làm ăn, ông đành phải mang tên hội nhập là *"Tom Vo"*. Bạn bè thường kêu ông là *"ông Võ không ngã"* hay là *"ông Tom không thơm"*.

Ông Tom Vo được một cái dốp rất ngon trong ***Hội Bảo Vệ Súc Vật Ngoại Bang***, với nhiệm vụ hàng ngày là dẫn đàn chó vô thừa nhận đi ngao du. Một hôm, đứng nhìn đàn chó "ra đi", ông cảm thấy lòng buồn rời rợi, rồi chợt nghĩ ra:

— Ủa! Tại sao ta không mang những linh hồn đau khổ này về nhà recycling cho đỡ phí của trời?

Nghĩ sao làm vậy. Ông bèn thì thụt với bà Kay Huong và dùng lời đường mật dụ dỗ bà này cùng nhau mở quán nhậu thịt chó. Hai người đồng ý lấy tên bà làm bảng hiệu cho quán ăn. Bà Kay Huong đứng ra làm chủ tiệm và lo việc đi khách, còn ông Tom Vo lo vấn đề tiếp liệu — tức là mang đồ ở sở về làm nguyên liệu nấu nướng. Bà Kay Huong chịu liền. Thực ra bà nào có tính nết *"hiền lành, dễ thương, lẳng lơ, và hơi cao số"* thì ít khi từ chối những chuyện chung lưng, góp cật như vậy.

Thế là cộng đồng Việt Nam ở vùng này mới có quán ***Kầy Hương***. Chẳng bao lâu, tiệm nhậu này trở thành nơi tập họp của những anh hùng hảo hán thích *"ngồi lại với nhau"* để bàn chuyện đại sự, và nhất là để có dịp trao đổi ý kiến về tác phong của những người vắng mặt. Lẽ dĩ nhiên là họ chỉ ca tụng ông Tom Vo mà thôi, và coi ông này là *"người có công xây dựng cộng đồng"*. Tuy nhiên, vẫn có kẻ chê bai ông. Nhưng ông chỉ cười một cách rất là vị tha và tuyên bố một cách đại lượng rằng:

— Tôi hổng thèm để ý tới những tên thối mồm, dơ dáy, đê tiện, ác ôn, bỉ ổi, vô liêm sỉ, vô đạo đức, bất nhân, bất nghĩa, bất tín, . . . bất lực chỉ thích phá hoại cộng đồng.

Nhưng khổ một nỗi là những tên *"thối mồm"* đâu có để cộng đồng được dịp *"ngồi lại với nhau"*. Thật vậy, sau khi tiệm Kầy Hương mới khai trương được mấy tuần, thì có một đứa *"thối mồm"* lén đi tố cáo với nhà chức trách. Thế là tên chúa chùm công an Tư Bản Chủ Nghĩa bèn tức tốc điều động một toán xen-đầm đi lùng địch. Hai xe chở đầy lính. sát khí đằng đằng, chạy rầm rầm ngoài đường, còi hụ vang lừng trong khu phố Tàu. Một đoàn ập vô tiệm Kầy Hương để lùng bắt kẻ giết chó. Sau một hồi lục lọi và tra vấn mọi người trong tiệm, cả đám đành phải hậm hực ra về, vì không tìm ra được một tang chứng nào để gán cho bà chủ tiệm hay tên đầu bếp can tội cắt tiết chó.

Sau vụ bố ráp dã man này, tiệm Kầy Hương mới bắt đầu thực sự đông khách. Trước kia, có nhiều người rất yêu nước và thương dân, nhưng không dám bén mảng tới tiệm ăn, vì chỉ sợ chẳng may có thằng công an vô duyên nào tới hỏi thăm sức khỏe *"How are you?"*, thì biết ăn nói với bà con lối xóm ra làm sao. Yêu nước và thương dân có giới hạn thôi chứ! Dại gì, chỉ vì miếng thịt chó mà bị vạ lây, rồi còn phải tốn công, tốn của mang chiếu ra ngồi hầu tòa! Như các cụ ngày xưa đã dạy, *"Miếng ăn là miếng nhục"*. Nhưng khổ một nỗi, theo chữ Nho *"miếng nhục"* lại là *"miếng thịt"* vì thế ở trên đời này có nhiều người đã bị nhục nhã chỉ vì tội thèm thịt.

Sau trận bố ráp, bây giờ *"trời êm bể lặng mới yên tấm lòng"*. Những người thiết tha với truyền thống dân tộc bắt đầu lộ diện: họ hiên ngang, hùng dũng, oai phong, lẫm liệt tới tiệm Kầy Hương như vào chỗ không người, để thưởng thức mùi vị quê hương, và để thảo luận về vấn đề *"bốn ngàn năm văn hiến"*.

Nhậu thịt chó mà không bàn về văn hóa Á Đông nói chung, và văn hóa Việt Nam nói riêng, thì cũng phí thịt chó đi mà thôi.

Hôm nay là ngày rằm, nên tiệm Kầy Hương vắng khách như chùa Bà Đanh. (Không ai biết ngôi chùa lừng danh này tọa lạc ở đâu mà có tên kỳ cục vậy). Dù tiệm Kầy Hương đông khách hay vắng khách "như chùa Bà Đanh" đi chăng nữa, người ta vẫn thấy bốn thực khách quen thuộc đang say sưa ăn nhậu và hùng hổ tranh luận. Đó là Đạo Sĩ Vô Thường Đả Tự, Phất Trần Học Sĩ, Thất Danh Kiêu Tử, và ông già Ba Hoa. Ông già này là người mới được con *sờ-bông-so* sang, nên được ba ông già kia mời đi ăn nhậu để chúc mừng kẻ mới tới *"đất hứa... tầm bậy."*

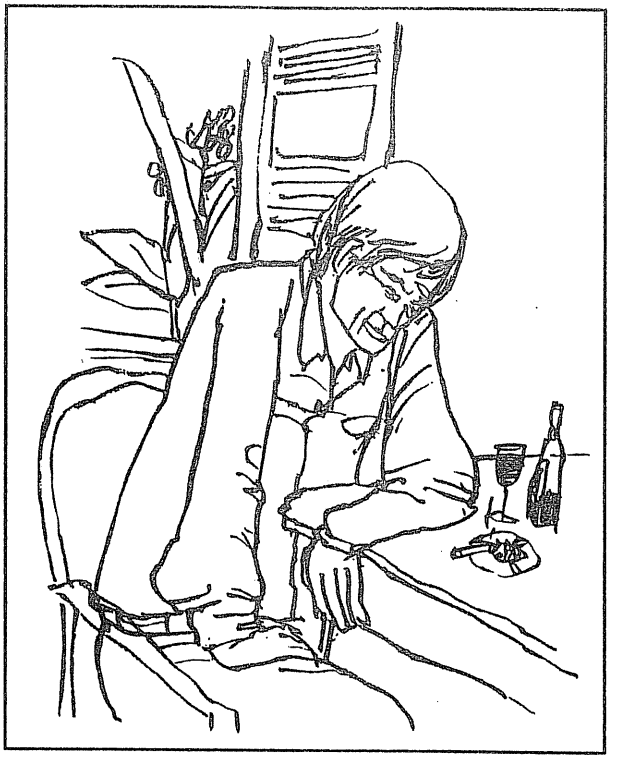

Cuộc nói chuyện trên bàn rượu của bốn ông già lẩm cẩm này được ghi chép đầy đủ, và sau đó được tồn trữ trong văn khố ngoại bang để thế hệ mai sau có đầy đủ tài liệu về thế hệ trước.

Ba Hoa (ra vẻ sành ăn, hấn vừa đủng đỉnh nhai miếng thịt chó vừa nói): *Hồi còn ở quê nhà, tôi đã từng đi la liếm khắp mọi nơi trên đất Việt, từ Ải Nam Quan tới Mũi Cà Mâu, nên tôi có dịp được nếm thịt chó, đủ mùi, đủ vị. Xin lỗi các bác, chứ quả thực tui thấy thịt chó ngoại bang không thơm tho bằng thịt chó Xã Hội Chủ Nghĩa.*

Phất Trần Học Sĩ (lấy giọng kẻ cả, dạy dỗ một tên "hậu sanh", còn non tuổi Mỹ): *Bác mới sang đây, bác phải hội nhập mới nên người. Tuy thịt chó Tư Bản Chủ Nghĩa không ngon và thơm bằng thịt chó Xã Hội Chủ Nghĩa, nhưng chúng ta được thế này là quý hóa lắm rồi. Sống ở đây, mình đành phải chấp nhận hương vị ngoại bang, chứ làm sao bây giờ. Đó là cái giá mà người yêu chuộng tự do phải trả. Ngay các cụ ngày xưa còn dạy rằng "Không có chó, thì bắt mèo ăn... thịt". Dù sao, tôi thấy chó nào cũng là chó. Miễn là mình sống như con người tự trọng chứ không sống như chó ngoại bang hay chó Xã Hội Chủ Nghĩa là được rồi. Có phải không các bác?*

Vô Thường Đả Tự (giọng lè nhè phản đối, vì hấn có cái tật thích "đả tự" người khác): *Bác Phất Trần không nên cho rằng "chó nào cũng là chó," như thế là vơ đũa cả nắm đấy. Ngay chó Việt Nam cũng có nhiều loại, như chó dại, chó dái, chó ghẻ, chó sói, chó săn, chó ngao, chó má, chó đẻ, chó liếm mặt, chó nhẩy bàn độc v.v.. Tuy chó là giống bần tiện, nhưng không vì thế mà ta không phân loại cho rõ ràng. Ăn nói hồ đồ thì không nên. Như Khổng Tử đã dạy, "danh có chính thì ngôn mới thuận."*

Thất Danh Kiêu Tử (ngất ngơ nói, bắt chước kiểu vô vi của ông Trang Tử thời xửa thời xưa): *Tôi thấy hai bác có vẻ khinh khi loài chó quá đáng. Thế nào là sống như chó? Thế nào là sống như người? Loài chó cũng như loài người, đều là sinh vật cả. Rất có thể kiếp trước, giống chó lại là giống người. Hơn nữa, người ăn thịt chó, chứ chó có ăn thịt người đâu? Mình giết lẫn nhau, chứ chó có giết lẫn nhau đâu? Vậy thì loài nào văn minh hơn loài nào? Loài nào có nhiều nhân tính hơn loài nào. Bởi thế cho nên, tôi cũng không biết khi tôi tỉnh dậy, tôi sẽ thấy tôi là con bướm, con chó, hay là con người. Như nữ thi sĩ Vân Cẩu Tiếu Oanh Oanh đã dựa vào hai câu ca dao để làm bài thơ như sau:*

"Sống trên đời không ăn giồi chó,
Chết xuống Âm Phủ biết có hay không".
Ai ngờ Âm Phủ cảm thông,
Bao nhiêu chó chết thả rông lên Trần.
Xuống đây tẩn ngẩn tần ngần,
Âm Ty không chó, hỏi Thần "đồi đâu?"

Vô Thường Đả Tự (bị Thất Danh Kiêu Tử chỉ trích, bèn trả đũa ngay): *Thôi dẹp bài thơ thẩn đó sang một bên. Bác có vẻ hơi mát đấy. Mệnh danh là Kiêu Tử, mà không biết kiêu hãnh đã được sinh ra làm con người. Nhân vị của bác để ở đâu? Bác phải biết rằng bác là một nhân vật chứ không phải là một súc vật hay một đồ vật gì đó. Chỉ những người ngồi*

đỉnh cao đáy giếng mới không biết mình là giống gì. Bác nên nhớ rằng bác là người Việt Nam mang trên vai bốn ngàn năm văn hiến đấy nhé!

Ba Hoa (mới tới Bắc Mỹ nên chưa quen với không khí bạn bè ở đây, khi thấy hai ông già mắng yêu nhau trên bàn rượu, thì hắn tỏ vẻ sợ hãi vô cùng): *Thôi xin các bác bình tĩnh lại cho vui. Sang đến đây còn giở dọng sỗ sàng với nhau làm gì. Đang vui vẻ trong bàn tiệc, nhỡ ra quá lời, rồi mọi người nổi cơn điên, đùng đùng bỏ ra về, thì ai trả tiền bữa nhậu cho tôi hôm nay đây?*

Thất Danh Kiêu Tử (giọng buồn rầu vì hắn cho rằng ông Trang Tử ngày xưa luôn luôn buồn rầu): *Quả thật tôi không biết phải sống như thế nào mới là người Việt Nam chính hiệu Bà Lang Trọc. Nghe nói dân mình phải gánh bốn ngàn năm văn hiến trên đôi vai gầy gò, ốm yếu. Thật là thảm thương! Có lẽ cần phải quẳng bớt đi một chút cho gánh văn hóa này bớt nặng. Vậy, tôi xin phép khấu trừ một ngàn năm trau giồi văn hóa Tàu, gần ba trăm năm mài dao, đẽo dáo tương tàn, hơn một trăm năm học mót văn minh Âu Mỹ và lý thuyết Mác Lê. Nếu bỏ được những thứ cồng kềnh đó đi, thì gánh văn hóa mình cũng nhẹ đi một phần nào cho dân tộc mình được nhờ, nhất là đối với những người già cả như chúng ta, hoặc những người có vai yếu như con sên, hoặc lưng mềm như con tôm lột.*

Phất Trần Học Sĩ (lắc đầu quầy quậy): *Đâu có được. Bớt xén văn hóa như vậy thì còn gì là văn hóa dân tộc nữa! Mua thì mua luôn cả gánh, chứ không có chuyện eo sèo mà cả. Văn hóa không phải là mẹt tôm, thúng cá để bác lấy cớ mè nheo giá cả. Những người yêu chuộng văn hóa là những tay anh-chị rất chịu chơi, chứ không bủn xỉn như vậy đâu.*

Thất Danh Kiêu Tử (ngồi thản nhiên gặp miếng dồi chó lớn bỏ vào mồm nhai ngấu nghiến rồi nói một cách nghẹn ngào, vì nghĩ rằng các tư tưởng gia ngoại bang thời Tây Hán thường hay nghẹn ngào khi nuốt dồi chó): *Bây giờ những người chạy sang đây, bị lạc lõng: Mỹ chẳng ra Mỹ, Tàu chẳng ra Tàu. Những người ở bên nhà thì bơ vơ trên đường đi tìm sự sống: tư bản không ra tư bản, cộng sản không ra cộng sản. Vậy, mình là thứ gì đây?*

Vô Thường Đả Tự (bực mình, nói xẵng): *Bác muốn biết bác là thứ gì thì bác tự vấn lương tâm thì sẽ biết ngay.*

Thất Danh Kiêu Tử: *Tôi cũng đã nghĩ nhiều rồi. Tôi nghĩ rằng tôi chẳng cần phải là giống gì cả. Dại gì mà tự trói mình vào một truyền thống dân tộc nào đó. Có thế mới tự do chứ. Bây giờ tôi thử hỏi các bác, tại sao con người trước khi ra đường lại phải mang dây cà vạt thắt chặt vào cái cổ cò, hoặc mang sú-chiêng bó ngực như bó dò, hoặc mang son phấn ra trát đầy vào mặt? Tại sao phải khổ như vậy, rồi còn ngồi chửi đổng các văn hóa ngoại bang?*

Ba Hoa (gật gù lẩm bẩm, nhưng cố ý nói đủ to để cho mọi người đều nghe thấy là mình đang chửi xỏ): *Quả là tâm địa một tên mất gốc thứ thiệt! Mất gốc thì có gì là vinh dự đâu mà kiêu!*

Phất Trần Học Sĩ (thở dài, ra điều tội nghiệp cho con nai vàng ngơ ngác đang đi lạc trong đống lá vàng khô): *Bác Thất Danh Kiêu Tử thật là vô vi kiểu ẩm ờ. Bác đã vất hết danh tính đi để thoát khỏi cái thường tình của cõi đời ô trọc, thế mà bác vẫn chưa gột được lòng kiêu căng tầm thường của con người. Thế thì làm sao mà đạt được mức vô vi của Lão Tử?*

Thất Danh Kiêu Tử (lấy giọng kiên nhẫn để trả lời một người mà hắn cho là tối dạ): *Nói mãi mà bác không hiểu gì cả. Ngay đến cà vạt Tây tôi cũng không muốn thắt vào cổ, sú-chiêng Đầm tôi cũng không muốn đeo vào ngực, tại sao bác lại cho rằng tôi muốn trở thành một ông già Tàu lang thang đi tìm vô vi?*

Vô Thường Đả Tự (nhìn Thất Danh Kiêu Tử một cách khinh bỉ ra mặt): *Thì ít nhất trong khi ăn thịt chó, bác phải giữ một chút dân tộc tính cho phải lẽ chứ!*

Ba Hoa (vội lái câu chuyện sang hướng khác khi thấy không khí trên bàn rượu trở nên thấm thiết đến mức khó thở): *Kỳ thật! Hồi còn ở Việt Nam, tui không thấy ai đả động đến vấn đề "mất dân tộc tính" hay "còn dân tộc tính". Xin các bác cắt nghĩa cho tui: dân tộc tính Việt Nam hình thù ra sao, mùi vị như thế nào mà mọi người ở đây lại đâm ra say sưa với dân tộc tính như vậy?*

Phất Trần Học Sĩ (ra vẻ buồn rầu cho thế sự, vì mỗi khi sỉn là hắn thường cảm thấy buồn rầu cho thế sự): *Ở đây, người Việt Nam ăn "thịt chó nóng" (hot dog) quá nhiều nên sợ mất gốc, mới thắc mắc về vấn đề dân tộc tính. Còn ở Việt Nam không ai muốn nói đến dân tộc tính hết, vì thấy Đảng và Nhà Nước đã dùng dân tộc tính làm bàn đạp để lấy đà nhảy vọt lên Xã Hội Chủ Nghĩa. Những tay say mê ông tổ Mác-Lê thường yêu dân tộc mình như vậy đó, nên toàn dân thấy ớn và không muốn đả động đến nguồn gốc nữa.*

Thất Danh Kiêu Tử (dạy đời một cách rất rẻ tiền, với giọng đạo đức giả thứ thiệt): *Ngoài ra, ở đây có người lại dựa vào "dân tộc tính" để bôi nhọ vào mặt nhau. Thật là tội nghiệp! Nhiều người cứ mải chạy theo dân tộc tính, rồi đánh rơi mất dân tộc ở dọc đường lúc nào mà không hay.*

Vô Thường Đả Tự (ra vẻ một người hiểu biết, tài cao, học rộng. Hắn vừa lôi một cuốn sách cũ trong bọc ra, vừa nói): *Theo tôi nghĩ, nước nào cùng có dân tộc, và dân tộc nào cũng có dân tộc tính. Muốn biết dân tộc Việt Nam ở đâu mà ra, và dân tộc tính Việt Nam như thế nào, tôi xin đọc mấy đoạn trong sách Việt Nam Sử Lược của cụ Trần Trọng*

Kim mà tôi đã mang theo đây cho các bác nghe. Trong trang 6 ở quyển I, cụ viết rằng:

Dẫu người mình thuộc về chủng loại nào mặc lòng, về sau người Tàu sang cai trị hơn một ngàn năm, lại có khi đem sang nước ta hơn bốn mươi vạn binh, chắc là nòi giống cũ của mình đã lai đi rất nhiều rồi...

Phất Trần Học Sĩ (bỗng giơ tay lên trời khóc rống như con heo bị cắt tiết): *Trời đất, quỷ thần ơi! Nước mình lúc đó mới có chừng vài triệu dân, thế mà gần nửa triệu lính Tàu lực lưỡng kéo xang đè nén dân mình hơn mười thế kỷ thì còn gì là dân mình nữa! Trời ơi! Đất hỡi! Vậy, các đấng tu mi nam tử đã di tản đi đâu mà không nghe thấy tiếng rên xiết lầm than của dân tộc để đến nỗi con Rồng cháu Tiên trở thành một đám Tàu lai!*

Thất Danh Kiêu Tử (hỏi Phất Trần một câu dzớ dẩn, rất ư là lẵng nhách): *Làm sao bác biết là dân tộc thời đó rên xiết lầm than? Làm sao bác biết là các đấng tu mi nam tử không biết tử thủ giòng máu Lạc Hồng, không biết "trả thù dân tộc"?*

Phất Trần Học Sĩ (vừa giả bộ quệt nước mắt, vừa trả lời theo kiểu cù nhầy): *Thì tôi đoán vậy thôi, chứ làm sao mà biết chắc được. Tuy nhiên, chỉ những kẻ vô loài, coi thường danh dự quốc gia dân tộc Việt Nam mới không tin rằng dân tộc ta thời đó sống rất là cơ cực, ngày đêm bị gần nửa triệu lính Tàu cường tráng đè nén để đến nỗi cụ T.T. Kim phải than rằng:* ***"nòi giống cũ của mình đã lai đi rất nhiều rồi"****.*

Ba Hoa (mới di cư tới Bắc Mỹ, nên hãy còn nhớ nhà, vừa nhai thịt chó vừa nói với giọng ngậm ngùi): *Trước khi sang đây, tôi thấy ở thành phố Bác Hồ nhan nhản con cháu Bác Nixon. Ấy là lính Mỹ mới sang uấn lộn ở Việt Nam chỉ có gần 10 năm thôi! Nếu đế quốc Mỹ quyết chí ở lại đè nén dân mình 1000 năm nữa, thì không biết dòng giống Việt Nam sẽ đi về đâu. Tôi chắc lúc đó toàn thể dân tộc mình sẽ có tóc vàng, mắt xanh, hút sì-gà như Bác Clinton và cô Monica ngày nay vậy!*

Thất Danh Kiêu Tử (vẫn có giọng nói ngang như cua): *Thì đã sao? Các cụ ông ngày xưa khi bị cắm sừng lên đầu thường triết lý vụn rằng "Cá vào*

HOÀNG XUÂN SƠN

TẮM ĐẠN Ở QUÁN VĂN

Nạp đạn
bia lên
bắn ngồi
buông thả nằm tựa vai lưng
bắn
xối xả
uống xối xả
nạp đủ kiểu ào ào
tắm bia
và đạn
đạn trong veo bắn không chết
dộng nước đá vô thùng
cây đứng chờ rót gió
đổ ào xuống
bia
hạn hán mười năm mưa rào
mười lăm năm chục két
đổ ào xuống
đạn
cười ran thơ ngây ở tùy thân
đổ cười vô thùng
vô
sóng bọt trào dâng ngập rốn
tắm ngợp đời
đường nheo ngắm đạn không hề hấn
lâu nghê lắm
cười
và hát dưới trăng.

27/03/2001

ao ta, thì ta bắt". Tình phụ tử cao siêu như vậy mới đáng làm gương tầy liếp cho hậu thế.

Thất Danh Kiêu Tử (thấy mọi người bỗng giật mình đưa tay lên sờ đầu, hắn mỉm cười, rồi nói tiếp): *Bây giờ ngồi nghĩ lại trận chiến tranh vừa qua, tôi thấy phục tài làm ăn của tụi tư bản Mỹ quá chừng. Khi tụi nó rời Việt Nam, nó cuỗm đi luôn một triệu dân chính giống học rộng tài cao, và để lại có vài chục ngàn tí nhau lai giống. Được cả một gánh vàng nguyên chất, mà chỉ mất có mấy cục vàng tây! Lời quá sức tưởng tượng! Hiệp thương với tụi tư bản Mỹ thì có ngày "mất cả chì lẫn chài".*

Võ Thường Đả Tự: *Xin các bác hãy tạm ngưng bàn lẩm cẩm theo kiểu Mao Tôn Cương, để tôi đọc tiếp sách của cụ T.T. Kim cho mà nghe:*

Về đẳng trí tuệ và tính tình, thì người Việt Nam có cả các tính tốt và các tính xấu. Đại khái thì trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều sáng dạ, nhớ lâu, lại có tính hiếu học, trọng sự học thức, mến điều đạo đức: lấy sự nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, làm năm đạo thường cho sự ăn ở.

Phất Trần Học Sĩ (cảm thấy thú vị ra mặt, bèn cắt ngang xương): *Cụ T.T. Kim nhận xét tính tình của tôi rất là tinh tường. Chẳng trách cụ được coi là nhà học giả thứ thiệt. Những người "đạo đức" và "sáng dạ" như tôi mới thấy rõ sự hiểu biết uyên thâm của cụ.*

Võ Thường Đả Tự (bị cắt ngang xương, hắn ngước mắt lườm Phất Trần): *Thì cứ ngồi yên, nghe tiếp xem sao. Đừng le te kết luận vội.* (Rồi đọc tiếp):

Tuy vậy vẫn hay có tính tinh vặt, cũng có khi quỷ quyệt, và hay bài bác chế nhạo. Thường thì nhút nhát, hay khiếp sợ và muốn sự hòa bình, nhưng mà đã đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỷ luật.

Phất Trần Học Sĩ (trước thú vị ra mặt, bây giờ lại cụt hứng ra mặt, hắn bèn nổi cáu): *Ông già T.T. Kim này nói tầm bậy rồi. Tôi đâu có **"tính khôn vặt"** và **"quỷ quyệt"**. Tôi đâu có **"nhút nhát"**. Tôi chẳng **"khiếp sợ"** thằng cha nào trên cõi đời này hết. Đứa nào lơ tơ mơ với tôi, là tôi lấy phất trần quất vào mông đít nó ngay lập tức.*

Thất Danh Kiêu Tử (vẫn nói cái giọng nói ngang như cua): *Nếu bác nói như vậy, tức là bác thiếu một nửa dân tộc tính Việt Nam rồi còn gì nữa! Bác muốn duy trì dân tộc tính 100 phần 100 trong lòng bác, thì bác nên về nhà cố gắng tu luyện **"tính tinh vặt"**, **"quỷ quyệt"**, và phát triển tinh thần **"nhút nhát hay khiếp sợ"** đi thì vừa.*

Võ Thường Đả Tự (không thèm để ý lời bàn tán, tiếp tục đọc cuốn Việt Nam Sử Lược của cụ T.T. Kim):

[Người Việt Nam] Tâm địa thì nông nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và ưa trương hoàng bề ngoài, hiếu danh vọng, thích chơi bời, mê cờ bạc.

Phất Trần Học Sĩ (nghe đến đây, chịu không nổi, hắn nổi giận tam bành, phùng má trợ mắt bào chữa): *Tôi đâu có **"tâm địa nông nổi,"** tôi đâu có phải là hạng **"chơi bời, mê cờ bạc"**, mà bị lên án tôi như vậy. Tôi cá với các bác một trăm đô là ông già T.T. Kim đã bị tụi thực dân bỏ bùa mê nên mới mạ lỵ thậm tệ dân tộc mình như vậy. Hơn nữa, tôi là một người khiêm tốn nhất trần đời, chứ đâu có phải là hạng **"hiếu danh"**, hay **"khoe khoang"** như ông ấy đã vu khống cho tôi. Thôi dẹp cuốn sách đó đi! Đừng đọc nữa! Tôi không muốn nghe những lời vu khống tầm bạy tầm bạ như vậy nữa đâu!*

Võ Thường Đả Tự: *Sao bác nóng nẩy quá vậy. Thì cứ ngồi đây để tôi đọc tiếp cho mà nghe.*

[Người Việt Nam] hay tin ma tin quỉ, sùng sự lễ bái, nhưng mà vẫn không nhiệt tin tôn giáo nào cả. Kiêu ngạo và hay nói khoác, nhưng có lòng nhân, biết thương người và hay nhớ ơn.

Thất Danh Kiêu Tử (giọng ba phải): *Ở chỗ này, nhận xét của cụ T.T. Kim có phần sai, có phần đúng.*

Võ Thường Đả Tự (vội hỏi): *Sai chỗ nào và đúng chỗ nào?*

Thất Danh Kiêu Tử: *Khi viết rằng người Việt Nam **"không nhiệt tin tôn giáo nào cả"** tức là cụ T.T. Kim cho rằng người Việt Nam không cuồng tín. Điều nhận xét này không đúng, vì tôi thấy có người thờ phụng các ông Mác-Lê chưa đủ liều, mà còn mang xác Bác Hồ ra phơi ngoài vườn bông, rồi ngày ngày bắt mọi người tới chiêm ngưỡng. Tôi cùng thấy cụ T.T. Kim nói sai khi nghĩ rằng dân mình biết **"thương người"**. Cứ nhìn vào cuộc đấu tố hồi thập niên 1950, vụ tàn sát ở Huế hồi Tết Mậu Thân, rồi mang cả trăm ngàn người vào rừng hành hạ thì tôi không thấy tình **"thương người"** nằm ở chỗ nào. Nếu dân mình biết **"thương người"** thì đâu có khổ như vậy.*

Võ Thường Đả Tự: *Thế còn đúng chỗ nào?*

Thất Danh Kiêu Tử (đủng đỉnh trả lời): *Cụ T.T. Kim nói rất đúng khi nhận xét về tính **"kiêu ngạo"** và **"nói khoác"** của người Việt Nam. Về mục này, dân tộc mình thuộc loại tổ sư thiên hạ rồi. Có dân tộc hậu tiến nào dám vỗ ngực, tự cho mình là "siêu việt", là đã leo tới "đỉnh cao trí tuệ của loài người", là "lương tâm của loài người", là "lương tri của thời đại"? Cụ T.T. Kim cũng nói đúng khi cho rằng người Việt Nam biết "nhớ ơn". Quả thật, dân mình biết nhớ ơn cùng mình! Kẻ nào có ý định "chối bỏ công lao của Bác và những anh hùng cách mạng" thì có ngày bị ốm đòn.*

Ba Hoa (được Bác và Đảng nuôi nấng và dạy dỗ gần 25 năm trời, nên hắn rất cay cú với Bác và Đảng): *Xin lỗi bác Thất Danh Kiêu Tử, bác sỉn rồi nên không biết phân biệt chính với tà. Tác phong tàn ác và khoe*

khoang lố lăng của tụi Việt Cộng không phản ảnh dân tộc tính Việt Nam. Tui đã từng sống gần một phần tư thế kỷ với tụi nó, nên tui biết tụi nó quá nhiều. Tụi nó không những mất hết dân tộc tính mà mất luôn cả nhân tính nữa lận!

Vô Thường Đả Tự: *Từ ngày sinh ra đời, tụi nó có dân tộc tính đâu mà mất với còn. Thôi chuyện tố cộng xin các bác để hồi sau phân giải, bây giờ tôi xin đọc tiếp.*

Đàn bà [Việt Nam] thì hay làm lụng và đảm đang, khéo chân, khéo tay, làm được đủ mọi việc mà lại biết lấy gia đạo làm trọng, hết lòng chiều chồng, nuôi con, thường giữ được các đức tính rất quý là tiết, nghĩa, cần, kiệm.

Phất Trần Học Sĩ (chợt nhớ tới ngày bị bà vợ mang phất trần đánh đuổi ra khỏi nhà vì tội chơi bời lêu lổng suốt ngày, bây giờ nghĩ lại hắn vẫn còn thấy tức trong lòng): *Ông T.T. Kim bị tụi sen-đầm thực dân Pháp mua chuộc rồi, nên mới giở trò nịnh sen, nịnh đầm quá xá trời như vậy. Tôi càng nghe, tôi càng muốn điên tiết lên đây nè.*

Ba Hoa (là người đần độn, không mê đọc sách, vội van xin): *Xin các bác tha cho tui, đừng mang sử ký ra dạy nhau làm gì nữa. Tui hổng cần phải học làm người Việt Nam. Trong lòng tui, tui cảm thấy tui là người Việt hoàn toàn, từ đầu-mình tới chân-tay, không thiếu bộ phận Việt Nam nào ráo trọi. Thế là đủ rồi. Ai muốn biết tôi có đầy đủ dân tộc tính hay không thì cứ việc chui tọt vào bụng tôi mà xem!* (Nói xong, hắn bỏ tọt một miếng chả chó vào mồm nhai ngấu nghiến, nuốt thẳng vào bụng, rồi thách thức nhìn mọi người).

Thất Danh Kiêu Tử (vừa uống rượu, vừa lắc đầu thở dài): *Ngồi nhậu thịt chó với các bác, tưởng học hỏi thêm được chút đỉnh, nhưng than ôi, các bác chỉ làm tôi bối rối:*

như thuyền ra khơi không chèo lái,
như con gái bị chửa hoang,
như rượu nhà hàng không mồi nhắm,
như ông Tây trắng ngồi đợi đầm non,
như vợ còn son mà chồng thì kiệt lực,
như Từ Thức không gặp được Tiên Nga,
như Kinh Kha đánh rơi đoản kiếm,
như con kiến đi kiện củ khoai,
như con lai đi tìm lính Mỹ
như con khỉ cái đi giầy đinh ...

Ba Hoa (bị rơi vào ngôn ngữ hỏa mù, hắn vội vã lên tiếng cắt ngang bài vè): *Thôi đủ rồi, bác ơi! Cứ "như... như" mãi làm tui chóng cả mặt. Tui người xứ quê, nghĩ sao nói dzậy. Xin bác cho biết tại sao bác bối rối? Nói toạc móng heo ra cho bà con nhờ.*

Thất Danh Kiêu Tử: *Tôi bối rối vì bị các bác chê tôi là con người mất gốc, mất dân tộc tính, nhưng tôi vẫn không biết là đã mất cái gì. Bác Ba Hoa thì chỉ cảm thấy dân tộc tính trong lòng thôi, nhưng nói ra không được. Vậy dân tộc tính là một thứ rất bí ẩn, không ai có thể biết được nó ra sao, và giữ nó bằng cách nào. Vậy tôi còn dân tộc tính hoặc mất dân tộc tính thì làm sao các bác biết được?*

Ba Hoa (gật gù hưởng ứng): *Bác có giữ được dân tộc tính hay đánh mất ở đâu rồi thì chỉ có Trời biết.*

Thất Danh Kiêu Tử (gắp một miếng thị chó bỏ vào mồm, đủng đỉnh nhai, rồi nói tiếp): *Bác Đả Tự mang sách cụ T.T. Kim ra để cho tôi biết vài chi tiết về đặc tính người Việt Nam. Có vài đặc tính rất là đáng chê, có vài đặc tính rất là cao thượng. Vậy nếu chỉ gán cho mình những đặc tính tốt và chối bỏ những đặc tính xấu như bác Phất Trần đã làm, thì bác này quả là một thứ lai căng, vì trong người bác chỉ có 50 phần 100 dân tộc tính.*

Phất Trần Học Sĩ (lúc này sỉn lắm rồi, hắn đập mạnh ly rượu lậu xuống bàn, rồi hùng hổ nói lớn): *Này ăn nói đàng hoàng một chút, nếu không ông lại khện cho một trận bây giờ. Đừng nghĩ rằng mình là thứ người không ra người, ngợm không ra ngợm, rồi tưởng có quyền ngồi chửi người ta là loài lai căng!*

Vô Thường Đả Tự (thấy hai người sắp gây lộn thì trong lòng rất khoái trí): *Xin bác Phất Trần đừng nổi nóng, ráng ngồi vui vẻ đấu láo với nhau. Chúng ta ở đây toàn là thứ "cá mè một lứa", ai cũng tự cho mình là người Việt Nam chính quy, tràn trề dân tộc tính. Vậy xin bác Thất Danh cho biết làm thế nào để phân biệt người Việt Nam thứ giả với người Việt Nam thứ thiệt?*

Thất Danh Kiêu Tử (ra cái điều là mình đã học mót được tinh thần đa văn hóa của tụi ngoại bang): *Tại sao bác lại phải tìm cách phân chia người Việt với người Việt, hay con người với con người? Khi Phật Tổ giảng về kiếp người, Ngài đâu có phân biệt người Ấn Độ với người Việt? Các Phật tử Việt Nam đâu có phải là người Ấn Độ? Khi Chúa Cứu Thế cho ta biết rằng con người mang hình ảnh của Chúa, Ngài đâu có dạy rằng chỉ có người Do Thái mới được đặc cái ân đó? Các người Thiên Chúa giáo Việt Nam đâu có phải là người Do Thái? Vậy tôi thử hỏi các bác: Người nào có nhiều dân tộc tính Việt Nam hơn: người Ấn Độ hay người Do Thái? Xin các bác cho tôi biết.*

Vô Thường Đả Tự (định cãi lại, nhưng hắn không dám, vì sợ đụng chạm đến tôn giáo thì có ngày bị đánh đòn hội chợ): *Vậy theo bác, dân tộc tính Việt Nam có những nét đặc thù nào?*

Thất Danh Kiêu Tử (lắc đầu chán nản): *Tôi đã nói với các bác rằng tôi không biết dân tộc tính Việt Nam hình thù ra làm sao, mùi vị như thế nào. Tuy nhiên, tôi chỉ biết đại khái rằng dân tộc tính nước nào cũng vậy. Tự nó phát triển tùy theo một môi trường nào đó. Hiện nay, cả thế giới đang thay đổi*

theo chiều hướng toàn cầu, coi nhân loại như một nhóm người đồng cảnh, đồng thuyền. Nếu không cẩn thận, toàn thể sinh vật sống trên trái đất này sẽ chết vì ô nhiễm hoặc vì phóng xạ. Chỉ người ngây thơ mới nghĩ rằng dân tộc tính Việt Nam cần phải phản ảnh trung trực nền văn hóa thời Nhà Lý, Nhà Trần, Nhà Lê, hay gần hơn nữa là Nhà Nguyễn, hoặc nhà Hồ.

Phất Trần Học Sĩ (lắc đầu thở dài): *Đúng là luận điệu của một tên mất gốc, tìm cách chôn vùi quá khứ!*

Thất Danh Kiêu Tử (không thèm nghe tiếng thở dài xỏ xiên): *Bác thử nghĩ xem, khi quá khứ đã đội nón ra đi rồi, thì làm sao bác có thể kéo nó lại được nữa? Chúng ta không khác gì hai anh chàng Lưu, Nguyễn, hay ông A-Dong và bà E-Và. Đường ra khỏi Thiên Thai hay Địa Đàng là con đường một chiều. Mơ tưởng trở về nơi đó thì không khác gì một cậu sinh viên sắp đậu bằng kỹ sư rồi mà vẫn còn muốn trở về nhà nhõng nhẽo với mẹ.*

Ba Hoa (bỗng nhiên gục xuống bàn khóc thút thít như một đứa con nít nhõng nhẽo với mẹ): *Má ôi là má ôi! Ngồi nghe mấy tay khùng này nói huyên thuyên, con cũng muốn khùng luôn. Má ôi! Ở nhà thì phải nghe văn hóa cách mạng xã hội chủ nghĩa, sang đây lại phải nghe văn hóa dân tộc. Sao con khổ thế này, má ơi!*

Thấy Ba Hoa khóc lóc thảm thiết, mọi người bèn ngừng nhai thịt chó, ngồi mặc niệm đúng một phút để tưởng nhớ má của mình. Sau đó lại nhai, lại nuốt, lại đấu láo, lại khoe khoang, lại chửi xỏ chửi xiên lẫn nhau.

Phất Trần Học Sĩ (tiếp tục câu chuyện trong khi Ba Hoa vẫn còn sụt sịt): *Nếu dân tộc tính thay đổi không ngừng, thì ta nên thay đổi theo chiều hướng nào?*

Thất Danh Kiêu Tử (cố bớt giọng sỉn lè nhè, để thêm phần trang trọng như những tên du thuyết Tầu thời xưa): *Con người không hoàn toàn tùy thuộc vào môi trường như con sâu, cái kiến. Trong mọi diễn biến, con người vẫn còn có khả năng quy định chiều hướng thay đổi của mình. Cái tối thiểu con người phải làm là phát huy lòng từ bi của đức Phật Thích Ca, hay lòng bác ái của đức Chúa Cứu Thế. Nếu ta theo lý thuyết Mác-Lê coi con người chỉ là sản phẩm của hệ thống kinh tế tức là hệ thống "tứ khoái", thì con người có khác gì con sâu, cái kiến!*

Ba Hoa (lúc này lòng nhớ mẹ cũng nguội dần, nhất là sau khi nốc cạn ly rượu lậu, hắn chùi nước mắt rồi nói): *Uống rượu cho đã, rồi các bác nói trên trời dưới biển, chẳng ra làm sao. Môi trường hay môi đoản gì đó, thì kệ cha nó; môi dài hay môi ngắn thì mặc xác cái môi. Dồi chó muôn đời vẫn là dồi chó. Theo tui nghĩ, người Việt Nam nào không biết ham mê thịt chó thì chắc chắn không phải là người có dân tộc tính. Chuyện chỉ giản dị có dzậy thôi, mà các bác cứ bàn ra tán dzô làm tôi nhức óc!*

Thấy Ba Hoa nói rất ư là hợp khẩu vị, ba nhà học giả thứ giả vỗ tay khen ngợi ông già từ miền Cà Mâu mới tới định cư tại đây.

Võ Thường Đả Tự: *Bác Ba Hoa nói rất đúng. Thịt chó quả là một thứ khí cụ linh nghiệm để bảo tồn văn hóa. Dân tộc nào biết dựa vào thịt chó để làm căn bản cho văn hóa mình thì dân tộc đó sẽ tồn tại muôn đời.*

Phất Trần Học Sĩ (cũng nói đua theo): *Đúng đấy! Cứ mang đĩa dồi chó thơm tho này ra nhử thì bất cứ kẻ lạc đường nào cũng có thể đánh hơi để tìm được lối trở về với dân tộc! Nếu cần, thì ấn đĩa chả chó thơm phưng phức này vào mũi thằng mất gốc thì nó cũng nhận ra ngay là thịt chó đánh bạt mùi chua của xì dầu Tầu, mùi khẳm của phó-mát Mỹ, hoặc mùi hôi của gạo bo bo Liên Sô!*

Thất Danh Kiêu Tử: *Chúng ta đã gặp nhau trong khi đang sống bơ vơ nơi xứ người. Ta cũng bơ vơ như mọi người, nên ta không biết ta là ai nữa. Ta cũng không biết người nào có thừa dân tộc tính, và người nào còn thiếu dân tộc tính. Nhưng khi ta nhìn những người cùng cảnh ngộ, ta cảm thấy hình như "mi cũng là ta", và "ta cũng là mi".*

Nói đến đây, Thất Danh Kiêu Tử nổi hứng ca sĩ, hắn lấy đũa gõ nhịp vào chai rượu trong khi hát như sau:

Mi ("me") Là Ai ("I")?

Này mi có nhận ra ta?
Giờ mi có biết ta là ai không?
Mi khôn, ai dốt, mặc lòng,
Mi sang, ai khó, sắc-không nghĩa gì.
Mi cười, ta khóc thương mi,
Vì mi vướng phải sân-si quá nhiều!
Mi ngâm thơ-phú đủ điều,
Nhưng mi đâu thấy mây chiều long đong.
Mi thương giòng giống Lạc Hồng

Nhưng mi quên mất con Rồng, cháu Tiên!
Mi đừng vỗ ngực huyên thiên,
Như tên mơ ngủ triền miên xuốt đời.

*

Bà *"Hương Không Râu"* thấy mấy ông già ngồi ăn uống nhồm nhoàm, lúc thì khóc, lúc thì cười, như đám con nít. Bà bỗng cảm thấy tình mẫu tử nổi lên cuồn cuộn, và thấy sốn sang trong lòng. Bà mỉm cười nghĩ đến chương trình phát triển dân tộc tính mà bà sẽ thực hiện ngay trong quán Kầy Hương này. Bà tin rằng bà sẽ thành công vì năm nay theo số tử vi, bà có sao Hồng Loan chiếu mạng./.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI:

ÁN TÍCH CỘNG SẢN VIỆT NAM

NGUYỄN PHI KHANH

Sách "Án tích cộng sản Việt Nam" của tác giả Trần Gia Phụng, do Nhà xuất bản Non Nước ấn hành ở Toronto tháng 8-2001, dày 464 trang, giấy trắng mỏng, trình bày trang nhã, với nhiều hình ảnh, bản đồ để minh họa rất có giá trị lịch sử. Đây là tác phẩm biên khảo thứ 7 của ông từ khi ông ra hải ngoại năm 1997. Tuy trình bày những vụ án do đảng Cộng Sản gây ra từ năm 1945 đến năm 1975, nhưng đây cũng là một quyển sách viết về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến 1975 và cả về sau nữa, vì tác giả luôn luôn đặt những vụ án trong khung cảnh lịch sử mà vụ án đã xảy ra. Sau đây chúng tôi xin tóm lược nội dung các chương trong sách "Án tích cộng sản Việt Nam".

Trước hết, tác giả đưa ra những khái niệm căn bản về những từ ngữ chính trị thông dụng từ đầu thế kỷ 20, ví dụ thế nào là Việt Quốc, Việt Cách, Quốc gia, Việt Minh, đảng Cộng Sản, và các tổ chức Quốc tế, từ Đệ nhất Quốc tế đến Đệ tứ Quốc tế. Những vấn đề chính trị nầy rất đơn giản, được nói đến hằng ngày trong sinh hoạt chính trị, nhưng có thể ít người chú ý đến xuất xứ cũng như diễn tiến của các tổ chức đó trong lịch sử hiện đại. Những khái niệm căn bản nầy chẳng những cần thiết để đi vào sách được dễ dàng, mà còn giúp mọi người dễ hiểu những vấn đề chính trị thời sự; ví dụ cụ thể nhất ở hải ngoại hiện nay, khi thấy các bậc cha ông thường tổ chức những cuộc sinh hoạt chính trị chống cộng và đề cao chính thể Quốc gia hay lý tưởng Quốc gia, nhiều thanh niên mới lớn ở ngoài nầy thường thắc mắc: Việt Minh Cộng Sản là gì? Đệ tam Quốc tế là gì? Chính thể hay lý tưởng Quốc gia là gì? Từ đâu mà có? Tại sao lại chống cộng?...Tất cả đều đã được ông Trần Gia Phụng trình bày gọn và đầy đủ, rõ ràng trong chương đầu vào sách "Án tích cộng sản Việt Nam".

Từ chương thứ nhì đến chương thứ 9 là những vụ án lớn do đảng Cộng Sản Việt Nam gây ra. Trước hết là "Nạn đói năm 1945". Từ khi nạn đói xảy ra năm 1945 cho đến nay, mọi người đều nghĩ rằng hai thủ phạm chính của thảm kịch nầy là Pháp và Nhật. Nay tác giả chứng minh cho thấy là ngoài hai thủ phạm trên, còn có Việt Minh cộng sản. Tác giả nhấn mạnh rằng hai kẻ ngoại quốc giết hại người Việt là việc thường tình vì họ chẳng thương yêu gì người Việt, nhưng chính những kẻ tự mệnh danh là "đồng bào", "yêu nước", tức Việt Minh cộng sản, đã tiếp tay với những kẻ xâm lăng làm cho nạn đói thêm trầm trọng, khiến cho người Việt phải khốn khổ trăm bề. Tác giả đã chứng minh rằng chính Việt

Minh đã cướp những đoàn vận tải thực phẩm từ trong Nam ra Bắc cứu trợ, rồi đem lên mật khu để nuôi quân. Quỹ "Cứu đói" do đồng bào cả nước quyên góp để giúp đỡ những người bị đói cũng đã bị Việt Minh tịch thu. Thế mà năm nay, chưa hiểu vì lý do nào sâu xa nào, cộng sản Hà Nội còn giả nhân giả nghĩa tổ chức lễ truy điệu những người đã chết vì nạn đói năm 1945.

Chương thứ ba là"Những cuộc thủ tiêu chính trị của Việt Minh" từ khi cộng sản cướp chính quyền năm 1945. Theo tác giả, cộng sản đã thủ tiêu một cách có kế hoạch tất cả những người hoạt động chính trị không theo cộng sản, từ trung ương đến địa phương, để triệt tiêu từ thượng tầng đến hạ tầng cơ sở của những đảng phái và khuynh hướng chính trị đối lập, đồng thời để triệt tiêu luôn cả những tiềm năng có thể sẽ chống lại cộng sản. Điều nầy cho thấy vì sao tình hình chính trị ở miền Nam sau 1954 phải lúng túng một thời gian vì thiếu cán bộ lãnh đạo ở thành phố cũng như ở nông thôn.

Chương thứ tư nói đến "Cuộc cải cách ruộng đất ở Bắc Việt". Khi nghe nói đến "Cải cách ruộng đất", ai cũng nghĩ đến những cuộc đấu tố rùng rợn, nhưng ít ai biết đến "tam đồng", "bắt rễ xâu chuổi","đấu lý, đấu lực, đấu pháp, đấu ảnh" là gì? Ngoài tài liệu sách vở, tác giả đã tìm hỏi những người đã sống qua giai đoạn nầy và trình bày lại rất linh động những màn đấu tố "lý lực pháp ảnh", và giải thích mục đích cũng như hậu quả lâu dài của "Cuộc cải cách ruộng đất".

Chương thứ năm là vụ án "Nhân Văn – Giai Phẩm", mà nhiều người thường gọi là "Trăm hoa đua nở trên đất Bắc". Đây là vụ án các văn nghệ sĩ đòi nới rộng quyền tự do ngôn luận ở ngoài Bắc vào năm 1956, nhưng bị nhà cầm quyền cộng sản dập tắt ngay. Cộng sản còn đưa ra xét xử một số nhân vật có khả năng lãnh đạo quần chúng (văn nghệ sĩ) để chống đảng là Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, và Thụy An Lưu Thị Yến.

Chương thứ sáu đề cập đến vụ án lâu năm nhất ở ngoài Bắc còn di căn cho đến ngày nay là vụ án mà nhà cầm quyền Hà Nội gọi là "Vụ án tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài". Theo tác giả, nguyên nhân chính của vụ án nầy phát sinh do việc một số đảng viên Lao Động muốn thực hiện chính sách "chung sống hòa bình" do lãnh tụ Liên Xô là Krút-sốp đưa ra vào năm 1956. Krút-sốp đã đề nghị hai miền Bắc (Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) và miền Nam (Việt Nam Cộng Hòa) cùng gia nhập Liên Hiệp Quốc, nhưng các lãnh tụ Bắc Việt, cầm đầu là Hồ Chí Minh, quyết liệt phản đối vì họ chỉ muốn xâm chiếm miền Nam bằng võ lực. Những người theo chủ trương "chung sống hòa bình", chống lại đường lối bạo lực của nhà cầm quyền Hà Nội, đã bị vu cho tội chống đảng Lao Động và bị bắt giam từ năm 1967 cho đến sau năm 1975. Cũng theo tác giả, vụ án nầy có tính cách điển hình của nền độc tài đảng trị, không luật pháp, vì chống đảng là việc nội bộ của riêng đảng, đảng có quyền đưa ra biện pháp kỷ luật đối với đảng viên mình, nhưng tại sao nhà cầm quyền Hà Nội (tức chính phủ chứ không phải là đảng) lại bắt giam họ mà không xét xử?

Theo ông Trần Gia Phụng, cả ba vụ "Cải cách ruộng đất", "Nhân Văn – Giai Phẩm", và "Vụ án tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài", đều do chủ trương của đảng Lao Động (tức đảng Cộng Sản) và nhà cầm quyền Hà Nội, nhắm mục đích quét sạch miền Bắc để chuẩn bị tiến hành chiến tranh chống miền Nam.

Chương thứ bảy nói về việc đổi lịch của nhà cầm quyền Hà Nội năm 1968 để tổ chức tấn công bất ngờ vào dịp Tết Mậu thân (1968). Đổi âm lịch hay sửa âm lịch là chuyện bình thường dựa trên điểm quan trắc về sự vận chuyển của mặt trời, mặt trăng và quả đất. Tuy nhiên cố tình đổi sai lịch, và cố tình đổi lịch vội vàng, bất ngờ để tấn công miền Nam, giết hại hàng chục ngàn người là một tội lỗi dân tộc.

Tội lỗi nầy càng lộ rõ trong cách tiến hành cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, chôn sống đồng bào, đã được trình bày qua chương thứ tám trong sách "Án tích cộng sản Việt Nam." Theo sách nầy, đây là một tội ác nhân loại, một vết nhơ lịch sử không bao giờ phai mờ trong ký ức của người Việt. Vụ giết hại đồng bào trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân cho thấy chính sách độc tài bạo lực nhất quán của đảng Lao Động tức đảng Cộng Sản từ năm 1945 trở đi cho đến khi họ cướp được chính quyền ở miền Nam năm 1975.

Người đã lập nên đảng Cộng Sản Việt Nam và lãnh đạo đảng nầy gây ra cuộc chiến tranh ý thức hệ từ 1945 cho đến 1975, làm cho hơn ba triệu dân Việt tử vong là Hồ Chí Minh. Đây là một nhân vật lịch sử hiện đại được đảng Lao Động tô vẽ nhiều huyền thoại,. Ông Trần Gia Phụng đã "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh" trong chương thứ chín. Tác giả đã đập tan bảy huyền thoại về họ Hồ: huyền thoại về người cha, huyền thoại ra đi tìm đường cứu nước, huyền thoại cuộc sống độc thân giản dị, huyền thoại đoàn kết dân tộc, huyền thoại giải phóng dân tộc, huyền thoại tư tưởng Hồ Chí Minh, huyền thoại lăng Hồ Chí Minh, với những chứng lý cụ thể được lưu trữ trong các thư khố Pháp.

Cuối cùng là bài kết luận cho toàn bộ quyển sách "Án tích cộng sản Việt Nam". Kết luận về những vụ án nêu ra trong sách, tác giả nhấn mạnh đảng Cộng Sản Việt Nam không những chỉ là một đảng độc tài,

độc tôn, mà còn mang tính chất vong bản ngoại lai, làm tay sai cho Liên Xô và Trung Cộng, nên đã cầu viện nước ngoài, nhường các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Cộng, để đổi lấy viện trợ quân sự, gây ra chiến tranh ý thức hệ, làm cho hơn ba triệu người Việt tử vong, làm cho dân chúng Việt Nam nghèo đói, tạo nên sự chia rẽ giữa dân chúng Việt Nam, và đưa đến thảm trạng suy đồi văn hóa hiện nay ở trong nước, mà tác giả cho rằng còn khó hàn gắn và sửa chữa, phục hưng hơn là những thiệt hại vật chất và nhân mạng. Tuy nhiên, tác giả vẫn lạc quan về tương lai và cho rằng: "*Trước một đối thủ độc tài quyền biến, và do hoàn cảnh đặc biệt của Việt Nam trên bàn cờ chính trị quốc tế, đường đi của những người theo khuynh hướng Quốc gia Dân tộc Dân chủ chân chính chưa tới chứ không phải là không tới..*" Trong những dòng cuối sách, tác giả viết: "*Tóm lại, những án tích trong sách nầy cho thấy từ khi thành lập cho đến nay, đảng CS đã phản dân, nên dân phải cương quyết chống đảng để sinh tồn. Đảng CSVN càng phi nhân vong bản bao nhiêu thì càng làm cho chính nghĩa quốc gia dân tộc xuyên suốt từ thời tổ tiên chúng ta lập quốc, bị chao đảo một thời gian vì hỏa mù của lý thuyết Mác xít ngoại lai, nay lại sáng tỏ hơn bao giờ cả. Tinh thần Quốc gia Dân tộc bất di dịch là chân lý sáng chói ngàn đời của dân chúng Việt không thể nào bị đánh bại. Trước tình hình quốc nội cũng như quốc tế càng ngày càng thuận lợi, chắc chắn một ngày không xa, quê hương sẽ được giải thoát ra khỏi chế độ độc tài cộng sản, chính nghĩa quốc gia dân tộc sẽ được phục hồi, nhân dân Việt Nam sẽ được tự do, hạnh phúc, và phú cường.*"

Đây là một quyển sách viết về những tội ác cộng sản một cách nghiêm túc, với những chứng lý cụ thể, trích dẫn rõ ràng, bằng một văn phong trong sáng, cẩn trọng, trầm tĩnh, không cầu kỳ, nhất là chú thích kỹ lưỡng, là phong cách hàn lâm nhưng hấp dẫn dễ đọc đặc biệt trong tất cả các sách nghiên cứu sử của tác giả Trần Gia Phụng. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên của một người Việt Nam về toàn bộ những vụ án cộng sản một cách khoa học, đầy đủ, có hệ thống, để vạch trần tội ác của cộng sản Việt Nam, được trình bày bởi một tấm lòng tha thiết với quê hương, với dân chúng Việt Nam.

Lâu nay, cộng sản luôn luôn tuyên truyền để che

PHAN XUÂN SINH

TỈNH MỘNG

dậy âm vang thuở chiến trường xưa
tiếng thét quân giữa bóng nguyệt mờ
dấu chân binh lửa cày lên đá
vẫn hiên ngang giữ vững ngọn cờ

rừng phủ đầy chứng tích bao ngày
hồn thiêng sông núi phải là đây
vỗ gươm người hát câu hoan lạc
hồ trường lưng cạn một cơn say

chinh chiến người xưa mở núi sông
ta thời hèn mạt giữ không tròn
cá chậu. Chim lồng. Thân mạt vận
mở cổ thư thấy thẹn với lòng

thế sự chìm trong cuộc bể dâu
có sá chi một tước công hầu
giũ áo bụi trần. Tay gác kiếm
theo gương người ẩn chốn thâm sâu

nhà cỏ một gian, núi bạt ngàn
rượu lưng bình quên chuyện thế gian
ta hả hê bụng rau chân đất
túi trống không, cất tiếng cười vang

ta giật mình tỉnh giấc, cơn đau
sử sách chưa hoen rỉ nhạt màu
cớ sao ta làm người khinh bạc
hận ngất trời xanh. Tóc bạc đầu.

lấp tội lỗi của họ. Quyển sách nầy đã kéo đổ hẳn tấm màn tuyên truyền của cộng sản, để lộ ra bản chất trần trụi thô bạo phản dân hại nước của chế độ nầy. Đúng ra, sách nầy nên gọi là "Bản án chế độ cộng sản Việt Nam", để tiếp theo quyển "Bản án chế độ thực dân" mà Hồ Chí Minh đã xuất bản năm 1925. Sách nầy có thể dùng để trình bày trước các cơ quan đặc trách về nhân quyền quốc tế để họ có thêm tài liệu về chế độ phi nhân hiện nay ở Hà Nội.

Ngoài ra, phải kể thêm là bằng bạc trong sách, tác giả đã đưa ra nhiều phát hiện tuy nhỏ nhưng rất thú vị. Ví dụ người ta biết nữ văn sĩ Thụy An Lưu Thị Yến ở lại Hà Nội sau năm 1954, nhưng không ai biết nguyên nhân nào bà ta không vào Nam. Nhờ phỏng vấn một vị thẩm phán tòa án Huế trước đây mà ông giải thích được việc nầy. Hoặc từ trước đến nay, người ta biết ông nhà báo Thành Tín tên thật là Bùi Tín, nhưng sách "Án tích cộng sản Việt Nam" cho biết thật sự tên cúng cơm của Bùi Tín là Bùi Đường Ấm. Cái mỹ danh nầy có vẻ quan lại và không phù hợp với "cách mạng", nên ông con quan thượng thư bộ Hình Bùi Bằng Đoàn mới đổi ra là Bùi Tín. Lê Duẩn lúc đầu được Hồ Chí Minh chú ý vì ngay khi mới khởi đầu lập nghiệp "cách mạng", Lê Duẩn đã viết bài ca tụng Hồ Chí Minh. Sự chú ý nầy góp phần vào việc Hồ Chí Minh chọn lựa Lê Duẩn (thay vì Võ Nguyên Giáp) lên làm bí thư thứ nhất thay thế Trường Chinh năm 1957. Những phát hiện như thế tuy nhỏ nhặt nhưng dần dần làm sáng tỏ thêm một số chi tiết lịch sử.

Sách "Án tích cộng sản Việt Nam" còn giải thích những tương quan nhân quả giữa các sự kiện lịch sử hết sức khoa học. Ví dụ từ trước đến nay, người ta thường xem việc Nhật đảo chánh Pháp ngày 9-3-1945 là một sự kiện đơn độc ở Đông Dương hoặc Á châu. Theo tác giả, bộ Đại Đông Á Nhật được thành lập từ 1940 cũng như Nhật vào Đông Dương cùng năm đó, nhưng vẫn để Pháp cai trị Đông Dương mà không giành quyền cai trị Đông Dương, vì lúc đó Pháp thất trận ở Âu Châu và đầu hàng Đức. Phủ Toàn quyền Đông Dương trực thuộc chính phủ Pháp, mà Đức lại là đồng minh của Nhật, nên Nhật không lo ngại phủ Toàn quyền Đông Dương lật lọng. Tuy nhiên, vào tháng 8-1944, quân đội Đồng minh giải phóng Pháp, Đức thất trận rút lui, De Gaulle lập chính phủ lâm thời. Nhật lo ngại phủ Toàn quyền Đông Dương vâng lệnh De Gaulle mở cửa cho quân đội Đồng minh vào Đông Dương, nên Nhật phải đảo chánh để bảo toàn lực lượng Nhật ở Đông Dương.

Hoặc tác giả đã đặt "Vụ án tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài" (tên do cộng sản đặt) ở ngoài Bắc trong khung cảnh chính trị toàn bộ khối Cộng sản (Liên Xô, Trung Cộng) và cả thế giới lúc đó, nên người đọc dễ thấy rõ cốt lõi của vấn đề.

Đây là cách nhìn những tương quan giữa các sự kiện lịch sử ở Việt Nam trong khung cảnh toàn cầu rất hợp lý, giúp người đọc dễ nắm rõ các diễn tiến lịch sử hiện đại. Ngoài các ví dụ trên, tác giả còn đưa ra những lý giải cụ thể về những mưu đồ còn nằm trong bóng tối của cộng sản Việt Nam, ví dụ nguyên nhân sâu xa thầm kín đưa đến những cuộc thủ tiêu của cộng sản năm 1945, vì sao cộng sản đàn áp nhóm văn nghệ sĩ hoặc các nhà hoạt động chính trị ngoài Bắc, mà từ trước đến nay chưa ai nói đến, hoặc vì sao đảng Lao Động ấn hành sách "Ngục trung nhật ký" vào đầu thập niên 60?

Trong phần cuối của lời nói đầu, ông Trần Gia Phụng viết: "*Cuối cùng, trong khi viết lại các vụ án do cộng sản gây ra cho dân chúng Việt Nam, chắc chắn sách nầy chưa trình bày hết được mọi khía cạnh của những thảm kịch vĩ đại, những oan khiên sâu kín tột cùng, những đau khổ thầm lặng vô hình chôn vùi theo năm tháng của các nạn nhân cộng sản và gia đình nạn nhân cộng sản, xin quý vị lượng thứ cho khả năng kém cỏi của người viết.*"

Chúng tôi nghĩ thật ra không phải là do khả năng kém cỏi của tác giả, nhưng vì tội ác, thủ đoạn và mưu mô của cộng sản Việt Nam rất phong phú, đa dạng, lại diễn ra trong một thời gian dài, không có một cá nhân nào có thể xuyên suốt được mọi chuyện, cho nên quyển sách nầy chưa trình bày hết được mọi thảm kịch do cộng sản gây ra là chuyện thường tình. Không ai có thể dám tự hào nói hết được tất cả những vấn đề đen tối của cộng sản Việt Nam trải dài theo cả không gian lẫn thời gian.

Cũng trong lời nói đầu, tác giả viết: "*Chúng tôi hy vọng sẽ được đón nhận những phê bình nghiêm túc, những góp ý xây dựng, để cùng nhau trao đổi, làm sáng tỏ hơn nữa những án tích cộng sản cho được rõ ràng, đầy đủ và chính xác hơn.*" Chẳng những riêng ông Trần Gia Phụng, mà người viết bài điểm sách nầy cũng rất mong công trình mới khởi đầu của tác giả được nhiều người tiếp tay, và nên tiếp tay, bằng cách hoặc góp ý với tác giả để bổ túc khi tái bản, hoặc độc giả tự viết thêm những sách mới để vạch trần cho rõ hơn nữa những tội ác của cộng sản Việt Nam.

Về hình thức, chỉ tiếc là sách "Án tích cộng sản Việt Nam" chữ hơi nhỏ, có thể làm cho một số bậc cao niên khó đọc. Có lẽ do quyển sách khá dày (464 trang) nên tác giả phải dùng kiểu chữ nhỏ để giới hạn số trang, vì nếu chữ lớn, số trang sẽ tăng thêm nữa.

Sách giá 22 Mỹ kim, đã có bán tại các hiệu sách, hoặc liên lạc với tác giả: Trần Gia Phụng, P.O. Box 63015, 1655 Dufferin Street, Toronto, ON M6H-4H8, Canada./.

CÁI *TÂM* TRONG THƠ THIỀN TÍNH DU TỬ LÊ

NGUYÊN KHÔI

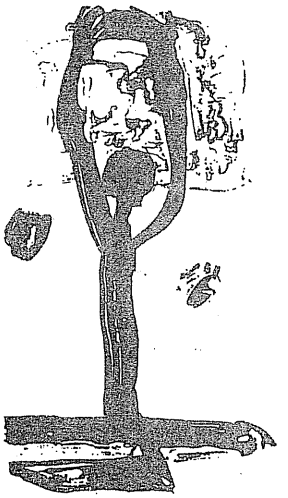

Bốn mươi năm trước, tại Saigon, các tạp chí cũng như một số nhà phê bình đã gọi những bài thơ tình của Du Tử Lê là một hiện tượng. Bốn mươi năm sau, tại hải ngoại, một tập thơ Thiền được ra chào đời do một tạp chí chuyên đề Phật giáo phát hành, tôi cho đó cũng là một hiện tượng, một hiện tượng thơ Thiền tính, được chuẩn bị ròng rã, chu đáo trong suốt một thập niên.

Thật vậy, thơ tình đi vào tôn giáo không phải là việc dễ làm, lột được tính thanh cao, thiền tính trong thơ tình lại càng không phải là một việc mà ai cũng làm được.

Ta hãy nghe :

Buổi sáng em về như Hoa Nghiêm
Từng phút xa, thơm nỗi muộn phiền
mỗi sát na qua là một kiếp ?
mỗi dòng sông lạnh một u linh
(Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di, trang 16)

Mỗi sát na trong những dòng thơ họ Lê là thơ tình 40 năm trước, là thơ Thiền 40 năm sau. Tôi muốn nói đến tác phẩm mới nhất của anh "Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di", Tập thơ thiền đã bước vào trọng tâm của giáo lý nhà Phật, đã nói rất nhiều đến Cái TÂM. Tâm làm nên thiện, làm nên ác, tâm dẫn dắt con người lên non cao, xuống vực sâu, tâm lăng xăng, lộn xộn không ngừng nghỉ trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Cái tâm ngó vậy mà xuôi ngược
Con mắt mai này : khép
tự nhiên
(sđd, trang 40)

Là một người Phật giáo, một người nghiên cứu về Đạo Phật, có ai không đọc hay tụng qua Bát Nhã Tâm Kinh, là bài kinh tuy chỉ 260 chữ nhưng chứa đựng cốt tủy của Phật giáo, bất cứ thời kinh nào cũng được kết thúc bởi "Bát Nhã Tâm Kinh", đây là một bài kinh trong bộ kinh Bát Nhã gồm 600 quyển của Ngài Huyền Trang đời Đường dịch vào năm 649 dương lịch tại chùa Từ Ân, là một bộ Kinh tiếng Phạn dịch ra Hán ngữ. Bài Bát Nhã Tâm Kinh nói về mọi hoạt động của tâm, tâm hoạt động theo một tiến trình năm giai đoạn bất di bất dịch gọi là Ngũ Uẩn để sinh ra Thức mà Thức là một phần của Vô Minh mà Vô Minh lại chính là nguồn gốc của mọi khổ đau.

thắp thêm nến, nhiễu tâm phiền
gió, thân, tím ngọn, cây tiền thân, mưa
(sđd, trang 94)

Nếu như tâm an tịnh, nghĩa là ngũ uẩn là không,

vô minh cũng sẽ là không thì người ta sẽ thấy vạn pháp đúng như thật, an nhiên tự tại. Lúc đó sẽ không còn đẹp, không xấu, không sướng, không khổ, không tròn không vuông, không vui không buồn...

Cái tâm cười bảo, nghìn sau trước
không có tôi
và, không chúng ta
(sđd, trang 75)

Người ta đau khổ vì lấy cái giả làm cái thật, cái thật cái giả không phân minh. Chìm đắm mê muội trong những ham muốn do vô minh lôi kéo. Mắt thấy đẹp thì đem lòng ham muốn làm vật sỡ hữu, ngửi được mùi thơm thì muốn lại gần, nghe lời ngon ngọt thấy bùi tai thì đem lấy thương mến... tất cả không ngoài Tham Sân Si. Cái tâm không biết ngừng lại ở đâu cho đúng, ở đâu cho thật hay toàn là giả tạm. Họ Lê, trên hành trình tìm về cái Tâm đã lúng túng, biết tìm ở đâu, trụ chỗ nào :

Nhờ em thưa lại với Quan Âm
Cái Tâm tôi trụ nới nào nhỉ?
(Sđd, trang 33)

Chúng ta hãy nghe cậu chuyện "Xin hãy nhớ anh" sau đây. Một cánh hoa lục bình đẹp để trôi theo giòng nước, tự nó không gây khổ cho ai, không gây khổ đau cho đôi nhân tình đứng bên cầu, người con trai vì muốn làm vui lòng người yêu, nhoài người ra hái hoa, trượt chân, trôi theo giòng nước, đôi tay chới với, vùng vẫy tuyệt vọng, cố gắng nói lời cuối cùng với người yêu gào thét trên cầu "xin hãy nhớ anh."

Họ đau khổ bởi cái tâm không trụ, giả thử cô gái nhìn hoa mà tâm vẫn an tĩnh, nhìn được vạn pháp vốn không, vốn giả tạo, vốn không bền vững, không thật, vạn vật đều bị chi phối bởi định luật vô thường, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm thì tâm cô không động và người yêu không chết :

Yêu nhau ai bảo tâm không trụ
quên hết, nhìn nhau, nhất quán rồi
(sđd, trang 44)

TRẦN MỘNG TÚ

Tháng Mười Hoa Cúc

Bây giờ là tháng mười
Em như hoa cúc nhỏ
Sao anh không là gió
Thổi mùa thu vào em

Bây giờ là tháng mười
Em hiền như hoa cúc
Sao anh không là đất
Cho em ngả vào lòng

Bây giờ là tháng mười
Em gầy như nhánh cúc
Sao anh không là mưa
Cúi hôn từng cánh lá

Bây giờ là tháng mười
Em mong manh như cúc
Sao anh không là nắng
Ôm em ấm một ngày

Bây giờ là tháng mười
Sao anh không là rượu
Em là hoa cúc vàng
Cho anh Hoàng Hoa tửu

Tháng mười tháng mười đến
Mùa thu mùa thu qua
Cúc vàng cúc vàng héo
Anh xa anh xa...xa

Tôi không muốn làm một việc dư thừa là ca tụng một nhà thơ đã chịu thử thách với thời gian 40 năm và đã có trên 40 tác phẩm chào đời, một người đã sống trọn đời mình với văn chương, với chữ nghĩa, những sáng tạo trong thơ của ông đã được đánh giá như là một cách tân độc đáo bằng những dấu chấm, dấu phẩy, những gạch chéo mới lạ.

Tôi chỉ muốn đề nghị các bạn yêu thơ lắng lòng thưởng thức những vần thơ, những ca khúc đã bao nhiêu năm nhạc thơ hòa nhập, làm ấm bầu trời.../.

QUẬN CAM

Tổng Hội Cựu SV Quốc Gia Hành Chánh giới thiệu: Tác phẩm Autumn Cloud của bà Jackie Bông-Wright

Hơn 300 đại diện đoàn thể, nhân sĩ và các cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh cùng thân hữu đã tham dự buổi giới thiệu tác phẩm viết bằng Anh Ngữ *Autumn Cloud, From Vietnamese War Widow to American Acitivist* của tác giả Jackie Bông-Wright tại nhà hàng Emerald Bay vào trưa ngày Chủ Nhật Mồng 7 tháng Mười năm 2001 trong bầu không khí thân mật và cởi mở do Tổng Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia hành Chánh tổ chức.

Sau nghi thức khai mạc, ông Lưu Văn Trang đã mời luật sư Đoàn Thanh Liêm lên nói đôi lời về tác giả. Bà Jackie Bong-Wright tên thật là Lê Thị Thu Vân, con nhà dòng dõi nổi tiếng ở miền Nam Việt Nam từ đầu thế kỷ 20. Bà nguyên là vợ của giáo sư Nguyễn Văn Bông, Viện Trưởng Viện Quốc Gia Hành Chánh trước năm 1975 tại miền nam Việt Nam. Theo tài liệu của Giáo Sư Trần Văn Chi thì Giáo sư Nguyễn Văn Bông tốt nghiệp Thạc Sĩ Công Pháp tại Sorbonne, Pháp. Giáo sư Bông đã bị Cộng Sản Việt Nam ám sát chết ngày 10-11-1971 tại Saigon.

Khi miền nam rơi vào tay Cộng Sản, bà Jackie Bông cùng với ba con sang tỵ nạn tại Hoa Kỳ. Bà đã tái hôn cùng với ông Lacy Wright, cựu Đại Sứ Hoa Kỳ ở Ba Tây. Dịp này luật sư Đoàn Thanh Liêm nói lên mối thân tình của ông cùng với Giáo sư Nguyễn Văn Bông cũng như ngỏ lời cảm tạ về những sự vận động của bà với chính giới Hoa Kỳ để buộc Cộng Sản Việt Nam phải thả ông khỏi trại cải tạo và đưa ông sang định cư tại Hoa Kỳ. Ông cũng nói đến những nỗ lực của tác giả khi viết tập tự truyện Autumn Cloud này.

Tiến sĩ Lê Hồng lên nói về tác phẩm *Autumn Cloud* là một cuốn hồi ký viết bằng Anh Ngữ của bà Jackie Bông-Wright. Qua tác phẩm này bà viết về một gia đình bà trải qua bốn đời trong chiến tranh Việt Nam và qua đó người đọc cảm nhận được văn hóa Việt Nam bàng bạc trong tác phẩm. Sau khi lo xong việc học hành cho con cái, bà Jackie Bong-Wright đã ôm sách đi học lại và được Đại Học Georgetown, một đại học nổi tiếng ở Hoa Kỳ đã đào tạo nhiều chánh khách tên tuổi cho đất nước này. Bà tốt nghiệp với bằng Cao Học về Chánh Trị và Bang Giao Quốc Tế.

Tiến sĩ Lê Hồng nói về cái nhìn sâu sắc của tác giả qua ba điểm chính trong tác phẩm *Autumn Cloud* là:

1. Lột trần được bộ mặt về chánh sách đối ngoại của Hoa kỳ

2. Qua sách này, giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại sẽ biết rõ hơn về văn hóa và chánh trị Việt Nam trong một bối cảnh lịch sử đồng thời cũng ghi nhận được những tập tục cổ truyền, những nét về văn hóa.

3. Vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong cuộc chiến. Trong tác phẩm này, tác giả cũng nói đến những kinh nghiệm đau đớn của những nhà trí thức miền nam như Dương Quỳnh Hoa, Trương Như Tảng... khi chạy theo chủ nghĩa Cộng sản.

Tác giả Jackie Bong-Wright trong chiếc áo dài cổ truyền satin tím nhạt với dáng người nhỏ nhắn, nhanh nhẹn và mái tóc cắt ngắn chứng tỏ bà là một người hoạt động, đã lên cảm tạ sự hiện diện của quan khách và nói về lý do bà viết *Autumn Cloud*:

1. Bà cho rằng cuốn tự truyện này tuy viết về gia đình bà nhưng có thể coi là điển hình của tất cả gia đình Việt Nam trong một hoàn cảnh đất nước như bà. Bà cho rằng cho đến bây giờ người Hoa Kỳ cũng chưa hiểu gì về Việt Nam cả. Bà nói đến chữ Tín trong tác phẩm như là một giá trị thiêng liêng trong gia đình và xã hội Việt Nam.

2. Bà hy vọng qua tác phẩm này con em và các thế hệ Việt Nam đi sau học hỏi về cha anh cũng như duy trì và bảo tồn nền văn hóa tốt đẹp của Việt Nam.

3. Bà hy vọng người Mỹ hiểu rõ hơn về người Việt Nam và cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tranh đấu để chánh quyền Hoa Kỳ phải bầy tỏ một hành động nào đó tương xứng với sự hy sinh của bao nhiêu nạn nhân của chiến cuộc Việt Nam trong đó có nhiều người dân vô tội. Ví dụ như xây một tượng đài kỷ niệm những nạn nhân chiến cuộc Việt Nam ngay tại thủ đô Washington DC chẳng hạn.

Đặc biệt trong tác phẩm này, tác giả đã thuật lại việc gặp gỡ giữa bà và hai nhân vật quan trọng trong chính giới Hoa Kỳ liên quan đến Việt Nam. Thứ nhất là ông Mc Namara, cựu bộ trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ người đã xây dựng kế sách đưa quân đội Hoa Kỳ vào chiến tranh Việt Nam dưới thời Tổng Thống Kennedy và Lyndon B. Johnson. Người thứ hai là ông Henry Kissinger, cựu bộ trưởng Ngoại

Giao Hoa Kỳ và là người đã đưa quân đội Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam.

Tác phẩm *Autumn Cloud, From Vietnamese War Widow to American Activist* dầy hơn 300 trang, bìa cứng, do họa sĩ Vũ Hối thực hiện, do nhà xuất bản Capital Books, Inc, Sterling, Virginia ấn hành. Ấn phí 26.95 đô la.

Hội Ái Hữu Gia Long giới thiệu tác phẩm: Tiếng Nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ Ngâm Khúc của GS Phạm Thị Nhung và GS Lê Hữu Mục.

Gần 300 đại diện hội đoàn, nhân sĩ, giáo sư và rất đông cựu học sinh trường nữ trung học Gia Long đã tham dự buổi ra mắt tác phẩm *Tiếng Nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ Ngâm Khúc* của các vị Giáo Sư Phạm Thị Nhung và Lê Hữu Mục tại trung Tâm Nguyễn Bá Học vào chiều ngày Chủ Nhật 30 tháng Chín năm 2001 trong bầu không khí ấm cúng của tình thầy trò, bằng hữu, giữa cánh áo dài màu tím, màu tiêu biểu của trường nữ Trung Học Gia Long một thời xa xưa.

Sau phần nghi thức, bà Nguyễn Kim Đức, hội trưởng Hội Ái Hữu Gia Long đã lên ngỏ lời chào mừng quan khách và giới thiệu một trong hai tác giả hiện diện là nữ giáo sư Phạm Thị Nhung từ Pháp sang Hoa Kỳ để gởi đến đồng hương Việt Nam một tập biên khảo công phu.

Giáo sư Lưu Trung Khảo, chủ tịch Hội Giáo Chức Miền Nam California đã lên diễn đàn nói về những ghi nhận của ông về tác phẩm của hai tác giả cũng như trao đổi một vài ý kiến về tác giả, nhất là với giáo sư Lê Hữu Mục trong việc tranh cãi về tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Khúc nguyên tác bằng Hán văn của Đặng Trần Côn với bản tiếng Nôm gây ra nghi vấn là của Phan Huy Ích hay của Đoàn Thị Điểm.

Sau đó, giáo sư Phạm Thị Nhung bằng những luận cứ vững chắc dựa vào những văn bản có nguồn gốc khả tín để dẫn đến kết luận rằng bản Nôm của Chinh Phụ Ngâm Khúc chính là của Đoàn Thị Điểm chứ không thể là của Phan Huy Ích được.

Bằng những tìm tòi qua các tác phẩm văn chương cũng như thân thế và sự nghiệp của bà Đoàn Thị Điểm, Giáo sư Phạm Thị Nhung đã thu hút cử tọa theo dõi những tìm tòi sử liệu qua những lý luận rất uyên bác của bà. Nhiều tràng pháo tay của cử tọa đã tán thưởng những đóng góp đáng kể của bà.

Qua tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Khúc bản phổ thông mà mọi người hiện đang dùng, giáo sư Phạm Thị Nhung đã minh chứng bằng những dẫn chứng hùng hồn qua 10 điểm để thuyết phục mọi người rằng Bản Nôm Chinh Phụ Ngâm Khúc hiện đang sử dụng là của bà Đoàn Thị Điểm. Kế đến, giáo sư Nhung nói đến tình yêu trong Chinh Phụ Ngâm Khúc mà theo bà tác giả phải là một người phụ nữ mới có thể lột tả hết tâm trạng của một người đàn bà Việt Nam có chồng tòng quân trong thời chiến.

Buổi ra mắt sách còn có một chương trình văn nghệ thi nhạc giao duyên phụ diễn với một số nghệ sĩ tại Quận Cam.

Tác phẩm "Tiếng Nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ Ngâm Khúc" do Giáo Sư Lê Hữu Mục biên soạn phần chữ Nôm, phần bài viết do Giáo Sư Phạm Thị Nhung thực hiện. Tác phẩm biên khảo công phu có cả phần chữ Nôm, văn bản Nôm Huế do ông Nguyễn Văn Xuân cho biết đã tìm thấy trong nhà hậu duệ của gia đình Phan Huy Ích. Sách dầy hơn 300 trang do nhà xuất bản Trung Tâm Việt Nam Học Canada, Montréal, 2001, không đề ấn phí. Làng Văn Tổng Phát Hành.

Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ từ trần

Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ đã vĩnh viễn ra đi vì bệnh tim vào sáng ngày Chủ Nhật 23 tháng Chín tại nhà riêng ở thành phố Glendale, nam California.

Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ sinh ngày 1 tháng Bảy năm 1929 tại làng Bích Khê, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Khi cuộc chiến với Pháp bùng nổ, ông tham gia đoàn Tuyên truyền Kháng chiến rồi làm cho tờ báo *Cứu Quốc Liên Khu Tư.* Nhưng sau đó ông đi học trở lại, đậu tú tài trong vùng kháng chiến vào năm 1950, rồi vào đại học ở Thanh Hóa, nhưng đến 1952 thì ông rời vùng kháng chiến trở về Huế. Từ đó về sau ông hoạt động trong giới văn nghệ miền Nam.

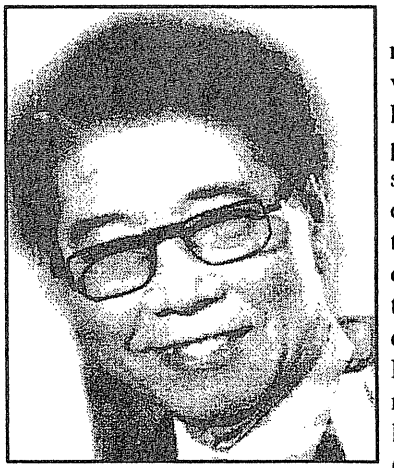
Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ

Ông là một nghệ sĩ đa tài và đa dạng. Số lượng nhạc phẩm do ông sáng tác rất dồi dào gồm hàng trăm bản, và được phổ biến trong mọi giới quần chúng. Nhạc ông viết rất nhiều thể loại, nhạc tình (*Tà Áo Cưới, Niềm Đau Của Cát, Hình ảnh Người Em Không Đợi, Xe Hoa Một Chiếc...*), nhạc ca ngợi quê hương (*Gạo Trắng Trăng Thanh, Tôi Nhớ Tên Anh, Đường Xưa Lối Cũ, Rước Tình Về Với Quê Hương...*), nhạc kích động (*Xây Nhà Bên Suối, Túp Lều Lý Tưởng, Cái Trâm Em Cài, Con Tim và Nước Mắt...*), nhạc truyện kể (*Chuyện Cô Lái Đò Bến Hạ, Chuyện Tình Của Người*

Trinh nữ Tên Thi...). Ông cũng sáng tác trường ca, như *Máu Hồng Sử Xanh, Ngày Trọng Đại, Tiếng Trống Diên Hồng* trước đây đã được trình diễn nhiều lần trên đài phát thanh và sân khấu. Trong lãnh vực điện ảnh ông đã để lại cuốn phim *Người Cô Đơn* do chính ông đạo diễn và sản xuất vào năm 1969, và các phim video làm ở hải ngoại như *Chuyện Tình Buồn, Tiếng Hát Trong Trăng, Chiêu Quân Cống Hồ*... Ông cũng rất thành công trong thể loại nhạc kịch (*Từ Thức Lạc Lối Bích Đào, Dương Quý Phi, Cô Gái Điên, Ả Đào Say)* và vũ dân tộc với một số vũ điệu mới mẻ như Múa Xòe, Múa Koho, Múa Quạt, Múa Nón Quai Thao...

Hoàng Thi Thơ là một tài năng đặc biệt của Việt Nam, và ông đã cống hiến cho nghệ thuật Việt Nam cho đến tận những giờ phút cuối cùng của đời ông.

Nhạc sĩ Ngọc Bích qua đời

Nhạc sĩ Ngọc Bích, một trong những viên ngọc quý của làng nhạc Việt Nam vừa qua đời đêm 15 tháng Mười 2001 tại bệnh viện Los Angeles vì nhồi máu cơ tim, hưởng thọ 76 tuổi.

Nhạc sĩ Ngọc Bích sinh năm 1925 tại Hà Nội. Từ năm 1942 ông đã chơi nhạc cho vũ trường Hà Nội, và ở trong nhóm nhạc sĩ Việt Nam đầu tiên xuất ngoại sang giúp vui cho binh sĩ đồng minh ở Côn Minh, Trung Quốc trong đệ nhị thế chiến. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động văn nghệ ở liên khu 3.

Sau năm 1954 ông di cư vào Nam, làm việc tại các đài phát thanh Quân Đội, đài Sài Gòn, đài Mẹ Việt Nam, và đã di tản sang Hoa Kỳ vào cuối tháng Tư 1975. Khoảng đầu thập niên 90 vừa qua ông đã cùng nhạc sĩ Nguyễn Hiền lập ra ban nhạc "Saigon Band" để nhớ lại thời gian hoạt động văn nghệ tại Sài Gòn trước đây.

Nhạc sĩ Ngọc Bích được nhớ đến qua các tác phẩm được quần chúng yêu mến rộng rãi như *Trở Về Bến Mơ, Khúc Nhạc Chiều Mơ, Mộng Chiều Xuân, Giấc Mơ Ngàn*... Trong một bài viết về nhạc sĩ Ngọc Bích, hai tác giả Nguyễn Đình Toàn và Bích Huyền đã cho rằng:

Lữ Liên (trái), Ngọc Bích (phải) cùng hai ca sĩ của ban AVT Hải Ngoại.

Nhạc của ông không phải những đỉnh cao ào ào gió lộng. Lời ca của ông không phải là những câu thơ tuyệt tác chỉ những thi sĩ tài ba mới viết ra được. Nó chỉ giản dị như là những điều khi yêu người ta muốn nói như thế, muốn hát như thế. Và, nói được như thế, hát được như thế người ta cảm thấy yêu nhau hơn, hạnh phúc hơn.

Phong trào triển lãm vỉa hè: HỌA SĨ VIỆT NAM XUỐNG ĐƯỜNG VẼ LITTLE SAIGON

Thủy Tiên

Mười mấy họa sĩ Việt Nam đến dự buổi họp đầu tiên tại Mimi Studio để bàn một mô thức sinh hoạt nghệ thuật. Trong vòng hai giờ đồng hồ, mười bốn họa sĩ đã đồng ý về ngày giờ, địa điểm, hình thức, tiêu chuẩn cho một cuộc triển lãm chung: "Vẽ Little Saigon"!

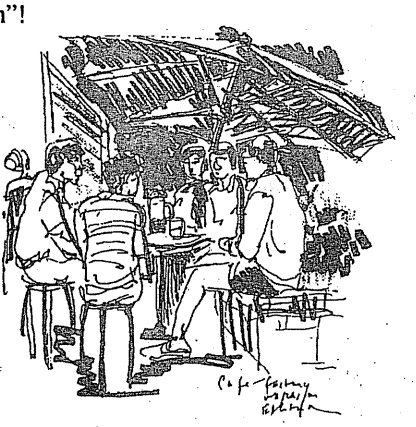

Hai mươi bốn họa sĩ ghi danh tham gia: Bé Ký, Hồ Thành Đức, Ann Phong, Đan Chi, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Lê Chi, Vũ Hoàng Lân, Lê Vũ, Lê Thu Huệ, Lam Thủy, Hạnh Trang, Nguyễn Văn Sĩ, Phạm Hoàng, Quỳnh Dao, Phi Lộc, Nguyễn Danh Bằng, Nguyễn Cao Hiệp, Hồ Thành Cung, Linh Diệu, Nguyễn Thanh Vân, Phạm Trung, Trần Tuấn, và Etcetera. Số họa sĩ tham gia sắp tới không chừng sẽ còn tăng thêm nữa.

Theo tinh thần của buổi họp, các họa sĩ sẽ tập trung vào hai ngày, thứ Sáu16 và thứ Bảy 17 tháng 11 năm 2001. Họ sẽ vẽ dọc theo con đường Bolsa, kéo dài từ đường Beach đến đường Harbor. Một số những địa điểm quen thuộc như các nhà hàng ăn, phòng bác sĩ, nhà thuốc, siêu thị, nhà sách, tòa báo... sẽ được các họa sĩ chọn để vẽ.

Với đủ mọi chất liệu, từ sơn dầu, màu nước, than chì, mực tàu, bột màu, các họa sĩ sẽ vẽ lại tất cả những sinh hoạt của người Việt tại khu vực Little Saigon. Hôm sau, Chủ Nhật, sẽ tập trung tranh triển lãm tại một khu vực đông khách qua lại như Phước Lộc Thọ, tiệm café, hay một mall nào đó để công

chúng thưởng lãm. Sau đó, tranh sẽ được tiếp tục trưng bày tại Mimi Studio trong hai tuần và sẽ được bán với giá phải chăng để mọi người, chủ các cơ sở thương mại, các văn phòng, tiệm ăn có thể mua được.

Little Saigon, cái tên quen thuộc không chỉ với 300.000 cư dân Việt Nam sống tại địa phương, nó còn là một biểu tượng cụ thể của thế giới về nơi mà người Việt Nam hải ngoại tập trung đông nhất. Bộ mặt Little Saigon với hàng quán, cơ sở thương mại, tòa báo, nhà xuất bản, tiệm sách, trung tâm văn hóa, trường học... tuy chưa có những biểu tượng lớn lao, đậm nét văn hóa Việt Nam, như tự nó, hàng ngàn tấm biển treo trên các các sở thương mại, hay thói quen xuống phố mua sắm vào cuối tuần của cư dân cũng như khách du lịch ở xa về đã tạo không khí tấp nập cho các chợ, cửa hàng, quán ăn, tiệm café và hình thành một Little Saigon muôn màu muôn vẻ.

Thế nhưng, hầu như chưa có một hình ảnh, một bức tranh nào vẽ về Little Saigon.

Lê Chi, nữ họa sĩ đang có nhiều sinh hoạt nghệ thuật chung với các nhóm họa sĩ Mỹ cho biết "Vẽ ngoài trời là cách để người họa sĩ có cơ hội tiếp cận với thiên nhiên, con người. Lối vẽ 'tưởng tượng' lâu ngày dễ làm họa sĩ đâm ra máy móc hoặc không bám rễ vào đời sống xung quanh. Tôi thích vẽ ngoài trời, và đã từng tham dự ít nhất 20 buổi vẽ như vậy với các họa sĩ Mỹ. Đây là lần đầu tiên các họa sĩ Việt Nam cùng nhau vẽ ngoài trời, tôi rất vui mừng tham gia."

Họa sĩ Bé Ký, người họa sĩ của vỉa hè Sài Gòn một thời, nhận xét: "Ở Bolsa, ra đường là gặp người Việt, tha hồ nói tiếng Việt. Hàng quán, chợ búa thì đủ mọi thức ăn Việt Nam. Sống ở Mỹ mà cứ như Sài Gòn. 'Vẽ Little Saigon' làm tôi nhớ hồi xưa cũng từng lang thang khắp đường phố Sài Gòn vẽ ký họa. Chính lối vẽ sinh hoạt, phong cảnh, con người này... đã làm nên tên tuổi Bé Ký."

Thế hệ thứ hai, các họa sĩ trẻ như Hồ Thành Cung, Nguyễn Cao Hiệp, Vũ Hoàng Lân, Nguyễn Thanh Vân đóng góp nhiều ý mới cho cuộc triển lãm. Họa sĩ Etcetera, người tổ chức sinh hoạt này nhấn mạnh tính văn hóa của "Vẽ Little Saigon", anh cho rằng đã đến lúc tạo thói quen treo tranh của họa sĩ Việt Nam trong nhà, tại cơ sở thương mại, cần thay cho những loại tranh tây phương hay những tấm poster sặc sỡ của các họa sĩ Âu Mỹ xa lạ. Treo tranh Việt Nam, nhất là các loại tranh vẽ về Little Saigon sắp tới không chỉ tạo được sắc thái riêng biệt tại vùng tiểu Sàigòn, mà còn góp phần giúp họa sĩ có thêm niềm tin, phương tiện sáng tạo."

Nhận xét về sinh hoạt này nhà báo Đỗ Ngọc Yến cho rằng chỉ có những thành phố, những trung tâm văn hóa lớn mới tập hợp được giới nghệ sĩ và tạo ra được những sinh hoạt văn hóa nghệ thuật của quần chúng."Vẽ Little Saigon" không chừng sẽ tạo được một phong trào mới, đặc biệt là đưa nghệ thuật đến gần với giới thưởng ngoạn. Bức tường ngăn cách người xem tranh, khách sưu tập sẽ bị tháo gỡ, phòng tranh sẽ không còn là nơi dành riêng cho một số ít người thưởng thức, nó phải được mở rộng, và mọi người nên đón nhận nó như một nhu cầu cần thiết cho đời sống tinh thần.

"Vẽ Little Saigon" trong trung tuần tháng 11 sắp tới, với nhiều họa sĩ Việt Nam tham dự sẽ là buổi xuống đường hào hứng, văn hóa nhất trong sinh hoạt của giới nghệ sĩ tạo hình tại hải ngoại. Có thể tin tưởng các họa sĩ Việt Nam đã tìm được con đường mới là đi chung cả đoàn với nhau chứ không lủi thủi, đơn phương như những năm tháng cũ.

PHILADELPHIA

Ra mắt tập thơ "Đến Từ Phương Đông" của Võ Đình Tuyết

Trần Quán Niệm

Ba giờ chiều Chủ nhật 20 tháng 9, 2001, khoảng 150 thân hữu yêu văn thơ đã tham dự buổi ra mắt tập thơ Đến Từ Phương Đông của Võ Đình Tuyết tổ chức tại nhà hàng Vietnam Palace, thành phố Philadelphia, Pennsylvania. Ngoài những khuôn mặt thân quen thường xuyên có mặt trong các sinh hoạt văn học nghệ thuật tại Philadelphia, người ta còn thấy có sự hiện diện đông đảo của giới văn thơ, nghệ sĩ miền Đông Bắc Hoa Kỳ.

Mở đầu, nhà văn Trần Quán Niệm chào mừng quan khách tham dự. Anh cho hay nhóm Duyên Văn trong năm qua tương đối im hơi lặng tiếng, nay sinh hoạt trở lại, đánh dấu bằng buổi ra mắt của một thành viên trong nhóm, đó là nhà thơ Võ Đình Tuyết. Tại vùng Đông Bắc, tên tuổi của Võ Đình Tuyết không xa lạ gì trong giới văn nghệ sĩ và giới thưởng ngoạn văn thơ.

Buổi ra mắt được điều hợp bởi họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi đến từ Boston. Với giọng trầm ấm thiên phú cộng với cái duyên dáng của một người thường nói trước công chúng, anh đã khéo léo dẫn dắt cử tọa qua các tiết mục hấp dẫn của buổi ra mắt sách.

Đề cập đến tác phẩm, nhà thơ Phan Xuân Sinh đến từ Boston, nói về một vài nét của thơ Võ Đình Tuyết, đó là chân thành, đơn giản và cảm động. Kế đến, nhà văn Trần Quán Niệm mô tả vài nét chấm phá về chân dung tác giả, trong đó có nói đến tính tình hồn nhiên và phóng khoáng của Võ Đình Tuyết làm cả tác giả lẫn cử tọa cười vang thích thú vì... đúng quá. Chương trình văn nghệ với lời thơ tiếng nhạc quyện lấy nhau, tạo nên một bầu không khí đầy văn học nghệ thuật cho buổi ra mắt thi phẩm Đến Từ Phương Đông./.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Cuối Ngày, Một Lần Ngồi Lại

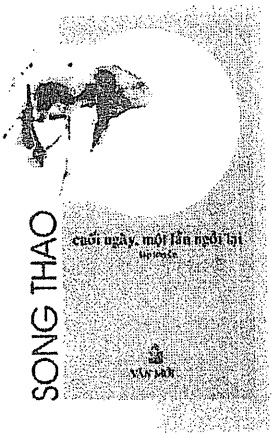

tập truyện của **Song Thao** do Văn Mới xuất bản. Đây là tác phẩm thứ năm của nhà văn Song Thao, một cây bút quen thuộc của độc giả Thế Kỷ 21, chuyên viết về những tình huống trong đời sống của người Việt hải ngoại, đặc biệt trên con đường hội nhập vào quốc gia đang sống. Sách dày 182 trang, giá US$10. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Blvd. Los Angeles, CA 90035 – USA. Tel: (310) 559-0413.

Giải Oan Lập Một Đàn Tràng

tuyển tập những bài viết của nhiều tác giả về cố học giả Phạm Quỳnh, do "Ủy Ban Phục Hồi Danh Dự Phạm Quỳnh" xuất bản, 458 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Tâm Nguyện, 14917 Village Gate Drive, Silver Spring MD 20906 USA. Tel: (301) 460-6171.

Sách gồm những bài viết của các tác giả: Lương Ngọc Châu, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Phan Kính Đức, Thanh Tâm, Đặng Văn Nhâm, Trần Thanh Hiệp, Hoàng Tâm, Nhuệ Hồng Nguyễn Hữu Thống, Nguyên Hương, Nguyễn Tấn Phước, Trần Gia Phụng, Hỷ Nguyên, Người Luân Đôn-Mạc Kinh. Đúng như tên gọi của sách, nội dung các bài viết đều nhằm đặt để lại giá trị của Phạm Quỳnh trong tư cách nhà học giả cũng như nhà chính trị. Ngoài ra có phần phụ lục độ 50 trang đăng lại một số bài viết của học giả Phạm Quỳnh.

Việt Nam Hành Trình Một Dân Tộc

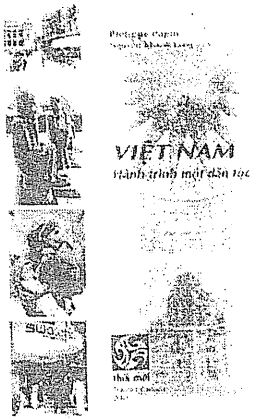

biên khảo của *Philippe Papin*, nguyên bản tiếng Pháp Parcours d'une Nation, *Nguyễn Khánh Long* dịch sang Việt ngữ, Thời Mới xuất bản, 173 trang, giá $10.00. Liên lạc: Thời Mới, P.O. Box 266, Station C, Toronto, ON M6J 3P4 Canada. Tel: (416) 461-5538.

Tác giả, Philippe Papin, là một thạc sĩ sử học, hiện sống và làm việc tại Hà Nội với tư cách là giám đốc chi nhánh nghiên cứu Việt Nam của trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp, là nơi trong một thế kỷ vừa qua đã đóng góp lớn lao vào việc bảo tồn và nghiên cứu lịch sử văn hóa văn minh Việt Nam. Nội dung sách chia làm ba phần: 1. Tạo dựng một không gian quốc gia, 2. Những yếu tố tạo cấu trúc của văn hóa và 3. Chính trị và kinh tế đương đại. Tác giả chứng tỏ có một hiểu biết hết sức súc tích về xã hội-văn hóa Việt Nam, đã nêu rõ những thành tố nền tảng làm sáng tỏ diễn tiến lịch sử của Việt Nam trong hiện tại.

Đất Hồ Ngàn Năm

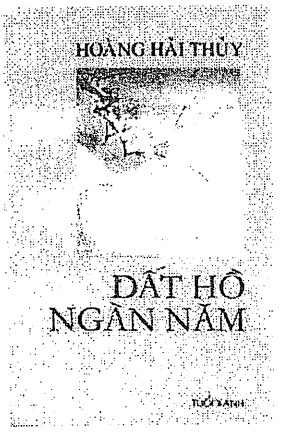

tạp bút của *Hoàng Hải Thủy*, Tuổi Xanh xuất bản, 303 trang, giá US$15, ngoài Hoa Kỳ $18. Tác giả nổi tiếng về các tiểu thuyết phóng sự và tiểu thuyết phóng tác từ giữa thập niên 50 đến 1975 với các tác phẩm Vũ Nữ Sài Gòn, Kiều Giang, Đỉnh Gió Hú, Gã Thâm, Thầy Nô, Người Yêu Người Giết, Định Mệnh An Bài, Như Chuyện Thần Tiên... Sau 1975 hai lần vào nhà tù cộng sản, đến Hoa Kỳ vào năm 1994. Đất Hồ Ngàn Năm là tác phẩm mới nhất của ông, viết tại Hoa Kỳ, gồm các tạp bút về sách vở, như thơ chữ Hán của Nguyễn Du, các nhân vật trong

truyện Tàu từ Chiêu Quân đến các nhân vật trong Tam Quốc Chí, và đặc biệt một số bài về các nhân vật của truyện chưởng Kim Dung. Hoàng Hải Thủy có một lối văn rất đặc biệt, nhất là cho loại tạp bút và phóng sự, đùa cợt – rất có duyên - một cách tự do phóng túng nhưng ý tứ rất là sâu sắc. Mặc dù hiện nay tuổi ông đã hơi cao, văn của ông vẫn giữ nét tươi tắn như mấy chục năm về trước, khi đã từng làm say mê nhiều thế hệ độc giả.

Liêu Trai Chí Dị

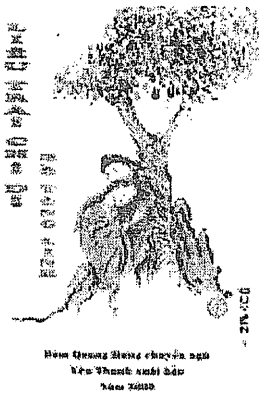

nguyên tác chữ Hán của *Bồ Tùng Linh*,bản dịch tiếng Việt của Đàm Quang Hưng, Yên Thanh xuất bản, gồm hai cuốn tổng cộng 851 trang, giá mỗi cuốn US$20. Liên lạc: Yên Thanh, 6838 Leader Street, Houston TX 77074 – USA. Tel: (713) 270-6071.

Truyện Liêu trai của Bồ Tùng Linh trước đây đã được nhiều người dịch, và đã trở thành quen thuộc với nhiều thế hệ người đọc Việt Nam, đến độ hai chữ "liêu trai" đã thành một tĩnh từ trong kho ngôn ngữ Việt, và một số tác giả nước ta đã chịu ảnh hưởng "không khí liêu trai" trong sáng tác của mình.

Cái thú đọc truyện liêu trai là ở chỗ sau khi gặp những chuyện mệt nhọc va cay đắng với cuộc sống, chúng ta có thể quên hết sự đời để đi vào một thế giới nửa thực nửa hư, yêu đương huyền hoặc như dùng một liều thuốc an thần. Chuyện liêu trai hoang đường mà vẫn luộn luôn dính liền với thực tế, cho người ta cái cảm giác thực hư xen lẫn vào nhau, như một hứa hẹn việc đời dù thô nhám tàn nhẫn đến đâu cũng vẫn có khả năng phảng phất những làn sương khói lạ nâng chúng ta bay bổng. Có lẽ đó là lý do giải thích từ khi ra đời vào thế kỷ thứ 17, truyện liêu trai vẫn được nhiều người ham thích, dù là ngay giữa thời đại khoa học tân tiến như ngày nay.

Dịch giả Đàm Quang Hưng đã thực hiện một bản dịch rất cẩn thận và đầy đủ, với một lối văn khúc chiết và duyên dáng. Rất nhiều truyện ly kỳ thú vị. Nhưng tất cả chưa chấm dứt với hai cuốn này, dịch giả Đàm Quang Hưng vẫn tiếp tục làm việc và sẽ cho ra đời cuốn thứ ba. Và sẽ đáp ứng một cách dồi dào cho độc giả cái nhu cầu "hư" giữa chốn đời "thực" này.

Hãy đi tìm

QUỲNH GIAO

Tình Khúc

VĂN PHỤNG & HOÀNG TRỌNG

1. Chán nản
2. Nhạc sầu tương tư
3.Tiếng hát với cung đàn
4. Tìm một ánh sao
5. Mưa trên phím ngà
6. Bạn lòng
7. Nỗi buồn
8. Một thuở yêu đàn
9. Suối tóc
10. Tình trăng

Liên lạc: **Doantrang Nguyen,**
2800 Keller Dr #144,
Tustin CA 92782-1018, USA
Tel & Fax: (714) 544-0962
E-mail: quynhgiaomusic@aol.com

AdvantageDutyFree.com

1-888-950-CIGS

1-888-950-2447

TOLL FREE!

GIỮ KÍN ĐÁO

LUẬT PHÁP CẤM BÁN THUỐC LÁ CHO THIẾU NIÊN - CHỈ BÁN CHO TUỔI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN

1ST CLASS CIGARETTES $15.99 Buy 4 Get 1 FREE
All Styles Including Non-Filter
SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

555 STATE EXPRESS $22.99
SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

MARLBORO Selected Styles
WINSTON Selected Styles
CAMEL Selected Styles
$20.99
SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

ROTHMANS Regular & Lights
DAVIDOFF Lights & Classic
$23.99
SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

DUNHILL All Styles
$22.99
SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

CHÚNG TÔI CÒN NHIỀU LOẠI THUỐC LÁ KHÁC - XIN GỌI ĐỂ HỎI CHI TIẾT

GIAO HÀNG MIỄN PHÍ NẾU ĐẶT MUA 4 đến 5 CÂY

Nhận:
Personal Checks
Cashier Checks
Money Orders

DISCOVER · VISA · MasterCard · Diners Club International

OPERATORS ARE STANDING BY FROM 9AM TO 9PM EST • CLOSED ON HOLIDAYS

All Products are sold for personal consumption only. Not for resale. Advantage Duty Free reserves the right to limit quantity sold. Subject to Availability. Prices expire on 9/30/2001

FAX TOLL FREE AT 1-877-FAX 4 CIGS / 1-877-329-4244

Mail to: Advantage Duty Free • Nisky Mail PMB #P-91 • St.Thomas, USVI 00802

Name:_____

Street:_____ Apt. # _____

City:_____ State:_____ Zip Code:_____

Home Phone: ( ) _____ Date of Birth: ____/____/_____ (mm/dd/yyyy)

Drivers licence Number: _____ State Issued: _____

Credit Card No. ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ Exp. Date ___/___ ☐ VISA ☐

Signature:_____ ☐ ☐ ☐ ☐ Check/ Money Order

I hereby declare that I am over the age of 18, and hold Advantage Duty Free, free of any obligations. Advantage Duty Free LLC. reserves the right to revoke this offering at any time. Purchaser may be responsible for all applicable taxes.

WRITE ORDER HERE
(PLEASE PRINT)

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 68

Trúc Lâm Thiền Viện.com

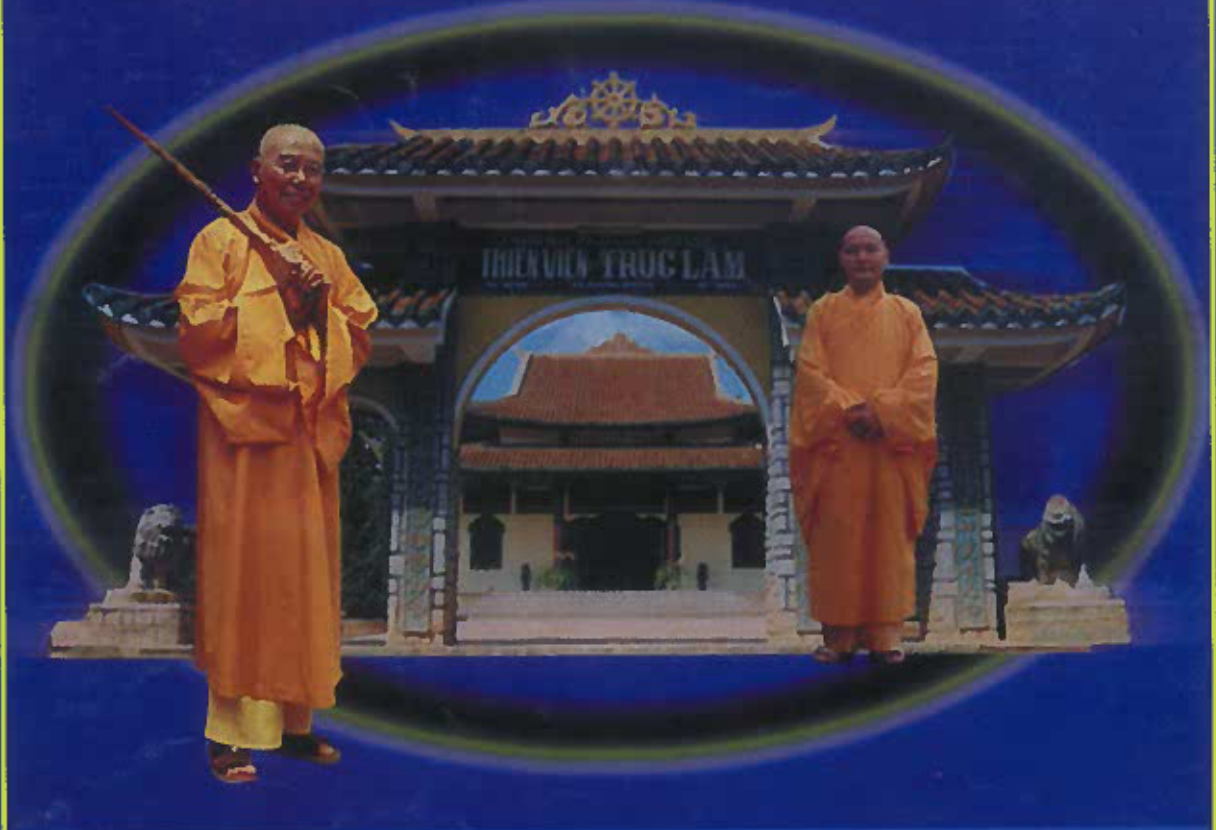

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo *Đối cảnh vô tâm*
Không kẹt hai bên *Hằng sống với lẽ thật*

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An: (714) 839-6704**

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim